

TÔ HOÀI

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Chuyện để quên



vh NXB Văn học

Table of Contents

[... Sùng sùng một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệu...](#)

[Những ngày đầu](#)

[Khiêng máy](#)

[Thảo](#)

[Tội làng](#)

[Khác trước](#)

[Người mất trí](#)

[Chuyện đầm sen đền Đồng Cổ](#)

[Bác Niệm](#)

[Hai đứa trẻ đợi đi](#)

[Một đêm gác rừng](#)

[Hết một buổi chiều](#)

[Chuyện cũ](#)

[Hoa bìm biền](#)

[Chuyện để quên](#)

[Tình buồn](#)

[Cối, cối ơ!](#)

[Nước mắt](#)

... Sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chất, tinh diệu...

(Thay lời giới thiệu)

Trong tập tùy bút *Thăm thăm bóng người* của Đỗ Chu, Nguyễn Tuân, Tô Hoài được tác giả giới thiệu bằng cảm hứng và lời văn trác tuyệt. Trong thăm thăm bóng *người* có bóng *ta*. Có thăm thăm bóng Nguyễn Tuân trong những kiệt tác ông để lại cho đời. Tô Hoài còn đẩy, “*đứng chống đòn gánh, dưới chân là hai quang sách nặng*”, bóng của hàng triệu độc giả hòa vào bóng Tô Hoài trong những tác phẩm bất hủ của ông. Trước “cốt kiêu” và uy bút lực của hai ông, Đỗ Chu - lần đầu tiên tôi thấy - ... đứng khấp nép.

Tôi đã có lần khấp nép trước một tác phẩm của Tô Hoài, đó là *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ* in trong tập truyện ngắn này. Sau *Giăng thề*, đây là kiệt tác thứ hai của Tô Hoài. (*Để mèn phiêu lưu* ký đương nhiên là một tác phẩm bất hủ, nhưng ý tôi nên xếp sang một chiều khác). Trong *Chuyện đầm sen Đền Đồng Cổ*, hơi thở hùng tráng của lịch sử vừa kín đáo, vừa mãnh liệt chạm vào tình cảm sâu lắng nhất của bất kỳ độc giả người Việt nào. Ta gặp lại đam mê của Tô Hoài quan sát những lễ tục dân gian và sự am hiểu tinh tường những tập quán ngành nghề, sinh hoạt mà tác giả miêu tả.

Cảnh đám rước kiệu “bà” quay tròn:

“*Kiệu bát cống quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả ngàn người xem hội cứ thế bùng bật mãi lên. Hai mươi bốn trai kiệu, nghe tiếng trống khải, một lượt quỳ như hai mươi bốn thốt voi rồi từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lỳ như tường đứng.*” (tr. 146)

Mùa vụ cây dó (làm bột giấy):

“*Cạn kỳ dó chính tuyết, vừa cuối thu. Lăn sang vụ dó Một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo dó mới lột, quệt sương hay mưa đều ố nước, mất công phơi nhiều nắng mới bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rừng này lại phải lặn lội sang rừng khác, đã vào vụ dó chiêm. Dó chiêm tiếp dó đuôi tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyết.*” (tr. 163)

Đúng là Tô Hoài. Chỉ có thể là Tô Hoài.

Nhưng cái mà tôi kính nể là đọc tác phẩm này tôi như đứng trước sừng sững một tòa ngôn ngữ chân chất và tinh diệu. “Trong ngọc” nhất trong tòa ngôn ngữ này là những câu văn thuộc loại “văn xuôi thơ” sáng giá của văn chương Việt Nam hiện đại. Đây là những câu văn tả tình cảnh một người con gái ngồi trên thuyền ngược sông đi lấy chồng giàu mạn ngược:

“*Những lời hò vui mà thảm thiết:*

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bến vui em đến...

Trên mũi bồng lóng lánh một trời sao. Con thuyền đêm nao cũng đi qua một trời sao ấy. Dù cho con người có cạn nước mắt rồi cũng muốn hy vọng, như người chèo thuyền mong đến bến...

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngồi một lúc thật lâu. Bốn bề lặng ngắt. Những ngôi sao long lanh nhỏ lả chĩa những giọt nước mắt xuống thế gian..." (tr. 162)

Một lần Hội nghị nhà văn trẻ, nghe giới thiệu nhà văn Tô Hoài lên phát biểu ý kiến, cả hội trường im phăng phắc. Trái với sự chờ đợi của mọi người, nhà văn lão thành lên diễn đàn chỉ để nói với các nhà văn trẻ một câu: "... *chừng nào chưa phân biệt được "mồm" và "miệng" thì đừng có cầm bút...*". Tôi thiết nghĩ các bạn trẻ háo hức viết văn nên tìm đọc *Chuyện đêm sen* *Đền Đồng Cổ*, đọc xong mà nhận ra được vốn ngôn từ của mình sao mà nó nghèo nàn, thậm hại, xô bồ đến thế thì dù có tiến hay thoái cũng là một sự thức nhận hết sức có ích.

Thăm thẳm bóng người trong tập truyện ngắn này:

Bóng cô Cúc, "một sinh viên người Huế đẹp tuyệt trần" được nhà văn Tô Hoài trao cho bản thảo cuốn tiểu thuyết *Đêm mưa* "một chiều đông rét mướt" năm 1946 và tòa nhà lưu niệm "tiêu điều, ảm đạm" của bà Diễm (cô Cúc năm xưa, nay đã trở thành nhà điêu khắc nổi tiếng Diễm Phùng Thị),... "*trong những tủ kính trang nhã, phủ bụi mấy bức khắc tự họa của nhà điêu khắc*". (Hồi ký *Tiểu thuyết đêm mưa*)

Một người đàn bà "cả đời chỉ đi bói chèo ước mong tái hợp" vì chồng đi "đất đỏ Sài Gòn" mãi không trở về. (*Cô đào Thương*)

Bà Tứ dở điên dở dại lúc hấp hối phải gặp được người tình năm xưa mới yên tâm nhắm mắt. (*Tình buồn*)

Có một loạt truyện giúp độc giả hình dung được đầy đủ hơn trí tưởng tượng kỳ thú và hóm hỉnh của tác giả *Dế mèn phiêu lưu ký*: *Đôi ri đá*, *Con gà trống ri*, *Truyện gã chuột bạch*, *Một cuộc bể dâu*, *Mụ ngan...*

Trong những truyện về các dân tộc miền núi mà tiêu biểu là truyện *Vợ chồng A Phủ*, còn gì giản dị và sâu sắc hơn tinh thần cứu đất cứu người nảy sinh trong tâm khảm và gắn với cuộc đời của các nhân vật.

"... *Nhấn nhớ lại cả cái đời thảm của mẹ và của mình. Nhấn muốn khóc.*

Giữa khi ấy thì tiếng chim kỳ lạnh lạnh như tiếng kèn giục phượng săn. Nhấn không khóc được. Nhưng từ đấy, trong đời chiến đấu của người bộ đội, mỗi khi nghe trên cánh rừng, đầu rừng nào có tiếng chim kỳ kêu, Nhấn tưởng hồn mẹ và hồn em đi đâu cũng đuổi theo Nhấn." (*Cứu đất cứu người*)

Tập *Chuyện để quên* có những truyện rất "quý", làm sống lại không khí hồ hởi hồn nhiên của những năm đầu kháng chiến, những đoàn dân công, bộ đội, cán bộ đi công tác...

Truyện - ký *Khiêng máy* là một tác phẩm xuất sắc. Tiêu biểu là cảnh đám công nhân nhà in báo "*Cứu quốc Việt Bắc*" khiêng máy nghỉ lại ở lán.

"...*Cứ tối đến, các lán sàn trên, sàn dưới, hai tầng ghép lại bằng ống vầu tươi, người nằm người ngồi ngổn ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giấy, tải gạo, tải muối... Tưởng như mỗi khi*

ngả lưng xuống thì thiếp đi đến chết. Tiếng moóc-chi-ê inh oàng vào sương đêm, không biết từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chớp mắt. Từ chập tối đến khuya, người nằm cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hả hê. Họ đổ nhau ăn uống cái gì ngon nhất, rồi lấy quần áo ra đổi chác. Quanh quần chỉ vài cái cứ đổi đi đổi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ồn ào như đương chè chén ở hiệu cao lâu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bót xén như ở nhà cầm đồ Vạn Bảo. Lúc lại bắt chước vợ chồng ỏn ẻn, nũng nịu. Rồi hát tuồng, gẩy đàn mồm, mãi khuya mới ngớt “cuộc vui”...” (Khiêng máy)

Có những truyện nói về cuộc sống cơ cực của người dân trong vùng bị chiếm đóng.

“Hòn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cóng rết, bị nếp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cắn răng, lụi. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đồng này biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa, cấy hái quanh năm như thế, cho đến lúc phía tỉnh gầm gừ tiếng xe, trời tảng sáng, các đồn bắt dọc đường sắp xua nhà phạt và lính tráng vác gậy đi dò mìn, thì những người làm đồng kiệt sức mới lục đục về làng.” (Người mất trí)

Trong một thời gian khá dài (hơn bốn năm), tôi tham gia làm đề tài nghiên cứu khoa học do anh Tô Hoài chủ trì. Thời gian đầu, một tháng họp một lần. Công việc tiến triển hơi chậm, anh Tô Hoài quyết định một tuần họp một lần. Tôi nghĩ bụng đến tuần thứ ba không biết còn chuyện gì để mà bàn, có khi phải hai, ba chiều bìa mới hết buổi. Nhưng không phải như vậy. Tô Hoài là một kho chuyện vô tận, có khi một nghìn lẻ một buổi họp vẫn chưa hết chuyện, không riêng gì chuyện văn hóa, văn nghệ, hình như chuyện gì anh cũng biết, chuyện nào anh cũng nhớ vài ba chi tiết đặc sắc, rất quan trọng. Không riêng gì những thời kỳ gần đây, mà những chuyện thời Tự lực văn đoàn và Thơ mới, thời Đề cương văn hóa và Văn hóa cứu quốc, những năm đầu kháng chiến... anh Tô Hoài vẫn nhớ và nhớ tường tận. Những chuyện anh hồi tưởng và kể lại bao giờ cũng hấp dẫn. Anh rất quan tâm đến sự chính xác: tên người, địa danh, niên đại, những sự kiện lịch sử và những chi tiết của đời sống thực tại. Tô Hoài hay nhận xét về những chỗ sai, không chính xác trong các bài báo, bài văn và công trình nghiên cứu anh đọc nhưng tôi chưa thấy ai nêu những điều không chính xác trong những trang viết của anh. Duy có một lần Nguyễn Nguyên, một ký giả lão thành ở Sài Gòn nói với tôi: “Trong bút ký, hồi ký của Tô Hoài có những chi tiết thần tình, phải là một người sành ăn thì miếng thịt chó ngon mới gọi là “đậm và phải chăng cái miếng thịt”. Chỉ tiếc là trong một bài viết về “xóc đĩa” đăng trên *Kiến thức ngày nay* hồi năm trước có những chi tiết sai, tôi có cảm tưởng là Tô Hoài chưa từng bước chân vào sòng xóc đĩa.”

Nghe anh Tô Hoài hồi ức về “những năm tháng, con người và cuộc đời”, tôi hình dung một lịch sử văn hóa, văn nghệ khác, không giống như những điều được trình bày trong những bộ sử đã công bố, nó phong phú hơn, sống động hơn, chứa chất kịch tính, xem ra thảm hơn, mà cũng lớn lao hơn. Cuối cùng thì tôi thông, họp tuần một lần không phải là nhiều vì đề tài nghiên cứu của chúng tôi có liên quan mật thiết đến lịch sử văn hóa. Những chuyện anh Tô Hoài hồi tưởng và kể lại thiên về giải ảo hơn là ảo hóa những người thật, việc thật. Cách nhìn giải ảo thường là một nhân tố tiến bộ trong văn hóa, nhất là khi người giải ảo có ý thức đặt sự thật cao hơn những ước lệ và cấm kỵ. Tô Hoài quá hiểu lịch sử và lịch sử xem ra cũng nể ngòai bút hồi ký của ông. Tô Hoài không chỉ là một nhà tiểu thuyết phong tục có hạng, tác giả *Cát bụi chân ai* còn là

một tác gia hồi ký bậc thầy, và chẳng những truyện hay của Tô Hoài thường là mang tính chất hồi ký: *Giăng thề* (1943), *Mười năm* (1957), *Tự truyện* (1978), *Ba người khác* ... Anh Tô Hoài không thích nói chuyện sách vở nhưng khi nói chuyện đụng đến những công trình nghiên cứu thì thấy anh có đọc và đọc khá nhiều. Tôi vẫn cho rằng khổ công đọc sách là một biểu hiện đáng tin cậy của sự khiêm tốn, có thể giả vờ khiêm tốn trong ứng xử nhưng đọc sách thì không giả vờ được. Trong một chuyến thày trò trường viết văn Nguyễn Du hành hương về Tiên Điền, Nghi Xuân thăm quê hương đại thi hào có nhà văn Tô Hoài, chủ tịch đầu tiên và cuối cùng Hội đồng giáo dục Trường Nguyễn Du cùng đi. Trong buổi lễ viếng mộ, mọi người nín lặng khi nhà văn Tô Hoài bước ra đứng trước mộ. Ông thắp nhang, rưới rượu lên mồ rồi ông rót rượu vào cái chén ông cầm trên tay và uống cạn chén rượu trước mộ Nguyễn Du và trước mặt mọi người. Tôi nghe tiếng mấy sinh viên viết văn thì thảo: “Tô Hoài tranh thủ uống rượu”, “Tô Hoài cũng ngang đấy chứ” ... Tôi nghĩ đến hai câu thơ chữ Hán trong bài thơ *Đối tửu* của Nguyễn Du:

Sinh tiền bất tận tam bôi tửu

Tử hậu thủy kiều mộ thượng bôi.

Diễn nghĩa:

Lúc sống không uống cạn hồ rượu

Chết rồi ai rưới rượu trên mồ cho?

Làm đề tài nghiên cứu khoa học, về bất kỳ vấn đề nào anh Tô Hoài cũng có chủ kiến riêng. Về vấn đề tranh luận: làm thơ bằng ý hay bằng chữ? Ý kiến của Tô Hoài: làm thơ bằng chữ nhưng vấn đề là người làm thơ *sống những chữ* của mình như thế nào? Tôi thấy nói như vậy cũng là rõ và đủ. Đề tài của chúng tôi được phân thành nhiều vấn đề. Giải quyết mỗi vấn đề, trong nhóm đề tài (có Ngọc Trai, Vương Trí Nhàn và tôi) mỗi người viết bài, sau đó anh Tô Hoài tổng kết. Tôi nghiệm thấy trong bài tổng kết, anh Tô Hoài hầu như chỉ trình bày những chủ kiến riêng của anh. Mặt khác, anh Tô Hoài không bao giờ có ý định đưa ra những ý kiến hướng dẫn, dù là dưới hình thức góp ý, gợi ý nhẹ nhàng. Riêng tôi thấy cách làm việc như vậy hết sức dễ chịu. Có một buổi sinh hoạt nhóm tôi trình bày những ý kiến của tôi về văn hóa làng. Sang buổi sau anh Tô Hoài đưa tôi cuốn sách của Nguyễn Hồng Phong về Công xã nông thôn và hỏi: “Hiển đã đọc cuốn này chưa?”. Quả nhiên tôi chưa đọc cuốn này và đây là một tài liệu quý đối với đề tài của tôi, không có nó nội dung bài viết của tôi sẽ kém phần “chắc thiết” nhiều. Trên đời có một loại ân nhân rất đáng quý nhưng lại ít được chú ý, đó là những người biết ta đương cần đọc cuốn sách gì và đưa cho ta một cách hồn nhiên đúng cuốn sách ấy. Trong các bạn đồng nghiệp ở trong nước, loại ân nhân này rất hiếm. Trong những bạn đồng nghiệp Pháp, Mỹ và Việt kiều dễ gặp hơn những người sẵn sàng chia sẻ sách và tư liệu với mình. Không có những cuốn sách mà Dan Duffy, Neil Jameison, François Jullien, Nguyễn Bá Chung (Mỹ), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp)... cho tôi, những công trình biên khảo của tôi sẽ khó khăn hơn rất nhiều.

Những ý kiến riêng của anh Tô Hoài đôi khi rất bất ngờ. Trong một cuộc hội thảo, có một diễn giả nói rất mạnh về sự thiếu khiêm tốn trong giới trí thức. Đây là một định kiến phổ biến và tôi cũng nghĩ như vậy. Giờ nghỉ, anh Tô Hoài nói với tôi: “Lạ thật, cứ nói đến trí thức là nhấn mạnh vào bệnh không khiêm tốn, tất cả những người trí thức tôi biết đều hết sức khiêm tốn, không khiêm tốn làm sao có trí thức được?” Tôi thấy anh Tô Hoài có lý. Thiện cảm và ác cảm ở

anh Tô Hoài cũng rất riêng. Có một người bạn văn anh Tô Hoài quen đã hơn bốn chục năm nhưng chưa lần nào anh đến chơi nhà, anh giải thích: “Giả dụ hôm nay tôi mời ông ấy ăn phở, y như rằng ngày hôm sau ông ta mời bằng được trả lại ngay, những người như vậy tôi thấy rất khó giao thiệp”.

Hoàng Ngọc Hiến

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Những ngày đầu

Mấy hôm nay, Tây đánh loang ra các làng và phố ngoại ô.

Vệ quốc đoàn và tự vệ chỗ nào cũng đương rồi títt mù, lúc tiến lên lúc chạy xuống, trong từng ngõ, từng cánh đồng.

Trên ụ đất cao lẩn giữa lũy tre cuối cánh đồng, đội trưởng Trường đứng cầm ống nhòm nhìn ra. Trước mắt, đạn moóc-chi-ê bay vòn vọt tới, đỏ hỏn, nổ oàng giữa sương mù. Ở dưới ruộng, từ đằng xa chạy lại một bé liên lạc, vừa chạy vừa kêu to, văng cả vào trong xóm.

- Vỡ mặt trận rồi! Vỡ mặt trận rồi!

Chú ấy là liên lạc Vệ quốc đoàn hay của tự vệ, hay có khi là Việt gian đi phao tin, không biết chừng. Đội trưởng Trường quát to, bắt thằng bé đứng lại. Nhưng nó đã chạy thẳng vào trong xóm, mặc kệ cả đội trưởng đương giờ tay nhắm nhắm dứ quả lựu đạn. Tiếng kêu “vỡ mặt trận” vẫn hốt hoảng lạnh lạnh réo lên.

Ban tiếp tế đương thổi cơm, bỏ cả nồi, cả mấy chục cái bắp cải và một cái nồi ba mươi mốt giọt.

Thế rồi, không biết từ lúc nào, ngoài đường đã lại cồng kền từng gánh, từng khiêng sổ sách, xanh nồi, lựu đạn, mã tấu và một cái tượng Cụ Hồ bằng đất trắng... Người và đồ đạc ban chỉ huy đội tự vệ lại chạy một lần nữa, lại chạy nữa. Lần này thì tràn được vào trong làng rồi.

Từ hôm Pháp đánh ra ngoài đầu ô, đội tự vệ ăn ở lưu động, lúc nào cũng thiếu ngủ, mệt mỏi, lử lả, không biết thế nào là ngày là đêm.

Cả vùng trống không không còn gì. Người các làng đã gồng gánh sang bên kia sông rồi. Bởi vậy, đội tự vệ ở lại xác xơ chẳng còn đến cả một nắm muối. Vậy mà đi đâu nặng mấy, cũng vẫn chịu khó khiêng lác lư cái nồi ba mươi, từng khiêng sổ sách...

Trên những thửa ruộng cải bắp, cải bẹ, cải thìa bỏ hoang, các chị cứu thương và tiếp tế đi mót từng lá về luộc ăn vĩa. Có những anh lấm vùi từ đầu tới chân, xách về một rổ tép xúc ở chuôm với một xâu chuột đồng vừa hun được.

Tất cả, lỗ nhố, lếch thếch đuổi theo đám tự vệ quấy đồ đạc đi trước.

Đội trưởng Trường quát to:

- Phải... tư cách tự vệ mới được...

Nhưng chẳng ai nghe, họ vẫn chạy. Đội trưởng quát thì quát, chứ đã đói dài, chẳng thể cấm nổi người đi mò, người đi mót.

Đội trưởng Trường và mấy người nữa chạy sau cùng. Vừa ra khỏi cánh đồng, đã trông thấy đằng đầu làng bốc khói đen. Tây đương đốt nhà đằng ấy. Trong chốc lát, khói đã mù mịt cả làng. Tiếng nổ súng tắc bọp... tắc bọp... lác đác kỳ quái, nổi trên ngọn tre. Nhiều người đi trên đường cái, kêu: “Việt gian! Việt gian!” Người ta hốt hoảng đấy là tiếng súng “tắc bọp” của Việt gian bắn báo hiệu. Ở đâu cũng thấy: đầu bụi tre cũng có tiếng tắc bọp.

Nhiều người đương đi, bỗng thở không ra hơi, ngồi rũ xuống khóc. Trường đứng lại, cầm cái ống nhòm giơ lên, quay nhìn lại. Cánh đồng đương tan sương. Khói đốt làng nhòe nhòe vàng chóc trong hai mắt kính ống nhòm. Có lẽ cái ống nhòm để cho người ta tin tưởng võ khí hơn là tác dụng thật có của nó. Nhiều người cũng đứng lại quanh Trường. Tiếng khóc thút thít. Những tròng mắt đỏ hoe. Trên bãi cỏ, lao xao tiếng cãi nhau:

- Mất mẹ nó làng rồi!

- Đánh chác làm sao bây giờ?

Đội trưởng Trường buông ống nhòm xuống ngang thắt lưng, gắt:

- Mất làng mà phải khóc à? Ở Nam Bộ người ta cũng đương khóc cả đấy à? Không biết xấu hổ! Được, chúng ta sẽ tiến về tận làng, sẽ cho nó biết tay.

Rồi Trường lại nâng ống nhòm, diềm nhiên quay phải, quay trái. Mấy người cuối cùng còn sót lại trong làng đương chạy ra.

Thế là họ bỏ lại sau lưng cái làng rỗng không, không còn ai và cũng không ai về làng được nữa. Tuy nói cứng vậy, nhưng Trường cũng cảm thấy mũi lòng như vừa chạm phải một điều gì tủi cực, uất ức. Đội tự vệ còn mười quả lựu đạn, mấy thanh kiếm, một cái ống nhòm. Làm thế nào bây giờ?

Nhưng Trường vẫn cứ lăm bắm nói:

- Được, chúng mày sẽ biết...

Câu nói dường như cũng làm cho mọi người vững tinh thần hơn. Họ kéo vào đóng ở làng bên cạnh, xa xa Tây đã mon men ở bên kia cánh đồng.

*

* *

Thình lình, ngay sớm hôm sau, quân địch lại tấn công.

Người các làng trên chạy xô xuống càng nhiều. Tiếng đạn nổ chi chít, lác cắc như ngô rang, chốc chốc lại điểm thòm một phát moóc-chi-ê, như trống châu, trống thúc.

Đại đội trưởng Vệ quốc đoàn đi tuần suốt đêm vừa về, đương ngủ thu lu trong ổ rơm, lại choàng dậy. Đội trưởng tự vệ Trường lòe xòe cái áo ba-đờ-xuy ngoài bằng dạ lót khổ tải, tất tả, hót hải chạy theo. Từ hôm mặt trận lan tới, khi nào cũng thấy hai người đi với nhau. Mỗi lúc, moóc-chi-ê câu xuống gần quanh thì cả hai lại bò rạp rồi lại nhóm lên chạy, lại nằm rạp, lại chúi xuống lạch nước. Mỗi lần nằm tránh đạn như thế, đại đội trưởng Vệ quốc đoàn người Tày vẫn như không chịu khuất phục, còn ghéch đầu lên, chửi thật to:

- Chở mừ! Đồ chở mừ! Mẹ nó! Mẹ nó!

Hai người chạy bộ lên phía mặt trận. Có đến ba, bốn cây số! Chốc chốc, gặp một ai còn lại trong làng bấy giờ mới chịu nhào ra, thì cả hai người lại hấp tấp tranh nhau hỏi - dường như không nhớ rằng họ đương là những người chỉ huy quân sự.

- Trên ấy thế nào? Trên ấy thế nào, hả các ông các bà, các đồng chí?

- Vệ quốc đoàn bị thương nhiều lắm, các anh ơi!

Nghe thế, đại đội trưởng quay sang bảo đội trưởng tự vệ:

- Về gọi cứu thương mau lên.

Bấy giờ Trường mới ngó ra, sực nhớ mình từ nãy đã chạy quàng theo đại đội trưởng, quên cả đội tự vệ, cả công việc đã được phân công. Trường quay trở lại.

Nhưng ở trạm cứu thương không còn ai. Cả tự vệ nữa, đi đâu hết. Có lẽ họ ùa hết cả lên phía có tiếng súng rồi. Có lẽ họ đã chạy lên mặt trận trước cả ta. Thì Vệ quốc đoàn cũng như tự vệ, chỉ đợi đi đánh nhau, chân tay không, cũng cứ ra. Trường sực vào ban tiếp tế. Ở đây, may quá, còn cô Mỹ và cô Phấn đứng đợi gánh cơm. Trường hỏi. Quả nhiên, họ bảo:

- Lên tuốt trên ấy rồi. Sốt ruột quá!

Họ lên cả mặt trận mà đội trưởng cũng không biết. Trường càng cuống quýt:

- Các chị lên ngay xem thế nào. Có ai bị thương thì đỡ dần anh em về với.

Rồi Trường lại tắt tả, lòe xòe cái áo dạ khoác, chạy bay lên phía đường râm ran tiếng nổ.

Trên đường đằng ấy về, tự vệ và cứu thương các làng, và cả người làng nữa, chốc lại một bọn, xúm xít khiêng người bị thương, người chết về.

Những tự vệ và cứu thương ở mặt trận từ tờ mờ sáng, vừa đói, vừa rét, mặt xanh xám nhợt nhạt. Hơi thuốc súng còn quẩn theo họ xuống tận đây. Người và quần áo, và cả như hơi thở, bốc mùi khét lèn lẹt.

Tây đã tới được bên kia bờ nước, chỗ đầu Cổng Rong.

Đánh nhau đến giữa trưa thì Vệ quốc đoàn rút về. Có lẽ bọn địch cũng hết hơi, không tiến được nữa, đã dừng lại bên ấy. Tự vệ các làng chia nhau bám suốt bờ bên này, gác lên tận miếu Giời Oí, ngay bên đầm, trông thẳng sang chỗ địch đóng. Bởi vậy, hễ từ làng ra, vượt bãi tha ma sang miếu, địch ở bên kia đã trông thấy. Từ đền Voi Phục, phải bò, nấp, toài qua từng mô đất, từng nắm mộ, mới đến trạm gác được. Thế mà lúc nãy có một anh vô ý, bò xuống, đã bị một phát đạn vèo sang cắt ngọt mất một miếng mông.

Ra đến đầu tha ma, Phấn và Mỹ bỏ quang gánh lại. Mỗi người ôm một rổ cơm, thả xuống bãi cỏ, đẩy đi trước mặt, rồi toài theo. Bỗng nhiên, như từ một chỗ nào không biết, một băng liên thanh xúu xúu réo vuốt trên ngọn cỏ cao. Cái rổ đứng im. Hai người cũng nằm im dưới chân cỏ. Một lát, im lặng trở lại, bàn tay người lại giơ ra đụng đây cỏ đẩy cái rổ đi. Từng tràng liên thanh lại thun thút réo qua. Lại đứng im, rồi lại bò. Cứ thế, mãi đến khi trông thấy chân tường miếu Giời Oí đen sì lấp sau mô đất cao, đoán đã có thể đội rổ đứng lên được, thì cũng lúc ấy trời nhọ mặt người.

Có tiếng khàn khàn trong bụi rậm:

- À cơm ra, cơm ra...

Mỹ và Phấn đã đứng lên, bê từng rổ cơm vào. Có một tiểu đội, cả thầy chín, mười người trong miếu, xô đến, xúm quanh hai cái rổ đặt giữa nền nhà. Phấn sắp xếp, rồi vào chỗ đội trưởng

Trường cũng đương ngồi nhồm nhoàm giữa các người quanh rổ cơm. Mấy hôm nay mới lại được hạt cơm vào bụng. Ăn cải bắp luộc, chén thịt chó bẹc giê không muối muối, đã phát khiếp! Bây giờ, người nào cũng mãi ăn, quên, không ai để ý đến hai chị tiếp tế. Đến đổi cả người trạm gác cũng bỏ vào vác một nắm cơm ra đứng nhai trong bụi cây. Phấn bảo Trường:

- Anh cho chúng tôi khẩu lệnh để về.

Đội trưởng Trường lúc ấy mới nhìn ra cái sân miếu mờ mờ, nhưng cũng không biết đấy là trời sáng trăng hay còn nhá nhem tối, Trường cứ nói:

- Mai về sớm. Bây giờ khó đi lắm.

- Chúng tôi đi được!

- Vệ quốc đoàn gác dọc đường, không có khẩu lệnh nào đi suốt nổi ba cây số được.

Tiếng khàn khàn chỗ từ ngoài tường hoa vào nói đùa.

- Ở đây cho vui, các cô ạ. Tối ngày phiên mà nhà vẫn dẹt củi, không nghỉ à?

- Cái anh này lúc nào cũng đùa được thôi!

Đội trưởng Trường ngó ra, gần giọng, nửa mắng, nửa ra lệnh:

- Ông ổng như chó cắn ấy à! Nó trước mặt kia kìa. Lại sắp ăn thuốc lao hả? Cấm đấy! Này, tớ nhắc lại: hể khẩu lệnh hai tiếng hỏi mà không trả lời thì bắn lập tức.

Hai chị tiếp tế không đòi về nữa.

Cái miếu trở lại im lặng. Và thế là bắt đầu một đêm gác ngoài mặt trận. Những người thợ dệt, thợ tơ trong các làng canh củi, hôm qua còn không biết thế nào là súng ống, bây giờ bỗng nhiên nghiêm trang cầm giữ cả mặt trận đánh nhau với Tây.

Mùi đất ải trong tường mốc xông lên nặng nề, hâm hấp. Nghe cả tiếng con dế tanh tách đập càn. Thỉnh thoảng, xa xa, ầm một tiếng nổ, rồi im. Vừa lúc này, bắc cái ống nhòm của đội trưởng ngó sang còn nhìn rõ bờ bên kia bờ nước có thẳng Tây quần áo vàng lốp ngồi gác trong bờ tường nhà dầu Tam Đa, bây giờ đã mù mịt sương, không thấy gì nữa. Thế là trên bãi tha ma và trong cái miếu hoang im lặng này lại như không có vẻ là đương gay go. Lại tựa tựa những đêm cuối năm ngày trước, trai gái trong làng đi chợ Tết, thường hẹn gặp nhau cùng đi, đợi ở cửa miếu "Giời Oí, Ông Bảo". Trong bóng tối rét ngọt, chốc chốc lại rì rào khúc khích vài đốm lửa thuốc lao.

Đội trưởng Trường ngồi bên tường, thanh kiếm dài chống trước mặt. Mấy đêm nay Trường mất ngủ, mắt ráo trong. Hai bên hành lang, người nằm thành những hình thù co quắp dựa tường, dựa chân cột. Nhiều người đã lăn ra ngủ từ lúc buông tay hết nắm cơm. Có chỗ vừa nghe lầm rầm chuyện đã khò khò ngáy rồi. Trường cũng mỏi lắm. Nhưng có lúc Trường vẫn thấy khỏe. Cứ thế, mãi mê. Nhất là lúc này ngồi tựa tường, trông sang bóng các khuôn mặt trắng trắng, mờ mờ, thế mà Trường nhận thấy ngay ra Phấn. Trường bồn chồn. Mấy hôm nay, Trường cũng như các anh em đây, cuộc đời họ cuốn vào những điều xưa kia không bao giờ biết. Cũng không ai có thể hiểu tại sao. Khung củi, guồng tơ, chuyện làng chuyện xóm hôm qua, vút đi hết. Bây giờ, nhận ra Phấn và nhớ lại, Trường muốn trò chuyện. Trường mới nhớ lại cái

làng ta bình thường mọi khi. Có khung cửi, có hội tháng Ba và cứ năm ngày một phiên chợ lúa... Nhưng Trường cũng không biết nên nói chuyện gì, đầu óc miên man, phảng phất. Rồi Trường bần khoản, loay hoay tự hỏi một câu không thể cắt nghĩa (và cũng để tìm chuyện tự vạ mình): Sao Phấn không ra đây một mình?

Bên kia bệ đất, nghe tiếng Mỳ nói nho nhỏ: “Lạnh lưng quá”. Mỳ vẫn thức. Mỳ vốn ngăm ngăm đen, mặt lẩn bóng tối. Trường không nhìn thấy Mỳ tinh tường như thấy Phấn được. Tiếng Mỳ lại nói:

- Có trông thấy gì không, Phấn?

Phấn co ro đứng ra, ghé lên mặt tường hoa.

- Nó bò đến tận nơi cũng chẳng biết. Sương hồ Tây nhiều quá.

Trường nói khẽ:

- Cô Phấn, vào đi...

Phấn lại ngồi vào bóng tối lúc này.

- Anh Trường thức à? Rét không thể ngủ được.

- Nó hay bắn sang chỗ tường hoa lắm đấy.

Nói xong, Trường thấy hình như không phải mình muốn nói câu ấy. Cũng như Trường muốn bảo: “Đừng ai nói, cái tiếng ban đêm nó vang xa lắm”, Trường không nói như thế. Trường muốn nói một chuyện gì, một câu gì mà chưa tìm ra. Nhưng, xung quanh lặng im quá, Trường thấy ngại. Vả lại, cả Mỳ vẫn thức ngồi đấy. Thế là Trường lại chỉ ngồi và lặng lẽ nhìn sang hình khuôn mặt trắng trắng tựa cột bên kia - chỉ ngồi cách nhau, có thể thò chân ra thì đụng được. Sương lùa vào chòm mũi lạnh ngắt. Trong lòng thoáng buồn buồn. Từ hôm mặt trận lan tới, nay mới thấy mình nhớ như thế.

Trường với Phấn, nhà mỗi người một xóm. Thật ra, không ai bận đến nhau, cũng không hề có điều tiếng với nhau. Nhưng, cùng một lứa tuổi. Bao giờ cũng vậy, trai gái trong làng và cùng một lứa tuổi, thì mọi câu chuyện, họ thường tự nhiên nói đến nhau. Trai mới lớn lên đều thuộc những loạt con gái bằng chà bằng lứa. Trường và Phấn không hề bận gì với nhau, thật đấy, nhưng họ tưởng họ đã biết nhau và hằng bận nghĩ tới nhau. Trường bỗng nhớ ra một câu chuyện đã quên hẳn. Nhưng khi này nhớ thì lại tưởng là một chuyện thắm thía vẫn nhớ. Tết năm ngoái, bọn Trường đi chơi sang làng trên, gặp Phấn và mấy cô xóm dưới đi chùa. Hai cánh gặp nhau, năm mới nói đùa cợt ra sao, Trường không nhớ. Trường chỉ nhớ mỗi lần quay lại, thì hai bên lại cười. Bọn Trường hẹn nhau, nếu gặp “chúng nó” ở đâu lại trêu nữa. Nhưng rồi Tết ấy cũng không gặp lại ở đâu cả. Vả chăng, trong ngày Tết đầm ấm còn gặp biết bao toán con gái khác, thế là rồi cũng nhãng đi. Thế mà, sao lúc này, Trường bỗng nhớ lại mồn một. Cái anh chàng thợ cửi mà các bạn thường chế giễu và ghen tị rằng anh ta có “số đào hoa” ấy đương tơ tưởng lại lúc sáng, khi anh ta đến chỗ ban tiếp tế gặp Phấn. Và sự tơ tưởng đã bắt đầu từ chỗ ấy, làm cho lòng Trường cứ dào dạt vui lại man mác buồn. Trường cắt tiếng khẽ hỏi Phấn:

- Cô Phấn có nhớ Tết Độc lập năm ngoái không?

Phần và Mỳ rúc rích cười. Nhưng Phần trả lời ra một câu khác:

- Tết năm nay vui như năm ngoái chứ!
- Nhất định rồi. Tết kháng chiến phải vui hơn Tết năm ngoái.
- Liệu có diễn kịch được không?
- Có chứ.
- Nữ giả hay nữ thật, ai đóng đấy?

Hai cô lại cười. (Tết năm ngoái, thanh niên làng chơi kịch, những vai nữ đều là con trai đóng).

Cả mấy người nằm ngả nghiêng quanh đấy bỗng cũng cục cục cười. Thì ra, họ tỉnh ngủ, không biết từ lúc nào. Có lẽ từ lúc hai cô này cười nói. Tiếng nói cười của hai người con gái giữa miếu vắng, giữa đám thanh niên đang nằm trước mũi súng, cũng như khói thuốc缭绕 bay vào mũi người nhìn quá bữa, sao mà cái khói nó làm tỉnh người thế. Từ lúc ấy, những tiếng cười cứ bật lại tắt, bật lại tắt theo câu chuyện, theo câu dậm dọ của đội trưởng.

- Năm nay các anh cắt cho tôi một vai kịch.
- Hoan hô!
- Có nữ thật rồi!

Một tràng liên thanh lia dài qua bãi tha ma. Câu chuyện bật im. Người nằm quanh chồm cả dậy, ngơ ngác một lát, rồi lại nằm xuống. Trường lặng lẽ, chống kiếm, đứng quỳ một gối, quay mặt ra cửa, quan sát. Phần bò men tới, hỏi khẽ:

- Nó tấn công hả?
- Chưa biết.

Đất lạnh như đá thấu vào gan bàn chân lên đến đầu gối, tưởng buốt tê cả người đến nơi.

Tiếng moóc-chi-ê nhịp đôi oàng xuống, ngay sau tường. Những gã mê ngủ nhất cũng choàng dậy. Có người hoảng hốt chạy ra ngoài bụi dứa. Trường bắc hai tay lên làm loa, quát khẽ:

- Lui vào, lui cả vào đầu tường. Đề phòng địch tấn công...

Nhưng, một lúc rất lâu, không thấy động dạng gì. Chỉ có tiếng moóc-chi-ê oàng oàng cầm canh. Không còn ai ngủ được. Nhưng cũng không đề phòng nữa. Cả bọn cứ thức và lại chuyện gẫu. Câu chuyện moóc-chi-ê lại xoay quanh bàn bạc năm nay Tết thế nào, ở đâu.

Rồi có một lúc Phần nhìn ra ngoài trời sương, ngạc nhiên, nửa nói, nửa hỏi:

- Sáng rồi à?

Nhiều người nhìn ra:

- Sáng rồi.

Trường nói:

- Chóng hết đêm quá, cô Phần nhỉ!

Đội tự vệ làng dưới đã bò ra đối gác. Trường và các bạn trở về. Họ tuổi qua bãi tha ma sương mù im lặng, rét tái người, quần áo ướt sũng.

Đã về qua đầu làng. Tiếng moóc-chi-ê chỉ còn vọng đằng sau lưng. Bấy giờ Trường quay lại, nói với cả bọn đi sau:

- Tết năm ngoái chúng mình gặp bọn cô Phấn đi chùa qua chỗ này.

Thật thì không phải ở chỗ ấy. Trường nói hươu chơi thể thôi. Và chẳng biết Phấn có nhớ không, Phấn cười:

- À, ở chỗ này à?

Rồi Phấn hỏi:

- Vở kịch Tết năm nay, có khó đóng thật không, anh Trường?

- Nhất định cô Phấn làm một vai.

Cả bọn cùng cười to. Trường trông thấy cái đuôi mắt Phấn liếc mình.

Họ lại râm ran chuyện Tết và diễn kịch. Không gặp người, nhưng nếu gặp, chắc không ai tưởng những người đương vui chuyện ấy vừa thức trắng đêm.

Và những đêm sau nữa cũng thế.

*

* *

Mặt trận vẫn đứng lại bên kia bờ hồ Tây chỗ Cổng Rong.

Đội tự vệ gác ở miếu Giời Ơi nhìn sang hôm nào cũng thấy một lính Tây gác mặc áo vàng lấp, ngồi nguyên một chỗ bờ tường nhà dầu Tam Đa.

Vệ quốc đoàn rút đi nơi khác rồi. Chỉ còn lại đội tự vệ các làng. Nhưng làng nào cũng chạy loạn hết, không còn ai tiếp tế, tự vệ phải đi kiếm ăn lấy để có sức gác. Bữa đói bữa no thất thường. Tuy nhiên, lúc nào tự lại chỉ toàn gẫu chuyện Tết sắp đến.

Thế rồi Ba mươi Tết đã đến.

Hôm ấy, lạ lùng chưa, nhìn sang bờ nước không thấy thẳng nào gác bên kia. Cái ống nhòm của đội trưởng Trường được mọi người thay nhau nhòm sang nhiều lần cũng không thấy nó. Hay là chúng nó rút lên đóng trên đường Thành rồi? Thế là đội tự vệ quyết định về làng, ngay trong đêm nay. Việc làm quả quyết được đội trưởng Trường đồng ý. “Phải về ăn Giao thừa ở làng mới được. Có bao giờ Tết lại bỏ làng đi! Các cụ dưới âm về không thấy con cháu thì các cụ chửi chết”. Thế là ai nấy đều hào hứng.

Đêm Ba mươi, cách ba bước không trông thấy gì. Tối quá. Nhưng rất nhanh, những bàn chân đã quen thuộc từng gờ đất sống trâu trên đường qua cánh đồng, mà bao giờ cũng vậy, mỗi khi mùa mưa tới lại trơn như đổ mỡ. Họ vừa đi vừa nhận ra hình thù những gò đồng ngổn ngang bên đường, ai nấy đều đã thuộc; cả cái lỗ tổ chuột đàn, từng ngách thượng, một hang chuột tí ừ, mỗi năm, tới mùa đông, vẫn đi hun, bắt chuột về đánh chén. Và, chao ôi, đến đây kia rồi nhớ

lầm sao. Cũng hai bên đường đồng này, những đêm đầm ấm trăng suông chèo đám tháng Hai, trai gái phải lòng nhau vẫn đưa nhau ra ngồi đấy. Rồi họ đương đi qua bãi tha ma, những mồ mả ông bà cha mẹ, tuy không trông thấy, mà có thể chỉ tay được những phần mộ ở đâu.

Đến đầu làng. Họ chia nhau về các xóm.

Trường men bờ giếng, vượt rào tre vào. Trường đi thông dong, như những hôm dẹt củi khuya, ra ao đình tắm. Như những đêm đầu hè, bọn con trai đi xem chèo về khuya gây cho chó cắn inh lên. Nghĩ quen quen thế, Trường thấy tự nhiên. Nhưng chỉ một thoáng rồi lại cảm thấy lạnh lẽo lạ lùng. Bởi vì vừa hôm qua, Pháp đã vào đây. Và trong xóm bây giờ không còn một người. Chưa bao giờ cái xóm không có người. Chưa bao giờ ghê rợn như thế. Trường cứ tưởng như sẽ chạm trán đâu đây những bóng ma quái không phải người, đương nhón trên đường.

Trường đã đi suốt cái xóm không người, lần ra đến đầu đình. Ở ụ đất, cái diều cày hôm trước bỏ lại vẫn còn dựng như có người đứng gác đấy. Nhưng đình làng và cả dãy nhà quanh ao đình đều đã biến thành bóng tối. Chỉ còn mấy cái cột đình tốt không biết cháy đã bao nhiêu ngày đêm, vẫn leo lét từng vết đỏ hỏn.

Cả đội đã lần lượt trở ra cửa đình. Làng trống không, không ai gặp cái gì cả. Thì ra bọn Pháp chưa dám đóng trong làng ban đêm. Ngày đi sục sạo, đốt phá, đêm đến rút lên đường Thành, phía ánh sáng đương hắt lên kia kia. Đây là sáng đèn pha và những mắt đèn xe tăng quây lại đậu canh gác quanh các lều bạt cắm giữa trời.

Bấy giờ, đội tự vệ ngồi xúm trước mấy mẫu than cột đình. Lúc này, có lẽ đã vào quăng Giao thừa, sắp sang canh rồi. Năm ngoái, sớm mừng Một Tết Độc lập, cả làng ăn cơm đoàn kết ở sân đình. Rồi thì chuông chùa, trống đình sôi nổi và tiếng chuông nhà thờ trên làng Đông cũng gióng lên. Giao thừa năm nay lặng ngắt không biết thế nào.

Vừa lúc ấy, liên thanh trên đường Thành réo từng hồi dài. Bập bập... tăng tăng... tăng...

- Ông cho chúng mày cứ đổ tiền xuống sông. Bắn nữa đi, bắn nữa đi, các con ơi!

Một anh tặc lưỡi, nói pha thêm:

- Giao thừa đêm nay ta sai Pháp đốt pháo mừng đấy!

Nấp trong hào giao thông, một lúc, tai nghe súng đạn dần, nhưng người thấy rét, thế là lại lóp ngóp bò lên, ra cửa đình, bê củi, nhóm lửa sưởi. Sương đã bắt đầu loăng trắng. Tiếng liên thanh vẫn lúc thưa lúc mau, không ngớt. Có lẽ đã gần sáng. Trường vươn vai đứng dậy nói:

- Phải đến tan sương nó mới dám ra tấn công. Ta cũng bắt đầu bố trí thôi.

Buổi sáng mùa đông mù mịt, bàng hoàng lên trên đồng củi sưởi nhạt mờ những tàn than trước sân đình. Bóng đội trưởng đứng, cao lớn trong cái áo ba-đờ-xuy lờ lờ, mà mùa rét nào cũng thấy anh lòi ra mặc, đã rách sòn cả cổ và cửa tay. Có khác là năm trước mặc đi dẹt củi, năm nay đi đánh giặc. Hai quả lựu đạn đeo bên sườn với cái dây cói lòng thông quần vào bao kiếm gỗ. Ống nhòm cầm bên tay phải, chốc lại chuyển sang tay trái. Trường chạy đi chạy lại, cắt đặt công việc cho người này đứng chỗ này rình phía trên xuống, anh kia chỗ kia chặn lối ngoài đồng vào. Trường trở xuống chân ụ ra lệnh cho các cô cứu thương:

- Ngồi dưới ấy làm giao thông, cứ ngồi yên dưới ấy!

Nhưng khi họ vẫn xúm lên giữa ụ đất quan sát, thì Trường cũng mặc. Đội trưởng Trường đứng lên ụ đường giờ ống nhòm, quay quay nghiêng nghe, hai cánh tay nâng khuỳnh khuỳnh, dáng quan trọng, trong lúc mọi người chăm chú ngược nhìn, vẻ tin tưởng cái ống nhòm.

- Thấy gì không? Thấy nó ra chưa?

- Toàn những sương. Hôm nay rồi nắng to.

Không thấy gì, Trường lại xuống giao thông hào. Các chị đã về chỗ, lại đương bàn về mấy vai kịch có lẽ sắp được đóng. Thấy Trường đi tới, Phấn nói:

- Anh Trường dạo này gầy tẽ, râu ria bơ phờ ra kìa.

Trường ngồi thụp xuống, giờ hai tay hơ trên đồng than đã vạc.

- Cô tính, cứ trắng đêm như đêm qua, mà thông luôn như thế hàng tháng nay.

Mỳ nhanh nhẩu:

- Mấy ly, kháng chiến thì chẳng ai béo được!

Trường cười, uể oải, không nghĩ, nói nhắc lại:

- Phải, chẳng thể ai...

- Cái tạng anh Trường thì có mà béo đầy!

- Bao giờ độc lập tôi sẽ béo cho mà xem.

Cả bọn lại rúc rích cười. Dường họ quên họ đương làm nhiệm vụ chặn địch xuống. Họ nghĩ: nếu Tây không dám xuống, ta sẽ vào làng ăn Tết. Thế là lại chỉ nói chuyện Tết. Tết vui như năm ngoái, vui hơn Tết Độc lập năm ngoái. Dù không có gì ăn, nhưng chỉ rất thanh niên với nhau, vẫn vui, càng vui. Làng đã tản cư hết, ra gọi về cũng không kịp, chỉ còn ở lại có thanh niên. Không ăn Tết từng nhà, chỉ độc một cái Tết toàn thanh niên. Chưa bao giờ được Tết vui lạ lùng vậy! Ồ, được ở ngay làng ăn Tết này... Họ thi nhau nói những chuyện tưởng tượng.

Liên thanh lại rú từng hồi dài. Cả moóc-chi-ê nữa. Moóc-chi-ê nổ tứ tung. Chúng nó tiến ra chắc? Cái ống nhòm với Trường lại nhô lên miệng ụ. Sương vẫn trắng tinh, trôi lập lờ, chầm mưa bụi vào mặt buốt thon thót.

Bỗng nhiên, từ đường cao lao xuống hai chiếc xe tăng to bằng gian nhà. Từ trong ụ đất, đội trưởng Trường và tất cả hét lên, xông ra. Lựu đạn, ống nhòm, súng trường chạy thẳng tới hai cái xe tăng.

*

* *

Cho đến bây giờ, mỗi khi nhớ lại chuyện những ngày đầu, Phấn vẫn tưởng như chiêm bao, Phấn ngờ ngợ rồi còn có khi gặp lại Trường.

Khiêng máy

Đối với những người làm việc ở các cơ quan chuyển từ xuôi lên Việt Bắc thì chuyến ấy - đầu mùa đông năm 1947, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Kạn, họ được bắt đầu làm quen, và mới thật biết thế nào là rừng núi.

Rừng Bắc Kạn không còn bóng dáng lúi húi, quanh quẩn, u uất như rừng Thái Nguyên và Yên Thế Thượng. Nhưng rừng Bắc Kạn cũng chưa rỗn lên từng đợt, từng đợt rồi mở ra những cánh đồng khoáng đẳng trên cao như Cao Bằng. Rừng Bắc Kạn xanh rợn người. Vất ngang, trên núi Phia Bióc, bắt đầu từ mỏm Píc Cáy, vươn qua huyện Chợ Rã, thò chân rết sang huyện Chợ Đồn và Ngân Sơn, nối Bắc Kạn âm u với Cao Bằng trên cao.

Quân Pháp chiếm ngã ba Phủ Thông.

Nhà in báo “*Cứu quốc Việt Bắc*” chạy lên đường Chợ Rã rồi vào rừng. Từ Phủ Thông đến cánh rừng Khuổi Khún này còn trên mười cây số. Như thế, cũng tạm gọi là xa. Và, bao giờ cũng vậy, con người thường ưa điều vui, cho nên, mặc dầu túi bụi chạy giặc, mấy chục mạng người nằm rừng quây quần lại, cũng tạo ra những trò nhộn để khuây khỏa nỗi lo lắng và có lẽ cũng để bình tĩnh hơn nữa, trong cơn gay go. Cứ tối đến, các lán sàn trên sàn dưới, hai tầng ghép bằng ống vầu tươi, người nằm ngời ngồn ngang. Một ngày cật lực khiêng máy, vác giấy, tải gạo, tải muối. Rồi mai lại cật lực khiêng... lại cật lực khiêng... Tưởng như mỗi khi ngã lưng xuống thì thiếp đi đến chết. Tiếng moóc-chi-ê ình oàng vào sương đêm, không biết từ phía nào. Nhưng chẳng ai có thể chợp mắt. Từ chập tối đến khuya, người nằm cứ rào rào kháo đủ các thứ chuyện. Chẳng chuyện nào vào chuyện nào, nhưng thú vị, hả hê. Họ đổ nhau ăn uống cái gì ngon nhất, rồi lấy quần áo ra đổi chác. Quanh quẩn chỉ có vài cái cứ đổi đi đổi lại lẫn lộn, như bọn đánh bạc. Lúc thì ồn ào như đương chè chén ở hiệu cao lầu. Lúc thì tranh nhau giá cả, bót xén như ở nhà cầm đồ Vạn Bảo. Lúc lại bắt chước vợ chồng ỏn ẻn, nũng nịu. Rồi hát tuồng, gảy đàn mồm... mãi khuya mới ngót “cuộc vui”. Khi đã vãn chuyện, dần dần tiếng khò khò, tiếng ho nổi lên. Ấy là lúc cái rét buốt sớn gáy ở khe núi đá bắt đầu len vào.

Bao nhiêu đêm, từ đêm chạy rừng đầu tiên hơn một tháng nay. Mùa đông này cơ chừng dài hơn tất cả các mùa đông trên đời.

Rồi quân Pháp lên đóng ở cầu Pù Mát, ngay đầu làng Khuổi Khún. Trưa hôm qua ở đây đã nhạt được tàn lửa làng Phiêng Phường bị đốt, bay vào.

Bây giờ thì vắng vẻ quá. Những cuộc “vui nhộn” ban đêm không có, và cũng không dám nói to. Tây đến gần rồi. Cơ quan rút sang Yên Thế, để lại có hơn mười người, vừa giữ kho, vừa tiếp tục ra báo. Cái lán ven suối được dỡ đi, rút vào rừng sâu.

Dật và Liêu chịu trách nhiệm chung cái cơ quan nhỏ bé này. Ngoài ra, có Mộc, người Tày, là liên lạc của xã, ở liền với.

*

* *

Sẩm tối, một tràng liên thanh phía ngoài làng dội vào vách đá. Tiếng súng vang núi, cuốn

theo gió, ôm lại, nghe đầy hai bên tai.

Dật ra tận gần cửa suối, trèo lên cây, nhìn xuống.

Trong thung lũng dưới kia, lộ lên mép rừng, cánh đồng chín vàng như một chiếc chiếu mới. Những đám khói xanh đậm hơn màu sương tỏa dài vào. Dật đoán: có lẽ bọn Pháp đang dò vào theo dòng nước.

Nghe tiếng gọi:

- Anh Dật!

Dật nhìn xuống. Mộc, xanh thẫm bộ áo chàm, đã đứng lúc nào ngay dưới gốc cây, bạnh mặt ra cười. Mộc đi giao thông ngoài xã về. Làm thế nào mà Mộc vào lối này được? Dật nghĩ bụng: “Tốt đấy. Phải có những cậu giỏi luồn rừng như cậu Mộc thì mới ở yên được. Chắc Mộc biết tình hình ngoài ấy...”

Nhưng Mộc nói:

- Chẳng gặp ai.

- Sao vậy?

- Ban xã chạy hết. Tây vào đến cửa suối rồi.

- À...

- Khói nó thổi cơm đấy. Nó bắt được mấy con lợn, đương làm thịt ở bờ suối.

- Mộc đi đường nào về?

- Qua suối.

- Làm thế nào qua được?

- Em còn cắp được cả con lợn nó đương làm thịt đây.

Dật nhìn thấy một con lợn bột trắng hếu nằm trong bụi lá dong. Mộc vẫn thản nhiên cười như không. Thái độ ấy, làm cho Dật cũng vui lây, làm cho tự mình bình tĩnh hơn.

Dật và Mộc nhặt nhanh, quăng đi những đồng lá dong, lõi củi, cặng cây cháy dở hôm nọ làm kiềng đứng ven suối. Tây lũng rừng thường đi ngược ngọn nước. Chúng đã biết người ở lán hay ở đâu cũng phải sống cạnh nước. Tây đã đến ngoài cửa suối kia. Thế nào rồi cũng có hôm, có lúc chúng sẽ theo suối vào đây.

Dật và Mộc chạy vào lán. Bóng núi đá bốn phía đổ xuống, tối sạm, buốt thon thót. Mộc hí hửng xách con lợn bột. Đêm nay làm nồi cháo béo cho cả cơ quan chén.

Trong lán, mọi người đã nằm lăn lóc. Không biết đấy là nghỉ hay ngủ. Thường có những lúc cứ lặng im hàng giờ như thế.

Phía trong, Liêu đương lúi húi áp tai vào cái ra-đi-ô đã long mất một nửa mảng vỏ, lâu nay vứt xó, vì hết pin. Không hiểu Liêu vừa lục lọi đâu ra được bốn chiếc pin cũ còn tí điện.

Dật chui vào trong lán, mới biết không phải mọi người nằm ngủ. Mà cả những người nằm đấy

đều lặng lẽ châu đầu về phía cái ra-đi-ô. Hầu như nín thở, những con mắt dán vào chỗ vùng ánh sáng lơ mờ đương hừng lên. Làn điện đỏ lẩn đi lẩn lại theo tay Liêu vắn. Vùng ánh sáng bé nhỏ ấy đương mở ra một thế giới mênh mông trên trái đất. Không ai nghe tiếng lục cục, lóc róc trong cái máy ồm như người sôi bụng. Cũng chẳng ai nhớ ra những chiếc pin kia chỉ còn rút chút điện, chỉ đủ làm sáng tấm kính. Chao ôi, cái lần đỏ đương phiêu lưu qua những chữ Chi-ca-gô, Ba-ta-vi-a, Sài Gòn, Răng-gun, Pa-ri... mang biết bao hy vọng của sự sống. Hàng tháng nay, chạy vào trong xó rừng, không nhận được một lá thư, một tin tức. Cái ra-đi-ô hết pin trở thành vô dụng. Không ai biết được thế giới mấy hôm nay ra làm sao, “thằng Tưởng, thằng Mỹ” lại hung hăng những gì. ở Cao Bằng, Pháp tiến đến đâu? Đài Tiếng nói Việt Nam còn không? Có thật nó đã chiếm hết đường sá từ Bắc Kạn lên Chợ Rã? Cái lần đỏ kia đương lẩn đi lẩn lại tìm những câu trả lời ấy, những câu trả lời của cái sống chung quanh. Mọi người hau háu nhìn, hồi hộp như trông mũi kim tiêm sắp ấn xuống. Dật thấy mấy anh đương cơn sốt cũng bò dậy, phủ phục sau lưng Liêu.

Dật ngồi ghé ngoài cửa lán. Không muốn đánh tiếng vội. Dật cũng đương nghĩ cách nói thế nào cho mọi người có tinh thần chuẩn bị, nhưng khỏi bối rối. Thế nào họ cũng hỏi về tiếng súng lúc này. Cũng một câu trả lời, sẽ làm bình tĩnh hơn, hoặc hoảng hốt tăng thêm.

Liêu vẫn lúi húi quay nút đèn. Ánh sáng hắt lên, mặt Liêu như một miếng đồng hun đỏ. Trong đêm rừng hoang vắng, biệt tịch, lạnh ghê người, cái màu đỏ kỳ lạ và ấm áp ấy là nguồn sống tưởng tượng của những con người đương cần được tiếp sức và được thấy xung quanh. Bỗng phụt một tiếng nứt kẽ, cả lán tối om, im phắc. Còn nghe mấy vòng nút điện lục cục, lạt sạt, nhưng ánh hồng vui đã tắt hẳn. Sự tuyệt vọng chìm sâu xuống, lặng đi một lúc lâu.

Rồi có tiếng hỏi:

- Cái gì ngoài ấy thế?

Thì ra, họ đều đã biết Dật vào. Nhưng, hy vọng nghe được tiếng nói của cái đài đương thiết tha hơn. Tiếng súng Tây ngoài kia cũng chưa đáng quan tâm bằng.

Bây giờ mới nhao nhao:

- Cái gì ngoài ấy? Tây vào hả?

- Chưa rõ. Tiếng súng dội xa nghe không thật tai, nó bắn ngoài đường cái lại tưởng như sau lưng. Để mai điều tra lại đã. Nhưng, ngay từ bây giờ, phải sẵn sàng như địch đã tới.

Dật nói lại những việc chuẩn bị ba lô, kho tàng, canh gác và giữ gìn bí mật. Bỗng Liêu đột ngột thốt một câu, như từ nãy anh vẫn tư lự và nói một mình:

- Sáng mai tớ chữa lại. Nhất định phải nghe được.

Trong đám người, bật ra những tiếng “ồ” thú vị. Rồi lại im ngay.

Đêm rét buốt ghê rợn đương dần dần vào sâu.

Dật máy Liêu ra ngoài. Có mấy người nữa cũng trở dậy, lò dò ra.

Liêu hỏi:

- Đi gác hả?

- Không.
- Thế thì đi đâu?
- Thằng Mộc vừa lấy được con lợn bột ngoài làng. Chúng nó đi làm hộ nhà vạc.

Những cậu ấy ra làm thịt lợn, nấu cháo.

Liêu đi vào lán trong. Dật gọi Liêu, Dật muốn bàn với Liêu một việc quyết định. Cam tưởng Dật đi làm thịt lợn, Cam nằm im. Cam đã hết cơn sốt. Nhưng còn thở nhọc lắm. Bóng tối đen kịt tỏa vào, như từng miếng lạnh buốt chạm vào mặt. Cả đến những giọt sương đọng, từ đâu rơi xuống, lộp bộp trên đám lá dong quanh ngoài lán, cũng như thấm vào ruột Cam. Một mình nằm nghĩ vợ nghĩ vẩn, cơn sốt dường như âm ỉ trở lại. Đầu Cam ngóc lên, lại rơi xuống, tưởng không còn sức nhúc nhích. Một chốc, Cam lại ngóc lên, nhìn ra, cứ vợ vẩn sờ sợ.

Có thể Tây đã vào tận đầu suối. Cứ cái gì thằng Dật nói lo vừa thì đã là lo lắm rồi. Cam kinh nghiệm thế. Vậy thì thằng Tây đã vớt được cho chết hết ở trong rừng, bất kỳ lúc nào nó cũng mò vào đây, cũng có thể tóm được những người sống sót lủi thủi bờ bụi. Cam choáng váng, không dám nghĩ rõ nữa. Cam mơ màng đến những cái gì sáng sủa hơn. Cam nhớ ánh sáng trên mặt ra-đi-ô. Màu sáng hừng giữa quãng tối, như Hà Nội đêm đầu nổ súng, nhìn lại thấy lửa viền sáng suốt chân trời. Cam đã ra đi hằng hái. Đôi khi, cũng tiếc đã bỏ mất ít đồ đạc, cái giường, cái màn mới và nhớ vẩn vợ những cô gái hàng phố mà hàng ngày, cuộc bộ đi qua, Cam vẫn coi nhà các cô như những cái mốc. Chẳng biết bây giờ họ lưu lạc đâu. Màu sáng ấy hừng lên, cũng như trời Hà Nội những đêm rực rỡ từ ngoại ô phía tây đi vào, sao mà nhớ thế. Nhưng nhớ Hà Nội, có nhớ nhất thì cái nhớ cũng chỉ mờ mờ xa xa... Cam nhớ gần vậy. Cam thêm cái đông vui những đêm trước, khi Tây còn ở tận ngoài đường cái, cả cơ quan mới chạy vào đây, chưa phân tán. Tối đến, sinh hoạt còn chưa ra lẽ lối gì, người nằm ngồi lộn xộn sàn trên sàn dưới, lắc rắc nhá hạt dẻ nhặt được trong rừng, chuyện liên miên bất tận về phở xào, phở nước, vợ lẽ, vợ cả, hai vợ, ba vợ, bốn vợ... Những nỗi vui còm thôi, bây giờ cũng không còn.

Nhưng cái hừng sáng trên ra-đi-ô mất đi, rồi câu nói úp mở của Dật, Cam đoán biết tình hình gay hơn. Cơn sốt và những tê tái bồn chồn lại cồn cào. Cam ngẩng đầu nhìn xem Liêu đã trở vào chưa. Cam lại tìm cách nghĩ ra một cái gì vui vui. Lợn bột nấu cháo thì tuyệt đấy. Phải lúc khác, ra ngoài làng kiếm ít hành, mùi tàu, lá hẹ và ớt gió, chắc càng tuyệt... Liêu chưa vào... Cam lại nằm xuống... Một mình thì bao giờ cũng lẫn thẩn, nghĩ ngợi vợ vẩn đến giày vò... Tây ở ngoài làng mãi thì làm thế nào? Báo in bằng li-tô. Không phải sửa “mô-rát”, mình sẽ lặn đá, viết chữ ngược, làm li-tô. Nhưng, cứ lẩn lút trong bụi mãi thế này, không chắc đã chết vì tay Pháp, mà sốt rét sẽ quật chết trước. Trời ơi! Thằng Phúc Voi khỏe là thế, chỉ có cơn sốt đá ra máu mà gục. Mình cứ nóng hầm hập một tuần lễ nay rồi.

*

* *

Dật và Liêu vào lán trong. Lán trong không có người, chỗ tạm làm kho giấy in. Lợi qua một dòng suối, buốt như cửa đôi bàn chân, hai người lên một mỏm đồi đất.

Tiếng con hươu tác khô khốc, giật thót, ngay bên cạnh. Xa xa, một đám đốt nương gieo ngô nào còn nổ nốt những cái mắt nửa tươi. Hay là tiếng củi đốt ngoài làng của bọn đương dỡ nhà

người ta ra để sưởi?

Hai người vẫn bàn bạc, không để ý. Dật đã kể vắn tắt cho Liêu nghe tình hình.

Liêu nói:

- Có cách nào khác nữa không? Chứ nếu cuối cùng phải mất, ta sẽ chôn máy. Cái kho giấy này thì đốt. Ta cũng đốt lửa lên, như Trung đoàn Thủ đô đã đốt trận địa, trước khi ra khỏi thành phố.

Lúc nào Liêu cũng mang trong đầu những kỷ niệm mặt trận Hà Nội. Ánh lửa cuối cùng rực trời Thủ đô. Bàn tay các chiến sĩ đốt lửa lên, họ ra đi dưới bóng lửa đỏ. Bây giờ, giữa rừng Việt Bắc khiêng máy chuyển cơ quan nhà in, Liêu cũng muốn nổi lên một đám lửa hiên ngang.

Nhưng Dật nghĩ khác.

- Không được. Anh không để không đau chứ ngần ấy giấy, ngần ấy máy, ngần ấy của cải khuôn vác được lên đến tận rừng xanh núi đỏ này không phải ít công sức đâu. Phải nghĩ cách nào...

Dật là thợ đúc chữ. Nhưng từ khi ra khỏi thành phố, người thợ đúc chữ ấy rời cái khuôn chì và lò đúc để đi áp tải máy và giấy. Lịch sử cái máy in bỏ xưởng lên rừng từ ấy cũng là lịch sử cuộc trường kỳ kháng chiến ngày một gian khổ. Mới đầu là ô tô tải. Rồi thì đường thuyền sông Thao, sông Lô ngược Phú Thọ, ngược Tuyên Quang. Hàng tháng ròng lênh dênh sông nước, lích kích khiêng máy lên bến xuống thuyền. Từ Bắc Kạn lên lại những khó khăn mới. Bao nhiêu người các làng ven đường đã góp sức vào. Hàng trăm vai thay nhau đẩy cái bệ máy in, mỗi ngày, vất vả lắm cũng chỉ qua nổi một chặng đồi. Vào đường đất, có thêm trâu kéo. Trâu kéo đường đất mà cũng mòn cụt móng, phải lần lượt thay mấy con trâu mới.

Dật là những người áp tải và khiêng máy ấy. Nắng cháy, tróc mấy lần da. Đẩy máy qua đường lầy, cái gậy chèn, tì nổi bánh chè hai vai. Cho đến hôm nay, vẫn khiêng, vẫn chạy, lại càng ngặt nghèo hơn. Bởi thế, Dật không thể để cho Tây lấy được máy. Dật cũng không nỡ chôn máy, đốt giấy dễ dàng như Liêu nói được. Dật không nghĩ nhẹ nhàng như Liêu.

Hôm nọ, Pháp mới từ đường Cao Bằng kéo xuống, Liêu đã bàn thế rồi. Dật lắc đầu. "Có phải trên giao của cái để đốt đi ư? Nếu thế thì, đốt xong rồi chỉ còn tính việc về, có phải không? Không được, ta tính cách khác". Liêu cũng tự nhận mình có hoảng hốt. Họ bèn "nghĩ cách khác". Hai chiếc máy "mi-néc", một cái "công tự" đã tháo rời, chuyễn vào một lán sâu hơn. Kho giấy thì vác lên lán hai tầng, tránh ẩm và mối. Cách ngày lại đảo vào kiểm soát một lần. Một hôm, Cam đi tuần kho về, bảo: "Mối leo tận cột kho giấy rồi". Thế là ngày nào cũng phải vào miết chết những đường mối đục cột, mà càng phá, tổ mối càng đùn, sao mối đùn nhanh khiếp thế. Nếu bị Tây lùng, chỉ chạy rừng, bỏ kho không nom xem độ vài ngày, mối sẽ lên ăn hết giấy. Có lúc, Dật cũng chần chừ nghĩ: "Đến phải đốt thật. Phí quá". Nhưng Dật vẫn bảo Liêu:

- Không được! Phải nghĩ cách gì.

Tiếng Dật mạnh mẽ, cứng cỏi, chắc chắn. Liêu không nói thêm được nữa. Trong lúc nguy hiểm, bối rối, người bình tĩnh hơn bao giờ cũng có sức làm cho người khác bị lây. Tuy nhiên, một sự im lặng nặng nề lại trùm xuống. Rồi Liêu đứng dậy, lảng lảng trở ra. Quên Dật vẫn ngồi im. Cả người đi ra và người ngồi đấy đều đương chưa biết nên thế nào.

Dật nghĩ: ờ, nếu chỉ có cái ba lô với túi gạo, túi muối thì luồn rừng hàng tháng cũng được. Nhưng còn những kho giấy, kho máy! Không có nó thì không còn nên người, ở đây hết ý nghĩa. Làm thế nào? Nếu có được một toán người địa phương thuộc rừng như Mộc, ta sẽ chuyển đi. Nhưng, việc cần giải quyết ngay ngày mai. Địch đã lũng vào cửa rừng rồi. Người và máy tan tành đến nơi.

Hơi đêm thấm vào gan bàn chân, rồi đầu gối, rồi dọc xương sống, buốt rần rật. Hai con mắt người nghĩ vẫn thao láo vào bóng tối.

Lát sau, Dật xuống lán dưới.

Cả một lán người đã ra ngồi áp lưng nhau vây quanh bếp cháo đương sôi sùng sục. Vừa đỡ rét, vừa che lửa giữ bí mật, vừa đỡ thèm.

Trong lán, mình Liêu vẫn nằm dài, quên cả đắp chăn. Liêu dăm chiêu nghĩ. Dật lặng lẽ ngồi xuống.

- Có cách rồi, Liêu ạ.

- Ý tôi có đúng không?

Dật không trả lời câu hỏi hồi hộp của Liêu. Dật nói:

- Lại chuyển kho đi.

- Phép thánh à?

- Người ta làm được chứ! Sẽ lên liên lạc với các làng Mán trên núi nhờ xuống giúp. Không trông vào xung quanh thì trông vào ai?

Liêu cũng như chợt nhớ:

- Được rồi!

Liêu nhóm dậy:

- Để mai tôi đi cho. Cậu ở nhà đối phó, ngộ Tây sục vào.

Liêu lại tưởng tượng Liêu đi trên dốc núi xa lạ, những xóm làng, những chòm cây cheo leo, những suối nước ngầm mà Liêu mới chỉ thấy lúc bé, ở bể nước hòn núi non bộ. Liêu sắp được gặp người Dao mà Liêu chưa biết bao giờ. Những tưởng tượng thường phong phú và miên man.

*

* *

Từ trong thung lũng, cứ đỉnh núi trèo lên, độ nửa ngày đường, tới một làng Dao. Hồi nọ, bọn Liêu đi dò đường, đã lên một lần. Đứng trên dốc núi, trông sang huyện Ngân Sơn trên kia chỉ thấy núi xanh dần lên núi xanh. Vòng vèo trong núi, thấp thoáng con đường Cao Bằng như ai vắt sợi chỉ. Đoàn ô tô của Pháp chạy, giống con kiến tha mồi cắn đuôi nhau bò dòng dài con trước con sau.

Liêu ngồi nghỉ, lặng nhìn cảnh mênh mông xanh một lúc. Một, hơi thở còn đập dồn lên hai tai,

nhưng Liêu không biết mệt. Từ khi đặt chân lên bến Bình Ca vào châu Sơn Dương, Liêu thấy mình có thể không bao giờ ra khỏi rừng núi. Chẳng những thế, mỗi ngày đi vào giữa Việt Bắc, tưởng chỉ độc một màu chàm và muông thú rừng, kỳ thực có cả rừng người và đường đi chẳng chịt như gân lá, thì Liêu càng cảm thấy một thế giới, một tình cảm, một hứng thú.

Liêu vào cái xóm đầu tiên. Dốc núi có mấy cái mấp đẹo vào sườn đá, ở mỗi mấp tỏa ra một đám khói, trông kỹ thấy nhấp nhô một nhà mái vầu đen mùn. Nhà trưởng thôn ở trên cùng.

Một ngày rét, trên núi càng buốt. Người trong nhà dạt cả vào quanh bếp rừng rực lửa. Một bà già, một cô gái, mấy đứa trẻ ngồi chộp những hạt ngô vùi trong tro lửa chốc lại nổ trắng bông nhảy ra. Ngồi phía chân bàn thờ, có hai người con gái Tày - hai cán bộ Tày thì đúng hơn - chỉ trông cái túi vải dù buộc vào thắt lưng, chỗ các chị thường đeo con dao bồ cau, thì cũng biết đấy là cán bộ. Liêu bước vào, những đứa trẻ chăm chú ngắm Liêu. Hơn nữa, vì Liêu bước lại phía ấy, bỏ ba lô xuống. Liêu ngồi lọt giữa đám trẻ, quen như người nhà, hai bàn tay cồng giờ nướng trên hơi lửa. Nhưng người lớn chỉ nhìn qua khách lạ, theo thói quen bề ngoài vốn thờ ơ, rồi lại ai làm việc nấy như không xảy ra việc gì khác hơn. Người con gái đứng dậy, lấy trên sàn cao xuống một cái vỏ bầu lọ, đồ ra ít gạo, bỏ thêm vào nồi cơm đương sôi. Cách đối xử giản dị và thâm lặng ấy tỏ sự hiểu biết và quý khách tự nhiên của chủ nhà. Có khách, lấy thêm gạo.

Mỗi lần đến một nơi xa lạ, Liêu đều xúc động một tình cảm khó tả. Lần này, Liêu đã thật bồi hồi, khi gặp trên đỉnh núi hai người con gái Tày. Người Dao ở trên rừng, người Tày ở dưới ruộng. Họ tới nhà nhau đã hiếm - lại thấy phụ nữ Tày trong nhà người Dao, thật không phải thường.

Hai cán bộ Tày, một chị đẩy đà, hồng hào, áo chàm thắt lưng quặt đằng sau, như các cô Tày và Nùng cao lớn miền hồ Ba Bể, khi các cô vội ra bãi quẩy ngô.

Một chị nhỏ nhắn, mắt nâu. Không giống chút nào con mắt sáng trong của chị bạn và của những người gái Tày. Và bàn tay nhỏ, mịn của chị ấy nữa (Liêu nghĩ: người này mà ở xuôi thì con gái Hà Nội xách dép cho cũng đáng). Ý so sánh ác ấy làm cho Liêu tự cười thầm. Liêu làm quen, cho bọn trẻ hai mảnh giấy in hình cờ đỏ sao vàng. Liêu nói lồm bồm mấy tiếng Dao mới học. Thỉnh thoảng, chị cán bộ đẩy đà quay lại, đưa mắt nhìn chị nhỏ nhắn, hai người cười mủm mủm. Liêu bắt chuyện.

- Tôi nói có sai không, mà các đồng chí cười?

Thế là cả nhà cùng cười. Chị đẩy đà trả lời:

- Nói đúng đấy, giỏi đấy.

Liêu được dịp hỏi:

- Các đồng chí đi công tác đâu?

Chị đẩy đà cười. "Không được hỏi, ba không mà."

Liêu nóng rừ mặt. Nhưng, vót lại, miệng cười dễ dãi của chị ấy cũng làm Liêu bớt ngượng. Lúng túng, Liêu quay lại, hỏi chị người Dao gầy gù đương nhắc nồi cơm xuống.

- Đồng chí trưởng thôn đi đâu?

Thấy khách hỏi tiếng Kinh, chị ấy đưa mắt nhìn hai chị cán bộ, rồi trả lời Liêu:

- *Ma hiu* [\[1\]](#).

Liêu rụt rè và cẩn thận hơn, hỏi hai chị cán bộ:

- Các đồng chí có biết trường thôn đi đâu không?

Chị người Tày nhỏ nhắn hỏi lại Liêu:

- Đồng chí có công tác gì? Tôi là cán bộ ở đây đây.

Chị đẩy đà nói tiếng Kinh còn lơ lớ, chị này sôi quá. Liêu đưa giấy giới thiệu.

Vẻ nhẹ nhàng, chị ấy chỉ thoáng nhìn đã xem xong giấy giới thiệu, có lẽ thế. Rồi hỏi nhanh:

- À... thế bây giờ đồng chí cần gì?

Trong khi nghe Liêu nói, chị ấy lơ đãng nhìn xuống những lớp mây và sương trắng phủ trên thung lũng dưới kia.

- Các xóm trên này vừa đi tải lương cho trung đoàn 72, ba hôm nữa mới về.

- Chúng tôi cần người đưa đường.

- Nhà nào cũng như nhà này, đàn ông đi hết rồi.

Hai chị quay sang, nói tiếng Tày nhỏ nhỏ. Rồi bảo với Liêu:

- Chúng tôi sẽ cố gắng. Người nào còn lại thì xuống giúp các đồng chí.

- Chỉ còn phụ nữ?

Chị ấy mỉm cười:

- Vâng, các chị sẽ xuống giúp.

- May quá.

- Bây giờ, ăn cơm xong...

- Tôi đi với đồng chí...

- Không, phải về nắm tình hình đã. Chúng tôi sẽ đi các xóm. Mỗi xóm độ ba nhà như đây, chỉ phải cái xa thôi.

Liêu im hẳn. Nhưng không ngượng nghịu như lúc nãy, mặc dầu vừa bộp chộp nói hớ một câu đáng đỏ mặt. Những người như Liêu, tuy hay viển vông, lại cũng thường xét nét tỉ mỉ, khó khăn. Nhưng nếu đã biết thì, có khi, đương coi thường lại đổi ra kính trọng. Như bây giờ, Liêu đương thầm phục tinh thần khẩn trương công tác của chị cán bộ.

Hai chị đã sắp sẵn túi và nón. Liêu xuống dốc núi, trở về, đi như chạy. Đẹp thật, giỏi thật. "Trên núi gặp Tiên là đây đây."

*

* *

Cả ngày hôm ấy, cơ quan nhốn nháo chuẩn bị, đề phòng. Dật đã nói rõ: Tây mò vào tận cửa suối, muốn đóng chốt gác ở đấy, chặn đường ta ra ngoài làng. Mộc lại đi tìm ban xã một chuyến nữa, cũng không gặp. Nhưng lại đem về được một con lợn bột của lính ngự đương làm lòng ngoài suối. Và Mộc đem về những chuyện ngoài làng. Quả thật, lửa sáng mé ngoài, đấy là nó đốt nhà người ta suốt đêm để sưởi.

Ai nấy đều ba lô sẵn trên lưng.

Liêu về đến lán lúc sẩm tối.

Thế là, tất cả sáng hôm sau chuyển sớm. Những giấy, máy in và các thứ vẫn buộc sẵn từ hôm không đến, mai chỉ việc tiếp vai đi.

Lại một đêm giá, rét dữ.

Đêm nay mọi người rút vào lán trong. Nếu trời sương muối không buốt, chắc nhiều người muốn ngủ chỗ trống ngoài rừng cho dễ chạy ngọ nhờ Tây lòng đêm. Nhưng, trong rừng cây, cái rét đương trối cứng người lại.

Khi pháp phóng đến nỗi không chớp mắt được, thì sự chờ đợi sao dài lâu và chập chờn đến thế. Tuy đã cấm nói chuyện, nhưng không thể nín lặng được. Chốc chốc lại bật ra. Nhưng thì thảo nho nhỏ lúc này cũng đem lại chút ít ấm áp cho những người đương rét run.

Dật và Liêu bàn nhau về công việc sắp tới. Họ đều thấy: triền núi trên kia hiểm trở, có thể đóng cơ quan được. Rặng núi Phia Bióc chính là xương sống cán bộ con đường Nam tiến xưa kia.

Dật thì thầm:

- Hướng phấn đấu không phải lẫn báo li-tô, mà là in máy.

Liêu ừ. Lúc ấy, miệng Liêu nói, nhưng óc Liêu đương vượt ve những ý nghĩ về “chị cán bộ nhỏ nhắn có đôi mắt nâu mơ màng”. Trong bóng tối, càng khuya thăm thẳm càng rét, thế mà, Liêu không thấy rét, không thấy đêm hôm trống trênh, địch có thể thành linh tới. Không có khi nào lại xảy ra cái không may cuối cùng trong khi người ta đương tư tưởng những tốt lành và cao xa, có lẽ thế chăng?

Cam nằm yên, thêm thiếp. Suốt ngày, lúc nào cũng ba lô vác trên lưng, khủng khiếp lắm. Bây giờ, Cam quá mệt. Lại sốt, rữ rươi, cứ thế này, rồi đến chết lử đi lúc nào cũng được.

Những tiếng lao xào xung quanh Cam nghe như trong cơn mê. Đến khuya lắm, cơn sốt mới buông Cam ra, Cam dần dần tỉnh. Cam nằm chong mắt với bóng tối.

Một tiếng hươu tác. Con hươu từ rừng sâu về tìm ăn tro nóng trên những nương mới đốt. Cam giật mình. Nhưng Cam chợt nhớ hôm mới đây, nửa đêm, thằng Dật ra ngồi rình đầu suối, bắt sống được một con hươu non, vác về, Cam mới đỡ sợ tiếng hươu tác. Lại những tiếng gì xa, sao đêm nghe thì thảo thâm thiết nguồn cơn lắm vậy? Cam lắng nghe mãi. Tiếng những con suối chảy dần dần hóa ra tiếng ô tô chạy đêm phía đường lên Cao Bằng. Trời, ô tô Pháp đâu nhiều đến thế, ầm ỉ từ chập tối tới giờ. Quân Pháp vây bọc mấy đường (Mấy đường? Ban ngày trông lên Ngân Sơn, bốn phía chỉ thấy núi dán liền tới trời). Mình nằm đây là lọt vòng vây phía

nào, lọt vào mấy cánh vòng vây?

Nghĩ vẫn vợ thế, đâm ra mót đái luôn. Cam trở dậy, bước ra. Một luồng gió buốt thốc tới. Cam cong sống lưng, ôm hai tay lên nách, run rẩy đứng ngay đầu sàn, Cam không dám ngẩng đầu. Nhưng rồi ngay trong bóng tối trước mặt, thấy lù lù cái gì như con trâu, như thằng Tây, Cam ngã bổ chửng vào trong sàn.

Tất cả giật choàng dậy.

- Cái gì thế?

- Khốn khổ, đương đêm đi đâu?

Dật xốc Cam vào, quờ cái chăn quần cho Cam. Tay Cam giá ngắt. Nhưng trống ngực Cam vẫn thúc thành thịch. Liêu bóp hai thái dương Cam. Cam thở hừ hừ, rồi rên rĩ:

- Anh Liêu ơi... tôi làm sao...

- Sao?

- Tôi chết...

- Thế nào?

- ...Thọt hai cái hột dái... tôi... chết...

Hai cái hột dái nó thụt đi đâu mất thật. Sờ không thấy, Cam cứ rên rĩ “tôi chết, tôi chết”. Đầu tháng trước, cái chết đột ngột của Phúc Voi bị sốt rét ác tính đã làm hốt hoảng những người lần đầu biết rừng núi.

Mọi người xôn xao, ngồi cả dậy. Tiếng kêu rên trong đêm buốt, nổi lo lắng nhiều bề không lường được.

Dật gọi Mộc ra, bảo:

- Mộc xem trong rừng đâu có lá ngải cứu.

- Đốt cho anh Cam à?

- Ừ.

- Đốt củi cũng được.

- Anh ấy sắp chết rồi, chú không biết ư?

- Rét quá thì tụt hột dái lên, chứ chết thế nào được. Ai rét chả thế.

- À...

- Cứ ấm ầm thì nó lại thò xuống.

- Mẹ khỉ!

Dật sờ tay lên trán Cam. Dật nắn khắp người Cam. Quả thật, Cam vẫn thường thôi. Không như thằng Phúc Voi lúc hấp hối. Dật bèn bảo:

- Không sao. Cứ nằm yên. Tao hòa dầu bạc hà cho uống. Ông cấm kêu. Mày kêu, Tây ngoài kia

nó nghe tiếng thì chết cả nút.

Thế là Cam nín thít. Nhưng rồi Cam lại thở, nói nhỏ nhỏ:

- Tôi không sống được nữa. Các anh cho tôi dặn...

Dật cười:

- Đối dăng gì! Nằm im.

Những người xung quanh ngạc nhiên vì câu quát của Dật. Dật mở nút lọ dầu bạc hà - cái tủ thuốc độc nhất của cơ quan. Cam thì thầm, nức nở:

- Bao giờ các anh về Thái Nguyên... hỏi nhà anh Luận bán tạp hóa ở Phúc Trìu... nhà anh chị tôi. Mang hộ tôi gói quần áo... bảo thằng Cam nó chết ngày hôm nay rồi... hích... hích... là ngày bao nhiêu...

- Ấy đấy, bảo mà. Cấm kêu khóc. Được, rồi chúng tao về Phúc Trìu bảo anh mày. Bây giờ cấm rên, cấm nói. Uống bạc hà này. Há mồm ra.

Không có nước, Dật dốc mấy giọt bạc hà đặc vào miệng Cam. “Được rồi, được. Chốc nữa lại sống thôi. Bây giờ tao phải ra xem Tây nó có nghe tiếng mày lúc này không... Nằm yên”.

Từ ngoài vọng canh, mấy anh đổi gác trở về lán. Họ nằm lăn ra sàn, chỉ kịp kéo cái chăn, đã ngáy khò khò.

Đêm rét buốt khủng khiếp, đêm chờ đợi dần dần qua.

Buổi sáng trong rừng, dùng đục rồi nhọt nhọt. Rừng ban ngày hiện ra, nhưng tự nó cũng âm u chẳng khác bóng tối. Không có tiếng chim. Không cả tiếng một giọt sương rơi.

Giữa lúc ấy, không biết đâu đi vào, từ các thân cây sù sì, lêu đêu ghê rợn, từ cành lá, chòm lá ken nhau, từ bụi mây, bụi song lổm chổm như hàng đàn nhím xù lông dưới những hàng cây “mắc có” thẳng dãy như cột, lổ nhố, lần lượt đông người cứ tự dưng hiện ra. Đây là các chị ở Cốc Phường, Vàng Kheo, Nà Đông, Khuổi Buồn trên núi.

Ba xóm được hơn hai mươi chị cùng xuống. Một lũ trẻ con cũng theo - thói quen các em theo người lớn đi nương. Rừng và đường ẩm sương sớm. Ai cũng ướt đến lưng áo. Chui qua sườn đồi tranh, trẻ em ướt hết cả chòm tóc.

Liêu trông thấy có cả cô bé gầy gù nhà trưởng thôn.

Kìa, lại cả mấy em hôm qua Liêu vừa dạy hát. Cô gái ấy quen thuộc hơn các chị khác, chạy lại. Cô nói:

- Chúng tôi xuống đủ rồi.

Thì ra cô ấy nói sôi tiếng Kinh. Các em riu rít sau lưng:

- *Ma hieu cong cau! Ma hieu!*

Các em ấy đùa chế câu tiếng Dao, Liêu nói hôm qua.

Liêu hỏi:

- Hai đồng chí cán bộ đâu?

- Về huyện rồi.

Trong hai ngày liền, cả cơ quan và các chị đã khiêng hết máy, giấy, muối, mực in lên triền núi.

Pháp đóng ngoài đường cái.

Tòa soạn và nhà in báo “*Cứu Quốc Việt Bắc*” thì ở ngang sườn núi trước mặt. Những ngày quang trời, trông ra thấy rõ mồn một cái đồn Tây đóng ở cầu Pù Mát.

*

* *

- Rồi thằng cha Cam thế nào?

- Khi trời dần sáng, hơi ẩm trở lại, chắc là Cam lại sờ thấy hai hòn dái như thường, Cam nằm rúc đầu vào trong cái áo bông đắp mặt. Nó ngượng. Rồi nó đã trở dậy khiêng máy đi ngay chuyển đầu. Sau này, còn chuyển quanh núi gay go nhiều lần, nhưng nó đã quen. Rồi cũng như tất cả chúng mình. Khi nào có ai nhắc tới những chuyện ấy, nó cười trừ.

Nhưng, cũng khi nào kể lại cái năm khiêng máy vất vả, bao giờ Liêu cũng nhớ thêm một chuyện khác.

Có lần Liêu đi họp hội nghị tỉnh. Tỉnh lỵ Bắc Kạn bị chiếm. Các cơ quan tỉnh đóng bí mật trên các cánh rừng gần thị xã. Liêu đi từ Píc Cáy qua sườn núi xuống mé rừng Pác Trang rồi qua Lùng Trang. Đây là một trạm nghỉ. Lúc ấy, buổi chiều ngày cuối xuân. Một màu xanh nhẹ mờ màng phủ trên rừng núi. Những nhánh tre, nhánh trúc non vút cong như đan lưới trên trời. Trạm nghỉ đêm là một lán nhỏ trên mỏm đá kề bên dòng suối trong vắt. Liêu gặp lại chị cán bộ nhỏ nhắn “có đôi mắt nâu mờ màng”.

Từ ngày ấy, bây giờ Liêu mới gặp lại. Nhưng Liêu đã biết chị ấy là cán bộ huyện, hôm Liêu lên núi, chị đi công tác qua, đã sốt sắng giúp Liêu.

Vẫn dáng dấp nhẹ nhàng. Chiếc áo chàm dài thắm biếc, thắt lưng quặt đằng sau và cái túi vải dù xinh xinh bên thắt lưng, chiếc khăn vuông chàm. Đôi mắt nâu xa xôi kỳ lạ rất hiếm thấy ở người con gái Tày. Đôi mắt nâu vừa tinh anh, vừa mờ màng. Hôm ấy chị hơi trắng xanh. Chị đến trạm từ sớm, nhưng lỡ liên lạc. Đương cơn sốt, chị không đi được. Bây giờ, chị sửa soạn đi cùng chuyển với Liêu cho kịp. Liêu không hề chờ đợi một tình cờ “lịch sử” ấy.

Liêu hỏi:

- Đồng chí ở quê đây mà cũng bị sốt rét như chúng tôi?

Chị cười:

- Sốt rét có biết tha ai đâu!

- Chị người huyện nào?

Chị ấy lại cười, nhưng im, không trả lời.

“Tôi hiểu rồi, hiểu rồi” - Kể đến đây, Liêu khoái chí kêu lên. “Thảo nào, cứ ngờ ngợ. Đôi mắt

nâu khác vẻ đẹp những đôi mắt sáng trong hồn nhiên của các cô gái Tày ở Chợ Rã. Chị ấy người Hà Nội mới lên năm ngoài trong đoàn *xung phong Việt Bắc* ”.

“Từ đó, tôi hiểu núi rừng không phải là cái thích thú cô đơn của tôi”. Liêu nói, như kết luận.

Pác Trang 1948

[\[1\]](#) Tiếng Dao, nghĩa là “Không biết”

Thảo

Suốt ngày, cái phố dọc bờ sông im như say nắng. Đến tận chập tối mà hai chiếc máy bay “Kính cô bra” còn nhào lên, sà xuống, bắn ngoài sông một lần cuối cùng.

Những tiếng bay rít rợn gáy vừa vút đi khỏi vòng lượn thì cái phố nhà lá đã mở mắt lên đèn, nhộn nhịp, trở về thói quen thường lệ: ban ngày thì lìm lìm giả chết, đêm đến mới sống thật. Cả dòng sông đã nhuộm đen bóng tối. Đèn trên bờ in xuống, óng ánh, lốm đốm. Đồi chốc, một chiếc thuyền cặp bến, rời bến, thuyền sáng đèn vút ra vút vào như những đốm sao đổi ngôi rơi.

Các hàng tạp hóa lóng lánh. Hàng phở, quán thịt chó, hàng cơm nhà trọ tíu tít tiếng cười nói, tiếng dao thót côm cốp.

Những ba lô và gồng gánh, bồ, sọt ở đâu chui ra không biết, lù lù dưới ánh những ngọn đèn Hoa Kỳ nhòe nhoẹt trước cửa nhà hàng chứa trọ. Có một tốp dân công tải gạo qua. Đằng kia, đám đông người còn lao xao trước cửa hàng mậu dịch, hỏi mua muối lẻ về làm bữa tối. Những tốp người đi đường xa về nghỉ, đã quen như chim chiều về tổ. Cái phố ồn dần. Tới nửa đêm thì lại đông hơn nữa, lúc này có thêm cả một cái chợ bán đổi vai đòn gánh kéo từ ngoài bờ sông vào.

Phía ngã ba trạm gác đưa lại tiếng hò *dô ta... một hai ba... ai ơi đứng lại...* Đêm nay phố có mịt tinh hoan nghênh chiến thắng trên mặt trận Tây Bắc.

Các cụ lão bà đi dự, gọi bà Hai đi nhân thể. Bà Hai vừa buông bát, còn bán rốn một ống nửa dầu dọc nữa rồi mới tất tả chạy theo các bà đã tụ tập cả ngoài kia. Ông Hai đứng ngoài cửa xĩa răng, toan nói với ra một câu gì, lại thôi. Độ rày ông Hai có điều tư lự, đôi khi bần thần cả ngày. Dễ vì ông nghĩ mình ngày càng già yếu, vả lại, từ khi chạy loạn lên ngược, những đi cũng đã nhọc, không đỡ dần được nhà, ông đâm ra rụt rè cả với vợ con.

Cô Thảo bung mâm xuống bếp, xếp bát ra rửa nốt. Rồi Thảo lên nhà, vuốt lại mái tóc, mặc cái áo lụa mới nhuộm lại màu gụ - nó vốn là áo dài ngày trước, giờ phá ra làm áo cánh. Thảo lấy túi sổ tay treo trên cột, bước ra cửa. Chị Phú đứng đóng khuy áo cho con. Thằng bé cứ nghech ra ngoài đường, dẫm chân thành thạch, đòi nhảy đi. Mẹ nó bảo:

- Kìa cô đợi cháu với.

- Đi sau thôi. Mình còn phải ra hò hát với bọn nó.

Nói thế, nhưng Thảo cũng đợi chị. Tay cầm sổ nghiêng vào vạt ánh sáng trong nhà hắt ra, Thảo đứng lăm nhăm xem lại công việc.

Ông Trầm ở phố ngoài vào. Dạo này, ông Trầm hay vào chơi với ông Hai. Thảo nghiêng mắt nhìn, bụng bảo dạ: “Lại vào làm hoang mang ông cụ”. Nhưng Thảo cũng gượng chào và hỏi: “Chú Trầm chưa đi mịt tinh à?”

Ông Trầm cười khẩy:

- Đình đám nhà người chứ tôi còn vui nổi gì!

Tiếng ông Trầm, hơi rượu nói choang choác. Vừa hay, chị Phú công con ra. Ông Trầm bỗng

nói nhỏ:

- Cô Phú này, việc ấy mà...

Câu hỏi dịu giọng như trêu tức Thảo. Bởi ông chỉ hỏi thế là Thảo đã biết được “việc ấy” là câu chuyện gì với chị Phú rồi. Gần đây, có tin đồn anh Phú “ở trong kia” phất lăm. Lại nghe người ta nói anh ta sẵn tiền trong tay đương tung túng muốn ghé ngấm tí vợ lẽ. Ông Trầm hay sang xui chị Phú đem con về Hà Nội, “tội gì mà vờ vật ngoài này cho khổ thân”. Nhưng chị Phú chỉ im lặng, ngoáy đi.

Thảo đương tức sẵn, đứng lại:

- Từ giờ chú đừng cứ việc ấy việc nọ nữa mà rườm lời.

Ông Trầm chặc lưỡi, định mắng. Nhưng Thảo đã bước nhanh ra với chị Phú, vừa đi vừa nói cốt để ông Trầm cũng nghe được: “Cho một vố cứng lưỡi thế mới được”.

Tiếng hò reo, tiếng ồn ào trong bóng tối ngoài đường. Thảo đi tong tả, đã quên chuyện bực mình, Thảo cúi đầu, cù vào cổ cháu bé. Chị Phú thì lặng lẽ. Dù sao, câu chuyện “việc ấy” lúc này cũng làm Phú nghĩ ngợi.

Đời Phú chẳng còn thanh thản như cô Thảo. Không phải là đời chồng con của Phú vất vả. Không, những người quen vợ chồng Phú xưa nay thường nói câu: “Vợ chồng anh Phú như Phật Di Lặc, thấy người là thấy cười”. Thực như thế, đôi vợ chồng nhà ấy chỉ biết chiều nhau. Kháng chiến vất vả, họ bỏ quê, bỏ nghề, tản cư ra đi, Phú xoay xỏa buôn bán, đâu cũng len lỏi, khắp các khu, từ Việt Bắc vào tới khu Bốn. Chị Phú thì đi các chợ, chẳng mấy lúc có nhà. Cho đến năm kia, một chuyến Phú cùng các bạn buôn xuống cất vãi dưới khu Ba - bấy giờ xuống khu Ba phải vượt đường 18 sang Đông Bắc, qua vùng Tây chiếm. Đồng tiền kiếm được liền với đội máu, không biết thế nào mà tính trước được. Chẳng may, chuyến ấy, cả toán lái sa ổ phục kích. Phú bị bắt, rồi ra sao, không ai biết. Từ ấy mất tin. Chỉ toàn những chuyện đồn thổi nay thế này mai thế khác, không biết đâu mà nghe. Có một điều rằng ai nói thế nào thì nói, chị Phú hằng nghĩ: “Không bao giờ anh ấy phụ em, phụ con”. Phú lặng lặng, im như bóng. Thì ông Trầm lại tưởng chị ấy đương xót xa, đương muốn về, nên lại càng tỉ tê, càng thúc.

Thật ra, Phú chẳng ưa gì chuyện ông Trầm. Nhưng dù mình xua đuổi, cái điều không muốn nghe cứ tự nhiên theo ám ảnh, làm khổ mình. Con người ta cũng có số chẳng? Vậy thì có lẽ anh ấy đã trở về làng rồi ra tỉnh buôn bán. Anh ấy có còn nghĩ đến lại ra ngoài này với vợ con không? Còn nghẽn chưa ra được, hay là ở trong ấy êm ấm rồi, không muốn ra? Dù sao thì có lẽ nào anh ấy phụ vợ phụ con. Nhưng mà... hay là mình về, mình cứ về tìm rồi lại ra? Có lẽ, có lẽ mình về...

Phú đã nghĩ mớim như vậy nhiều lần. Phú hay cả nghĩ. Giờ đây, nghe ông Trầm thoáng nói đến, Phú cũng lại nghĩ lẩn vẩn như thế. Đầu óc còn đương tha thần, Phú đã đi chen vào đám ồn ào mà không biết.

Hai chị em đứng lại. Từ trong đồi, ánh lửa đuốc rực lên. Người nghìn nghịt kéo đằng sau. Đây là các người trong làng ra dự mít tinh với thị trấn. Chị em Thảo nhập bọn. Những tiếng lạnh lạnh *hò dô ta... một hai ba ...* Đi trong đám đông thì những điều nghĩ tản mạn lúc này cũng nhạt mất. Phú công con, ngẩn ngơ, cuộn theo dòng người, người đi chen lạc cả hai chị em.

Khi tan mít tinh, Thảo về nhà. Bà Hai đã về trước, ra mở cửa, hỏi con: “Nghe nói tối nay có thương binh về qua phố, phải không Thảo?”, Thảo nói: “Con không biết”.

- Tao nghe các lão bà ngoài bến bảo có thương binh ở trên xuôi về.

- Phải đấy, u ạ.

Nhưng rồi Thảo cười:

- Đùa thôi. Con không biết đâu.

Bà Hai mắng yêu: “Mày bí mật cả với tao à!”

Chị Phú cũng đã về trước, còn thức, ngồi khâu bên đĩa đèn dầu chấu tù mù. Thảo đến bên, chị Phú nói nhỏ:

- Lúc nãy cô chẳng về mà nghe thày nói.

- Lại cái ông Trầm chứ gì!

- Đành rồi. Nhưng mà thày nói buồn lắm.

- Sao?

- Thày bảo thày ở ngoài này bây giờ chẳng có ích cho ai. Thày muốn về trong ấy. Thày mang thằng Tuấn về, bảo cả tôi cũng đem cháu về. Chỉ còn để những người khỏe ở lại theo đuổi độc lập cho đến đầu đến đũa. Bao giờ kháng chiến thành công thì gia đình lại đoàn tụ.

“Mình chẳng còn có ích cho ai...” Ông Hai buồn bã nghĩ thế. Thật thì ông không oán thán gì. Nhưng, ông cũng như Phú, hay cả lo, lo quẩn. Có lần, Định ở đơn vị về chơi kể chuyện mới rồi dưới Vĩnh Yên ta đánh, bắt sống được mấy chục lính Tây. Định tưởng kể chuyện chiến thắng thế thì bố sẽ thích. Nhưng ông Hai lo lắng hỏi: “Thế thì ta phải nuôi nó mất biết bao cơm cho đủ, rầy rà quá”. Làm cho Định mất hứng chuyện, mà cả nhà thì cười.

Thảo treo túi sổ tay lên cột rồi thay cái áo rách đêm vẫn mặc đi ngủ. Thảo cũng ngồi khâu nốt mấy cái mũ “tàu bay” của trẻ con cho mai khách lấy sớm. Thảo chắc lưỡi:

- Chuyện thày nói thì để đấy thôi. Lo đâu cho mệt.

- Cô bảo tôi lo gì!

Nói thế, Phú ra ý hơi giận em. Phú không thích em có thể cho là mình mềm yếu, mặc dù Phú chẳng cứng cỏi bao nhiêu.

Nhưng, cả hai chị em đều hiểu nỗi băn khoăn của bố. Những người con biết bố nghĩ như thế chỉ vì thương các con. Song bố thì không tưởng được mình nghĩ thế lại là làm các con bận tâm thêm. Bởi vì, có con nào lại chịu để cho bố trở về một mình mà mang tính “dinh tê”.

Chẳng qua cũng bởi vì từ năm chạy tản cư, mỗi lần đổi nơi ở, mỗi lần gồng gánh cơ nghiệp lên vai thì lại một lần thấy cái gánh ngót hơn, nhẹ hơn và cuộc sống mọi người trong nhà lại chật vật hơn. Mấy cái chiếu từ ngày đem đi, còn giữ được, vẫn đeo theo. Mỗi quấy lại cuộn khoanh nó trên cạp thúng. Bây giờ cái chiếu nào cũng đã gãy đôi cả. Hễ trải ra nằm thì gập giường rơi đầy những cọng chiếu vụn. Cái năm đầu, mẹ con còn mỗi người một gánh hàng tằm.

Anh Phú buôn thuyền, ngược muối, thuốc Lào. Thế mà rồi dần dần, mòn mỏi, gánh hàng tẩm hạ xuống chỉ còn cái thúng bán quà vặt. Cuối năm, máy bay mấy lần ném bom phố Bến. Nhà cháy. Rồi, anh Phú đi khu Ba thì bị lọt ổ phục kích của Tây.

Từ đấy, cả nhà kiếm ăn vá víu từng bữa. Phải kiên gan mới đứng lại được giữa những lao đao ấy. Thôi thì chị Phú, cô Thảo gồng gánh, gập gù buôn nấy, làm nấy. Bà Hai đi khâu mướn. Ông Hai cời trần xoe tay đánh chỉ, xe chỉ cho con đi chợ. Ông làm không kể ngày đêm. Ông chỉ sợ vì ông mà các con khó nhọc thêm.

Ông Trầm xưa ở nhà và nay đi tản cư thì cũng thế, vẫn sống lối ngày trước. Vả lại, lưng vốn mà rộng thì buôn bán như dài chân dài tay, nói rồn cũng ra tiền, ngồi đấy mà tiền cũng cứ bò vào nhà. Những chuyến muối, vải, thuốc Lào, mỗi lần hàng toán lái ở xuôi đem lên, lại như đổ của vào nhà. Nhưng ông chưa vừa lòng, ông vẫn so kè: “Ngày trước tôi buôn sừng như ngồi cửa quan ấy chứ. Bây giờ vừa người khôn của khó mà lại lặn lội đầu sông cửa suối, cái chết lượn trên đầu. Chà chà, khó quá”. Cho nên, cứ máy bay lên quấy phá tợn thì ông lại tính chuyện về tề. Ông coi về hay ở cũng là cái chuyện thường. Ông thích nghe ngóng, chấp nhặt những chuyện làng quê tỉ mỉ. Những chuyện xa gần hơi hướng quê hương ấy đã làm hoang mang ông Hai.

Thảo buông tay kim, bảo chị:

- Cũng chỉ vì kinh tế nhà ta bây giờ không ổn nên thầy mới phải nghĩ thế. Buồn cười, lúc nào cụ cũng coi như con cái còn bé tí, không muốn đứa nào vất vả. Nếu có việc làm hàng ngày thầy đỡ dần được thì dầu sao thầy cũng vui. Nhưng trước hết phải gạt cái chú Trầm đã. Em không ngờ bụng dạ chú ấy xoàng thế.

Làm lành với em, Phú cười: “Ừ, cả nhà ấy cứ thườn thượt thế, chẳng thay đổi gì. Mà họ thừa mứa chứ như nhà mình thì chịu sao được”. Hai chị em thức khâu cố một lúc nữa, quá nửa đêm mới tắt đèn. Trong im lặng, mỗi người vẫn vơ một ý nghĩ. Giữa bóng tối, Phú lại thấy mình không “cứng cỏi” được như lúc ngồi với em. Câu nói của ông Hai khi tối “đem cả con cùng về” lại trở lại miên man day dứt. Ngoài vách nửa, ánh trăng gọn ghẽ như trong chiêm bao. Phú nhớ khi hai vợ chồng mới lấy nhau. Những ngày vui ấy đã qua rồi. Nhưng những người buồn hay nghĩ bằng kỷ niệm. Nước mắt Phú ứa ra. Phú thoáng nghĩ: “Hay là mình về... Cả con cũng về...”. Phú cắn môi, nước mắt nhỏ xuống chiếu, Phú trở mình, một tay úp lên người con.

Xa đằng đầu phố, có tiếng mơ hồ lao xao...

Khi ấy, Thảo cũng còn trần trọc chưa chợp mắt. Thảo chẳng thích lối buôn hóng, chạy hàng bấp bênh không ra thế nào. Nhưng cái mơ ước có miếng vườn, có quả đồi tăng gia thì càng ngày càng mờ nhạt. Nhà ta đơn lưng lăm rồi. Thảo phác qua trong đầu một ít việc: mở lò khâu (hàng trăm vạn một cái máy), làm bánh kẹo, làm thuốc lá, làm đường, buôn chè (nghề nào cũng phải có sổ vốn to), hay là làm nón, áo toại, đan bồ? Phải, làm những cái này thì cả nhà đều có việc. Ông cụ cứ suốt ngày vót vành, là lá thì thật khéo. Nhưng những nghề này phải lâu mới bắt được mối. Mà vốn thì còn. Lấy đâu để ăn dài những lúc mới dên dáo? Vẫn là những khó khăn không giải đáp được, cô Thảo ạ.

Dường như đã khuya. Có tiếng rì rầm xa. Thảo đoán, như mọi khi, sắp có đoàn dân công nửa đêm qua phố. Ngoài sân, trăng suông lạnh ngắt. Rồi những tiếng chân lạo xạo, chệnh choạng lại

gần, như khiêng cái gì nặng. Thảo chợt nhớ câu hỏi của mẹ lúc này. Hay là có thương binh về? Chẳng lẽ. Đã được báo tối mai mới đón thương binh cơ mà?

Thảo sang giường chị Phú, gọi khẽ. “Chị, chị Phú...” Phú đưa tay che mặt, dầm dìa nước mắt, im lặng, vờ ngủ. Không gọi chị nữa, Thảo rón rén dậy ra đầu hiên. Quả nhiên Thảo trông thấy có những chiếc cáng thương binh đen lù lù đi qua lên dốc trên đầu phố. Những chiếc cáng được đặt xuống rồi có người quay lại trạm gác ngã ba xin lửa hút thuốc. Họ đi nhẹ nhàng trên đường cát. Tuy vậy, như cả phố biết, đã trở dậy, nhà nào cũng đứng sau vách nhìn ra. Một vài nhà sáng đèn. Rồi có những tiếng guốc người đi ra chỗ dân công hút thuốc Lào, hỏi nhỏ nhỏ:

- Các anh ấy có khát nước không? Đau thì chóng khát lắm. Nước chè nóng đây...

Mấy bà đi sau, xách nải chuối. Trông dáng cũng biết là các bà Hội Mẹ Chiến Sĩ. Sao các mẹ lại biết có thương binh qua phố? Có lẽ ngoài bờ sông đã tổ chức đón rồi đưa tin vào. Thế mà đoàn thể phụ nữ lại được thông tri tối mai mới đón! Nhưng Thảo cũng chẳng băn khoăn. Báo sai giờ họp, công văn chậm và nhằm ngày đã thành tật, khó chịu mấy rồi cũng thôi. Vả lại, các mặt trận trên Tây Bắc, đương nhiều thương binh về. Đường sông đêm đi ngày nghỉ, không tính trước được. Ngay lúc ấy, theo thói quen, Thảo nhắm việc. Năm ngoái, thương binh chiến dịch Lý Thường Kiệt về, bà con hàng phố đem quà bánh cho anh em cứ mạnh ai người ấy đưa, có khi hai ba nải chuối để quanh đầu một cáng, có cáng bỏ sót không ai đưa được chén nước tói.

Thảo thành linh quay lại.

Bà Hai đứng sau con gái từ lúc nào. Bà hỏi: “Thương binh về rồi à? Ra các bà ấy ở ngoài phố bên nói đúng. Nhiều hay ít, hả con?” Nghe mẹ hỏi, Thảo thấy mũi lòng thương mẹ. Thảo ghen ngào một lát mới nói được: “Nhiều, mẹ ạ”. Thảo biết mẹ đương nhớ anh Định. Lòng mẹ thương những người con ngoài mặt trận cũng là lòng mẹ thương con, đưa con mang nặng đẻ đau, dù nó đã biết cầm súng ra đi vì nghĩa cả, nhưng lúc nào mẹ cũng tưởng như nó còn bé, mỗi lần nó về nhà mẹ lại dặn dò đi đâu phải cẩn thận nắng gió.

Định, anh của Thảo. Thảo nhớ những lần anh Định về thăm nhà.

Lần ấy, trong một trận đánh đồn, trung đội phó Định bị đạn vào cánh tay, phải thương nhẹ. Sau chiến dịch, ở quân y ra, Định được phép về nhà nghỉ. Đêm đó, thuyền xuôi sông Thao. Nửa đêm cặp bến, Định lên bến, đi trong đám đông người lên bờ. Bến khuya, không có đèn đóm. Trời tối quá. Định không biết lối đi. Vả lại, mấy bận về nhà, nhưng chưa lần nào về đàng bến. Định hỏi cầu may:

- Cho tôi hỏi thăm lối nào về nhà cô Thảo ở trong phố?

Thì có người hỏi lại:

- Ai như tiếng cậu Định phải không?

- Vâng, Định đây.

Một tiếng reo lớn:

- Ở kia cậu Định. Anh Phú đây.

Định dựng cái gậy chống tựa vào bờ hàng của anh Phú, nắm tay anh Phú. Định còn chưa

tưởng tượng được sự đổi thay của người anh rể, một người thợ cửi, quanh năm ro ró làm ăn ở làng, bây giờ đã thành một tay buôn xuôi ngược đến đổi tiếng nói cũng khác cả giọng!

Về nhà, Định kể lại chuyện cùng thuyền mà anh em không nhận được nhau, cả nhà còn cười mãi. Ở nhà mấy hôm, dù biết là nhà ai bây giờ cũng gieo neo, nhưng Định cũng cứ nửa thương nửa mừng. Mỗi buổi chiều, bà Hai và em Tuấn đi kiếm cái đụn ngoài rừng nửa về, hai mẹ con hai gánh nặng. Chị Phú và Thảo bán bánh tẻ, bánh nếp. Ông Hai cầm cùi chẻ tằm, đụn nước cho khách ăn hàng uống nước tráng miệng.

Lúc ấy bà Hai bảo Thảo:

- Tao ra thăm các anh ấy một mảy.

Thảo trông nghiêng hình mẹ đi ngoài đường, thấy tay mẹ cũng xách một nải chuối. Thế ra mẹ đã sắm sẵn chuối từ bao giờ!

Đêm nay, lại có thương binh về qua. Công việc thật túi bụi. Hồi này đêm nào cũng có hai việc nổi nhau: Chập tối thì bình nghị thuế công thương. Nửa đêm, ra đón thương binh ngoài bến. Các anh nghỉ chân ở đây, rồi vào viện quân y trong rừng phía chân núi.

Nhà nhà đều để cửa khuya, có đèn sáng. Chỉ nhà ông Trẩm đóng cửa từ chập tối.

Bà Hai bảo Thảo:

- Tao xem ý đạo này chú Trẩm khác lắm. Ngày nào chú ấy cũng sang thì thăm với ông lão nhà này toàn bàn chuyện “về”. Làm cho ông lão cứ ngơ ngẩn, cứ tính quẩn, nói năng như dở người. Cái chú ấy tệ thật! Đi xui nguyên giục bị, tao nghĩ bực lắm.

Thảo nói:

- U ạ, con đương thu xếp. Rồi thầy con sẽ yên tâm, mẹ đừng lo.

- Việc gì thế?

Thảo cười, nửa bí mật, nửa đùa:

- Bao giờ xong con sẽ nói.

Bà Hai lại chêm miệng, mắng: “Mẹ mày! Bí mật cả với tao!”. Cái năm tản cư, Thảo mới mười bốn tuổi. Thật là vất vả, chẳng còn được như ở nhà. Cơm thì hạt ngô công hạt gạo, có khi chỉ nắm lá sắn để vừa làm canh vừa làm dưa. Mà sao, nói trộm vía, lên ở đất đồng rừng thế này, con bé nó vẫn lớn như thổi. Mái tóc nó dài óng như tóc bà ngày con gái. Chẳng mấy ngày, mấy lúc không có người gọi. Mặc dầu bận công tác, Thảo vẫn lo việc nhà, đỡ được bà nhiều. Thật ra, buôn bán bây giờ cũng như gian khổ kháng chiến, ngày càng khó. Bà Hai chỉ còn sức buồn ngồi buồn đứng từ bờ sông vào chợ. Bởi vậy, chị em Phú càng phải lặn lội ra làm.

Bấy giờ, Thảo nói:

- Còn cái chú Trẩm, thế nào cũng có hôm con nói toạc vào mặt cho.

- Ranh! Khẽ chứ!

Thảo dặn mẹ:

- Con đi sửa soạn việc đêm đón các anh ấy.

Rồi Thảo thoát ra. Cái phố về đêm đã sống lại. Trên dòng sông tối đen, những chiếc thuyền vút ánh sáng ra vào. Tiếng vó ngựa thồ rậm rịch, nghe từ đằng xa lại. Người vào phố mua bán, nghỉ trọ, tấp nập trong ánh đèn đèn đục làn khói lẫn sương mù. Thảo đi khỏi, bà Hai cũng buông hai phen cánh cửa. Bà dặn ông Hai lúc ấy đương đứng cửa:

- Ông trông nhà.

Rồi bà ra bến đón đong gạo thuyền lên. Đi mấy bước, bà chợt trông thấy ai hao hao như ông Trẩm. Ông ấy cầm cúi đi. Bà Hai đứng nhìn lại. Như cảm thấy điều gì nghi ngại, bà trở về. Ông Hai cũng đã vào nhà. Hình như hai người đứng nói chuyện ở đầu hiên. Bà vòng ra vách sau, nghe ông Trẩm nói cộc lốc như gắt.

- Thế thôi!

Rồi bóng ông Trẩm vằng đi ra cửa.

Lát sau, làm như tình cờ, bà Hai bước vào nhà, nói to:

- Ông Hai chẳng khêu đèn lên một mảy, nhà tối om thế này.

Ông Hai gọi cái bắc củ đã lụi trong đĩa dầu dục. Ánh sáng vừa lóe lên, ông Hai nhột nhạt nói:

- Ông Trẩm về tề rồi.

- À. Thảo nào.

Ông Hai bỗng bối rối, bà Hai nhìn ông trừng trừng. Ông cuống queo. Tay chợt giơ lên, đụng chiếc mũ dạ lù lù trên đầu. Bà ấy nhìn cái mũ dạ. Ông hốt quá, cầm giấu ra sau lưng rồi run run đi lúi vào vách... Bà Hai làm như không để ý, bà quay đi. Trong bụng bà xốn xang. Bà biết, từ ngày trước, ông Hai chỉ đội cái mũ ấy mỗi khi ông định đi đâu. Vừa rồi, ông định đi đâu?

Thế là bà Hai không dám ra bến nữa. Bà đóng cửa, tra dõn cẩn thận.

Ông Hai đã ngồi vào giường. Ông nằm xuống, đắp chăn kín mặt. Bà ấy có biết được cái chuyện vừa rồi ông định thế nào không? Ông bối rối, ông sợ. Ông không dám nghĩ nữa.

Lát sau, Phú đi đong muối dưới bến về. Bà Hai nói:

- Lão Trẩm về tề rồi.

Hai mẹ con im lặng. Ông Hai cũng nằm im trong chăn, nghe. Nhưng không thấy bà Hai nói thêm, ông đoán bà Hai không biết thêm gì nữa. Tuy vậy, nghĩ đến cái mũ... nghĩ đến bà ấy có thể gặp lão Trẩm ở đây ra... nghĩ nhiều thứ... Bà ấy biết rồi, bà ấy biết cả rồi. Bà ấy thương mình mà không nói ra cho con cái biết. Nhưng mà... ồ thì cứ cho là bà ấy không biết gì cả. Ông Hai khẽ thở dài, để được yên tâm.

Song chỉ một lát, ông lại rối cả ruột. Không, bây giờ thì ông dứt khoát, ông dứt khoát không dám về. Mà chỉ còn lại nỗi lo lắng, ngượng ngùng trong lòng.

Ngoài đường, cái phố đêm lại tươi tỉnh khi bóng tối buông xuống. Trong nhà, ngoài đường, dưới bến nhộn nhịp. Một toán ngựa thồ muối đương rậm rịch qua. Hình như bộ đội cũng

ngược chiều, bộ đội ngược chiều mấy đêm nay. Trong bóng tối, nghe liên miên xa đến giữa đồng không, tiếng chân bước ràn rạt và tiếng những đầu thắt lưng, súng, lựu đạn va nhau lách kích. Người ngoài bến quấy gạo, cá, muối, nón... vào phố mỗi lúc mỗi đông, có lúc rùng rục một bó đuốc qua, sáng cả vào vách nhà. Sinh hoạt thâu đêm của cái phố nhỏ rồn rập.

Tiếng Thảo gọi cửa.

- Gớm, sao u cài then sớm thế.

Cửa mở. Thảo ào vào, nhà vui hẳn lên. Chị Phú thì thào:

- Nhà chú Trầm về tề rồi.

Thảo hỏi lại:

- Thày có biết không?

Phú đáp:

- Thày ngủ.

Bà Hai không nói. Chẳng bao giờ bà nói ra chuyện ấy. Đằng kia, nằm trong chăn, ông Hai lại nổi cơn lo. Đến khi không nghe thấy bà Hai nói, ông mới yên tâm. Lần này ông yên tâm hơn.

Thảo bỗng khanh khách cười:

- Ô kìa, có gì mà phải lo. Mặc thiên hạ, ai thế nào mặc ai, mình cứ việc mình. Em về gọi u. Thuyền các anh ấy về đầy bến rồi.

Thế là bà Hai đi ngay với Thảo. Trước lúc đi, nghĩ thế nào, bà dặn lại Phú:

- Mày cài cửa cẩn thận nhé.

Trong nhà, im lặng nặng trĩu.

Ngoài đường lúc này đương đông buổi chợ đêm. Đuốc đóm, từ ngoài bến vào, từ các vùng đồi quanh đấy đi ra, lơnh, tắt tưởi rực sáng.

Chuyến thương binh về tối ấy chỉ còn có hơn hai mươi chiến sĩ bị thương nhẹ. Các anh bảo cho được đi bộ để đỡ khó nhọc dân công. Các anh đi từ ngoài bến vào trong phố. Nghỉ ở đấy, ăn cơm sáng ban úy lạo của phố mời, xong mới vào y xá.

Họ đã ngồi cả trong nhà. Mấy anh xuống bếp nhặt rau, thái thịt, làm đỡ các chị đến thổi nấu.

Bà Hai đã quên nỗi lo ban nãy, bà khêu to đèn, rót nước, rồi cứ ngồi đầu phản ngắm từng người.

- Anh giống Định quá. Định nhà tôi cũng thế. Sao bộ đội anh nào cũng giống nhau? Cái năm bốn mươi chín, Định cũng bị thương, được phép về nghỉ mấy ngày. Anh có biết Định không? Định ở Trung đoàn...

Nghe số hiệu đơn vị của Định, một anh nói:

- Chắc anh con ở nhà thì tên khác, vào bộ đội lại đặt tên khác. Chúng con cũng thế. Có gặp cũng khó lòng biết.

Ngoài cửa, có hai anh đứng tựa vách. Họ đứng nhìn ra ngoài trời đầy bóng tối trắng sắp lên, cứ rạng dần. Có lúc buồn tay gõ gậy cọc cọc xuống đất, có lúc lại rì rầm chuyện. Rồi im lặng, chăm chú nghe chuyện trong nhà. Một anh nói:

- Ở đơn vị trước, tớ cũng bạn với một thằng tên là Định, thân lắm. Đi trận chúng tớ gói quần áo gửi cùng nhau. Bây giờ nó sang pháo binh. Nó bảo tớ là nó có con em gái. Bao giờ độc lập, nó sẽ gả em gái cho tớ.

Một tiếng cười nhạo đáp lại:

- Chuyện thiếu thời gian tính.

Rồi cả hai người cùng cười. Một anh hát: *Lô Giang... Dòng nước trong xanh... Có mái nhà xinh...*

Họ lơ đãng, không để ý vách trong có các chị đương làm bếp. Các chị cũng vừa làm vừa nghe lóm chuyện hai chiến sĩ ngoài cửa. Nghe đến quãng ấy, mấy cô nháy Thảo, rồi bùm miệng đấm lưng nhau cười khúc khích. Thảo ngồi xế cửa, đương gọt su hào. Thảo ngượng nóng mặt. Chốc chốc, Thảo lại ngước lên, bặm môi, nén cười, dọa mấy chị ngồi cạnh: “Yêu cầu trật tự, trật tự nhé!” Nhưng thỉnh thoảng mắt Thảo cũng kín đáo đưa ra ngoài hiên. Trời còn tối, không trông rõ ai. Rồi dánh chừng hai anh chàng chuyện mánh ngoài vách cũng biết người trong nhà nghe lỏm, họ bèn im. Chỉ còn nghe tiếng gậy, buồn tay, đôi lúc gõ cọc cọc dưới chân vách.

Cơm xong, tuy trời chưa sáng, nhưng để tránh máy bay, các thương binh vào phân viện quân y. Thảo chú ý nghe chuyện, nghe tiếng, để ý nhìn mà không thể nào nhận ra anh nào lúc đêm đã đứng nói chuyện ngoài vách. Bây giờ các anh ấy đi rồi. Chỉ còn nghe tiếng giày nhẹ nhẹ trên cát. Những tiếng hát nho nhỏ vẳng lại. Thảo nghe như cũng có câu: *Lô Giang... Dòng nước trong xanh...*

Thảo đứng nhìn theo.

Trời đã dửng sáng. Sương bắt đầu tan, từ giữa mặt sông hiện ra những chiếc thuyền bơi ngược suốt đêm bây giờ đương kéo kẹt vào bờ tìm chỗ ẩn máy bay. Có tiếng hát và khói thổi cơm bốc lên. Thảo đương đi. Thảo vẫn nghĩ đến câu chuyện ngoài vách lúc trời còn băng khuâng tối của hai anh bộ đội. Hơi sương từ ngang sông bay lên phào lấm tấm má Thảo, lành lạnh âm ẩm. Ánh nắng sớm rục rờ lồng trong sương.

Bà Hai về, đã thổi chín cơm. Thảo nhảy vào bếp, Thảo vỗ cánh tay mẹ. Thảo lắc đầu, rũ rũ tóc, làm nũng như ngày còn nhỏ. Bà Hai mắng: “Mày ngộ đấy à!” Rồi bà đưa cho Thảo cái thư vừa đến.

Thảo đọc, reo lên:

- Xã trả lời bằng lòng cho nhà ta cái đồi tăng gia. Thế là chương trình của con xong. Con tính u nghe này. U với con ở ngoài này chạy chợ. Còn cả nhà vào trong đồi. Thày con vót vành nón và trồng chuối, trồng sắn. Bao giờ anh Định về, anh ấy được yên tâm.

Bà Hai vừa vằn nồi cơm, vừa thủng thỉnh nói như nhắc lại: “Yên tâm! Anh em mày thì cái gì cũng hợp nhau!”

Bữa cơm sáng ấy ông Hai cứ hỏi tỉ mỉ về cái đời xã vừa cho. Rồi bàn người giồng sắn, người giồng chuối. Câu chuyện một lúc u ám đêm qua dường như không có.

Vài hôm sau, ông Hai vào ở trong đời.

Thảo vừa tạt về nhà, nói:

- Thày ạ, có người làng ta vừa lên kể bố con nhà ông Trầm về chuyến ấy vướng càn, chết cả rồi.

Bà Hai nhìn ông Hai.

Chị Phú thì lặng lẽ khóc. Phú chạnh nghĩ chồng mình ngày ấy đã phải càn thì chắc cũng chết rồi. Con người vốn dễ lo, dễ buồn, Phú lại lo nỗi lo mới.

Thấy chị khóc, Thảo không hiểu: “Ơ hay...” Nhưng đương bận, Thảo lại ra phố.

Chiều mùa đông chóng tối. Những chiếc máy bay mỗi ngày lên lục soát bắn phá dọc sông vừa về xuôi, trời đất ắng lặng hẳn rồi, thuyền bè lại ra giữa dòng, và mọi nhà đã lên đèn. Cuộc sống về đêm của cái phố bến lại bắt đầu tấp nập, cuồn cuộn, mãi miết.

1951

Tội làng

Xã Trường Minh có bảy thôn. Tây về lập tề, xây chốt ở thôn Đình Thượng trong xã. Từ đấy, ngày ngày đồn Đình Thượng đi càn quét khắp bảy thôn.

Nhiều người còn kể: cái ngày mới hòa bình, Tây ở đồn Thượng vừa rút khỏi, xung quanh đã kéo đến đầy làng Thượng, sục vào từng nhà, lục lọi tìm đồ đạc, trâu bò mấy năm nay đã bị cướp về đấy. Bấy giờ, nếu không được bộ đội giải thích thì có thể xảy ra đổ máu to. Người ta hét: “Vật râu tăt, từ những thằng già trở đi. Phen này phải bỏ tù cả cái làng Thượng thì ông mới nghe”. Mãi về sau vẫn còn nhiều người nói: “Bọn làng Thượng đi lính, theo đi càn, cướp cả từ chai nước cáy. Trên bảo khoan hồng thì khoan hồng chứ cứ như tội cái làng nó thì đáng từng xẻo!”. Nhiều người còn thâm thù làng Thượng.

Hồi ấy, tôi về công tác xã Trường Minh, đã ở thôn Đình Thượng. Một lần, được nghe chuyện chị Cơi, một du kích trong kháng chiến, tôi mới hiểu thế nào mà ra cái tội làng Thượng.

*

* *

Cơi có một người chị. Cơi cũng chỉ hao hao nhớ chị. Bởi từ thuở bé, mẹ đã phải đưa chị đi ở cho người ta tận huyện Thanh Hà. Chị đi đã mấy năm, Cơi không thấy lại mặt. Chỉ nghe mẹ nói chuyện nhà rằng ngày trước bố mẹ Cơi cùng ở làm cho nhà ông lý Ao và hai người đã thành vợ thành chồng ở đấy.

Đến năm Cơi tám tuổi, bố Cơi phải một trận đau mắt rồi hỏng mắt, không còn đi cày được. Vợ lý Ao xuống cuối làng gọi một người thợ cày về ở năm trong nhà. Biết ý người ta muốn đuổi mình, một hôm, bố Cơi bỏ nằm cửa chuồng trâu nhà lý Ao, sờ soạng ra ở cái quán giữa đồng. Mẹ Cơi đòi tiền công lưu niên của chồng thì lý Ao cười khểnh: “Tao phải trả lương hưu trí cho chồng mày à?”

Từ hôm ấy, bố Cơi chống gậy đi ăn mày. Rồi một hôm khác, bố Cơi bỏ đi đâu, cũng chẳng nói một lời nào với mẹ Cơi.

Từ khi bố Cơi đi thì người thợ cày cuối làng đến ở hẳn nhà lý Ao. Vẫn cái cày ấy, con trâu ấy, và cũng như bố Cơi, hôm nào bác ta cũng ra đồng từ gà gáy, đi được mười đường cày rồi trời mới tang tảng. Ở nhà, mẹ Cơi bằm bèo cho tới khi hai đồng bèo đùn lên ngập lưng cột, người vẫn còn ngồi bằm. Cơi thì rúc đầu xuống rút rơm. Cây rơm cao bằng mái đình, mỗi lần rút, Cơi phải giơ cái cẳng chân nhái bèn lên đẩy ra, mới kéo được một nắm.

Công việc hàng ngày của kẻ ăn người làm trong nhà quần quật như thế, không có gì thay đổi. Như khi bố Cơi còn ở nhà. Và mỗi buổi chiều, ông lý Ao vẫn ngồi uống rượu giữa sân.

Nhưng mẹ Cơi thì càng ngày càng lặng lặng, suốt ngày không thốt một lời, như người bệnh câm, không còn biết nói nữa. Hai mẹ con, đêm nằm cái chõng đầu chuồng trâu. Nhà chủ để người nằm đấy cũng là phòng trộm vào dắt trâu. Xưa nay, khi còn bố Cơi ở thì cả nhà Cơi cũng vẫn ngủ đấy. Bố Cơi đi rồi cũng vẫn ngủ đấy. Gà gáy canh hai, ai nấy nhòm dậy, mắt nhắm mắt mở, mỗi người chạy một ngả việc, không ai kịp nói với ai nửa câu. Mẹ Cơi mở dãi cổng trâu

dọn chuồng. Cút trâu bốc hơi, nòng chảy nước mũi, nước mắt. Mặt, mắt mẹ Còi lóa dần, ngẩng lên, trông ra cây rơm ngoài sân thì thấy vàng vàng nhấp nhóa. Phải hơi cút trâu mãi, mẹ Còi càng ngày càng kém mắt. Về sau, đến nỗi mẹ Còi lội ao vớt bèo, không biết lên bờ sâu bờ nông đằng nào, Còi phải thò cái sào nửa xuống dắt mẹ lên. Mẹ Còi chỉ khóc. Làm người cốt có hai con mắt thì hai con mắt lòa.

Thế là, cũng như bố Còi, mẹ Còi hỏng mắt. Mẹ Còi không đi làm được nữa. Chỉ quanh quẩn mớ máy việc trong nhà. Còn thì cứ ngồi dưới chuồng trâu suốt tháng. Vợ chồng ông lý Ao cũng không ai nhắc. Mọi người làm ăn tấp nập qua lại, cũng chẳng ai để ý. Mỗi bữa ăn, Còi bưng một bát cơm về cho mẹ, ông lý lại quát:

- Liều liệu đấy, nhà tao đây không phải trả lương hưu trí cho đứa nào nhé.

Mẹ Còi rụng rời. Làm sao quên được cái câu ghê gớm lý Ao vừa nói vừa cười khểnh “Tao không phải trả lương hưu trí” cái năm chồng bà chống gậy đi. Nghĩ cực chẳng đã, thế này thì không còn mặt mũi nào mà ở lại nữa rồi.

Nửa đêm, mẹ Còi lay Còi dậy. Thấy tay mẹ ướt, Còi biết mẹ khóc. Còi nói dối: “Cứ khóc mãi thì còn gì mắt”.

- Con ơi con! Mày dắt mẹ ra ngoài cổng đồng.

Nhưng Còi vẫn ngái ngủ, Còi lại ngủ. Mẹ Còi ngồi tựa cột chuồng trâu như thế cho tới sáng gà gáy canh hai thì mẹ lôi con dậy dọn chuồng, như mọi khi.

Bà ngồi nghe cái dõng cổng con mình vừa tháo xuống, lúc hai con trâu thấy người vào thì thò cổ ra hít phè phè, rồi quen lệ, chúng ỉa phạch phạch thêm một bãi nữa mới chịu bước ra. Còi lùa cái mai vào cõn cột hót phân. Mùi phân hôi nồng nặc ra tận đây. Lúc này nước mắt, nước mũi con gái đương đổ ra. Hai con mắt, bốn con mắt, sáu con mắt bố mẹ con cái đều vùi trong cái hơi phân này. Cũng lúc ấy, trên nhà, lý Ao ra bể nước đứng súc miệng khoảng khoạc. Ở cửa nhà ngang bước ra mấy người canh điền, vai cày, tay vác cuốc, tay búi nhùi lửa, đánh trâu đi, lúc ấy cái Còi đã đổ xong hai gánh phân trâu vào chuồng gio, trở vào ném phạch đôi quang xuống, chạy lên thay thau nước cho ông lý vừa trở dậy rửa mặt.

Những công việc trong nhà trong sân lúc tờ mờ sáng, mẹ Còi nghe biết quen thuộc quá nửa đời người rồi. Nay thì mắt lòa, bó tay ngồi đây. Càng thấy nhớ làm, khổ quá, thêm làm quá. Nhưng mà “vợ chồng dâu con ông lý” không ai bảo mình một câu. Lại nghe ông lý quát xuống: “Nhà tao đây không phải trả lương hưu trí, không phải cơm bưng nước rót hầu đứa nào”. Cái ông lý thâm hiểm tài nói xa, nói mĩa. Thế rồi mãi tối cũng không thấy Còi xuống cho cái ăn như mọi khi. Cơ chừng họ triệt đường cơm nước mình rồi. Đến tận lúc Còi lủi vào ngủ, nó dúm cho mẹ một nắm cơm, thì thào: “Bà lý hai bà ấy giăng bát...” Mẹ Còi không nói, bà ngồi tựa cái gióng chuồng trâu. Cho tới nửa đêm, nửa đêm ấy, bà lại lay Còi. Còi tỉnh dậy, lại thấy tay mình ướt đầm nước mắt mẹ.

- Còi ơi Còi! Mày dắt mẹ ra ngoài cổng đồng bây giờ.

Lần này Còi nín lặng rồi Còi khóc, rồi đứng lên. Còi dắt mẹ đi. Bước khỏi cửa chuồng trâu, nơi vợ chồng đã ăn nằm, sinh con đẻ cái, quá nửa đời người ở đấy, mẹ Còi nức lên. Hai con trâu nghe động, thò mũi ra thở xì xì. Cửa vẫn đóng kín, có đàn chó xô ra. Nhưng thấy người quen,

chúng lại xúm xít nhảy cõn, quây lấy hai mẹ con Cơi đương vịn nhau qua cái sân sáng trắng. Cơi còn nhớ mãi.

Cho đến sau này, mỗi lúc nhớ cái khúc khổ ấy, bao giờ Cơi cũng khóc. Đến tận hôm nay, nhớ lại nỗi khổ đời mình đến cái đận ấy, Cơi còn nghẹn ngào.

Cơi đưa mẹ ra quán giữa đồng. Năm năm trước, bố Cơi đã ra ở cái quán này. Cơi ngồi với mẹ một lúc, mẹ nói: “Sắp sáng rồi, mày phải về mở dãi chuồng trâu đi. Mẹ đã liệu được thân mẹ rồi, đừng lo”.

Cơi trở về, vừa lúc con bác Năm - người thợ cày về ở năm thay bố Cơi ngày trước, thằng Kể - đương đun nước, chốc nữa ông lý uống chè sớm.

Thế là mẹ Cơi đã ra khỏi nhà lý Ao. Cũng không ai hỏi đến. Mãi một hôm xuống chuồng trâu, bà lý Ao mới hỏi Cơi:

- Mẹ mày đâu rồi?

Cơi không nói. Mụ đánh Cơi một cái cốc, rồi cũng chẳng hỏi thêm. Bấy giờ đương hồi đói, ngoài đường, người đói lữ lượt đi như cô hồn. Kiếm được miếng ăn càng khó, cái mạng con người càng rẻ. Bác Năm thợ cày phải về đón cu Kể lên, cũng xin cho vào ở nhà lý Ao. Ngày ngày cu Kể với cái Cơi bằm bèo thay mẹ Cơi, bằm cho đến khi đông bèo lù lù cao lấp cả hai đứa trẻ mới đủ ngữ cho năm con lợn ăn. Rồi lại hót phân, thả trâu, chăn trâu, rút rơm cứ quần quật, tối mịt.

Cơi để giấu một nắm cơm từ ba hôm sớm nay mới trốn ra được với mẹ. Như mọi khi, Cơi chắc lúc này mẹ chưa đi xuống chợ kiếm ăn. Cơi chạy vào quán, thấy cái chiếu còn đắp. Mở chiếu ra thì mẹ đã lạnh đen, chết từ bao giờ. Bốn phía đồng không mông mênh. Cơi ngồi trong quán, khóc thật to. Cũng không ai nghe tiếng. Sau Cơi chạy xuống đồng dưới. Bác Năm đương bừa dưới ấy. Nghe tiếng Cơi khóc gọi, bác Năm bỏ bừa lên.

Bác Năm vào xóm mượn cái thuổng. Qua bờ tre, bác chặt một cành tre non làm lạt. Mẹ Cơi nằm trong manh chiếu buộc ba vành lạt tre.

Bác Năm chôn mẹ Cơi ngay trên bãi trước cái quán mẹ Cơi đã ở. Cơi đứng trước nắm đất, chốc lại khóc, chốc lại nghĩ đến chị đương ở Thanh Hà. Cơi không muốn trở về nhà ông lý. Nhưng huyện Thanh Hà xa xôi kia ở phía nào? Thật thì cả mặt chị, Cơi cũng không còn nhớ được nữa. Cơi lại khóc.

Bác Năm trở cái thuổng ra đằng trước:

- Đầu mẹ mày nằm gối về Gò Chùa, chỗ cái cây gạo kia kìa. Mày trông mà nhận lấy, sau này khỏi nhầm.

Cơi ngược mắt trông về phía cây gạo. Mắt lóa lên cây gạo như nhìn thấy bóng mẹ và chị rách rưới ở Thanh Hà lên, đương vẫy Cơi đi. Bác Năm cúi xuống phủ vai áo lấm cho Cơi, bảo:

- Về thôi.

Cơi mới nhớ ra. Nào biết Thanh Hà ở đâu? Chẳng thể làm thế nào được, Cơi rầu rĩ, trở lại nhà ông lý Ao.

*

* *

Khi Tây đánh đường số 5, chiếm luôn cả vùng Trường Minh, dọc theo đường cái.

Tây sục vào làng Đình Thượng. Lý Ao chít khăn, mặc áo thụng xanh, vòng tay đứng chực trước cửa.

Thế là lý Ao ra làm xã ủy.

Một năm sau, tên tổng ủy, kiêm đồn trưởng đồn Thượng Tây, cho ông ta trông coi cái lô cốt vuông mái tôn mới xây trấn đầu làng Thượng. Mỗi hôm, ông đồn trưởng lại xách ba toong từ nhà lên bột, có người đóng các súng đi hầu sau lưng.

Lý Ao thường cười khẩy, nói:

- Làm việc cho Tây chỉ được cái tiếng ác, chẳng được miếng dếch gì.

Ấy chỉ bởi vì nhà ông lý phải bỏ ruộng trắng nhiều. Người làng chạy đói chạy loạn đi đâu cả, không mượn được ai ở năm, ở công mùa, công người nữa. Chỉ còn có bố con nhà Kể và cái Còi vẫn lẻo đẻo ở, cũng chỉ kham nổi vài mẫu.

Nhưng từ khi Tây cho xây bột đầu làng Đình Thượng thì lý Ao phát tài. Bởi xây bột thì mỗi nhà phải góp gạch, đóng tiền. Tiền ông bỏ túi, gạch ông khuân bớt về nhà, còn người các làng thì bắt lên làm bột. Thôi thì gạch đình, gạch chùa ở những đâu đâu đều cho đông đi dỡ hết. Mỗi nhà còn phải khoán mấy đợt gánh gạch, đánh vữa, đào móng. Vợ ông lý lên tỉnh cất xi măng, dây thép gai về bán buôn cho đồn. Đến khi xong lô cốt, có lính về đóng đông thì các vợ ông chia nhau thầu cơm, mở sòng xóc đĩa và quán quà, rượu, thức nhắm. Trong nhà lúc nào cũng nuôi sẵn chục con lợn mới kịp mổ bán. Vì ruộng bỏ, cấy ít, việc nuôi đàn lợn bây giờ bác thợ cày Năm phải chuyên, có thằng Kể và cái Còi phục dịch. Ba người chia nhau đi mua bèo, băm bèo. Mùa rét cũng như mùa hè, hết đầm mình dưới ao vớt bèo lại quang gánh trên cổ, chạy long tong đầu làng cuối làng.

Một hôm, bác Năm ở bột về, vai trĩu đôi thùng nước vo gạo. Nhà vợ hai lý Ao thầu cơm lính, nước vo cơm nguội cho lợn. Quái, sao nhà lại vắng im thế? Con trâu trong chuồng chưa tháo chốt vẫn đứng yên. Thấy bóng người, trâu hểnh mũi ra thở. Không có người đến cày. Bác Năm chặc lưỡi, đoán: "Lại đi theo cầu cả rồi". Vừa lúc đó, xếp Ao chạy xộc vào. Đầu đội cái mũ chào mào, miệng đeo khẩu súng to như cái ấm giở, tay thì quăng ba toong, hết quan đồn Cổng Tỉnh. Lão quát:

- Lũ nhà này đâu cả rồi?

Vợ ba lão te tái ở nhà dưới lên. Mụ nói:

- Đi đánh đuổi khắp làng cả buổi sáng chẳng được một đừa nào về cày. Chúng nó sợ phải theo càn, chạy tiệt. Cuối tháng chạp rồi mà chưa cấy hết, lại đến bỏ vụ mất.

- Bỏ đấy. Bỏ đấy! Ra lên đèn hương ngoài điện cho tao xong rồi xuống dưới làng Trầm theo càn. Phải đi tận nơi mà trông đồ đạc, không có thì chúng nó cuỗm hết.

Bác Năm đang trợn bèo, cắm vào nước vo trong nhà ngang. Lão trông thấy, hét:

- Thăng này nữa! Mau, đi.

- Tôi...

- Cho đi theo quan mà kiểm cái Tết lại không biết sướng à? Đi mau lên.

Rồi xếp Ao lên nhà, thỉnh chuông. Bao giờ cũng vậy, khi đi càn, xếp Ao kính cẩn ra điện lễ. Lễ xong, vào rót chén rượu thuốc. Làm mấy tợp rượu thuốc nữa rồi giắt cả chai vào bọc, bấy giờ mới đi.

Vừa lúc ấy, Kể và Cơi, đứa thì quấy bèo, đứa quấy cỏ về. Xếp Ao cười hà hà, vung gậy: “Tốt, tốt lắm. Đương túng người theo việc quan. Bỏ cả đấy, đi với ông”. Biết lão ta bảo đi đâu rồi, hai đứa lết lết nhìn nhau. Xếp Ao chống nạnh, thở phè hơi rượu. Cái ba toong quật gánh cỏ vung lên. Thế là Kể và Cơi sợ quá, phải vào lấy quang gánh đi.

Xếp Ao đi sau. Tự dưng, nó hỏi Kể:

- Thăng Kể, mày năm nay bao nhiêu tuổi?

- Tôi mười sáu.

- Con Cơi bao nhiêu?

- Mười lăm.

Xếp Ao gật gù nghĩ ngay ra một mẹo: “Lũ ranh con này hay nghe Việt Minh xui khôn xui dại lắm. Đương thời buổi hiểm người, nó mà bỏ đi cả thì việc nhà việc cửa cũng rầy rà. Chi bằng ông buộc cổ chúng mày lại, cho chúng mày phải hơi nhau rồi thì đi thế đếch nào được nữa”. Xếp Ao nói thật to:

- Chốc nữa, xong việc quan về, tao đứng làm ông Tư bà Nguyệt cho thằng Kể lấy con Cơi hôm nay, hôm nay được ngày... hà hà... được ngày việc quan phát tài, lại được ngày cưới. Bây giờ việc gì cũng phải nhanh nhẹn thế mới được...

Kể và Cơi không hiểu thế nào, không dám quay đầu lại. Hai đứa lật đật chạy. Lão nói gì vậy? Hai đứa càng hãi, càng lật đật chạy về phía trước mặt. Tiếng súng nổ mỗi lúc một gần. Trông thấy cả lửa cháy nhà ngùn ngụt đỏ ngòm.

- Mau lên, mau lên, rồi về tao thịt con lợn cưới cho chúng mày... hà hà...

Vẫn không dám nhìn lại, hai đứa lao về phía tiếng súng, lửa cháy.

Buổi chiều, lính quấy đồ đi càn về, xếp đồng đầy sân. Kể và Cơi cũng mỗi đứa một gánh lặt lè nôi đồng, mâm, lọ độc bình, váy áo. Bác Năm thì mãi chập tối mới lạch về được. Bác giẫm phải mảnh chai, máu chảy cùng đường. Vậy mà sợ đòn, bác cũng phải quấy lê về một gánh đồ.

Xếp Ao cho xách xuống nhà ngang một miếng thủ lợn. Mẹt rượu đỏ phùng phùng, xếp Ao bảo:

- Tao là ông Tư Hồng đây, tao sẽ cho thằng Kể và con Cơi hôm nay ngày lành tháng tốt hai đứa được lấy nhau. Tao cho bố con mày khoan lợn làm lễ, trước cúng sau ăn, thời loạn mà được thế này là tốt, tốt.

Bác Năm chưa hay biết gì về cái mưu mẹo và sự cao húng của lão xếp Ao. Bác cứ ngỡ ngẩn, chưa hiểu ra sao. Vả chăng, bác đương đau chân quá, phát sốt, phải bỏ cả cơm. Nói xong, xếp Ao lại lên nhà trên, còn Cơi với Kế lại vào bếp băm bèo, như thường ngày.

Đêm ấy, cũng như mọi đêm, cái Cơi vẫn nằm dưới cửa chuồng trâu. Cơi úp mặt xuống chõng khóc. Tự dưng, Cơi nhớ mẹ, nhớ chị quá, nhớ hồi hồi như mẹ mới đi đâu vắng hôm qua. Thằng Kế vẫn ngủ với bố bên nhà ngang. Bố rên cả đêm. Tảng sáng, vợ ba lý Ao xuống đánh thức Kế dậy ra sân chọn đồ đạc hôm qua đi càn đêm về, xếp ra thành loại.

Ngày ngày Kế gánh từng gánh lên chợ Giời trên tỉnh.

Cái việc hai đứa lấy nhau cũng bỏ qua như mọi câu chuyện bông lông ba la, mỗi khi xếp Ao say rượu.

Chân đau của bác Năm sưng tấy như cái chĩnh. Bác không nhóc nhách đi được. Bác ngồi xó nhà ngang, ôm ống chân, trông ra những thửa ruộng cày ải xám ngắt một màu đất. Hôm nào lính không phải đi càn thì lại vào tát nước cho nhà quan đồn. Màu đất ải xám ngập nước vừa mới tát lên, đã tươi hồng. Rồi lính lại bừa vỡ ào ào, trắng xóa cả cánh đồng. Ngả mạ, rồi cấy, vẫn lại lính làm. Bác Năm sâu quảng thối chân nằm đấy đã một tháng, rồi hai tháng. Vết sâu quảng ruỗng mãi ra, không nhấc chân lên được. Cơ hồ đến hỏng cái chân mất.

Đồn Thượng hồi này đi càn liên miên. Xếp Ao càng vội thì càng phát tài. Nhưng kể ra, vẫn thiếu người đi thúc dân các làng về theo càn, nếu không thì còn ăn thua to. Vợ hai, vợ ba bận việc nhà không theo trông đồ được. Bọn họ thối cơm nhà thầu, có khi mấy ngày liền đi tỉnh lấy hàng. Ông xếp nói bông: “Tao phải cưới độ mười đứa vợ nữa mới xuể được việc nhà này”, rồi sẵn sàng cười. Bữa rượu sau, lại nói:

- Tao nghĩ ra một cách. Cho thằng Kế lấy vợ bây giờ không bằng cho thằng Kế vào sổ đăng lính. Chúng mày đi tìm vài đứa nữa về đây, tao cho cả vào đăng lính, làm sổ lính ma. Không mất gì cả, cấu đầu cũng được cơm cho vài đứa ăn, mà mỗi tháng ta lĩnh ngon cả sổ tiền lương, đã thế lại có đầy tớ đi theo càn, không lọt đầu hột nào.

Xếp Ao gọi Kế ra:

- Tao cho mày vào lính từ hôm nay, mày đăng lính đồn tao từ hôm nay. Nhớ đấy.

Kế cũng không tỏ vẻ gì khác. Lính hay không thì cũng thế. Vẫn thấy lính đồn Thượng hôm nào không đi càn thì lại vào đây nấu cám lợn, cắt cỏ, tát nước, đi bừa. Kế cũng vẫn đi theo càn, vẫn nấu lợn, cắt cỏ... làm những việc chẳng khác lính.

*

* *

Đồn Đình Thượng vẫn đi càn, đi ăn cướp. Cứ khi nào yên tĩnh, du kích không quấy đồn thì xếp Ao lại đem lính đi càn.

Bác Năm vẫn ngồi một xó. Mỗi hôm, Kế phải nằm trộm cơm mang cho bố. Như dạo nào, Cơi giấu cơm đem cho mẹ. Mỗi hôm ngồi uống rượu, xếp Ao lại lè nhè nói mĩa:

- Tao là xếp tốt mà cũng chưa được Tây giả lương hưu trí “lơ tét” cho đồng nào nhé. Tao bảo

lính nó khiêng thẳng bố mày đi nhà thương Hà Nội cưa chân gọn đi rồi về nhặt việc mà làm, chứ cứ ngồi ăn hươu trí mãi của nhà tao đấy à?

Bác Năm nằm ngoảnh mặt vào vách, nhin ăn đã ba hôm. Bác không rên. Đau trong lòng hơn đau chân. Bác không chớp mắt, hai mắt ráo khô. Đôi mắt ấy đương miên man nhìn lại cả một đời người. Trông ra cửa ngang, thấy thằng Kể từ ngoài đồng về, vừa đặt gánh cỏ trâu xuống sân thì bác nhắm mắt lại. Bác sợ không dám nhìn con. Kể đương rút cái đòn gánh, cúi rạp lưng, tải hai quẩy cỏ ra góc sân. Hai cánh áo rách tơi. Cỏ lau sắc đâm lên cửa tuột máu bắp tay. Bác không dám nhìn, không dám nghĩ.

Hôm ấy, bác Năm gọi Kể và Cơi lại. Bác gọi: “Các con ơi!” Câu gọi nhỏ nhỏ lạ thường. Bác muốn nói, lại ngập ngừng. Mãi sau bác bảo Cơi:

- Cơi ạ, bố mày thì đi mất giỗ. Mẹ mày chết giữa đồng. Nhưng tao chẳng chịu hèn như bố mẹ mày đâu, tao phải chết ở đây, chết ở giữa nhà chúng nó.

Kể gắt:

- Bố nói mới hay chứ!

Quay mặt vào vách, bác Năm nhắm mắt, cố nhin. Mà nước mắt cứ trào ra.

Quá nửa đêm, tiếng chó lặc rắc rắc xa, phía làng Trầm, làng Đáy. Tiếng chó sủa như có động. Đêm trước du kích vừa mới đánh mìn đầu làng Trầm.

Bác Năm lay Kể dậy:

- Mày liệu mà chạy, không có nó lại sắp bắt đi nhặt đồ.

- Bố chưa biết tôi phải vào lính rồi à? Lính chạy thì về nó bắn chết.

Tuy vậy, nghe bố nói, Kể đã như thấy lại cảnh càn quét, người ta khóc than chửi rủa. Kể xuống chuồng trâu gọi Cơi. Bác Năm lại khẽ bảo cả hai đứa:

- Chúng mày cứ tránh đi. Chết thì chết, hôm nào tan càn hãy về. Cái Cơi có qua đồng Chùa thì đắp mả cho mẹ mày. Nhớ đầu mẹ mày gói về cây gạo gò Chùa ấy. Ba năm nay chẳng biết có còn được nắm cỏ không?

Kể cũng lạ, tự dưng bố dặn đi đắp mả mẹ Cơi. Mà sao mấy nay bố cứ nói toàn chuyện chết, nghe gở quá. Nhưng, không kịp nghĩ ngợi gì nữa, trong bóng tối, tiếng chó sủa càng nhiều. Biết thế là đồn Thượng đương xua lính đi bắt người theo càn. Kể và Cơi liền ù chạy ra vườn.

Mờ sáng, ngoài đường, xe tăng phía tỉnh lữ lướt xuống tiếp sức cho bộ binh các đồn đã mò đi vây các làng từ nửa đêm. Quan ba đồn Cổng Tỉnh ngồi xe chỉ huy vào bốt Thượng, tay nhắm nhắm khẩu súng lục, chỉ chực vẫy. Xếp bốt Ao thấy Tây đến, choáng choàng chạy hò hét lính ra tập hợp. Nhưng, chỉ lát sau, xe quan ba vừa ra khỏi, lão ta lại lên về xem vợ hai, vợ ba vào các xóm thúc người theo càn đã được nhiều người chưa. Lão nhào xuống nhà ngang, soi đèn pin giục Cơi và Kể sắp quang gánh. Ánh đèn loáng lên bỗng thấy cái gì lù lù treo giữa nhà. Lý Ao lấy ba toong chọc vào cái lủng lẳng ấy rồi thản nhiên nói:

- Hừ, thằng Năm này giỏi!

Mụ vợ ba xanh xám lên nhà. Cả mấy mụ vợ, khi biết bác Năm thất cố, cứ rúm vào rồi lại tản ra, chạy quanh chửi réo “quân bạc như vôi, ăn đầy họng rồi treo xác ở nhà bà”. Những người trong làng bị lừa đi theo càn gồng gánh đến đông nghịt xô vào xem. Xếp Ao vùng gây đuối đánh đám vợ lão đương kêu khóc sợ xúi quẩy, không đi.

Giữa lúc bối rối, Kế và Cơi từ ngoài vườn chạy vào. Xếp Ao ngáng lại, giơ gậy. Ắc một tiếng, chiếc gậy quật ngang người. Kế ngã quay đơ ngay trước thềm. Cơi lùi dạt ra ngõ, chúi vào giữa đám người làng. Ngoài đồn, lính đã lao xao đến áp tải người theo càn. Xếp Ao móc cái ba toong kéo cổ Kế lên, quay mặt ra quát dọa đám người làng đương nhốn nháo, cơ chừng muốn vỡ chạy.

- Đi! Tao bắn chết ngay bây giờ!

- Bố tôi chết rồi...

- Đã có thằng đem chôn. Mày phải đi!

Kế vừa khóc, vừa thất thểu ra theo đám lính và những người đi càn chạy tắt cánh đồng sang làng Trầm. Xếp Ao còn quay lại lần cuối cùng, vào mở tủ rượu tộp hai cốc rồi bỏ cả chai vào túi rết, xách đi. Cũng chưa đi vội, xếp Ao ra thỉnh chuông điện Mầu khẩn cầu bình an, phát lộc.

Làng Trầm đằng kia lại cháy đỏ rực. Tiếng người kêu, tiếng dống nửa nổ bay qua bờ tre. Đàn xe tăng như trâu lồng ngoài đường, xả từng thoi lửa vào làng.

Một toán lính đồn Thượng xông vào Trầm. Lính đi trước, mấy chục gồng gánh hôi của lũng củng theo sau. Bỗng từ giữa đường cái trơ trọi bật lên hai tiếng nổ ầm, mù mịt khói đất. Mìn! Mìn! Bọn hút chết lớp ngóp bò lại. Khi tan khói trông ra đã thấy đứt đôi con đường qua đầm nước.

Thế là, lại cuống cuồng hơn. Cả lính, cả đám người phải đi hôi của, mạnh ai nấy chạy, mỗi người một hố, một bụi. Có kẻ mau chân đã lủi về tận giữa đồng. Vợ cả vợ lẽ xếp Ao đi canh của cũng không thể cản được, cả ba mụ cùng sợ chạy bạt ra ngoài gò. Chúng gọi réo lên, chẳng thấy thằng Kế, cái Cơi đâu.

Kế đã chạy trở lại, gặp Cơi. Hai đứa tạt ngang đồng, lủi vào một ruộng cói lầy, rồi cứ ngồi chết dí đấy.

Quá trưa, không dám vào làng, lính các đồn rút về chỉ còn đại bác bắn cầm nhíp tới. Chẳng ai biết Kế và Cơi còn ngồi trong ruộng.

Bấy giờ chiều xuống xanh hắt, vắng hắt, cánh đồng lạnh tanh lạnh ngắt. Nếu không có tiếng đại bác thì chiều nay cũng chỉ như mọi buổi chiều mùa đông có nắng rớt ngơ ngác trên cánh đồng trơ trụi, không bóng người. Nhưng mà đại bác, từ tỉnh, từ các chốt chính cứ quật về, từng quả rơi xuống, bụi đất lẫn nắng tung lên, đỏ hồng cả một góc đồng. Kế và Cơi ở trong ruộng cói, bị đại bác vây.

Một tiếng nổ ù tai vừa rền qua. Cái ruộng cói xanh biếc bỗng trở lại im lặng lạ thường. Kế ngẩn đầu nhìn lên. Nắng đã nhạt dần, cánh đồng bốc sương trắng mờ. Không trông thấy chân tre đầu làng nữa rồi.

Kể bảo Cơi:

- Biết đường nào về!

Kể rơm rớm nước mắt. Nói đến về thì Kể nhớ bố quá. Chẳng biết bây giờ người ta đã hạ xác bố Kể xuống chưa, đập điệm gì cho chưa, hay là bố Kể vẫn phải lơ lửng ở cái xà ngang. Kể úp mặt xuống đầu gối.

“Đường nào mà về bây giờ...”, nghe Kể khóc, nói thì Cơi lại nghĩ khác. Cơi nghĩ: Về làm gì? Ở đây chỉ có bố Kể, thì bố Kể thắt cổ chết rồi. Ở vùng nào đâu đây Cơi còn có người ruột thịt chứ ở làng Thượng thì còn ai nữa. Cơi bồi hồi: “Về làm gì? Lại về đâm đầu vào đấy mà chết ư? Từ cái năm mẹ tôi chết, tôi đã muốn đi tìm chị tôi ở Thanh Hà, chỉ hiềm tôi còn bé, chỉ hiềm bác Năm bảo về, cho nên tôi mới lại đành về ở đây thôi. Bây giờ còn ai mà về đấy? Cơ ngơi này thì về làm gì?” Nghĩ thế, trong lòng Cơi bỗng nổi lên một nguồn hy vọng tưởng như thực sự, rồi đây được gặp chị ở Thanh Hà lên, chị mặc quần nái áo sồi bánh bao, chị ấy đương đơn đả tươi cười, chị ấy lên đón Cơi.

Cơi bèn bảo Kể:

- Về làm chó gì!

Kể ngẩng đầu, ngạc nhiên. Cơi nói:

- Đi thôi!

- Đi đâu?

Tiếng chặc lưỡi:

- Đi đâu thì đi.

Nghe nói tiếng “đi”, Kể tỉnh người lại, bỡ ngỡ như vừa gỡ được một mối nghĩ bối rối. Kể đột nhiên hăng hái. Kể ngẩn trông về phía đầu đồng có bến đò sang Gia Lộc, khu du kích ở bên ấy. Phải, đã đi thì chỉ có sang “hậu phương” mà thôi.

Kể đứng hẳn lên, nhìn về phía Gia Lộc. Như đã quen thuộc, Kể bảo Cơi:

- Phải rồi, ta ra ngoài ấy. Đi đằng kia kìa.

Nói đến “hậu phương, ngoài ấy” như một sức vùng vẫy, Kể dường quên cả. Kể hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Thế Cơi cũng đi với tôi chứ?

Cơi sững sốt:

- Đi với anh à?

Rồi Cơi khóc. Kể mới nhớ ra mình đã hỏi lỡ lời. Kể ngồi xuống, nắm tay Cơi. Bàn tay, cổ tay Cơi long ra những mảnh bùn khô. Kể tần mẩn bóc bùn khô ở tay, ở cổ yếm, ở mí mắt Cơi. Cơi để yên. Ngày nọ, xếp Ao bảo cho thằng Kể và cái Cơi là vợ chồng. Nó nói rồi nó quên, mà Kể và Cơi cũng không dám nghĩ đến, tưởng đấy cũng như chuyện khi đi chăn trâu ngoài gò, trai gái trẻ trâu chơi “đám cưới, đám ma” mà thôi. Và dù xưa nay bác Năm vẫn coi Cơi như con mình thì

hai đứa cũng chưa hề tưởng rõ rằng họ có thể là hai vợ chồng. Từ khi nhón nhao lên, lần đầu tiên chiều nay ngồi với nhau âu yếm như thế, vì vậy càng cảm biết mình đã lớn rồi.

Kể vẫn lặng lẽ bóc bòn cho Còi. Còi cúi mặt, im lặng. Vừa ngót tiếng đại bác, xung quanh cũng im. Còi ngược nhìn Kể, Còi nói:

- Tôi chẳng đi với anh thì đi với ai? Sao anh hỏi dở thế!

Cả hai đứa cùng mủm mỉm và ngượng vì câu trách yêu. Nụ cười nhếch nhếch thật gượng, nhưng từ đấy cứ nắm chặt tay nhau, không buông ra.

- Bây giờ thế nào?

- Đợi tối hẳn, ngót đại bác thì ta đi.

Chẳng bao lâu, cánh đồng đã trắng xóa rất nhanh, rồi tối. Nhưng tiếng đại bác không ngót lại càng dồn hơn. Trận càn ban sáng bị chặn, chắc chúng đoán đêm nay có bộ đội, du kích về trên cánh đồng này. Các làn đạn cứ liên tiếp nổ sáng rực.

Sốt ruột quá, không thể đợi ngót cơn bắn được, thường có khi nó bắn cả đêm.

Kể đứng lên:

- Đi nào!

Hai người đứng lên giữa cánh đồng tối đen. Còi vẫn ôm lá vào cánh tay Kể. Họ sắp ra “hậu phương”, họ sắp rời bỏ nơi họ đã lớn, nơi ăn làm, nơi khốn khổ từ tấm bé. Còi nghĩ đến mẹ Còi nằm ở cánh đồng sắp đi qua. Kể nheén trong cổ, lầm rầm khấn: “Bố sống khôn chết thiêng phù hộ cho con ra ngoài kia mạnh chân khỏe tay, ngày sau con về được thì con xin báo ân báo oán cho bố, ới bố ới...”

Thế là hai người bước từ trong ruộng cỏi ra. Từ chân trời sau lưng, đại bác vẫn ngùn ngụt phóng lên rung chuyển bóng tối. Gió bốc sương mù nặng như mưa lã phăn, buốt nhức các đầu ngón tay. Khấp cánh đồng, đạn trổ xuống nổ đỏ ối. Chốc chốc, hai cái bóng lại nhấp nhô hiện lên. Họ đi, có lúc chạy, có lúc ngã xoài ra nấp. Giữa ánh chớp đại bác, Còi thoáng thấy gò đồng lô nhô bên đường, Còi hỏi Kể:

- Đến đồng Chùa rồi à?

- Đồng Chùa đây.

Còi nói:

- Mẹ tôi nằm ở cánh đồng này, anh Kể nhớ không? Đầu mẹ tôi gối về phía gò Chùa.

Còi thấy vững dạ như có cả mẹ và chị đương cùng đi với. Còi chấp tay vái vọng:

- Bao giờ về con xin mua gạch xây mộ cho mẹ, lạy mẹ.

Kể cười, nói: “Được rồi. Được rồi”. Thật ra cả hai người cũng chẳng tin “khi nào có tiền mua được gạch xây mộ cho mẹ”, nhưng mà đương trên đường ra ngoài ấy, trong lòng họ đã phấp phới biết bao hy vọng còn to lớn gấp bao nhiêu. Họ thật vui sướng.

Một ánh chớp giật, kéo sập xuống. Ngay trước mặt một tiếng nổ sáng chói. Bóng tối còn khét

lệt, Còi đã ngóc lên hỏi:

- Sắp ra đến bến đò chưa?

- Cứ nằm luôn thế này thì đến sáng cũng chưa chắc tới!

Hai người lại chạy. Chốc Còi lại hỏi: “Sắp đến bến đò chưa?”. Vừa sốt ruột, vừa ra ý hỏi yêu, cốt hỏi để nghe tiếng Kể trả lời.

Một tiếng đại bác lia xẹt ngay sau gáy. Kể nắm cánh tay Còi, dúi xuống. Tiếng nổ khủng khiếp này lộn Còi sắp đi mấy vòng. Khi Còi biết mình vẫn mở được mắt, Còi mới chắc còn sống. Còi chui trong đồng đất ra, hốt hoảng gọi:

- Anh Kể! Anh Kể!

Còi quờ quạng tìm Kể, bỗng chạm vào tóc, vào mặt Kể, thấy lầy nhầy ướt. Tiếng Kể hỗn hển, khao khao trong cơn im lặng ghê gớm sau một tiếng nổ: “Còi có việc gì không? Còi?” Rồi lại im.

Còi xốc Kể lên lưng. Tay Kể bám vào vai, vào ngực yếm Còi. Máu Kể thấm ra ướt lưng, chảy lạnh hết người Còi, mỗi bước lúc càng nặng. Còi không dám nghĩ là Kể chết hay sống, Còi không dám hỏi, không dám dừng lại nghỉ. Còi cứ mê lên, cõng Kể đi.

Nửa đêm ấy, hai chị du kích chở đò bí mật trên bến sang Gia Lộc trông thấy từ trên cánh đồng một cái bóng chạy xuống bãi rồi không thấy lên nữa. Hai chị dò tới, che áo, bật lửa lên, thì thấy một người đàn ông, máu và óc chảy quét bện cả tóc, cả mặt. Người đàn ông chết rồi mà hai tay vẫn quặp cứng lấy cổ người đàn bà.

Hai chị soi môi hơi qua hơi lại trên mặt Còi một lúc, Còi được hơi ấm, dần dần tỉnh lại.

Khác trước

Soan còn nhớ như in cái hôm Triều bỏ nhà đi ra hậu phương [\[1\]](#). Mỗi lần nhớ, lại thương.

Hồi ấy đương đồng cạn, đêm nào vợ chồng cũng đi tát nước, gà gáy về lúi húi thổi cơm, ăn xong thì vừa tang tảng, chồng lại sắp gánh cho vợ đi hàng xáo. Hôm ấy, cơm xong, Triều sửa soạn gồng gánh sớm hơn thường ngày. Nhưng vừa rửa bát dưới ao lên, đột nhiên Triều quơ cái thanh tre dựng cửa bếp, không nói không rằng, quật luôn hai cái vào lưng vợ. Soan oằn người, gieo thúng gạo, gieo cả người xuống. Triều điềm nhiên phết cho hai cái nữa. Khi đó, Soan đã hết ngơ ngác và bắt đầu nổi giận. Chì lăn ra đấy. Hai chân giãy như tuồng trẻ dỗi mẹ, rồi rũ tóc ra, gào khóc.

Bà Cam, mẹ chồng, đương quét sân, thấy to tiếng, nhưng bà không ngẩng lên, như đã quen những chuyện ấy. Bà vừa lia cái chổi, vừa lẩm nhẩm: “Sáng mừng Một vừa mở mắt ra đã quạc mồm như con quạ khoang”. Ở bên kia rào găng, mụ Nấp đứng chắp hai tay sau lưng, nhìn ghéech sang, chép miệng một mình: “Mát ruột, mát ruột. Cái đồ lười vãi thây chỉ mộ ăn không mộ làm thì cũng phải được đòn gánh thế mới bớt rửng mỡ”.

Hôm ấy lại là ngày phiên chợ. Cả xóm trong đi chợ qua, nghe tiếng xô xát bảo nhau: “Cái anh Triều trông nhu mì thế mà dữ đòn, đánh vợ cứ như đòn mật thám”. Những miệng hót léo ấy loang ra chợ, và chị Soan lại bỏ buổi chợ hôm ấy, thế là cả bốn xóm đều nói dăng dăng: “Mới sáng mừng Một mà thằng Triệu nện vợ một trận đau.”

Soan gào một lúc rồi ngồi dậy, vén hai mé tóc xoa xươi, vạch ra cái mũi khóc đã bóng đỏ, khạc mấy cái, đứng lên nhắc hai thúng gạo vào buồng. Rồi không kể nể, không sụt sịt nữa, lẳng lẳng nằm queo xuống giường, quay mặt vào vách. Đó cũng là thói quen mỗi khi có chuyện dỗi bố, Soan vẫn nằm ăn vạ như thế.

Trong khi ấy Triều cầm cái sào lúa, hằm hằm đi thẳng ra ngõ. Bà Cam quét sân xong, ngẩng lên đã thấy con trai thấp thoáng cặp cái nón mê ra tận giữa cánh đồng. Bà đoán Triều đi mua bèo hoa dâu. Việc ấy đáng lẽ vợ nó đi được, bà càng xót con. Hễ cứ vợ chồng Triều cãi nhau, bà lại cho thằng Triều hiền lành lấy phải con vợ thần đánh đổ mỗ. Bà cất chổi vào xó ngõ, rồi quay vào. Thấy cửa buồng đã che cánh cốt, bà biết con dâu lại nằm dỗi rồi. Bà xuống đuổi con gà mái mẹ đang cục cục với lũ con bới đồng lá ám trấu vừa vun lên. Mụ gà mái ấp ham con, cứ xòe cánh ra quặc lại. Bà vừa xùy xùy dờn, vừa chửi, không ra chửi gà, không ra chửi người: “Cha đẻ mẹ mày! Gan à? Công bà quét còng cả lưng đấy. Gan à? Tiền trăm bạc chực mua về đấy chứ nước lã đổ hồ đâu, ngay xương lăm thì bà chẻ xác ra... Gan à? Gan này... gan này...” Soan nằm trong buồng, tuy nghe không thủng, nhưng cứ cái giọng to nhỏ chì chiết ấy thì Soan đã thuộc, Soan biết bà đang xói móc. Soan nghẹn đến cổ, nước mắt lại ứa ra. Đau chồng đánh một phần, đau mẹ chồng rức lác còn cay đắng gấp trăm. Nước mắt Soan cứ nổi nhau bò nghiêng một bên má rồi xuống từng giọt.

Cơn tức dần dần vơi, Soan nằm nghĩ loăng quăng trong cái góc buồng tối. Chợt trông thấy một vệt ánh nắng thả xuống rơi vào mấy củ khoai dưới gầm giường. Biết thế là mặt trời đã lên cao, nắng ra tới giọt tranh, mấy buổi rồi. Con chim chào mào ở đâu bay đến hót trước sân, nghe rõ tiếng chân nó đập rào rào vào cái sào nửa cọc rào mừng toi. Như thế là ngoài sân vắng,

mẹ chồng đã đi cào cỏ. Soan liền ngồi dậy, quần tóc, ra hè tìm cái rổ sảo, bốc đồng khoai lang ra ngồi đầu hè nhặt khoai hà. Nghe tiếng lao xao ngoài gốc với bờ ao, Soan đứng lên bậc cửa, nhìn thấy bà Cam cầm cái cào cỏ, đương chuyện với mụ Nấp. Mụ này đưa hai ngón tay vuốt mép trầu:

- Cô ả nằm ngửa quen rồi, cái quân làng Trường ấy mà.

Bà Cam gật gật, ừ ào. Thật thì bà cũng không nghe mụ Nấp nói, bà đương kể lại cái chuyện ban sáng “thằng Triều nó đánh vợ nó”. Trong khi mụ Nấp cũng chẳng nghe chuyện bà, mụ cũng cứ “cái con làng Trường nằm ngửa quen rồi”, hai người cùng nói và cũng không ai nghe chuyện nhau.

Đứng xa không rõ, nhưng Soan đoán “họ lại chỉ thối mồm”. Soan bực, cáu quá, Soan vợ một cây nứa. Soan đập chát chát lên cái cột. Ngoài kia nghe động, hai người bỏ đi hai ngã.

Bà Cam xách cào cỏ, trở về. Soan vội bê sào khoai lủi nhanh vào buồng, lại nhấc cái phen che kín cửa lại như lúc nãy. Bà Cam về lấy túi trầu bỏ quên. Thấy cửa buồng vẫn che, bà chép miệng hai cái, rồi lại vác cào cỏ ra ruộng. Mẹ chồng đi khỏi, Soan lại ngồi dậy, bưng cái sảo ra đầu hè nhặt khoai. Ánh nắng lên, mồ hôi xâm xấp ra lưng, Soan ngoái tay sờ thấy hai vết đòn lằn con trạch, đau rát. Soan lại ứa nước mắt. Nhưng Soan không thể ngờ được những roi đòn vũ phu ấy. Bởi nửa đêm, nó còn hùng hục như quỷ giã. Lúc đi tát nước, lại cười đùa ngật nghẻo, thế mà giờ mặt chóng thế.

Triều đi hôm ấy không về.

Tan chợ hôm sau, vẫn chưa thấy về. Soan ngờ ngợ, quơ tay lên dây treo áo thì thấy quang hắt hai cái quần và cái áo nâu cũ.

Sợ quá, quên cả những chuyện mẹ chồng nàng dâu đương giận nhau, Soan chạy ra, môi run không bắt được tiếng:

- U ơi! Nhà tôi nó đi rồi.

Bà Cam vào sờ lại cái thùng vắt áo trong hóc cột. Hai mẹ con ngẩn ngơ. Nhà bỗng vắng hẳn đi.

Một phiên chợ nữa cũng không thấy Triều về.

Một hôm, lúc chập tối, có người ở xóm trên đến. Anh ta gọi Soan và bà Cam lại nói nhỏ:

- Anh ấy nhắn tôi về bảo cả nhà yên tâm.

Hai người ngơ ngơ không hiểu. Người xóm trên mới kể: Anh ấy là anh Triều ra hậu phương đi tòng quân. Vào phòng tân binh khám sức khỏe thì Triều trúng, được nhận ngay.

Người mẹ chồng và nàng dâu nhìn nhau. Bất giác, thấy lẻ loi, cô đơn quá. Những chuyện giận dỗi mấy hôm nay đã bỏ quên đâu tất cả.

Đêm ấy, mãi đến lúc sấy xong hai mẻ gạo, khuya lắm, vào giường nằm, Soan vẫn còn như chiêm bao mất tiền. Bây giờ mới sáng dần cái việc anh ấy đi. Ra họ đã ý tứ sửa soạn với nhau từ bao giờ! Nghĩ lại mới tỏ ra. Nhớ có hôm vợ chồng đi tát nước chiều, trông đường cái mù trắng bụi ô tô, Soan bảo chồng:

- Xe nó bắt lính ở Ninh Giang sang kia.

Triều cười nhạt:

- Rồi nó vào bắt lính làng này ấy.

- Nói đại!

- Đại với càn gì! Nó muốn lừa hết con giai vùng này đi lính mà. Nhưng tao đã có bài của tao rồi. Hừ, ai đi đạo cứ đi đạo, ai đi đời cứ đi đời, chứ trâu hóa ra bò thế nào được. Không bao giờ tao chịu thân phận lính tráng cho chúng nó đâu.

Rồi Triều cười, tiếng cười khô không khóc. Còn Soan thì im lặng.

Ra anh ấy đã nói bóng, cười bóng như thế. Soan bỗng đột ngột giận chồng. Rồi lại tủi. Vì sao bỗng dưng nó lại đánh mình rồi bỏ đi? Hay là nghĩ mình chợ búa đi hôm về tắt giai gái thế nào?... Hay mình cũng muộn mằn?... Nhưng những ý nghĩ ấy chỉ thoáng qua, mà một nỗi lo khác hiện ra. Lệ thường ở đây có người đi, lý trưởng biết đi ra “ngoài kia”, chúng nó đến hạch, có khi đánh đập, bắt bẻ nộp phạt, vôi tiền. Song nay anh ấy đi, cả bốn xóm đều biết là chỉ vì giận vợ, đánh vợ mà đi. Chẳng ai có thể nghĩ là ra hậu phương. Đã rào trước đón sau có mưu mẹo cả rồi. Thế là Soan lại thấy thương chồng. Lấy nhau đã được ba cái Tết, nhưng vẫn còn son rồi. Bây giờ lại đi biết bao giờ về? Mà đêm ngày thì cứ dùng đoàn thể này, biết có còn mà về với nhau không. Soan nằm nghiêng qua nghiêng lại trên ổ lá chuối khô, cánh tay Soan duỗi dài, buông xuống giường. Cái giường rộng hơn mọi khi nhiều.

Ăn cơm sáng hôm sau, Soan nói với mẹ chồng:

- U ạ, nhà con nó gan quá.

Bà Cam nói: “Tao biết rồi”, rồi buông bát, mếu, nghẹn không ăn được. Bà đứng dậy, ra bậc cửa ngồi một lúc mới xách cái cào cỏ đi. Soan cũng không ăn nốt được. Chỉ có cô gái bé vẫn ngồi ăn đến no mới đứng dậy rồi cũng cầm cào cỏ theo. Nhưng bà Cam ra đồng quơ quàng mấy nhát, cứ bồn chồn như ai cào ruột gan mình, lại bỏ về nhà người con gái lấy chồng xóm dưới. Chưa hết buổi, Soan đã đi gọi bà về. Soan sợ cái nhà vắng quá. Bà ngồi nhà một lúc, cũng không yên, lại ra đồng cào cỏ. Không đứng đâu ngồi đâu yên hồn. Bà Cam có nhiều con, đứa thì đi xa, đứa thì phải tù, đứa ở riêng, đứa chết năm đói. Bà ở với Triều là con trai út.

Bà Cam về tới gốc vối thì gặp mẹ Nấp. Gốc vối ấy ở ngay cổng nhà mẹ, lại là cầu ao. Chỗ ấy cũng gần như cái chỗ chuyện mảnh, chuyện thoáng của các nhà láng giềng, những đầu mối chuyện hũ mắm cáy, bát nước dưa, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện làng nước xa gần, ai phải lòng phải bể ai, ai đánh con chửi cái, đều là tin tức ở gốc vối cầu ao ấy mà ra.

- Nay, người ta nói thằng Triều nhà bà đi Việt Minh?

Bà Cam chối đây đây:

- Vợ chồng nó đánh nhau quá nó giận bỏ đi, cả làng biết đấy, bà biết đấy, tôi biết nó đi đâu!

Nhưng, chẳng kịp nghe bà Cam trả lời, mẹ Nấp đã lại nói:

- Chẳng đi thì thằng Triều cũng chẳng thể được ở nhà. Cái con ngay lưng ấy mà đáo để! Chứ có ai mà giận vợ đến nỗi phải biệt tích đi tìm cái khó nhọc. Nó là quân Đắc Kỷ chứ không phải

con người.

Hôm ấy, bà Cam không bắt chuyện nói xấu con dâu với mẹ Nấp.

Từ khi quân về đóng cái chốt tổng dừng chỗ cây đa đầu đồng, bà Cam càng buồn. Nhà bà gần chốt quá, đứng trong sân cũng trông thấy lô cốt, trông rõ cả thằng lính ngồi gác và cái keng bằng một dóng sắt treo ngoài mái tôn. Cứ tối đến, chốt nó lại gõ, inh ỏi khó chịu như gõ vào tai. Nhưng khổ nhất là, thâu đêm, trên lô cốt thường bắn phóng xuống. Đạn lung tung vào bụi tre, vào sân, vào nhà. Có người đã phải đạn, chết. Các nhà ở dọc bờ tre trông sang chốt, hãi đạn, tối nào cũng phải vào ngủ nhờ trong làng.

Chỉ có việc tối đi ngủ nhờ mà hai mẹ con cũng hay vắng nhau. Nhà mẹ Nấp tường gạch cửa kín, nhà ngang khuất hai lần tường, đạn khỏe đến đâu cũng không phá được. Tối tối, bà Cam và cái Gái cấp chiếu sang nhà mẹ Nấp. Nhưng Soan thì đi nằm nhờ nhà khác. Mẹ Nấp nói mát: “Cô ấy cảnh cáo lá dài. Bà Cam có cô dâu út kiêu kỳ nhỉ”. Nhưng Soan nhất định không vào nhà mẹ Nấp. Soan ghét “con mẹ lắm mồm hay đưa chuyện”. Bà Cam tức tím ruột, mà không nói nổi con dâu. Vì có đi ngủ ở đâu, nhưng nửa đêm đi cạy, gà gáy đi tát nước, Soan vẫn lặn lưng làm chẳng thiếu một việc. Nhưng năm này sang năm khác, nhà cửa càng nhật nhèo, cứ gà lên chuồng thì mẹ con mỗi người mỗi nơi. Khi chiều, khi đêm, thật buồn. Soan nhớ chồng, chẳng biết làm thế nào khuây được.

Có lần Soan lại đổi về nhà mẹ bên làng Trường. Vì chuyện gặt ruộng làm của nhà mẹ Nấp. Cánh đồng triều, mùa nước cả ngập đến cổ, Soan phải túm từng đầu lúa, lặn xuống mới cắt được mà vớt lên thuyền. Phải năm mất mùa, cắt suốt đêm quang ruộng mà chưa nổi được lưng thuyền thúng lúa. Từ khi Tây về đóng chốt, thóc gặt được, bà Cam cũng đem để nhờ nhà mẹ Nấp. Tây đi càn thường lùng xét nhà tranh không hay vào nhà ngói. Gửi thế cho chắc chắn. Soan nói:

- Mùa này mất, chỉ cắt được có thế thì mang về. U đem gửi, nhờ bà ấy mà trừ nợ thì tôi công.
- Mày rõ trứng khôn hơn vịt...

Bà Cam mắng. Soan đổi cơm, vào buồng nằm. Bà Cam xách giỏ đi bắt cua. Soan nằm ngoảnh mặt vào vách. Nhưng mà sao nằm đổi vắng chồng, nó buồn thế, chán thế, lâu thế! Quơ tay lên cái thùng vắt áo trên đầu giường, chỉ có muỗi vo vo bay ra. Thế là Soan trở dậy, đi về nhà mẹ đẻ.

Sang làng Trường, mẹ đuổi Soan không về. Rồi nói mãi hóa nhàm, vả lại vốn mẹ chiều con, cũng thôi.

Một hôm, bà Cam sang gọi Soan. Hai bà dâu da ngồi nhai trầu nhọp nhọp, thăm chuyện gặt hái, rồi bà Cam khóc, mẹ Soan cũng khóc. Những giọt nước mắt cùng cảnh. Bỏ để Soan nằm trước phải đại bác chết ngay đầu ngõ. Nhà cửa từ bấy giờ hắt hiu như mưa dầm về chiều. Hôm ấy, mẹ đẻ Soan bắt Soan về, bà nói: “Mày phải thương chồng mày...” Nghe nói thế, Soan trở về. Trước chập tối, bà Cam đương sắp chiếu bảo cái Gái đi ngủ nhờ, bà nghe tiếng chào “u ả”, rồi tiếng mở cửa liếp buồng. Biết con dâu về, trong bụng đã hồ hởi, nhưng vẫn làm mặt lạnh, không nói. Bà cấp cái chiếu ra ngõ, bà quay lại, đứng ngoài sân, nói vọng vào: “Nhà mày dấm cái bếp rồi hãy đi!” Cảnh nhà lại như thường, và thế cũng là yên rồi.

Nhưng, cũng chỉ yên thoả yên thì. Một lần kia, không biết lại vì việc gì, Soan cãi rồi vào nằm góc nhà, che kín cửa liếp.

Chợt một bọn lính quận đi tuần ở đâu xộc vào, bảo bà Cam:

- Gớm cho con mụ già! Con cháu đi chui hầm, đêm mới hiện lên chứ gì. Mày là phụ lão cứu quốc thôi cơm tiếp tế, chúng ông khám mà thấy...

Trong buồng, Soan rón rén mở vách - trước nay, cái vách vẫn mở sẵn đề phòng khi chạy tháo, Soan chui ra vườn. Soan chạy một mạch về làng Trường.

Thôn xóm ê chề phải chịu luôn mấy trận càn quét lẫn đi lẫn lại, cả vùng. Làng nọ đứng cạnh đồng trông thấy làng kia mà không ai dám qua. Bà Cam không dám đi gọi con dâu. Soan thì ở lý nhà mẹ. Bà Cam khóc ngày khóc đêm, lúc chửi thằng Tây, lúc chửi đàn gà hay bói, lúc chửi con dâu, lúc gọi: "Ới Triều! Thằng Triều ở đâu không về mà cho cái con trời đánh không chết kia một trận". Cứ chập tối lúc mọi người đi tìm chỗ ngủ tránh đạn thì những tiếng lằm rằm chửi lại từ căn nhà vắng tanh vắng ngắt cất lên.

*

* *

Mẹ chồng và nàng dâu, hai người cùng đày đoạ, làm khổ nhau. Những chuyện nhỏ nhen, lật vật không đâu và những giận dỗi, những rức lác, móc máy.

Lại một năm nữa qua.

Rồi một hôm, đương nghe nhiều súng dữ dội thì có tin ngừng bắn. Mừng quá, Tây còn ở trên bốt, trên tỉnh mà ai cũng cứ đi tênh tênh ngoài đường.

Mừng quá, Soan bỏ cả cơn dỗi mẹ. Soan ở làng Trường về. Soan quấy về thúng khoai riêng và một bu hai con gà nhép. Bà Cam lẳng lặng coi như không có chuyện gì cả. Bà đem cho con gà một nắm ngô. Mẹ chồng nàng dâu cùng ăn khoai riêng và nhìn ra cánh đồng. Thật thì cũng chẳng khác lạ, nhưng Soan nói: "Hòa bình có khác, trông cánh đồng cũng khác". Bà mẹ chồng cười nhăn nheo nói theo đuôi: "Ừ, có khác thật".

Tối ấy, nhiều nhà ngủ yên ở nhà, người phản nọ chuyện chỗ sang phản kia rất khuya. Trong giấc ngủ đêm mịn màng, không gợn tiếng súng, Soan trở mình qua lại và thở dài, gãi ngón chân xuống chiếu. Soan thao thức lại cái hôm Triều đi. Triều đội nón, cầm chiếc sào, lủi thủi giữa cánh đồng kia. Thế mà đã năm, sáu năm rồi. Trong làng, nhiều người đi kháng chiến, rồi cũng lần lượt biết tin. Riêng Triều thì chỉ biết là Triều đi bộ đội, rồi cũng thôi, bắn bắt. Vì thế càng nhớ. Nhưng Soan kín đáo, không bao giờ nói ra. Bà Cam nghe người ta tính: Làng ta có bốn anh hy sinh. Có anh thì biệt tích. Có anh về rồi... Anh này về rồi, anh kia về rồi, chỉ còn anh Triều chưa có tin. Bà Cam nghĩ: "Phải, còn thằng Triều sắp về". Nhưng hai mẹ con cùng im lặng, không nói, hồi hộp, lo lắng.

Bà Cam bây giờ tươi tỉnh hơn, song có chuyện gì cũng vẫn kể với mụ Nấp. Nhiều khi bà cũng giận mụ Nấp, nhất là cái năm mụ ấy khẩu mất thuyền thóc thì bà Cam bỏ hai ba tháng không sang nhà. Nhưng rồi phai phai đi, vả lại tuần rằm mừng Một vẫn sang đèn hương bên điện - bà Cam đội bát hương ở điện đồng Nấp - thế là rồi lại lân la, lại chuyện, thỉnh thoảng lại đứng to

nhỏ dưới gốc vối.

- Ra bà lão này gan to, con giai đi bộ đội mà cấm có cho ai biết. Chuyến này thì bà lên xe xuống ngựa rồi. Tôi có phải lên địa chủ thì đừng quên tôi nhé.

Mụ lại phàn nàn hộ bà Cam:

- Người ta đi đông đi tây về cả, mà sao anh Triều bên ấy chẳng tin tức gì. Hay là vợ Tây, vợ Tàu đâu rồi. Phải, mà như cái ngữ vợ ở nhà thế thì anh ấy cũng cầm bằng cởi cái áo rách vứt đi chứ tội gì!

Cứ mỗi lần chuyện với mụ Nấp, những câu tai ác của mụ lại thêm chồng chất thật nặng, thật cay trong đầu bà.

Bà Cam vừa quấy gánh khoai về, mụ Nấp đã sang. Mụ đảo mắt một lượt, rồi rướn cổ, rà rà ngồi xuống, khẽ hỏi:

- Đâu rồi?

Bà Cam chép miệng:

- Biết được người ta đi đâu. Bà ngồi chơi.

Thế là hai bà lão lại ngồi cà kê kể xấu con dâu và mọi chuyện làng xóm khác.

Tháng Tám năm sau, đội cải cách về xã, Soan được ra làm cán bộ xóm. Tối đến, chưa dứt tiếng kèng gọi họp, người các ngõ đã đổ ra. Tíu tíu bèn bộn những hội ý, họp xóm, họp xã, chẳng mấy lúc Soan có nhà.

Một hôm, Soan về nói với mẹ chồng:

- Từ giờ u đừng sang nhà con Nấp nữa.

- Người ta thế nào mà con nọ con kia, mày ăn nói xô bồ quá.

- Nhà nó thì địa chủ đến nơi, u chưa biết à?

Nghe hai chữ “địa chủ” thì bà Cam im. Phải như mọi khi, nghe Soan nói thế, thế nào là cũng choác lên. Nhưng lúc này bà lặng lặng. Khi Soan lại tắt tười đi, thì bà lẩm bẩm: “Phải, chưa biết... tôi chưa biết... chị biết nhiều, biết nhiều... Cứ chạy long lên thế thì rồi có khối cái đổ vào mồm, rồi rã họng ra... Nó mà ở nhà thì nó đánh tuốt xương chứ lại coi người nửa con mắt được à”. Không nghe rõ câu, nhưng Soan đã biết tính mẹ chồng hay nói làm bàm sau lưng. Bà lão lại đương chửi mình. Thế là, Soan tối sầm mặt lại. Trong bụng đương tấp nập tính toán việc xóm, bỗng lại lạnh ngắt.

Rồi bà Cam vẫn cứ thì thầm với mụ Nấp. Vẫn cái tính người già ưa trò chuyện và than thở. Làm sao mà mụ Nấp khéo thế, cứ những lúc nhà chỉ có một mình bà Cam, mụ lại dò sang. Mụ vờ hỏi:

- Chị Soan có nhà không?

- Người ta đi đâu, chắc lại đi họp rồi.

- Chẳng biết tôi gọi thế có được không đấy. Bây giờ, bà biết chưa, ai cũng phải gọi chị ấy là bà

Soan. Có người xóm trên chào, chị ấy nghe không thủng, chị ấy bắt chào lại. Con dâu bà hách ra lửa đấy.

- Chết, chết...

- Việc gì mà chết, danh giá mới được thể chứ.

- Giá với rở chẳng thấy đâu, làng nước người ta chửi cho ửng mả đã. Thằng Triều nhà tôi mà ở nhà thì nó đánh cho...

- Nay thật đấy, thời đế quốc cũng không khinh người đến thế! Mà bà ạ, tôi nghĩ thế cũng chỉ mang tiếng ác chứ được gì đâu. Từ ngày chị ấy ra công tác, xem chừng càng lỏng tay việc nhà. Một mình bà thì bao giờ mới cấy hết?

Bà Cam thở dài. Quả thật, lúa người ta xanh ngọn rồi mà ruộng mình còn trắng nước. Bà Cam bực, nhưng không nói. Dù sao, từ ngày Soan ra làm công tác, bà Cam cũng nề nề, ngại nói, mà chỉ bực bội ngầm. Đêm bà thở dài, rền rầm, thườn thượt, buồn rút. Đi họp khuya về, cũng thường nghe mẹ chồng thở dài. Nhưng Soan cho những chuyện ấy là “lạc hậu”, mẹ chồng là “lạc hậu”. Vì thế, dù có nghe thở dài, chếp miệng, Soan cũng chỉ hơi khó chịu, khi nào khó chịu quá thì ra điểm nằm với chị em du kích.

Nhưng, thật thì Soan cũng buồn. Mỗi lần thấy mặt bà Cam chảy chữ nãi, tối như trời mưa, tiếng thở dài rền rầm, Soan muốn đối đáp ngay, nhưng nghĩ đến xung quanh, thì Soan đành bầm bụng. Có khi Soan khóc một mình. Khối đưa cùng một cảnh làm dâu mà sao chúng nó tốt số. Nàng dâu đi về quá bữa, mẹ chồng mở ra rá úp cơm bảo ăn. “Chẳng bù với mình, mẹ chồng chưa mở rá úp cơm đã đi nói xấu nàng dâu mười hôm không hết chuyện”. Soan tiếc cái đời con gái ở với mẹ để chẳng bao giờ có thể trở lại được. Có lúc Soan tha thiết nhớ Triều. Giá Triều mà có nhà, thế nào cũng được cùng nhau làm công tác. Bây giờ Soan không như trước nữa rồi. Nhưng tiếc những cái đã qua thì chỉ càng buồn hơn mà thôi.

Bữa trưa ấy, cơn tức của bà Cam vẫn còn nguyên thì Soan bỗng ở đâu về. Cơn tức vì sao thì cũng không rõ. Giận đấy, không đấy, vốn như cơm bữa. Bà Cam nghe tiếng con chó sủa những nhặng nửa quen nửa lạ ngoài đầu ngõ, nhìn ra, trông thấy Soan. Nhưng, cô con dâu cứ đi vào gần tới đâu thì bà mẹ chồng càng sừng sờ. Soan thắt lưng bao da, khẩu súng trường nhấp nhô sau vai. Khi mới hòa bình, bộ đội ta vào lấy tỉnh, bà Cam đi xem duyệt binh, trông thấy một đội các chị du kích chít khăn vuông, áo nâu mới, đeo súng, cũng oai như thế này. Soan đã vào đến trong sân. Những điều tức giận từ hôm qua, từ lúc này của bà Cam cứ phao phảo đâu mất. Soan hạ khẩu súng xuống, “chào u”, thì bà Cam nói một câu hiền lành mọi ngày:

- Về mà ăn cơm.

- Con vội đi bây giờ, con mang lẻ gạo đi đường thối ăn thôi.

Ô hay! Mấy sào ruộng nước còn chan chan, chưa cấy xuống được một cây mạ gọi là, lại “mang lẻ gạo đi”, nghe cái giọng chổng lỏn ấy, bà Cam vụt nổi cơn, những toan thốc cho một hồi. Nhưng, ngoài gốc rạ có tiếng lạt sạt, bà nhìn ra thấy cái lão tổng Sa đứng đấy từ lúc nào, hai vai áo xo lên rù rù như con gà ốm. Chánh tổng Sa, nhà ngói bát vằn một dãy, ruộng nhà chánh tổng rải từ cổng làng rải ra. Là người làng đây, nhưng cả khi còn con gái, bà cũng chưa được tường mặt tổng Sa. Hách dịch sấm sét trong vùng này, bây giờ trông thấy tổng Sa như cái tã

rách phơi bờ rào thì bà Cam rất lạ. Bà ngậy nhìn. Soan quát:

- Đứng đấy, ai cho mày đi!

- Thừa...

Tổng Sa lúng túng, lập cập, lẩn thẩn quay một vòng rồi lại đứng yên một chỗ.

Bà Cam sợ sệt khẽ hỏi Soan:

- Đem người ta đi đâu bây giờ?

Rồi bà vào vại, xúc một bát gạo, bọc vào khăn vuông cho con dâu. Lát sau, Soan đeo súng lên, bà Cam bần thần theo ra tận ngõ ngoài. Không phải để chửi nguyền, rửa Soan. Mà bà Cam đương nhìn theo sự thật cái đời con người quyền quý chết rồi, mà nàng dâu mình đeo súng đi kia, đích là người ta đã đến thời “được ngồi ghế cao”. Lúc bà trở vào, mẹ Nấp đã đứng trong bờ rào. Mẹ Nấp hỏi bà:

- Đeo súng đi thế thì bao giờ về?

- Chẳng biết.

- Cũng bận lắm nhỉ? Ruộng nhà bà cấy hết chưa?

Câu nói kháy ấy kéo bà Cam nhớ thuở ruộng làm rồi chưa cấy được, nước vẫn trắng nhorn, khi ấy khắp đồng, lúa nhà người ta đã bén rễ. Nhớ thế, bà Cam lại chán ngắt và khó chịu. Ấy, từng lúc, bà cứ giận, cứ sợ, cứ lạ, cứ mừng, không ra thế nào.

*

* *

Các xóm đương bầu người đi Đại hội nông dân xã. Hai lần trước, Soan đều trúng đại biểu. Tối ấy, hội nghị xóm đã bầu xong, sắp thông qua, thì có người giơ tay:

- Các đại biểu khác thì tôi đồng ý. Nhưng cái nhà chị Soan thì hồi này tôi thấy ra mặt quan liêu lắm. Đề nghị...

Thế là đâm ngang ra. Nhiều người lúc này ngồi họp không để ý gì, bây giờ cũng đại khái nghĩ: cái Soan ấy ngày trước củ mủ củ mì, bây giờ ra làm việc, ờ mà có vẻ khác, “hình như” cũng lên mặt đấy. Lại hay vừa đi vừa hát, trông thật toe toét. Trong các cuộc họp, thường có khi không ai có ý kiến thì thôi, nhưng, việc gì cũng vậy, hễ có người ngãng ra thì nhiều người hay hồ đồ mừng tượng như thế.

Một người nói:

- Tôi thấy nói có người xóm trên chào, chị ấy không nghe rõ, chị ấy bắt chào lại thật to. À hách ra lửa đấy.

Một người nữa giơ tay:

- Mẹ chồng chị ta cũng nói thế.

Lỗi nhố những cánh tay giơ không bằng lòng Soan đi Đại hội. Soan không cãi lại câu nào được. Lỗi họp thời cải cách, Soan cũng không được cãi.

Soan cứ bàng hoàng rùn rứt màng tai. Soan ngồi chúi đầu ở đồng rơm ngoài sân, ngượng quá, tưởng mọi người đương trông cả vào mặt mình. Kỳ thực cái đèn lù mù trên đầu bàn chủ tịch kia, chỉ vun quanh một đám sáng ở đấy. Hội nghị ngồi thăm, cũng chẳng ai biết ai ngồi canh. Soan lủi đi.

“Bà Cam cũng nói thế”. Chính người nhà mình ăn không nói có cho mình, cay quá. Đầu óc nhộn nhạo, Soan loăng quăng đi mà không định đi đâu. Trong trạm gác, mấy chị du kích đương ngồi hát. Không nhận được tiếng ai, nhưng Soan đứng lại trước cái đại nứa. Ánh đèn trong trạm gác ló ra dưới chân, Soan không dám bước vào. Thành linh có tiếng hỏi ra: “Đồng chí Soan đấy à?” Soan giật mình rồi không thừa, đi thẳng. Nhưng một lát sau, Soan lại quay lại. Soan trèo vào trong cùng cái giường nứa trong trạm gác, nằm cuộn chiếu tởm sâu một mình. Nhiều chị cùng nằm chơi đợi lượt gác, cười khúc khích. Chị ngồi ngoài ánh đèn quay vào, vờ nói: “Có một đồng chí bộ đội tên là Triều có giấy về phép, đồng chí trưởng xóm có cho người ta đi qua không?”. Thế là cả lũ đấm thùm thụp xuống cuốn chiếu tùm hum. Họ tưởng Soan ngủ, càng trêu tợn. Nhưng Soan không ngủ, nước mắt chảy ướt cả chiếu. Sao quanh ta vui thế, chỉ còn riêng ta khổ. Soan cứ mở chong mắt nằm cho mãi tới lúc gà đã gáy sáng ba trống canh, trời dần dần loăng, Soan mới chui dậy, lẩn về nhà.

Đứng dưới mái tranh, Soan nghe trong giường bà Cam trở mình, rên. Mấy hôm nay bà lão giờ giờ. Soan không động lòng, không thay đổi cái ý định từ nửa đêm qua. Giết nhau đến nước này thì không còn mặt mũi nào. Soan đã quyết định, Soan cũng không nhớ gì đến công tác và chúng bạn nữa. Soan nhất định về làng Trường. Soan vào góc nhà, chỉ lấy một cái quần nái, rồi Soan đi tắt qua cánh đồng.

Về đến bên Trường, trời mới tảng sáng. Như mọi khi, người làng Trường lại đoán cô Soan đổi mẹ chồng.

*

* *

Mấy hôm nay, Soan vẫn ở bên làng Trường.

Khi cơn giận nạt đi rồi, mỗi buổi chiều nghe tiếng cái keng sắt gõ cồng cồng gọi họp, Soan lại bồi hồi nhớ các buổi họp. Những tiếng keng gọi họp, gọi học, tiếng phát thanh, những khi họp tan đầu xóm, tiếng chân chạy, tiếng đùa đấm nhau, tiếng cười, hát lô lô ngoài đường cái, sao mà thúc đẩy tợn. Mẹ Soan đã đi họp về, tiếng lệt xệt mở cánh cửa liếp; bà vừa bước vào, quen miệng, chửi phủ đầu: “Cha đẻ mẹ mày! Rõ cái thân làm tội cái đời!” Soan ngồi thần mặt, môi cong vều lên, hai hàng nước mắt đổ ra. Mà tủi, mà nhớ, mà cực, bối rối không biết nghĩ thế nào.

Nhưng không thấy mẹ chồng sang gọi như mọi khi. Cơn giận thì nguôi rồi, song chẳng nhẽ tự đứng lại lù lù về. Sốt ruột quá, Soan nghĩ: “Hay là ta cứ về”.

Có người đi tìm lợn giống, tạt đến bảo:

- Bà Cam ốm mấy hôm nay.

Bây giờ thì Soan đã quả quyết. Tuy vậy, cũng phải đợi lúc mặt trời xế hẳn sang bên kia sông,

khi Soan qua cánh đồng làng, sương và bóng tối đã lẫn lộn nhòe mặt, những con ếch, con châu chấu chàng ngồi trên vũng nước mưa mới dưới gốc rạ đã nhảy ra, keng kọc kêu rối cả tai thì cũng vừa lúc ấy, Soan vào đến cổng. Đường vắng. Các nhà đương sắp cơm, cũng chưa đỏ đèn. Soan không gặp ai. Soan mừng thầm.

Soan đi thẳng vào sân. Trong nhà, thoáng ra tiếng rên, tiếng ú ớ nói mê. Mùi cứt gà, mùi rêu mốc bốc lên, càng vắng như nhà hoang, làm cho Soan xót xa, và thấy là mình tệ.

Hình như bà Cam biết có người vào nhà. Bà thì thảo hỏi:

- Ai thế?

Soan thưa:

- Con.

Bà lão lặng ắng một lát, rồi lại rên. Soan hỏi:

- U sốt à?

Không có tiếng trả lời. Biết tính bà, Soan không hỏi thêm. Soan xuống bếp thổi đồng dấm, nấu cháo.

Hôm sau, Soan đi vờn cỏ sớm.

Đến trưa, trở về, anh em đội công tác biết tin, đã vào đầy nhà.

- Bà mẹ chỉ tham công tiếc việc. Các cụ ai chẳng tham công tiếc việc. Chị phải vừa công tác vừa tranh thủ mà làm.

Nghe nói “phải tranh thủ mà làm”, Soan lại khó chịu. Còn có lúc nào Soan ăn bơ làm biếng, từ khi Soan về nhà chồng? Nhưng, nghĩ cho cùng thì bà Cam đúng là người tham công tiếc việc. Giá Soan đi họp, và vẫn quấy nước, rút rơm, trưa về đi vờn cỏ, thì mọi việc yên hết. Soan biết cái tính bà Cam thế, chẳng đợi ai nói mới biết, nhưng Soan hay bướng: chẳng nịnh ai mà phải lẩn lụng vào làm cho vừa lòng.

Dù sao thì bây giờ Soan đã nghĩ khác. Phải, Soan chỉ chịu khó một chút thì xong cả. Soan đã vừa làm vừa mê mải công tác. Mỗi ngày, Soan đi vờn cỏ với nhóm đối công. Cánh đồng mới cấy đã xanh biếc. Lá lúa vừa mọc đuôi, gió thổi vào bắt đầu có tiếng thầm thì.

Bà Cam đã khỏi hẳn. Bà đi làm cỏ với con dâu. Câu chuyện đổi bỏ cũng đã qua. Bà chỉ để ý một điều là ở bên Trường về, nó không mặt bùng mặt phỉu, và dù có bận họp xóm, họp xã, cũng không bỏ việc nhà. Chắc ở bên làng Trường người ta cũng rửa cho một trận rồi. Có thể mới nhạo về một mình. Phải, ở đâu bây giờ chẳng có cái cách, người ta chỉ đòn đánh bằng lời nói ngọt mà phải ngóc cổ dậy, chứ cứ đập chiếu nằm vạ mãi được a? Bà Cam yên tâm. Sự thuận hòa lặng lẽ tới với hai người lúc nào, cũng không ai biết.

Một hôm, Soan đi đâu về, thấy một cái bát hương úp sau gầm giường thờ. Soan hỏi:

- Nhà có bát hương nào thế này?

Bà Cam lúng túng nói:

- Tao vừa sang đêm bên điện nhà Nắp về...

Nghe thế, Soan mừng lắm. Bà Cam đã biết cảnh giác phòng mụ Nắp lên địa chủ đã đi lấy bát hương thờ điện về.

Nhưng bà Cam đã nói dối. Thật ra thì vừa lúc chập tối, mụ Nắp sang nhà bà Cam. Mụ xách cái bát hương đặt xuống nói:

- Nhà tôi sắp sửa thất đức, không được ăn mày lộc thánh nữa, tôi xin đem trả bát hương của các ông các bà.

*

* *

Bấy giờ, Tết Nguyên Đán sắp đến. Soan nghe đội nói: “Có thể lấy một số cán bộ xã đi công tác. Sẽ đề nghị trên cho đồng chí Soan đi”. Soan cười: “Cho tôi đi thật nhé”, nhưng bụng Soan thì vừa phân vân, vừa mừng.

Tết nhất lại đến nơi. Những ngày cuối năm dầm ầm, người ở nhà hay nhắc người đi xa. “Anh Triều sắp về chứ! Tết hòa bình thứ hai mà chưa về à? Gan thế...”. Soan cứ nghĩ miên man. Soan tưởng tượng từng cảnh thế này: Một hôm, Triều về, Soan sắp đi công tác, tình cờ Triều về. Sao mà anh ấy về khéo thế. Vừa trông thấy nhau, mình đã giơ tay trước bắt tay anh ấy một cái. Cán bộ bắt tay nhau là thường. Nào bắt tay, bắt tay rung lên rung xuống.

Nghĩ đến đây, Soan không dám nghĩ thêm nữa. Trong lòng thì man mác chan hòa, nhưng Soan thấy câu chuyện mơ tưởng có vẻ cứ lạ dần mãi. Có gì đâu, bởi vì Soan nhớ lại năm năm về trước. Khi Triều còn ở nhà, nhiều lần Triều đã nghe mẹ chửi đánh mình. Vả lại, ngày Triều đi cũng là cái ngày Soan bị chồng đánh trận đòn đau. Dù đấy là đánh che mắt thằng Tây, nhưng chỉ vì che mắt thằng Tây mà phải đòn thì cũng là đau lắm. Bây giờ Soan được giác ngộ rồi, lại càng khó chịu. Soan không dám tưởng tượng nữa. Soan lừ mắt, vẻ nghĩ ngợi. “Ừ, để gặp xem thế nào. Xem hắn ta tiến bộ được bao nhiêu rồi”. Làm như Triều thế nào cũng về. Triều đương đi ngoài bờ ao. Những ngày cuối năm, gió bắc thổi hun hút, nằm ổ rơm mà cứ như dội nước vào người. Trần trọc, lăn đi lăn lại khó ngủ quá. Đêm ngoài điểm tuần, mấy chị du kích cứ quần chiếu tùm hum, chen nhau, cẩu nhau, rúc rích “Cậu cậu, anh anh, mình mình”, không nhớ không mong sao được!

Thế rồi, nhớ quá hóa ra thật, buổi sáng hôm ấy, Triều về.

Quần áo và mũ, giày quân đội, Triều to, cao lênh nghênh. Gặp người làng, Triều chào. Người làng đứng sững, nhìn đi nhìn lại, rồi mới nhận ra cái mặt, cái cười anh Triều, “cái cu Triều, bà Cam đẻ rơi ở ngoài ruộng triều, đặt tên là Triều”. Cả cánh đồng đương làm chống cốc, chống cào quay về phía xa xa anh bộ đội đương đi vào cổng làng. Có người theo lên tận đường cái nhìn mặt cho được. Có người mau miệng đã bảo Triều biết Soan đi đào giếng chống hạn dưới đồng sâu, bà Cam đương làm màu khoai đăng kia.

Triều tạt lại chỗ mẹ đương làm. Triều nhận ngay ra mẹ. Nhưng lạ sao, hình như người mẹ bé nhỏ hơn trước. Từ nãy, Triều thấy cái gì cũng bé nhỏ hơn trước. Cả con đường cái chính xứ, ngày bé chạy đứt hơi chưa hết, bây giờ hình như ngắn ngủn, đi ba bước đã qua.

Triều cởi ba lô và túi để đầu bờ, xuống đặt dây khoai với mẹ. Câu thứ hai muốn hỏi về vợ, nhưng Triều cứ nấn ná. Lát sau, đã đặt xong cả ba luống dây khoai. Hai mẹ con xách cuốc về. Đến khi bà Cam nói: “Bây giờ thì nhà mày nó cũng về rồi” Triều mới yên trí.

Bà Cam xuống ao rửa chân. Triều đứng nhìn cái nhà mình, vẫn ba gian như ngày trước. Trận mưa đêm qua làm cho cả mái, vách tối đen, như cái ụ đất.

Soan đứng trong đầu bếp nhìn ra. Tiếng đồn Triều về đã bay ngay ra tận chỗ đào giếng. Soan chợt nhớ một điều là nhà hôm nay không có gì ăn. Hết buổi làm, Soan chạy ra lạch bắt quàng một mẻ cua và bây giờ đã về lấp ló nắp đầu bếp. Triều đã vào tới gốc vối. Triều mặc quần áo bộ đội màu xanh cỏ ấu, người càng cao càng chảnh tề, đúng như mình thường tưởng thế. Chẳng còn dấu vết đâu cái bộ áo rách toí, cái nón mê, cái sào nửa, buổi sáng hôm trốn đi. Thế là, bao nhiêu ý nghĩ của Soan không còn cứng cựa như lúc Triều chưa về, Soan thấy mình luống cuống “không thể nào dám bước ra bắt tay anh ấy được nữa”. Và, lẳng lặng, trước khi Triều vào sân, Soan đã vội xuống bếp, ngồi quay lưng vờ thổi lửa. Mãi đến lúc có nhiều người đến thăm hỏi, Soan mới bước ra.

Triều nói chuyện, chào hỏi tíu tít và Triều làm như chưa trông thấy vợ. Hai người cũng không hỏi nhau.

Lạ thay, Soan có cảm giác rứt rề như tám năm trước, mới về nhà chồng, buổi sáng đầu tiên dậy sớm quét nhà. Mãi cho tới lúc các chị vào rửa đi hội ý buổi chiều, Soan mới trở lại tự nhiên. Họ cười nói như phá, làm cho Soan tỉnh, nhanh nhẹn, và thấy lại được mình đương là cán bộ xóm.

- Tối nay cho chị Soan ngủ nhà, không phải ra điểm gác tập trung nhé.

Soan tự ái:

- Nhiệm vụ nào đi nhiệm vụ ấy chứ.

- Thế tối nay không phải ngủ nhà chắc?

Họ đấm nhau, nhận ra cả ngoài sân.

- Anh Triều này, tối nay phải phê bình con bé tợn vào. Độ này nó lòng hổng lắm.

Triều cứ ngồi cười, vừa thích vừa hơi khó chịu vì câu nói chót nhả. Một chị nói:

- Cái Soan ở nhà tiến bộ lắm. Cuối tháng này được tỉnh cho đi công tác đấy.

Triều cười, miệng cười mở rộng, nhưng nhạt không thành tiếng.

Mấy chị nữa vừa đến, đứng ngoài sân hỏi vào:

- Cậu Soan đi họp chứ?

Họ vờ như chưa biết Triều về.

- Sao cứ ngồi thu lu thế kia, nhớ chồng à? Ờ kìa, anh Triều mới về đấy à, thế mà chúng em vô ý không biết. Chào anh ạ. Trông anh khác hẳn đi thôi. Chị Soan hôm nay nghỉ họp, hôm nay giờ mưa to.

- Phải gió, hộc trên hết chứ!

- Cái gì trên, hả cậu Soan?

Thế là lại đấm, đẩy nhau cười. Lát sau, tiếng cười tiếng chân đuổi nhau đã xa ra tận ngõ xóm. Bọn họ đi hộc cả rồi. Triều ngồi lại một mình, nghĩ lằng quằng, tự dưng buồn. Vợ mình bây giờ hay nhí nhảnh, hay chót nhả thế ư? Vóc người Soan có đầy hơn, nhưng cũng lại phảng phất khô hơn trước. Cái gầy heo héo của tuổi. Năm nay Soan hai mươi năm. Cái thì mười tám đôi mươi đã đi qua rồi, dáng người không còn đậm đà nữa. Triều lại ra ý tiêng tiếc.

Triều hỏi mẹ:

- Nhà tôi nó sắp đi công tác à?

- Thấy nói thế.

- Công việc ở nhà thế nào?

- Không cho đi thì lại hóa ra buộc cẳng nó, mà người ta nói. Mày về thì mày bảo, thôi tùy các anh các chị, tôi thế nào cũng xuôi.

Thật ra thì bà Cam cũng chẳng ưa cái việc Soan đi công tác. Bà Cam không muốn Soan đi, nhưng cũng không thích Soan ở nhà. Bây giờ có ruộng, đủ ruộng rồi, chẳng còn thiếu đói được nữa. Vả lại, cháu gái nhón, nó với bà làm cũng được. Thì để cho cô ta bay nhảy. “Còn son rồi thì cứ bay nhảy đi”. Tuy lâu nay trong nhà êm ả, không có to tiếng, nhưng bà Cam vẫn cánh nánh chuyện mẹ chồng nàng dâu xung khắc, bà cho là “cái số thế, suốt đời thế”. Cho nên, ai hỏi có phải chị Soan sắp đi công tác thì bà chỉ ừ nhạt. Không ai biết bà bằng lòng hay không.

Triều cũng không hiểu sâu được ý mẹ. Nhưng thấy mẹ nói thế thì Triều phát cáu:

- Công tác gì thì cũng phải đầy đủ việc nhà đã. Phụ nữ nước nào chả thế.

Bà Cam không biết nói thế nào với con trai. Bà thì tiếc việc, tham người. Nhưng bà không muốn, mà cũng không thể giữ Soan. Thời buổi giờ khác ngày xưa, chúng nó như người hớn hờ đi ra đường, mình là cái người già chân yếu, chỉ biết đứng xó trông theo, mình có bảo chúng nó đi, chúng nó đứng, thì cũng như chuyện. Cho nên bà không nói.

Triều lăm lăm im lặng. Bà mẹ không biết con khó chịu, tưởng như tính nó xưa nay cũng thường lăm lì như thế.

Trời tối, rồi trời khuya dần. Lúc nãy thấy Soan khoác súng đi. Đêm nay ngủ du kích tập trung chẳng? Tất nhiên, Triều không hỏi mẹ. Triều lẩn mẩn, sửa soạn chỗ ngủ tinh tươm, cẩn thận. Vẫn ở cái góc buồng đầu bếp có phen tre, trên ba mảnh phản gỗ, ngày trước, khi mùa đông tới thì Soan trải ổ lá chuối khô và vợ chồng đắp một cái khố tải. Bây giờ, Triều gạt ổ lá xuống đuôi giường, trải ra phản một mảnh bạt. Cái màn thì Triều căng thẳng như kẻ chỉ, rồi vắt gọn lên. Triều rút trong ba lô một chiếc gối bông nhỏ bọc vải hoa, cùng màu với chăn. Túi ni lông đựng đồ chải răng thì treo trên góc cột. Mấy thứ xinh xẻo ấy Triều mới sắm. Rồi Triều lấy trong xác cốt ra một quyển thơ, nằm đọc vẻ tự nhiên ê a. Nhưng thật đầu óc loằng quằng nhiều nghĩ, nhiều nghe, khiến mắt Triều không thể trông thấy chữ nữa. Mùi lá chuối khô mốc, Triều đoán ít khi Soan ngủ nhà. Có lẽ Soan ngủ ở những điểm canh. Cái cảm tưởng về Soan nằm lang chạ như

thể làm cho Triều buồn buồn. Trong khi ấy thì miếng xà phòng ở túi ni lông của Triều cứ tỏa mùi thơm êm đềm, ngòn ngọt.

Triều chợt nhớ mình đang nằm ở cái phản ngày trước, vẫn góc phản ngày trước. Nhưng mùi xà phòng, cái quyển sách, cái bút... những gì nữa này, những thứ ấy làm cho Triều thấy mình khác trước. Người cũng còn đôi nữa là, nhiều cái đã khác. Triều bỗng để ý đến đôi dép cao su đen. Triều đã phát giày vải, đôi giày mình đang đi đây.

Triều suy nghĩ lan man về đôi giày, đôi dép trong khi trời dần dần khuya. Những con chuột cống, con cầy hương, lúc này đường đã vắng, chúng ra tìm ăn, chạy lết xẹt trên những lối bùn và lá khô, nghe xung quanh càng lặng, cứ vừa êm đềm lại vừa thao thức. Tựa tựa có người đi vào, rồi lại không phải. Chốc chốc, Triều giật mình.

Bỗng ủa đến tiếng chân rậm rịch từ ngoài đầu ngõ. Rồi tiếng cười, tiếng nói ào ạt qua ngoài vách, nghe rõ mồn một.

Triều nhìn lên rui nhà. Ánh đèn và tiếng cười loang loáng qua trên ấy. Triều cảm thấy mình nằm thu lu lẻ loi, lép vế, Triều trở mình quay mặt vào vách, tay nhấc quyển truyện kê giáp vào bóng đèn, như đang mãi đọc.

Soan bước vào, dõ phịch cái súng xuống góc nhà. Triều không quay ra, nhưng hỏi tự nhiên:

- Về đấy à?

Rồi Triều lại nói:

- Để súng thế là không bảo vệ vũ khí. Mà phải cảnh giác, treo súng vào phía trong giường chứ.

Soan làm theo lời Triều, ra cầm khẩu súng trường đặt vào vách trong, rồi cởi bao da lưng đạn, treo luôn lên đấy. Triều vẫn nhìn vào sách, lại hỏi:

- Đi sinh hoạt về à?

- Anh có nhớ cái Pha không?

- Cô Pha hay giấu truyền đơn vào giỏ cua rồi lộn cánh đồng đăng chợ vào tỉnh chứ gì.

Soan hớn hỏ nói:

- Lễ kết nạp trọng thể lắm, anh ạ. Từ thuở bé, giờ em mới thấy cò búa liềm.

- Cốt ở cái tinh thần chứ cứ gì hình thức. Tinh thần cô Pha thế nào?

- Tinh thần phụ nữ xã ta cao lắm. Cán bộ toàn xã nhiều là phụ nữ.

Triều toan nói: “Thôi đi, đừng tự phụ”, nhưng thấy Soan ngồi ghé bên ánh đèn, Soan nhặt quyển sách Triều vừa bỏ xuống, Soan ngẩng rồi thông thả đọc từng câu, thì Triều không nói nữa. Từ lúc này, Soan như không để ý tới những sự thay đổi trên cái giường lười thoi, mà Triều đã mất công bày lại, Soan cứ nhẹ nhàng nhón như không màng tới, Triều đã lạ. Bây giờ thì Triều phục vợ quá. Vì Triều tưởng chỉ có mình bao năm ở doanh trại, mới biết chữ được. Soan vẫn đọc thông thả, rành rọt. Ánh đèn bắt nghiêng lên mặt Soan. Đôi mắt vẫn lừ đừ năm xưa thế ấy. Cái lưng áo cánh nâu chắc nịch bốc nóng rình rịch. Nhưng nhìn thoáng khuôn mặt thì không còn tròn phính như trước. Dưới gò má, quầng một vết tối, hơi trũng xuống. Nét mặt Soan có

khô đi. Sáu năm, bao nhiêu tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm đã qua rồi. Triều bồi hồi và Triều âu yếm nói:

- Tắt đèn chứ, khuya đấy.

Soan đứng dậy, đặt cái đèn lên mặt hòm phản. Câu chuyện hai vợ chồng lầm rầm dần dà lặn vào bóng tối. Đêm mùa đông ấy, trời khô, vừa rét lại vừa ấm.

- Anh ở chơi nhà mấy hôm?

- Ngày kia thôi. Ngày, sắp đi công tác đấy à?

- Ừ.

Trước khi Triều về, mỗi lần Soan tưởng tượng chuyện sắp đi công tác thì đầy đủ lắm: túi vải, ba lô, bút máy gài túi. Nhưng lúc này, mặc dù vẫn hãnh diện về chuyện này và những điều nghĩ ngợi về lễ kết nạp chị Pha vào Đảng lúc này vẫn bồi hồi trong đầu, Soan có thể kể cho Triều nghe bao nhiêu chuyện, thế mà khi đó Soan chỉ “ừ” một tiếng, Triều nghe thấy vừa hiền, vừa ngoan. Trong khi hai vợ chồng nằm nghiêng lại với nhau, Triều nghĩ những ngày mới lấy nhau. Soan nết na, hay làm, Triều thì cục tính, hễ trái ý là chửi, đánh. Cả hôm đi tòng quân, lấy có che mắt mọi người để ra hậu phương cho dễ, Triều cũng đánh Soan một trận, nghĩ bây giờ còn ngượng. Soan cũng nhớ lại việc ấy một cách tình nghịch.

- Anh còn nhớ cái lần anh đánh em rồi anh ra hậu phương? Thế mà nhà đồng Nắp cũng đi báo đồn xuống đòi tiền phạt “nhà có người đi Việt Minh”.

- Mình chính huấn đã kiểm thảo thái độ đối với phụ nữ rồi.

- Không, em không nói anh đánh em đâu. Em kể chuyện nhà Nắp ấy. À anh ở bộ đội có kiểm thảo cả việc đánh em đấy à?

- Ừ.

Chợt nhớ ra một điều vui lắm, Soan rinh rích cười, cười to, nghe giường ngoài bà Cam cựa mình, mới im.

Triều để ý Soan gọi Triều bằng “anh” và xưng “em” rất tự nhiên. Triều thì chẳng dám “mày”, “tao” với Soan như ngày trước, nhưng vẫn lúng túng chưa biết gọi thế nào, nên vẫn chỉ đối đáp trống không. Triều thấy ở Soan một vẻ chững chạc, mà trước kia Triều không hề tưởng tượng ra. Triều lạ và phục, nhưng cũng thấy tung tức, cảm như mình bị coi thường, dù mới chỉ về nhà một lúc. Triều buông một câu:

- Đi thì ai ở nhà làm?

Soan nói gì về những ở nhà và đi công tác, nhưng Triều không nghe rõ. Sự bực bội và thương yêu cứ lẫn lộn, bồi rối, vẫn vơ. Câu chuyện lảo đảo một lúc rồi im trong tiếng lá chuối sột sạt và tiếng cơn gió đông cứ dạt dào huýt sáo vào cái ống tre trên đầu hồi nhà. Một lúc thật lâu, Triều bảo Soan:

- Ngủ đi.

Nhưng nào ai ngủ được. Chẳng bao lâu, tiếng gà đã nổi lên. Nhìn ra, đêm đã loăng trắng trên

khung cửa liếp. Triều quay mặt vào, nhắm mắt. Bổng rất khó chịu cái khung cửa liếp làm cho người ta thấy sắp sáng nhanh quá.

Còn tối đất, Soan đã dậy đi bừa. Triều cũng đứng lên, hăm hở ra sân tập thể dục.

Mặt trời lên độ con sào thì Soan về, khóa chân tay ngoài cầu ao rồi vào gác bừa. Triều đương cúi húi với đôi dép râu ở đầu hè.

Triều bảo Soan:

- Xỏ chân thử nào.

Soan đặt chân lên chiếc dép. Triều ngấm, nheo mắt, rút quai, đánh dấu bút chì. Miếng xà phòng và bát nước đã để sẵn, Triều tuốt xà phòng vào quai dép, rồi lần lượt xâu lại.

Đã đoán được việc Triều đương làm, nhưng Soan cứ hỏi:

- Anh làm gì đấy?

- Cho em đôi dép này... để em đi...

Triều buột miệng một cách cố ý gọi vợ bằng “em”, tiếng nhẹ nhõm, tự nhiên.

- Cho em thì anh lấy gì anh đi?

- Anh đã có giày của trên phát rồi. Rút quai cho ngắn lại vừa chân em, xinh lắm.

Đôi má Soan hây hây cảm động. Soan rất tinh ý. Nghe cách nói, Soan biết đêm qua Triều không muốn Soan đi công tác. Nhưng bây giờ Triều đương sửa lại dép cho Soan, thế là Triều bằng lòng rồi. Vừa day tay rút xong được một bên quai dép, Triều ngẩng lên nhìn Soan, và cười.

Thật ra thì Soan chưa đoán hết được nghĩa cái cười ấy của chồng. Thì Soan sẽ đi công tác. Triều đã thành thật nghĩ vậy. Nhưng mà Triều cũng đương nghĩ giá lần này mà Soan có mang. Có thể có mang lắm chứ. Triều nhìn đôi má đỏ hồng của Soan và Triều cười. Ừ, Soan có mang thì rồi Soan sẽ ở nhà, Soan sẽ có con. Cái mong muốn yếu đuối cuối cùng của người chồng chỉ còn âm thầm bám lại.

Soan không biết. Soan cũng hồn nhiên cười chúm chím. Ờ, đi công tác mà có dép thì nhất rồi. Soan cúi buông hai ống quần còn lấm tẩm bùn, vẫn xoe lên tận bẹn, từ nãy quên chưa bỏ xuống.

1956

[1] Trong kháng chiến, người các vùng bị chiếm thường gọi vùng tự do là “hậu phương”.

Người mất trí

Ngày trước Lực đi ở cho nhà ông phó Cật.

Khi vùng này bị chiếm, Lực vào quân báo của huyện đội. Bị Tây bắt, Tây đánh tưởng chết, đầu Lực sưng to bằng cái chõ. Đến lúc sống lại thì từ đó Lực cứ dở ngây dở dại, thỉnh thoảng chỉ tùm tùm cười. Người ta bảo: óc Lực bị hỏng, còn sót lại có cái gân cười.

Lúc cải cách ruộng đất, ông đồng Vây nói:

- Xin xóm cho thằng nỡm Lực này về ở với tôi.

Mọi người cười ồ. Nhưng ai cũng thấy thế là phải. Mấy năm trước, trong lúc kháng chiến, công tác quân báo, Lực có mối liên lạc với ông đồng. Và bấy giờ cũng chẳng ai lạ ý ông đồng muốn để bề vun vào cho cô con gái ông là cô Hờn. Cho nên, ngày nay thấy ông đồng Vây muốn nuôi Lực, ai cũng khen ông tốt và thủy chung.

Ông đồng đến cái lều cói, vừa nói buông xõng, vừa gắt pha trò, bảo Lực:

- Nỡm ơi nỡm, đi về nào.

Lực nhìn ông đồng, như nhìn cái gì lạ lùng, rồi cười tùm.

Cái khối tải khoác lông thông trên lưng, cứ thế Lực theo ông đồng về nhà. Mấy hôm đầu, Lực chỉ ăn, ngồi, đi ra đi vào, xỉa răng, tùm tùm. Nhưng ít lâu sau, nét mặt dại dại của Lực tươi tỉnh dần. Có lẽ, ở nhà có người nọ người kia, Lực cũng biết vui, làm quen lại với đời sống hàng ngày. Ông đồng đưa cho Lực cái ống giang Lực cũng chẻ được thành cái lạt. Rồi đưa cái bướm, trở ra vườn, Lực xách bướm ra vun gốc ngô. Thì ra, hễ có người hỏi, nghe tiếng người nói, người cười, thì quen tiếng và dần nhớ lại. Bấy giờ Lực ăn đã biết mời cơm. Chiều chiều, Lực đem một bó cần câu đi cắm ngoài bờ ao. Lực đã lại hơi người, đã quen dần với người và tiếng.

Có hôm ra sân trông lên sao tua rua đã mọc sang quá mang tai, mà cô Hờn và ông đồng Vây vẫn còn ngồi vót nan, đan giỏ, để phiên chợ đem bán, Lực cũng thức theo, cũng ngồi đan lạt.

Cô Hờn ra nhìn sao, ánh chừng xem giờ, rồi bảo tôi:

- Cái đêm anh Vạn hy sinh rồi anh Lực phải bắt cũng tối như mực thế này. Chóng thật.

Tôi hỏi Lực:

- Còn nhớ chứ, anh Lực?

Lực gật, lơ đãng. Tôi lại hỏi:

- Còn nhớ anh Vạn không?

Lực sửng sốt, nhìn quanh, như ngờ ngợ rồi nói:

- Đồng chí Vạn hả? Đồng chí Vạn...

Hờn thêm:

- Đồng chí Vạn chết ở đồng chùa Diềm ấy mà.

“Đồng chí Vạn... đồng chí Vạn...”. Không nhìn rõ mặt Lực bấy giờ, nhưng thấy im, một lúc lâu chỉ nghe tiếng vót nan xèn xẹt và tiếng Lực nhắc lại “đồng chí Vạn...”

“Đồng chí Vạn”, ba tiếng ấy, và một cánh tay cụt của cô Hờn chốc chốc lại thấp thoáng giơ ra ghì thắt nan lạt, và bóng anh Lực ngồi cặm cùi. Tiếng nói và hình bóng những ngày đã qua, bao nhiêu vất vả, cay đắng. Từ bấy đến lúc đi ngủ, ai cũng lặng im.

Đêm sau, tôi gọi chuyện thêm. Mỗi lần hỏi, Lực lại nhớ lại một ít. Óc Lực như sợi chỉ đứt, phải nhẹ tay lần lần tìm mối mới nối được lại dần. Tôi nghe thêm ông đồng Vây và cô Hờn kể, chấp thành câu chuyện dưới đây.

*

* *

Bấy giờ, vùng này đã bị chiếm.

Năm ấy, giữa mùa bắc khô buốt, đến nỗi lúa cấy không bén chân, gió thổi tức ngực không thở được. Bao nhiêu việc đồng chiêm phải đình đốn hết. Ai cũng chỉ còn mong đợi gió đông trở lại.

Nửa đêm kia, khi gió đông nổi lên thì người mê ngủ tới đâu cũng phải thức giấc. Nghe gió vờn dài từng cơn vào trong ống tre đầu hồi, Lực nhồm dậy, nghĩ: “Trời ấm quá”, rồi Lực vào trong xóm, gọi ông đồng Vây đi cày. Ông đồng Vây cũng trở dậy từ lúc có gió. Người già thường ít ngủ. Vả lại, từ lúc gió đông nổi lên thì trong cái ổ rơm của ông lão, không biết cơ quan là cái giống bọ mạt, nghe hơi nồm ẩm, bò ra, lặn lặn khắp tay, khắp mặt, khiến ông lão không thể chợp mắt. Ông lão chui ra sân đứng ngửa bàn tay. Xem mưa xem nắng, ông lão vẫn xem bàn tay thế. Bụi mưa xuống tay không giá nữa. “Ấm rồi! Ấm rồi!” Tai nghe gió ù ù cuồn cuộn ngoài cánh đồng, ông lão cứ đứng ngây người giữa cái sân đất lầy lội, tưởng như ngọn gió ấm ấy đương vờn qua các cánh đồng hanh hao, vờn tới đâu thì cây lúa tỉnh lên, cái rễ mạ đã chết cồng đóng cục trong bùn bấy giờ mọc ra, chiếc lá úa vàng đương trở lại màu xanh, cái gió đông là gió ra tiền ra bạc, tiếng gió ù ù, ấm ấm...

Lực lội bùn lép nhép tới. Lực vừa cất tiếng gọi đã nghe tiếng thưa trả lời ngay giữa sân.

- Đi, bố ơi! Làm thế nào cho đêm mai mà còn gió đông thì ta cuốc kịp hai sào nữa.

Ông đồng Vây và Lực làm chung khoảnh ruộng đồng Chùa của nhà ông phó Cật. Nước chế tát rồi, chỉ còn đợi trời ấm để cày ải. Việc đồng này quá chật vật. Từ khi Tây về xây bớt ba góc đồng Chùa thì ba cái lô cốt chặn lối sang sông, ban ngày không ai làm ra đồng, mọi việc đều phải làm về đêm.

Nhưng lúc đó, ông đồng Vây lại kéo Lực vào trong nhà, thì thào:

- Này biết chưa? Chú phó Cật tản cư ở ngoài kia về, mới bị quận bắt rồi.

Lực hỏi:

- Thế hả?

Hai tiếng “thế hả” buông thông, làm nhật hẩn cái hăng hái choàng dậy đi làm lúc nãy. Lực nhớ ngay một việc: vụ mùa năm ngoái, Lực không gánh thóc ra hậu phương đổ cho nhà ông phó Cật. Nhưng năm ngoái, nghe cán bộ về phổ biến rằng ai làm ruộng của chủ ruộng vắng mặt

không phải đối tô, Lực không quấy ra nộp như năm trước nữa. Đột nhiên, bây giờ phó Cật về, dù là về bị quận bắt, Lực cũng thấy chán ngắt. Lực nói:

- Nếu thế thì thôi, chẳng làm làm gì.

- Khoan nào, chỉ nóng hão, ta cứ ăn cứ làm vậy thôi, tôi sẽ nói với chú ấy một tiếng. Mà biết được Tây nó đã tha cho à?

Hai người lùi lũi ra đồng. Nhưng Lực vẫn bực bực, dù ông đồng Vây cứ lải nhải nhắc lại “rồi tôi sẽ nói với chú ấy một tiếng”. Lực thừa biết cái “nói một tiếng” ấy không có nghĩa, nghe rác cả tai.

Trong bóng tối, con nhái nhảy lép nhép. Con nhái nhảy hay đằng kia có người bừa, người cấy, ông đồng Vây và Lực không để ý, cứ mê mải làm. Ba năm nay, cánh đồng này đã quen được ăn làm về đêm rồi. Lực sờ tay, giơ cái thùng và cái nèo đưa cho ông lão; xong, hạ cày xuống lấp rồi buộc chốt, khẽ nói: “Đi!”. Ông đồng Vây gập lưng xuống cất bước. Cái nèo tre kéo giật ngang người, đau chói, như cái ngoàm cắn ngoặt vào bụng. Ông lão nhắc chân, lúi từng bước bùn oàm oạp. Càng kéo, cái nèo càng ghì, hơi thở đặc lại, bụng đau cuộn. Ông đồng hỏn hển vuốt trán: “Đổi tay nào!”, rồi đứng khượng lên. Được một lúc thì ông lão cạn sức, không thể bước nữa. Cái nèo nhả bụng ra, rơi tồm xuống bùn. Lực lội lên, quàng nèo thắt vào bụng mình, để ông đồng xuống cầm cày. Cứ lúc lâu, lúc lâu, hể kiệt lực, hai người lại đổi vai, đổi bụng, đổi lượt làm bò. Cứ như thế, người cày người kéo giữa đồng, chỉ nghe tiếng lội bùn và ngọn gió cuốn ù ù qua, cuốn theo tiếng keng ở cái lô cốt cầm canh rời rạc rơi cuối đồng.

Hai người làm hì hụi. Nhưng mỗi lúc nghĩ tới phó Cật, thì Lực vẫn bần thần. Chắc, rồi thì lão ta cũng đến được tha. Đồng tiền rảy ra, hòn xôi ném miệng thì đâu mà chẳng lọt. Sao Lực cứ tưởng trước ra như thế? Vì Lực đã thấy mỗi bận Tây càn làng, cả làng chạy, cả làng phải tập trung, thì các nhà có máu mặt không đi đâu cả, họ chỉ mở cổng ngòi trong nhà rồi bày ra nào chuối, nào trứng gà, nước chè nóng, rượu lậu, để đón Tây càn có đi vào thì ăn. Thế thì dù là “ông phó Cật ở ngoài kia đã làm việc cho ta” đi nữa, rồi Tây nó cũng đến thả. Mà tất nhiên, ông phó Cật về, thì Lực không thích bằng ông phó Cật cứ ở ngoài hậu phương.

Lực chẳng lạ những điều mặn nhạt ở đời đã trải qua trong nhà đó. Mười một tuổi, Lực đã biết khiêng ngược được cái lưỡi cày chạy theo đuôi trâu ra đồng. Tới khi “bùng nổ”, nhà ông phó Cật tản cư. Lực phải ở lại giữ ruộng làm đồ tô. Nhưng thế mà dễ chịu hơn, bởi thật đến khi đó Lực mới khỏi ăn cơm ngừ. Cho nên, bây giờ nghe phó Cật về, Lực cứ lan man, chán chán. Lực ngoảnh lên hỏi ông đồng Vây:

- Năm ngoái không ra đồ tô, bây giờ ông ấy về đòi thì làm thế nào?

Ông đồng Vây không trả lời. Có lẽ vì nhọc quá, còn thở. Chỉ nghe tiếng chân lội lồm bồm.

Một con vạc bay ngang đầu, cất tiếng kêu quang quác. Những người đang làm dưới ruộng đều biết: vạc đã đi ăn đêm về, thế là sắp sáng rồi. Rõn thêm một đường cày vết nữa thì trời phía thị xã cũng loăng dăng và đã nghe xa xa vắng lại tiếng xe hơi, tàu bò gầm gừ. Những tiếng động thường lệ buổi sáng của Tây sắp đi dò đường gỡ mìn. Không ai bảo ai, Lực và ông đồng Vây vác cày lên bờ. Quanh đấy, chốc lại một hai bóng đen lảng vảng qua - những bà con đi cày đêm lục tục trở về. Nhìn lại cánh đồng xám màu nước và sương mù, chỉ còn có gió hun hút qua, không

ai tưởng trên cánh đồng phẳng lặng ấy mà suốt đêm qua, lúc nào cũng có người cày cuốc.

Ông đồng và Lực, áo khố tải khoác vai, tóc, tai, mặt lấm vùi bùn, vừa rửa dưới ao lên, thì cô Hồn, con gái ông đồng Vây, cũng ở dưới xóm về, nách cắp một thúng nhót chín đỏ. Hồn thường đi buôn nhật, quả nhót, quả mơ, quả bưởi, mùa nào thức ấy, đem đi bán các cửa bột. Vừa trông thấy con gái, ông đồng hấp tấp hỏi:

- Việc chú phó Cật thế nào, hả mày?

Thấy có Lực ở đó, Hồn ra ý không bằng lòng. Hồn chỉ trả lời chùng chảng:

- Giam nhà muối rồi. Chưa hỏi han gì đâu. Quận nó còn bận họp lập làng đồn.

- Mày nói cái gì?

- Người ta đang họp bắt cả tỉnh làm “làng đồn” như bên Phương Điểm kia.

Ông đồng Vây “à” một tiếng. Cái gì chứ làng đồn, làng tập trung thì ông chẳng lạ có gì. Ở cái làng tập trung đã sinh ra lắm điều tai quái, lắm người thất cơ lỡ vận. Nhưng mà một số người làng này thì lại kiếm cơm được về cái món làng đồn. Có gì đâu, ai về ở làng tập trung thì “chính phủ Mỹ quốc” cho vay “viện trợ” để nuôi lợn, nuôi vịt. Nhưng thật thì ai về ở đấy cũng chỉ vay tiền “viện trợ” để ăn, để làm vốn hàng xáo, để đánh bạc. Cho nên, cứ để “hồi kỳ” nào có thanh tra Hà Nội về khám gia súc thì “hội đồng quản trị làng kiểu mẫu” lại báo cho cả làng biết trước. Người ở làng đồn nháo đi thuê lợn, thuê gà, thuê vịt đem cho thanh tra khám đếm từng con. Các làng quanh đấy chuyên cho thuê gà lợn cũng thành một cái nghề. Nhưng bây giờ làng này cũng thành làng đồn? Thế thì lại phải đợi tiền “Mỹ quốc” mà đi thuê lợn, thuê gà làng khác. Lâu nay việc “nhà thánh” không nuôi nổi ông đồng nữa. Ông đồng quan tướng phải dựa lưng vào lợn gà cho thuê. Thế này thì khó nghĩ quá...

Lực đã rửa xong cày, sắp vác về, ông đồng Vây bảo:

- Ở đây thối cơm ăn rồi tôi bảo cái này. Hồn, mày xem rau cỏ thế nào...

Ông muốn nói “thối cơm cho tao và anh Lực ăn để chốc nữa lên hỏi thăm chú phó Cật”. Nhưng thấy cô Hồn nguẩy mặt đi, thì ông thôi. Thật ra, chỉ vì Hồn biết bố vun vào, muốn chấm Lực làm rể. Nhưng Hồn chẳng bao giờ tưởng cảnh mình cũng như Lực. Người con gái mới lớn lên thường đứng núi này trông núi khác.

Lực dựng cày, ngồi xuống kéo một điếu thuốc cho ấm. Lực cũng không để ý cái mặt cong cớn của Hồn. Mỗi khi thấy cô ả chao chát, anh ta lại đánh giá bằng cái tắc lưỡi: “Quân này chỉ tập tễnh lên đồn lấy lính thôi”. Thường thường, Lực hay nghĩ cho đám con gái làng đại khái một câu như thế. Nhưng cũng chỉ thoáng qua, bởi vì Lực còn mải cày, đi câu, canh gác, họp du kích và lo trốn bắt lính.

Sau đó, Lực cũng về.

Lực về nhà, vớt huych cuộn thừng vai cày xuống, lăn vào ổ rơm. Nhưng cũng không ngủ được như mọi sáng. Lực nghe con mồi tắc lưỡi, con mọt cựa quậy trên rui nhà. Lại vẫn trần trọc cái tin lão phó Cật mới bị bắt về quận.

Nhớ năm bùng nổ, cả nhà ông phó Cật dọn chạy ra “hậu phương”, phó Cật bảo Lực: “Chú

trông nhà cho tôi, bao giờ yên hàn thì tôi mới về”. Lực bỏ cái lều dưới bờ ao, lên ở một mình chính gian giữa nhà ông phó Cật đây. Lúc đầu, ở nhà ngói thênh thang, đặt lưng nằm đâu cũng được, nghĩ khoái đời. Nhưng rồi làm ruộng đêm, rồi chạy Tây, vất quá. Song dù sao cũng là được ở cái nhà ngói. Thế mà bây giờ ông phó Cật về...

Lực trở dậy thổi cơm. Ăn no rồi mà cũng không ngủ được. Lực cứ đi ra, đi vào, mó cột nhà, ngắt cái thêm, cái cây. Lực tiếc nhiều thứ. Ngoài sân có cây chanh yên. Cây chanh yên này Lực chiết được đem về giồng, năm nay bói được sáu quả to nặng chịn đít vàng sọng xuống đất, trông ngọt mắt làm sao!

Nhưng, tiếc thì tiếc, Lực nhất định dọn về ở ngoài nền lều cũ. Cửa nả nặng nhất là cái cối đá đâm cua. Không biết vớ được ở đâu, Lực vắn nó về từ ngày mới nổ súng.

Lực đi gọi cô Hồn vào để bán chanh yên.

Trông thấy những quả chanh yên vàng hệnh, Hồn thích mắt, hám mua. Cô đơn đả nói cười, chứ không khinh khỉnh như lúc nãy. Câu chuyện qua lại ồm ờ:

- Anh Lực dọn nhà ư?
- Giữ đồ cho chúa chứ của mình đâu!
- Ông phó Cật còn ngồi nhà “muỗi” trên quận, đã về sao được mà sợ.
- Mặc thiên hạ sự! Chẳng phải canh nhà cho ai!
- Đánh cả chanh yên nhà người ta mang đi à?
- Láo nào! Cửa tao chiết về trồng.
- Cái cối thùng này cũng của anh Lực chắc?

Lực phát cáu:

- Cửa tao chứ của ai. Tưởng của ăn trộm à!

Hồn gập người lại, cười rũ ra. Khi cô ngẩng mặt, hai má đỏ như, tóc xõa cả xuống miệng. Hồn lại ôm bụng cười.

- Cười cúrt người ta ấy à!
- *Anh còn cái cối đâm bèo... Anh đem bán nốt... anh... ối giờ ơi là giờ...*

Đột nhiên, Lực xông đến. Trước Hồn còn cười, sau Hồn bị Lực đập ngã chúi xuống, khi đó Hồn mới bỏ chạy. Tuy vậy, vẫn quay lại, dẫu mỏ lên đùa: *Anh còn cái cối đâm bèo...* Lực vác đòn gánh đuổi, Hồn chạy biến.

Đến chiều, Lực nghĩ lại và cho là Hồn nói đùa chứ không phải Hồn khinh mình. Bởi vì “nó chạy mà nó vẫn cười thì là nó đùa rồi”. Lực nghĩ về cái Hồn cười. Lần đầu tiên, Lực nghĩ đến Hồn một cách mới mẻ. Lực tưởng ra hai người quấy cối như vợ chồng dọn nhà mới. Chốc chốc, Hồn lại hát *“Anh còn cái cối đâm bèo. Anh đem bán nốt anh theo cô mình”* rồi quẳng cả cối, đứng cười. Lực lại mắng: “Có cái đếch gì mà cười”, nhưng Lực cũng cứ đứng chống đòn gánh ngăn Hồn má đỏ, cười xõa cả tóc vào miệng. Lực nghĩ giá Lực lấy cô Hồn. Nhưng chao ôi, ả ấy còn

nhóm Đông trông Đoàn chứ trông đầu đến mình. Đòi chồng con của người ta thòi buổi này như đưa vào đám bạc, trúng một tiếng là phát lên như điều. Ý nghĩ “giá lấy được Hồn”, dù sao, dù sao cũng vui vui, lấp cả cơn khùng lúc này. Lát sau, Lực cắp sáu quả chanh yên đem đến nhà ông đồng Vân. Lực nói với Hồn, như không có chuyện gì xảy ra:

- Ngày bán năm quả thôi, còn giữ lại một quả để ông đồng cúng thánh.

Cô Hồn cười. Lực cứ đứng ngây ra nhìn.

*

* *

Có một toán lính quận về đóng thêm ở bốt Đình Thượng. Ngày ngày họ đi thúc các điểm hương dưng dẫn tre xếp đầy cửa đình. Tiếng đồn xa đồn gần những tre ấy để rào cửa đình, đình làng sẽ là nơi dồn người tạm thời, con trai con gái trong làng, tối về cả đấy ngủ. Có người khéo tính đã rục rịch rủ vốn mở sòng bạc, mở hiệu phở khi lập “làng kiểu mẫu”.

Chập tối, tiếng keng đốc canh vang quanh làng. Lực cũng phải đi canh. Một tối, mấy thằng “sếp gúp” đang chia trai tuần các xóm về điểm, Lực nghe có người hỏi: “*Lực đi canh xóm Tây à? Mà có mang gậy đấy không, đường đàng ấy khó đi lắm*”. Lực biết đấy là câu nói lóng “*Đêm nay có cán bộ về*”. Lực đáp to: “*Tớ có gậy rồi*”. Rồi Lực khấp khởi nghĩ: Ờ, các anh ấy phải về bàn làm ăn thế nào chứ, để chúng nó làm cái làng đồn, tối đi nằm đình, có keng thức keng ngủ, có Tây canh ỉa đái thì chết đói ráo!

Đêm ấy, Lực gác hết phiên cũng không thấy ai. Nhưng tảng sáng, Lực về nhà đã thấy anh Bàn ngồi thù lù trong ổ rơm, bên cạnh có tay nải và một bao tải thuốc bắc. Bàn đã vào làng đàng cửa xóm khác. Thấy Lực, Bàn mừng quá, giục: “*Thối cơm! Thối cơm! Này cho gửi bọc hàng, hôm nào ra mình lấy*”.

Lực hỏi Bàn:

- Làng sắp phải ở đồn rồi, làm thế nào, anh Bàn?

Bàn đương gà gà ngủ, lau bàu nói:

- Phá nó đi.

Thấy cán bộ nói trúng ý, Lực thích quá:

- Phải, phá mẹ nó đi. Để như bên Phương Điểm thì mất làm mất ăn.

Nhưng Bàn lại nói:

- Này, nấu tạm mớ cua, đọt này mình háo lắm.

Lực xách giỏ xuống bờ lạch. Khi Lực móc được lưng giỏ cua đem về, Lực thấy cả anh Vạn cũng vừa đến. Thế ra anh Vạn tối qua cũng về với anh Bàn. Lực lại hỏi:

- Chúng nó vót tre rào làng nhiều thế, liệu ta phá có được không?

Cán bộ huyện đội Vạn cười, hỏi lại:

- Nghe tình hình bà con ta thế nào?

- Thế nào nữa! Ngủ chồng đồng không đi làm đêm được, chẳng chớ nào muốn thế đâu.

Bàn nhồm dậy, nhặt nốt con cua mà Lực vừa bóc mai ném vào cái lon sành, nói:

- Ăn đã, đồng chí Vạn ạ.

Đêm ấy, giáp mặt không trông thấy nhau, gió đông ẩm áp vẫn nổi rào rào. Vài ánh sao hiện ra, lung lay như sắp rơi. Tiếng súng cầm canh ở lô cốt bột Thượng bật vào gió, cuốn mất sang bên kia sông.

Trong làng, bóng tối đương đùng đặng. Các điểm hương dưng đầu xóm vẫn gác vờ, hoặc sợ nằm im, như không có việc gì xảy ra. Vạn và Bàn đi từ đầu xóm vào trong đình, thấy lỗ nhố xóm nào cũng có người lúi húi chứ không phải chỉ có sáu người của tổ du kích. Ngõ xóm trong, xóm ngoài người chạy ra, đâm thúc vào Vạn. Trong đình, chỗ nào cũng tiếng lạch cạch. Bọn phá cửa sổ. Bọn dỡ rào. Một bọn khuân tre, vác ra ném xuống sông.

Vừa ngạc nhiên, cũng vừa thích, Vạn bảo Bàn:

- Thế này thì lộ hết.

Khác cả kế hoạch. Chỉ định hai tổ du kích đi phá, mà ra cả làng đi phá. Người ta ghét làng tập trung quá.

Nhưng Bàn im, đột nhiên hơi ngại. Chung quanh hai người, những cái bóng vẫn thoăn thoắt. Lực vác nốt ba tấm ván rồi lặn vào tìm ông đồng Vây rủ đi cuốc ruộng. Ông đồng bảo:

- Phá hết, mai thế nào nó cũng về phục sớm, đừng đi.

Lực tiếc việc, cứ vác cuốc đi một mình. Đến tận lúc tiếng vạc ăn sương bay kêu ngang đầu Lực mới về.

Cũng chưa thấy các bột nhúc nhích vào dò la.

Lực rửa chân tay trước ao nhà ông đồng Vây. Ông đồng cũng đi đâu từ sớm vừa về, tay xách nải chuối mần, nách cặp thẻ hương, túi giắt cút rượu trắng. Thấy Lực, ông đồng đứng lại, nói:

- Chú phó Cật được tha rồi.

Ông mừng ra mặt:

- Chả rằng có thím ấy về chạy các cửa. Ghê thật, nhà có cửa như nhà có cánh, bay đâu cũng được. Lạy thánh mớ bái...

Lực hiểu cái “lạy thánh” ấy là nải chuối bột, thẻ hương, cút rượu ông lão đang cầm, chắc của bà phó Cật đưa cúng điện. Đã lâu, điện ông đồng mới lại được một đám hương hoa. Mọi khi chỉ toàn cúng mọn: quả nhót, quả bưởi, cái hoa cái quả của cô Hồn buôn, đem đặt lên cúng một lúc rồi lại bê đi bán. Ông đặt nải chuối, múc bát nước cúng, lom khom thỉnh chuông. Xong đâu đấy mới bảo Lực:

- Ta lại nhà chú phó hỏi thăm một cái. Chạy mất đáo để là tiền đấy.

Cô Hồn ôm một bó lá xoan ngoài vườn vào đương bỏ vại dấm chuối, vẫn để ý nghe bố và Lực nói chuyện. Hồn không thù ghét gì nhà phó Cật. Nhưng cô cầm cái Nhã, con gái ông ta. Nghe

nói ở ngoài kia, cái Nhã phải lòng Bàn. Hòn chổng lỏn với ra một câu:

- Bắt bó gì đâu. Che mắt thế gian đấy. Từ đâu mà vẫn bệ vệ mở bia hết chai này đến chai khác mời cả hàng đồn uống.

Ông đồng Vây gạt đi:

- Xà, có mồm thì cắp, có nấp thì đập, con dĩ dờ kia!

- Các hàng chanh bia cửa quận đều biết.

- Xà...

Hòn bướng, bảo Lực:

- Anh Lực đừng đi, ở đây tôi bảo.

Hòn muốn hỏi thăm Lực xem cán bộ Bàn có còn ở làng không. Lực toan đứng lại. Nhưng ông đồng giơ tay kéo, Lực đành theo.

Lâu lắm, Lực mới lại trông thấy ông phó Cật. Người vẫn đen trụi, nhưng cái mặt càng choắt lại, bộ ria mép đậm ra rậm rì. Vợ thì vẫn tròn xoe, núng nính. Ông phó Cật, khi nói, thườn cằn ra đằng trước, dáng quen hất hàm hách dịch, làm cho tự dưng Lực cứ khép nép ngồi xuống thêm hè, như năm trước, những khi có việc lên nhà trên cho ông phó sai bảo.

Bà phó Cật đơn đả:

- Gớm, chú Lực phát tài béo đở ra, mình kìa. Này, tính tôi hay nói ngay, tôi bán cho chú mấy cái chân ruộng ấy. Trả tôi nốt chỗ thóc năm ngoái, thêm ít tiền nữa là xong. Chẳng bao nhiêu mà được ruộng nhất đẳng điền. Chuyển này chỉ chạy cho ông ấy khỏi tù tội phải bán tào bán huyện, sạch trơn rồi.

Bà thêm:

- Chả rồi mai kia Chính phủ về lấy chia cho người ta, như ở ngoài kia, thì cũng thế, chú với ông ạ.

Nghe nói, Lực cứ ngây nhìn ông đồng Vây. Chuyện với người có của, bao giờ cũng khó nói. Thế là đậm ra tức cái lão đồng, giục mình đến ngồi ều mặt ra đây. Phó Cật vỗ vai Lực:

- Nghe nói hồi này chú tiến bộ lắm phải không?

Lực vẫn im, và, hết như thói quen trước, Lực lại khoanh hai tay lên. Ông đồng cũng thấy chẳng còn chuyện gì. Sao lúc này bà ấy đưa nải chuối bứt, thè hương cho ông về điện thắp hương thì hồ hởi, chăm bập thế. Hai người đứng dậy về.

Ra khỏi đầu ngõ, Lực rất ấm ức, hai người đậm ra cằn nhằn nhau:

- Thế thì ra thế nào, bà ấy đòi tôi cái thóc năm ngoái không ra đổ tô à?

Ông đồng khe khẽ:

- Để rồi tôi nói cho một tiếng.

Lực cúi:

- Trăm tiếng cũng vút đi.

Lực vùng vằng về, thì thấy anh Bàn, anh Vạn và cô Hồn đã ngồi trong lều. Đang cơn bực, Lực hỏi luôn:

- Anh Vạn ơi! Thế nào mà nhà phó Cật lại đòi tôi cái thóc tôi năm ngoái. Tôi nghe anh thì tôi mới không giả ông ấy chứ. Bây giờ ăn hết rồi.

Vạn ngẩn người. Nhưng khi nghe Lực kể vừa đến nhà phó Cật thì Bàn nói:

- À, đấy là vợ ông ấy nói thế. Để rồi giải quyết sau.

Anh Vạn bảo:

- Được rồi, ta làm việc này đã, Lực ạ. Đồng chí đi triệu tập các thôn đội sang hội ý.

Lực đi ngay. Vạn bảo Hồn:

- Cô vào trong xóm xem các tổ đã chuẩn bị cho cất giấu chưa. Cô cũng đi luôn thôi.

Hồn ngoáy nhìn Bàn một vẻ tần ngần. Nhưng rồi cũng đi ra. Còn lại có hai người, Vạn bảo Bàn:

- Nó sắp trả thù ta phá đồn làng đấy. Khéo kéo không kịp. Có thể sáng mai nó xua quân đi càn. Nay, ta kết nạp Lực kỳ này có được không? Tuyên truyền thế nào rồi?

Bàn nói:

- Chưa được kỹ.

Thật thì Bàn chưa làm gì. Hai lần họp trước, có Vạn, đã giao cho Bàn tuyên truyền Lực, Bàn chỉ ừ ào, mặc dầu lần nào về xã, Bàn cũng đến ở hầm của Lực. Nhưng Bàn chỉ về nhờ mỗi vào tỉnh mua hàng “kinh tài”, thuốc Tây, thuốc Bắc, thuốc lá Mỹ. Hoặc giả thúc Lực mua hộ gà, có khi cả chục trứng, ăn cho khỏi xót ruột. “Độ này mình háo quá, chú kiếm cho tôi hộp sữa Con Chim. À, có ai đi tỉnh, gửi mua ít kẹo”. Chưa lần nào Bàn nói gì khác. Bàn nghĩ: “Anh cu này thì bảo lúc nào cũng được”. Đến bây giờ, Vạn nhắc, Bàn cũng chỉ ừ lấy lệ.

Bàn đi triệu tập chi ủy, vừa đi vừa nôn nao nghĩ “Số mình chuyển này đen, vào đúng lúc nó quay”.

Qua cửa chùa Diêm, trông thấy Hồn đi lại, Bàn giật mình. Hồn chưa vào xóm, vẫn vẫn vơ đây? Bàn vừa tới, Hồn nghiêng ngay:

- Nay, cái con Nhã nhà phó Cật về rồi đấy, biết chưa?

- Con khỉ! Việc đang như lửa, sao còn đứng đấy?

- Như lửa mà có đứa chỉ nói một tiếng, người ta cũng ngồi lại hàng ngày đấy. Con này lạ gì các người.

Bàn rũ bụi bụi:

- Láo, láo nào!

Rồi chạy băng đi. Hồn đứng tựa gốc cây, khóc như đứa trẻ. Hồn biết Bàn là kẻ giảng gió,

nhưng Hòn vẫn mê Bàn. Trước nay, Hòn vẫn để ngoài tai chuyện người ta đồn bên “hậu phương”, mỗi lần Bàn ở trong này ra thường đến nhà nó ăn ngủ, cơm gà cá gỏi hàng tháng. Nhưng, cũng chỉ là chuyện đầu đầu, nghe xa, nghe vậy thôi. Nhưng bây giờ thì cái xa, cái vậy ấy đương áp đến tận nơi: cả nhà phó Cật hồi cư rồi. Mắt Hòn trông thấy đích mặt con cái Nhã rồi. Mặt nó tròn xoe như cái đĩa Tây. Trông cái Nhã phong lưu phát phối đi, Hòn cảm thấy cái quần mình bạc hơn mọi khi, cái nách áo mình đổi vai mấy lần rồi mà vẫn còn rách. Hòn tủi, nằm khóc cả đêm. Hòn nhất quyết đợi gặp Bàn, chửi cho một trận. Nhưng hồ trông thấy mặt con người Sở Khanh thì cơn tủi lại chẹn lên cổ, không nói tàn tệ được.

Bàn đi đã xa, Hòn mới bình tĩnh trở lại. Hòn nghĩ: “Thôi thế từ nay kiêng mặt!” Rồi Hòn lúi thủi vào xóm.

Tin Tây sắp càn, trả thù ta phá đồn làng, ai cũng đã biết. Cũng như hàng chục, hàng trăm lần trước, Tây mà rục rịch càn, người ta đều biết trước. Đàng cuối đồng, đã lở nhố người vác bừa, công trẻ con, đánh bò chạy sang bên sông. Những thửa ruộng đang làm mùa dỏ, chỗ nước trắng, chỗ lúa xanh, chỗ mới cấy vàng hoe. Xa kia, con đường lên tỉnh mờ mờ sương và bụi mưa. Chưa thấy gì.

Chập tối, Bàn trở lại nhà Lực. Bàn bảo Lực:

- Đi đàng này với tôi.

Đường cái đã nhỏ mặt người. Hai người vào đến nhà phó Cật. Thẳng xuống nhà ngang, thấy phó Cật, cả Vạn và hai người lạ mặt. Bàn bảo Lực ngồi gác ngoài sân. Lực ngồi điềm nhiên, bình thường như mọi khi du kích, Lực thường gác các cuộc họp. Nhưng có điều làm cho Lực cứ áy náy mãi đến lúc về là sao lại họp ở nhà ông phó Cật và cả phó Cật cũng ngồi đấy.

Nửa đêm, Vạn mới về nhà Lực. Lực nói những cái không thích lúc này nghĩ. Nhưng Vạn bảo:

- Đừng lo.

- Tôi vẫn lo, đồng chí Vạn ạ.

Vạn cười:

- Thôi, bàn chuyện chống càn đã.

- Tôi công tác gì bây giờ?

- Bây giờ xem lại hầm, rồi nấu cơm, ăn xong đi kiểm tra các xóm. Nửa đêm rồi.

Mưa rơi lộp độp trên tàu chuối. Ngoài trời vẫn mưa bụi. Gió đông dạt dào trong đêm. Lực lấy cái tải che cửa bếp để khỏi lọt ánh sáng, rồi hai người nhen lửa nhóm bếp.

Vạn thổi cơm, Lực rút rơm. Lực đã nhãng cái thắc mắc lúc này mà đang nghĩ chuyện được đi với Vạn.

Cán bộ Vạn, người quê ở đâu không biết, thường về công tác và ở hầm của Lực. Lực thích Vạn, không phải vì anh ấy là cán bộ, mà vì anh ấy không hay bảo đi tìm gà và lòng sữa “Con Chim”. Tính anh không khó, ít nhất phải có bát canh cua mới ăn được cơm, như Bàn. Lực thấy dễ quen Vạn hơn Bàn là người làng. Bàn trước ăn học ngoài tỉnh. Ngày khởi nghĩa, Bàn ra làm ban tuyên truyền xã, Lực còn gọi bằng “cậu Bàn”. Mỗi khi “bùng nổ”, hoạt động lăn lóc với

nhau, gọi Bàn là anh, mới quen dần.

Vạn và Lực ngồi trước bếp, một đồng tro vùi nồi cơm. Hai người không trông rõ mặt nhau. Tàn than rơm chỉ còn hừng đỏ, in nổi bóng bốn bàn tay hơ sưởi trong bóng tối. Vạn hỏi Lực:

- Đồng chí Lực trước đi ở cho nhà... ông Cật có lâu không?
- Từ bé tôi đã cầm cái thừng đi chăn trâu cho nhà ông ấy rồi. Cho tới giờ.
- Tới bây giờ?
- Ừ.

Tiếng ừ nặng nề buông. Bỗng nhiên, Vạn cảm một điều lo ngại. Đã đành, do chủ trương của huyện ủy, đồng chí Cật mới hồi cư. Chẳng những hồi cư, mà theo chủ trương còn xin ra làm tề “hai mang” nữa. Không phải Vạn không biết gốc tích Cật, nhưng bây giờ nghe Lực nói, Vạn đâm nghĩ. Mấy hôm về bị quận bắt, ai biết được có làm sao không? Chỉ cần một phút thôi, cũng có thể đổi khác, nữa là mấy ngày. Đã nghĩ thì cứ nghĩ lan man. Vạn bình tĩnh lại, nhắc nồi cơm, sơ thử một hạt, thấy đã chín, và Vạn nói một cách tin tưởng:

- Lực ạ, bất kỳ người như thế nào, nếu được cách mạng giáo dục, cũng khác trước. Ai cũng thế.

Đã quá nửa đêm. Vẫn dạt dào gió. Những người còn thức đều nhớ công việc đồng áng. Giá như mọi hôm, những đêm này đương là lúc xô xát cuối vụ, người lịch kịch kéo đi làm đồng suốt sáng. Nhưng đêm nay không nghe nhúc nhắc một tiếng chó. Trên lô cốt đồn Thượng, chốc lại đổ xuống một hồi keng, gió tạt đi, lúc nghe lúc không. Vạn cúi nhìn ánh đồng hồ dạ quang trên tay. Gần hai giờ. Giờ này địch sắp đi càn, thường bắt đầu cho quân tỏa về cánh đồng các làng. Sốt ruột, Vạn bảo Lực:

- Lực ra tổ bám sát đường hỏi có thấy gì chưa.

Lát sau, Lực về cùng với ba liên lạc thôn.

- “Nó” lẩn trốn cả ngoài đồng rồi.

Mặc dầu chuyện rõ ràng, ai cũng biết sắp bị càn, mọi người cũng lặng yên như nghe mới lạ lắm.

- Các thôn đội đã nắm kế hoạch. Các đồng chí cứ về. Bình tĩnh.

Vạn vỗ vai Lực:

- Sắp đấy nhé, sắp đấy nhé.

Tuy nói cứng, nhưng hai người cũng tưởng như Tây đã quặp quanh làng, đương ập vào, ập đến tận chỗ hai người đứng đây. Tuy nhiên, họ lẳng lặng bước ra đường cái.

Tiếng gà eo óc xa lắm. Gió đông miên man qua cánh đồng, qua trên những bụi tre. Trời dần dần loăng sáng, trông lên đã thấy la đà những cành tre lá ngọn. Thế mà phía sau làng vẫn còn tiếng người, tiếng chân bò huỳnh huých ra bờ sông, cứ lính càn đến đấy mới chịu lật đật đánh bò, vác cày chạy.

Bàn lù lù ở đầu về, gặp giữa đường. Cả ba người lại quay lại lều nhà Lục. Bàn vào tận xó bếp, căng cái tải lên, đánh bật lửa kéo một hơi thuốc lào, rồi mới nói được.

- “Nó” ngất ngểu ngoài đồng như ma, anh Vạn ạ.

Vạn hỏi:

- Trông thấy à?

- Ngửi mùi khét lẹt.

Vạn cười:

- Thế thì ngồi tận đây chúng tớ cũng ngửi thấy mùi khét lẹt. Nó còn ở ngoài đồng, ta còn thì giờ. Đồng chí về xóm Đông, nắm vững tinh thần bà con mai phải ra điểm đình...

Bàn cũng đã trải qua nhiều trận càn. Nhưng chưa lần nào ngồi đối phó trên mặt đất như lần này. Mọi khi, hễ thấy động, Bàn rút sang sông. Cũng có lần ở lại trong vòng vây nhưng thôn đội đã cho cái hầm tốt, Bàn ngồi chực sẵn cửa hầm, tay ôm hai hộp sữa bò, phòng ở lâu dưới đất thì đã sẵn cái ăn. Nhưng mà lần này thì phải chọi mặt.

Theo lệnh Vạn, Bàn đã trở về tới đầu ngõ Đông. Bất giác, tay Bàn nắm vội cái vấu quả lựu đạn gài sau lưng. Quái, sao trong gió thổi thấy khét hơn lúc nãy? Có lẽ chúng nó đã vào phục quanh xóm. Thò cổ ra là chúng vồ ngay được mình...

Đột nhiên, Bàn đứng lại. Rồi, bối rối, Bàn quay lại. Hai tay nắm hai quả lựu đạn cho khỏi lắc, Bàn chạy về tận xóm Tây. Đến cửa nhà phó Cật, Bàn đứng. Bỗng có tiếng hỏi trong sân vọng ra:

- Bàn hả?

Bàn giật bắn người.

- Vào đây. Vào làm vài tộp cho ấm bụng.

Tiếng phó Cật. Thế là Bàn vào.

Lát sau. Lục sang liên lạc ngõ Đông về nói không gặp Bàn, Vạn ngờ ngợ. Những việc thế này, Vạn thường biết. “Có lẽ Bàn chuồn rồi”. Hai người đứng nhìn ra cánh đồng sương đã bắt đầu tang tảng. Phía đường tỉnh, tiếng xe tăng gầm gừ mỗi lúc một rõ. Một ngón tay Vạn gõ cách cách lên vỏ quả lựu đạn đeo bên sườn. Dấu hiệu tỏ vẻ bình tĩnh, nhưng thật Vạn cũng đang rối. Duy có Lục không chú ý. Lục biết Bàn nhất, Lục cho là “giá anh ấy không chạy cũng cho ngồi hầm chứ đánh nhau thì tổ quần chân”. Và Lục cũng lại cho là thường.

Rồi trời sáng hẳn.

Một con chim chèo bẻo sà tới, đậu vút đầu cành tre lướt xuống mặt ao, cất tiếng thẽ thọt hót sáng. Nhưng con chim đã hốt hoảng bay lên. Lính đi càn đã bắt đầu vào đường làng.

Các ngõ bỗng nhiên vắng, dài hun hút. Nhà nào cũng phải mở toang cửa. Lính đi xua người ra đình tập trung điểm đình. Theo thói quen, bọn lính chỉ sục những nhà lá cuối làng và quanh chợ. Giữa làng, san sát dinh cơ nhà ngói, chúng chỉ ghé nghiêng qua hai cánh cửa gỗ mở gọn, có bày một bàn chuối tiêu, trứng gà sống, gà luộc, đôi khi cả chục chai bia cổ rục. Tây và lính đi càn cứ việc vào lấy ăn.

Trong đám nhà ngói mở cửa lần này có thêm nhà ông phó Cật. Sân nhà phó Cật cũng kê cái bàn con, bày trứng gà, chuối tiêu, chai bia cổ rục. Phó Cật đứng, mặc áo the dài, chấp vòng tay như chực lễ vọng kiệu thánh.

Bỗng rầm rập một toán lính lôi ông đồng Vây đi qua. Ông đồng trông thấy phó Cật, ríu rít nói: “Chú phó đấy à, tôi...”, chưa kịp hết câu, đã bị kéo tuột đi.

Một lúc, phó Cật còn vòng tay đứng đầu ngõ, đã lại thấy ông đồng Vây một mình chạy về.

- Ngoài đình điểm đình xong rồi à?

- Xong đâu, mặc mẹ nó, tôi về đây.

Giữa lúc ấy, có mấy tiếng nổ đùng xóm Đông. Ông đồng Vây đứng hẩn lại nghe. Bỗng reo to:

- Bỏ mẹ mày rồi!

Ông lão vốn dễ tính, cái gì cũng cho là của ta. Ông chắc tiếng súng ta, rồi ông chạy về nhà.

Một lát, tốp lính tuần khác lại vào nhà ông đồng. Ông trở tay lên giường thờ: “Tôi đương cúng thánh...” Chúng cứ nắm cổ cái áo nâu dài, lại ấn ông ra ngõ.

Phó Cật vẫn đứng đủng đỉnh ở cổng nhà.

Không biết đã mấy lần, ông đồng Vây cứ bị bắt đi lại trốn về.

Ông Vây lại một lần nữa bị lính áp tải ra, ngồi vào đám điểm đình. Ông tựa cột đình, nhắm mắt, lẩm nhẩm. Cô Hồn ở đâu len lỏi đến đụng vào vai bố. Ông lão mở choàng mắt. Cô con gái đưa cho bố một mảnh giấy. Ông đồng nhét giấy vào túi ngực, rồi lại điềm nhiên nhắm mắt, khấn lẩm rầm, chốc lại xuýt dài một tiếng, vái sụp xuống. Chung quanh cũng không ai để ý. Trẻ con đói khóc inh ỏi. Ai nấy còn đang lo nháo lên, mỗi người mỗi lo, nhất là từ lúc có tiếng súng nổ đùng xóm Đông. Lũ lính canh cầm cành tre đánh vun vút, chửi hàng thôi hàng hồi. Tuy vậy, cũng cứ chốc lại có người vờ ra đài, ỉa, lủi vào bụi ruối rồi chạy ù đi. Chốc lại có người nấp ở đâu chạy vụt vào. Trong chiếc khăn vuông sụp xuống, trên những khuôn mặt ngó ngẩn, xanh xám, nhòm nham bộ râu, bộ ria “chống càn” vẫn ánh lên những con mắt hau háu, chờ đợi. Bọn lính như người máy vụt roi xuống đầu người ta, mà chẳng biết gì hết.

Ông đồng đứng dậy. Ông đi đài. Thoắt một cái, đã vù mất. Ông chạy về nhà, nhắc bình hương lên, đặt xuống đấy mảnh giấy của con gái vừa đưa. Rồi ông ngồi tựa vào bệ đất, gật gờng ngủ, không biết ngủ thật hay ngủ giả.

Một bọn lính khác đi tuần qua, mò vào kiểm ăn. Thấy ông lão, thế là chúng lại móc cổ áo điệu ông lão ra đình.

Lát sau, Lực men dưới góc ao lên. Đến bên cái bệ cửa điện. Lực nhắc bình hương, lấy mảnh giấy.

Từ sau bếp, có tiếng gọi:

- Này...

Lực thấy Hồn đứng áp dưới mái tranh. Lực chạy vào, Hồn ghé tai, nói thầm:

- Tổ xóm Đông vừa tia chết ba thằng đấy. Nó dọa cứ phơi cả làng ở sân đình suốt đêm, bao giờ lòi được Việt Minh lên đèn mạng thì nó mới cho về. Tổ xóm Nam muốn ngoi ra tối nay, khó thở quá rồi. Hỏi xem đồng chí Vạn bảo thế nào.

Rồi Hồn ngoắt đi.

Lực đã thoát trở xuống bờ ao.

Thốt nhiên, một phát súng nổ ngay sau tai Lực. Lực thấy đằng cuối bờ tre, Hồn ngã.

Chúng nó vây cả bốn phía làng rồi. Khắp đồng sùng sục những xe lội nước. Mỗi đầu ngỗ một tốp lính, căng bạt làm lều, bắc cả kiềng thối cơm tối.

Ngoài đình, người xôn xao. Các tổ du kích phân tán, đâu biết đấy. Có tổ thì gan lì. Có tổ đã cất hết súng, nằm chờ chạy qua sông.

Lực báo tin cô Hồn, quân báo xóm, bị đạn. Lúc nãy, Hồn phải đạn đột ngột quá, Lực không kịp nghĩ, bây giờ nghĩ lại mới thấy thương. Lại thấy mình quá nóng hôm khiêng cối. Vạn im lặng, ngược nhìn qua chân tre. Sương chiều đã xuống trắng từng khoảng đồng. Vạn khẽ nói:

- Ta vào nhà đồng chí Cật.

Lực lại ngại. Nhưng anh Vạn bảo thì Lực đi. Lực bước lên cái thềm tối om nhà phó Cật, thấy phía buồng trong hơi hắt sáng, mùi rượu thoảng ra. Lực leo vào nhòm khe cửa. Lập cập thế nào, tuột chân, thành một cái xuống bậc. Ánh đèn pin xói ra, quăng theo ra tiếng phó Cật:

- Ai đấy? Lực à? Thằng ranh!

Phó Cật bước ra, thì thào:

- Báo cáo anh Vạn, Tây còn quây vài ngày để sục đấy.

- Có thấy đồng chí Bàn đâu không?

- Không.

Tiếng “không” phả ra, sặc hơi rượu. Vạn dậm tròn tròn. Mỗi ngò đêm trước lại trở lại. Vạn càng do dự: nó quây lâu thì khổ dân, mà nhỡ có thể bắt hằm. Hay là rút?

Cật hỏi dón:

- Đồng chí Vạn định ra à?

Vạn hỏi lại:

- Thì sao?

- Lúc này đúng quy luật nó ăn xong còn nghỉ, ra thì dễ. Đi đằng cổng chùa rồi qua cánh đồng, lối ấy an toàn.

Vạn không nói gì nữa. Không biết Vạn ra hay ở lại. Nhưng Vạn bảo phó Cật đưa lệnh quyết định cho du kích rút. Sau đó, Vạn và Lực lặng lẽ đi về phía bờ sông. Lực đoán Vạn sang sông. Nhưng Lực không hỏi. Hai người đi dán mắt vào bóng tối.

Ở nhà Cật, ánh đèn lom đom buồng trong lại lóe lên soi xuống chai rượu và lỏng chỏng đĩa

thịt gà, đĩa muối với hai cái mặt người bóng mỡ. Tiếng Bàn khào khào: “Tắt đi! Tắt ngay”. Thế là cuộc đánh chén âm thầm lại bắt đầu. Lão Cật khà một tiếng, bảo Bàn:

- Ăn lấy sống cái đã!

Từ nãy, Bàn ngồi trong nhà cứ run đây đấy. Đến lúc Cật vào nói: “Du kích sẽ rút hết đêm nay. Ta lại tiếp tục, yên trí chén”. Biết anh Vạn đi rồi, dần dần Bàn mới lại người và lại ngửi thấy hơi rượu. Cật thì gật gương, xé thịt, nhai, nói rau rầu, vừa nạt nộ, vừa dỗ, lại chót chả:

- Cái thằng Tây làm ăn kỹ lắm, thế nào nó cũng vồ được có đũa. Tiếng trẻ con vẫn gào khóc ngoài sân đình đấy. Giờ mà vẫn ngồi bêu sương, khéo cũng có người tố ra hàm thôi. Bỏ mẹ cả nút! Này chú mình uống đi. Còn run à? Sợ mất chỗ đội mũ thì sợ thằng Tây chứ sợ gì đồng chí Vạn. Anh Vạn bây giờ đang liêu biêu ngoài đồng, kém chúng mình được ngồi nhấm rượu đây.

- Du kích ra hết à?

- Còn sót thằng vô phúc nào thì mai Tây nó cuốc lên nốt.

- Nói nghe ghê người.

- Ghê mà thật chứ ghê mà bỡn. Thời buổi này không biết gió chiều nào che chiều ấy thì chỉ có chết. Mình là cán bộ lại càng phải lựa chiều, chứ để toi mạng rồi thì còn múa may thế cóc nào được, có phải không?

Bàn cúi mặt, thoáng nghĩ đến Nhã. Gian bên, vẫn nghe tiếng Nhã ngáy khẽ ròn ròn. Cửa mở, đôi lúc phả lại hơi đàn bà ngủ, nồng nồng. Cật lại nói:

- Thật đấy. Chú mày có biết tại sao mà Tây càn lại không dám vào những nhà ngói xóm này? Nó sợ đấy.

- Sao thế?

- Cũng đòi là cán bộ! Thằng Tây mà sống được là nhờ xếp tốt, tổng ủy, xã ủy. Mà khắp mặt xếp tốt, tổng, xã ủy ở đây đều là thủ túc bố con Chánh Am.

- À...

- Tao đã tính từ ngoài kia rồi. Dựa vào Chánh Am là yên chuyện. Thả sức làm “kinh tài” cho huyện nhé. Đủ thứ, “pa ke” cũng có mà thuốc súng cũng có. Ấy là tao mách nước thế, còn thì tùy mày.

Bàn cũng không lạ. Bọn Chánh Am là đầu sỏ mặt thám. Hai năm trước, khi còn chủ trương phá tề, mấy lần đã giết hụt nó. Bàn bỗng ngớ ngẩn, buông tay xuống.

- Thế có lần đã định thủ tiêu Chánh...

Cật cười ùng ục trong cổ:

- Anh cu này lại sợ rồi.

Trong lúc ấy, ngoài đường cái tối bùng, Vạn và Lục ra tới cổng chùa. Có lẽ đúng, giờ này vừa ăn xong, dịch còn nghỉ, chưa đi tuần. Từ trong xóm ra, đường rất lạnh. Cánh đồng trước mặt lộng gió. Gió đông vờn vào mặt, không buốt như lúc nãy. Hai người ra chỗ khoáng vắng, thấy

thư thái hơn.

- Lúc này đồng chí Cật bảo nên qua đường này ra bờ sông.

Lực ngăn ngừa:

- Tôi hay đi ngang cánh đồng đằng kia, lối ấy cũng ra được.

Vạn thoáng nghĩ đến mùi rượu ở nhà Cật và ngại. Vạn nói:

- Được, ta đi đường ấy. Đi mau nào.

Họ bỏ đường cái, men xuống bờ ruộng.

Từ trong tam quan chùa Diêm, có mấy bóng đen vụt chạy theo.

...Câu chuyện dò, dọa và chai rượu vẫn tiếp tục gật gù giữa buồng tối với Cật và Bàn.

- Chết thì còn làm chó gì được! Sống mà có chỗ ăn, có chỗ chơi, lại vẫn hoạt động. Mà tính đằng nào hơn? Đời lắm lúc cũng phải đeo dăm bảy cái mang như tao đây.

Một tràng tiếng súng nổ xói lên trong cánh đồng. Cật gật gật:

- Đấy, sống đấy.

- Cái gì ấy nhỉ?

- Cái chết chứ cái gì! Cứ uống nốt đi. Trăm điều hãy cứ trông vào một ta... Hà hà, có thằng chết.

Cật lại day lại:

- Hà hà, có thằng chết.

Không trông thấy mặt phó Cật, nhưng Bàn nghe tiếng cười hà hà một vẻ khủng khiếp. Tự nhiên, Bàn giật mình, nghĩ: “Có lẽ Vạn trúng rồi”. Tuy vậy, Bàn không dám nói ra. Những câu vừa qua và tiếng thở phè lúc ấy của Cật như những ngọn roi quất xuống mặt Bàn, làm cho Bàn rúm lại, không còn ra hồn chi ủy viên Bàn nữa. Bàn choáng váng, vẫn vờ theo hơi rượu: có lẽ anh Vạn chết mất rồi. Nguy quá, dễ chết quá. Ừ, ở với ma phải biết mặc áo giấy. Ta không đi với chúng nó là được rồi. “Đời lắm lúc cũng phải đeo năm bảy cái mang...”. Bàn cứ mơ màng êm êm xuôi xuôi.

Bàn say, ngủ gục một lúc. Tỉnh lại, quơ tay xung quanh, không thấy phó Cật. Bàn bần thần nghiêng tai nghe. Trời lạnh, mà mồ hôi xấp lưng áo. Hai tiếng “Chánh Am” lại gọi lên một cái gì thảm khốc, giết chóc. Câu chuyện dựa vào Chánh Am, giờ lại khó nghĩ. Bàn lảng chuyện khác. Có lẽ phó Cật say rượu ngủ rập xó nào rồi. Bàn rón chân đứng lên cài then cửa, rồi lẩn vào buồng bên. Bàn rướn nhìn bóng tối, đánh hơi. Rồi hẩn rờ vào giường lay ả Nhã.

Đồng chí Vạn bị bắn đêm ấy, chết ngay ở bờ ruộng. Lực thì mất tích.

Tiếng đại bác rung cả mặt nước dòng sông. Cuộc càn quét của địch còn đậm sâu vào suốt một dải những làng ven sông ở huyện dưới, kéo dài nhiều ngày. Trên này, làng nước lại trở về bình thường.

Nhưng nhà ông đồng Vây thì không còn bình thường như trước.

Cô Hồn bị bắn gãy tay rồi, phải bắt lên đòn, đến khi được thả về, ốm liệt nửa tháng. Rồi một mảnh khăn vuông đen buộc quàng qua cổ, Hồn đeo lên trước ngực cánh tay cụt còn đau nhức, tay kia cắp rổ, cái rổ đựng bưởi, nhót, ổi - mùa nào thức ấy - lại tha thân đi bán các cửa bột.

Một ngày kia, Hồn về, nhón nhác, thì thảo với ông đồng:

- Anh Lực ở trên bột quận kia kìa.

Ông đồng Vây lên đứng đầu cái cửa hàng nước chanh bia, nhìn vào trong sân bột quận. Trước cửa “nhà muối” có cái gì lù lù, trông kỹ mới nhận ra đấy là người. Ông đồng thương quá, giàn giụa nước mắt. Bác hàng nước, vẽ thành thạo, mách:

- Người nhà cụ đấy à? Cứ khiêng về, người nào mà nó đã vớt ra đấy thì chỉ còn mang đi chôn chứ còn gì mà nó giữ!

Ông đồng về lát sau trở lại, có cả cô Hồn. Hai bố con xăm xăm vào. Lực ngồi ngất ngưỡng một góc sân, như một người vốn khỏe bị thương nặng sắp chết, nhưng sức tàn còn bùng lên, cứ ngồi gật gưỡng, không chịu gục. Mặt, đầu sưng húp tròn như cái chõ. Ông lão cúi xuống cái cây thịt hôi thối ấy. Chỉ còn nhận được ở người bạn cày hai nách áo của Lực thường bị chiếc thùng néo cày thít rách tơi ra.

Ông xốc Lực lên. Hồn đỡ lưng Lực. Cô Hồn, một tay lúng túng, tay cụt kia buốt quá, không nâng được. Mấy người bán hàng chạy vào đỡ hộ. Ông đồng Vây công Lực được một quãng, nhọc, thở, lại đặt xuống. Hồn đi đằng sau, đỡ bố.

Quá trưa, hai bố con mới về tới đầu làng. Trong xóm đổ ra, mỗi người mỗi tay, khiêng Lực về thẳng nhà phó Cật.

Ông đồng bảo phó Cật:

- Chú giúp sinh phúc cho nó chết được đắp điểm tử tế. Tội nghiệp, nó không cha không mẹ.

Lực nằm đợi chết. Những vết tra tấn vào đầu, sưng lên, bức bối, Lực mê mẩn ngáp.

Thế mà rồi Lực không chết. Ai cũng lấy làm lạ. Cái đầu bây giờ tóp lại, bình thường bằng đầu mọi người ta. Chỉ khác một cái, Lực đâm ra ngớ ngẩn.

Phó Cật cũng khéo nghĩ ra công việc cho Lực. Từ khi hồi cư, nhà phó Cật làm hàng xáo, thầu gạo cân bán cho các bột, các quận. Lực thành cái máy đứng giã gạo ngoài nhà cối, bất kể ngày đêm. Khi nào buồn ngủ, Lực nằm xuống, ngủ ngay bên cối đá. Mỗi bữa, trong nhà đem cho một bát cơm. Lực bốc cơm ăn, rồi lại vào cối. Suốt đêm suốt ngày, tiếng chày thủng thảng nện, trắng cối gạo này đến cối gạo khác. Lực chỉ còn biết ngần ấy việc. Cái gì cũng quên, chỉ cái cười và cái nét hay làm thì không quên.

Chẳng bao lâu, lại tới vụ cày. Trời rét ngăn ngắt, đôi khi có gió đông thổi về, lại đẩy người ta làm đồng suốt đêm.

Gió đông nổi ù ù, ẩm ẩm. Cái gió thổi ra tiền ra bạc, gió làm cho cây lúa chết rồi cũng phải sống lại, cái rễ cồng phải bén chân. Cơ man nào những con bọ mạt trong ổ rạ chui ra, bò lằn rần khắp tay, khắp mặt ông già. Ông thức đã lâu. Đêm nào ông cũng chỉ ngủ thảng thốt. Cứ động vắng nghe tiếng chày anh Lực đưa lại, thì ông lão không chợp được mắt nữa. Ông trở dậy, ra

sân, xòe tay xem chiều trời. Mưa lâm thâm buốt trên bàn tay. Ông quay vào nhà thì cô Hòn cũng đã thức. Như đã quen lệ, hai bố con lẳng lặng vác cày, đeo cuộn thùng, ra đồng.

Hòn khoác thùng kéo cày vào người, lúc đổi vai, lúc thắt ngang bụng. Cái cánh tay cụt giờ lên, cóng rét, bị nếp thùng kéo thít xuống. Có hôm chỗ đau lại bật máu ra, chảy thấm xuống tận nách áo. Nhưng Hòn vẫn cắn răng, lợi. Hòn chỉ còn sức dựa vào cái thùng, lạch đi. Trên cánh đồng này, biết bao nhiêu người bì bõm cày bừa cấy hái quanh năm như thế, cho tới lúc phía tỉnh gầm gừ tiếng xe, trời tảng sáng, các đồn bắt dọc đường, sắp xua nhà phạt và lính tráng vác sào gậy đi dò mìn, thì những người làm đồng kiệt sức mới lục đục về làng.

1956

Chuyện đầm sen đền Đồng Cổ

Đền Đồng Cổ tựa lưng vào phía Tây Bắc thành.

Ngôi miếu nhỏ, dáng dấp cũng cầu kỳ như chùa Một Cột đầu làng Yên Quang. Đủ cửa chính, cửa hậu, cửa cung, cửa nách. Cửa ông chạm rồng. Cửa bà miêu tả nổi cung cấm khó đường ra vào, chạm chín lần gai dứa.

Các cụ kể: Ngày xưa khởi công làm đền, bốn hiệp thợ Bắc đấu lại. Cứ làm đến đâu khớp nhau đến đấy. Được thì cùng chầu rượu mừng, nếu chệch thì sửa lễ kêu suốt cả trong mấy tháng làm lại. Ròng rã hàng chục năm trời...

Có người thợ mới đến, học phó nhỏ, chỉ biết chống mông thổi lửa vò bào đun nước cho thợ xẻ, đến năm làm lễ dựng nóc đã được thất lưng nhiều, mang tai gài bút, cái bút lông phó kếp, trèo lên thượng lương, đưa cành thiên tuế bọc vuông nhiều điều cho ông phó cả đã đứng sẵn trên xà ngang. Và cô gái làng lẳng lơ mới ngày nào lẩn lóc mê anh thợ trẻ, bây giờ đã ba mặt con với nhau rồi.

Ngày xưa nữa, nghe nói đền Đồng Cổ được đúc toàn bằng vàng, vàng mười. Một đêm mưa to, cái đền vàng biến mất. Người ta còn đồn đến bây giờ: Ai hợp bóng hợp vía, gặp giờ linh, sẽ thấy tòa nhà vàng hiện ra trong mặt nước sông Tô Lịch. Câu chuyện huyền hoặc cứ được kể lại, như một ước mơ xa xôi mà gần gũi, tưởng ai tốt số rồi cũng có khi gặp. Nhưng chẳng ai gặp bao giờ - tất nhiên.

Đám rước đền Trại lên Đồng Cổ năm nào cũng có kiệu bay. Kiệu “bay” qua cánh đồng Thủ Lệ, rồi kiệu “bò” lên Cổng Vị, từ Cổng Vị thông dong tiến vào cửa đền. Mỗi cỗ bốn cụ nóc họ Lý đứng đầu các chạ ra đón. Nhưng các cụ không thưởng rượu cho lũ trai kiệu đương quỳ một gối nâng đòn kiệu, mà, cứ lẳng nghiêm như không để ý, các cụ đợi bọn con trai kiệu con trai nhà các trưởng họ đi tới. Đám khố đơn khiêng kiệu khó nhọc vừa hô vừa bay qua cánh đồng, quỳ chán rồi đến ngồi xúm một chỗ, lát sau, lẳng lẳng lùi ra hai bên.

Thứ bậc trai làng đã chia rành. Đầu cánh đồng, trai kiệu khiêng quãng đường phẳng được dành cho các chân tư văn. Bọn cầm tàn, cầm tán, che quạt, gươm vàng, bát bảo đi song hành quãng ấy cũng toàn mặt trai nhà chức việc.

Nhưng đến trạm nghỉ đầu Cổng Vị, từ quãng này, kiệu lên đồi phải thay vai. Đã nhìn thấy đền Đồng Cổ đằng chân thành, thế là “bà” mừng. Kiệu bà quay tròn, lúc “bay”, lúc “bò” tiến qua cánh đồng. Đám trai bạch đình mới ra thay vai kiệu ở quãng lên núi quay đảo nặng nhọc này.

Bốn góc đòn kiệu tám múi nở đều chăm chăm thành hai mươi bốn trai kiệu cỡi trần trùng trục, vai nổi quánh. Dải khố điều rủ trên bắp vế, con mắt nhìn ngang, đứng yên như những tay đô vật sắp vào “sới”.

Lúc ấy, từ trong làng, trang nghiêm bước ra một đám các cô đội quả com nén. Com nén gạo tám xoan, giò lụa, rượu sen và bánh cốm Vòng, trai kiệu “thời” xong rồi mới ghé vai.

Hạ ở trong đám gái đội quả cơm nén.

Chư là trai làng đón cơm nén của chạ thết, ngồi cơm rượu ngay bên đôn kiệu.

Xong, tất cả tề tựu trong vòng kiệu. Chư cởi trần, vuông khăn điều che nửa vai, cái quạt hoa giắt trên búi tóc, đứng đầu hàng ngang chữ nhất.

Kiệu bát cống quay tròn, bây giờ mới thật như chiếc hoa giữa đám hội, vừa bay vừa cong cánh nở. Lòng hân hoan mong đợi của cả nghìn người xem hội cứ thế bùng bật mãi lên. Hai mươi bốn trai kiệu, nghe tiếng trống khải, một lượt quỳ như hai mươi bốn thót voi rồi từ từ bò qua gò, vai kiệu vẫn phẳng lừ như tường đứng.

Rồi kiệu quay trên những khuôn mặt phùng đỏ, quay đến đâu, người xem giãn ra rồi lại chụm, mỗi lúc một đông và dồn dập. Kiệu với người như đám quần thảo. Người xem hội đầy các cánh đồng, các gò cao. Người ta tấm tắc khen, ngắm từng trai kiệu.

Đêm đến chèo phường Bắc sang dựng ba rạp, hát thi suốt sáng.

Không biết cô Hạ mê người trai kiệu ấy từ lúc nào. Trông thấy nhau lúc đội cơm nén, lúc kiệu “bay”, hay lúc vào đầu gò, người trai lực điền khéo lựa một bên gối quỳ xuống cho cái vai kiệu oai nghi nhô lên?

Hay là say nhau ở đêm chèo sáng trăng, ngay từ lúc tiếng trống vào hát vỡ nước rộn rã hai bờ sông Tô Lịch?

Đêm cuối tháng Bảy.

Đĩa dầu trên quang đã lụi tắt. Dầu rót xuống thành đọi đen nhem. Trong “tàu seo” vừa róc rách nước “vét tàu” bây giờ đã lặng tiếng động liềm. Những cô thợ tan “seo đèn” đã đốt đuốc về trong xóm từ lâu.

Hạ đứng seo mà bồn chồn.

Vừa im tiếng khuôn đổ rào nước xuống lòng “tàu” đã nghe xa xa nhịp chày giã dó, từ hồ Tây thanh vắng vang lại, từng tiếng mỏng tanh nện vào bóng trăng.

Hạ xách chiếc bụi nhùi rơm thối lửa dựng sẵn ngoài lều tàu, bước ra bờ đầm.

Đầm sen trước đền Đồng Cổ cạnh vạc nấu dó làng Hồ ăn ra sông Tô Lịch chỗ đầu thôn đến cổng Đỗ, vào hồ Tây, qua dưới một dãy lều của người phường giấy giã dó ngoài bờ nước.

Hạ đứng bờ đầm, vung mồi lửa.

Chưa gặp bã trầu, đã thấy động dậy trong đầm trước mặt. Có chiếc thuyền chui ngang đám sen tàn. Tiếng con sào chống vào lá khô rào rào. Chiếc thuyền nhỏ tách ngấn nước nhô ra. Bóng người bước lên bến, còn vương theo mùi căng sen gầy thơm ngát.

Hạ búi cánh tay Chư, khóc:

- Anh ơi, lái dó nó lại xuống rồi.

- Thằng lái Ỉn à?

- Nó còn ngoài bến Chèm.

Nghe những tiếng rên rỉ cầu cứu của Hạ, Chư có cảm tưởng mình phải nói: “Đừng lo” và tự hỏi: “Mình cần làm gì đây?” Chư quả quyết:

- Tao phải ra giết thằng lái Ẽn đi mới xong.

- Em sợ lắm. Giết người phải đền tội...

Chư cười nhạt:

- Đứa nào dám bắt người phường ta đi thì nó nhớ để lại hai cái chân. Tao bảo nó thế.

Hạ chỉ nức nở khóc.

Giết người hay cắt gân chân. Hạ nghĩ đến nước cùng ấy thì việc nào cũng thế, việc nào cũng may rủi, chỉ đem lại một nỗi lo sợ.

Hôm sau, Chư xách chiếc câu liêm đi giữa ban ngày qua cổng làng. Cứ cời trần, đóng khố đơn, như lúc khiêng kiệu.

Chư tắt đồng lên bến Chèm. Lão lái Ẽn kia chiều nào cũng uống rượu trên bè. Nhá nhem, Chư sẽ xuống, giơ câu liêm, giựt đứt phăng cổ nó xuống sông. Bằng như lão đã vào nhà ả đào trên phố bến, Chư sẽ theo vào, đằng nào cũng giựt đứt cổ nó. Chết thôi, không chịu nổi cái uất. Chư hăm hăm đi.

Hàng năm, các lái đường ngược chở vỏ dó xuống bán cho phường làm giấy vùng Bưởi. Từ thượng nguồn sông Thao, những đồng vỏ dó cuốn thành bó một vác, thả bè về bến Chèm. Rồi dó đem chất vào những vạc cao bằng quả núi vôi trắng bờ sông đầu các làng Yên Thái, làng Đông, làng Hồ. Những tay thợ người Đại Từ ở đầm Linh Đường đã lâu đời lên đất Bưởi làm nghề nấu dó, lập thành xóm Vạc ở chen chúc bên các vạc dó quanh năm nồng thối hơi vôi.

Đến mùa đưa dó lên xuôi, bến Chèm tấp nập, nhộn nhịp các chủ dó và người buôn ra ăn giá. Tiếng phách gõ cóc cách, khắp khểnh vào ngang câu hãm của cô nhà trò quê kệch hát hèo lảnh trên bến nước. Nhà hát đầu bến kiếm ăn có mùa, chỉ đón khách được vào dịp lái trên ngược về. Lái dó lắm tiền, hống hách, ngỗ ngược, đi hát cũng xô bồ. Có khi họ thuê ả đào luôn mấy phiên chợ, đêm ngày liên miên ăn cỗ, nghe hát và chen vào đấy là những cuộc lừa lọc, mặc cả hàng, những canh xóc đĩa sát phạt nhau đáo đẽ.

Cái dó Phổ vỏ khô, kém bột, cở nướng cao bằng cây, mọc khắp rừng Lục Yên, chủ dó nào cũng muốn bán tống ngay. Dó Lâm, dó Nghĩa Lộ thì rộng vỏ hơn nhưng cũng ngấn cây, kém mã. Một tối nhà trò hay một canh bạc thì lái gốc và các tay buôn đổi vai đã xoay ngã giá nhanh như bè trôi đổi hướng. Chỉ có giống dó Thao cây dài vỏ rộng, da đẹp, nhiều ngọn thì bao giờ chủ dó cũng làm cao như nhà có con gái đẹp đến thì. Người chen vào ganh nhau đặt giá, ở dưới bến không xong, còn theo về tận kho trọ dó trại Hàng Hoa.

Lái Ẽn là tay trùm giống dó Thao thượng hạng, chiếm cả đất nương dó từ Hạ Hòa ngược lên. Chỉ mình lái Ẽn có nhiều dó Thao “đất trên”. Mỗi năm, hàng chục bè về đỗ chật bến. Lái Ẽn làm giàu như giữa chợ bốc được của.

Chư đến Chèm vào chập tối. Trông xuống sông, thấy liên tiếp bè dó cao như đồng rơm. Dó chưa ăn giá, chưa dỡ lên bến. Có lẽ chủ dó trên ngược chưa xuống. Hỏi dò, biết lái Ẽn chưa

xuống thật. Mới có bè xuôi trước với đám tay chân chở bè.

Bây giờ trở về cũng tiếc công. Mà con tức thì chưa hả. Chư đứng tần ngần. Chợt nhìn dưới nước có ánh đèn cây tỏa sáng. Hay là thuyền lái Ẽn mới xuống chỗ ấy, chưa ai biết? Chư phải đi dò mới được. Chư xách câu liêm trườn ra đầu bè, như con mối bò trên vách.

Quanh cái quang đèn đại treo khoang giữa, tựa lưng vào đồng dó, bọn người nhà lái Ẽn đương ngất ngưỡng đánh chén. Chư đến tận sau lưng mà không ai biết. Chư đếm từng người. Không có lái Ẽn. Mắt thấy thế, Chư mới tin.

Chư bước ra, giắt mỗi lửa lên cái mái cộ che lều, rồi lặng lẽ lên bờ. Phải nổi lửa đốt cả đám bè này mới xong. Tối thế này, Chư không sợ ai. Chư lên đê chém tất những buộc song neo bè. Cả đoàn bè với người gập con nước bị tổng băng ra. Tiếng kêu inh ỏi lạc vào giữa vùng trời nước mù mịt. Phút chốc, gió đưa đỏ rực, đám cháy bùng bành suốt dãy bè dài lan qua bến.

Mấy hôm sau cũng không thấy Chư về.

Hạ ra đầm sen trước cửa miếu Đồng Cổ hươ mỗi lửa. Mất cái mỗi dài cũng không thấy Chư sang. Nhưng bên hồ Tây vẫn vang lại những nhịp chày lúc đều đều, lúc tới tấp, lúc thản nhiên.

*

* *

Chư đi suốt đêm ấy trên bờ sông Cái. Trong đầu lúng túng có một điều mà nghĩ mãi không biết. Nỗi đau quanh quẩn như mắc tóc.

- Một đời tao già đó không mang nổi cái thân, cũng không có được quan tiền chẵn trong người. Nghề phường giấy ta không cứu nổi người đâu. Làm thế nào bây giờ?

Đi đến sáng, Chư trông ra, thấy đám bụi bốc trước mặt. Con ngựa nhà trạm Tứ Tổng chạy thur sớm đương mãi miết qua cánh đồng xuống tổng Trung.

Cái điều loay hoay nghĩ suốt đêm, bây giờ trông như người phu trạm chạy ngựa, chợt Chư thấy ra:

- Ờ, tao không có của, tao không được ngậm cái bút lông mèo [\[1\]](#) nhưng tao có sức. Có khi tao cứ chịu khó ra công như thằng phu trạm kia rồi cũng có ngày được lên quan. Thiên hạ đã khối người vậy đấy!

Chư giơ tay lên trời, toan nói rồi lại thôi. Nhưng Chư nghĩ khoan khoái trong bụng: “Bấy giờ thì ông không phải bắn tay, ông chỉ sai thằng lính xách con dao ra, thằng lái Ẽn cũng đủ chết”.

Một hôm, từ phía Tây Bắc thành men sông Tô Lịch đến chợ Bưởi có một chiếc xe ngựa phi tới. Đất cát pha bốc từng đám đỏ xộm quện lên tận mặt thành. Ngựa đã phi khuất mà bụi chưa tan.

Vùng Bưởi vốn quần cư ở gốc thành ngoài, hàng đời chẳng nghe tiếng vó ngựa. Không biết chuyện lành hay dữ. Người làng cứ xốn xác. Bởi vì ai cũng đã biết ngựa quan về làng chỉ mang đến cái lời thôi và diêm dữ.

Những người gần nhất, tò mò lắm, thập thò sau lũy tre cuối làng, ghé mắt trông ra.

Tưởng ai cười ngựa, hóa ra thằng Chư già đó.

Xưa nay chưa hề trông thấy Chư lạ mắt như thế. Ngày ngày chỉ thấy Chư bện khổ lưng, cong lưng nâng cái chày giã dó. Quanh năm không khác. Cả đến lúc khiêng kiệu đèn Trại, danh giá thế, Chư cũng vẫn đóng cái khổ đơn.

Nhưng hôm nay Chư nghiêm hắt lên trong cái áo nâu da bò khuy tét, vạt tủa ngang gối. Tuy chiếc thắt lưng điều đã tã xuống màu huyết dụ cần, nhưng cũ đến đâu cũng không giống cái dải khổ, mà vẫn là chiếc thắt lưng của người đi việc quan. Ngang vai, Chư khoác cái bao nâu vải gốc to. Con ngựa xám tro bước kiệu, cái bao vải phồng nhấp nhô theo nhịp vó, chạm lên tận gáy, chỗ tóc cuốn vào mép vòng khăn vải gốc vểnh tai chó. Phải, chiếc thắt lưng điều rách xơ mướp cũng vẫn là thắt lưng điều, dù sao Chư cũng đã ra tay làm việc quan, được như Chư ao ước rồi.

Những người đàn bà thì thảo câu gì, không ai nghe rõ. Một ông lão nhìn ra lần nữa nhận thật đích mặt thằng Chư rồi mới chép miệng một cái:

- Thằng phu chạy giấy chứ làm nên đỉnh đùng gì!

Rồi bỏ đi.

Mấy cô gái còn rồn lại, hỏi nhau:

- Thằng Chư đi làm phu trạm bao giờ?

Các cô lại cười khé khé:

- Mà đi mà hỏi con Hạ!

Những câu nói, câu tò mò và cả những câu giễu cợt nữa buông ra rồi lặng đi, không gọi thêm bản khoả ai. Bởi, cho thật rõ, người phu trạm chạy giấy cũng chẳng có gì đáng để mắt.

Lần ấy, hai người gặp lại nhau tại miếu Đồng Cổ.

Đột nhiên, Chư khoe với Hạ:

- Tao được khẩu súng đây này.

Rồi hạ cái bao trên vai xuống, Chư lấy ra một khẩu súng có nòng dài.

Ô, khẩu súng! Ở trạm, thỉnh thoảng ông cai trạm đi việc công cũng chỉ có con đại đao buộc mũi ngả xuống bên nách cái áo vải sồi rộng ống. Cả trạm cũng chưa được phát khẩu súng, thế mà phu trạm Chư có khẩu súng.

Trông thấy khẩu súng lần đầu trong đời người, Hạ vừa sợ vừa mừng. Hạ đương có một niềm tin, cái tin của người trôi sông thấp thoáng thấy cành củi rêu ngổ đầy là cái cọc, cái cọc chắc. Lúc ấy, Hạ nhìn Chư có khẩu súng bỗng dữ dội và khác thường, chẳng hiểu sao, Hạ thấy trong lòng hy vọng một điều tốt đẹp sắp đến.

Khẩu súng ấy không phải của Chư mà của người đã gửi Chư đem về nhà ông khóa Chử.

Ông khóa Chử ngồi bảo học ở phường Hồ Khẩu đông học trò lắm. Trí lực của ông khóa Chử khác nhiều nhà nho lúc ấy đương dẫn đo trước thời thế. Có ông vờ đi cày cuốc để nghe ngóng đợi thời. Có người côm đùm côm nắm vào Kinh tìm công danh. Ông khóa Chử kết giao với

người ngang tàng các vùng, ngầm tính chuyện dựng cờ.

Hồi ấy, những người phu trạm trung tín, bộc trực, công việc chuyển dịch vùng này sang vùng khác, thường dễ cũng là người bí mật đưa tin cho nghĩa quân các nơi. Người chạy thư vào nghĩa quân cũng đã nhiều.

Bấy giờ, các làng đạo vùng dưới phía Nam Kẻ Chợ đương bối rối. Dân vốn ghét Tây, biết làng đạo tích súng, có nơi lén đào hầm giấu cổ Tây, nhân tức sự úp mở, thế là cả trấn Sơn Nam lại một lần nữa nổi lên tìm giết cổ đạo. Được cơ hội nghĩa quân đi kiểm súng chuyển lên trừ quanh Hà Nội, chuyển nào về trạm, Chư và vài người nữa cũng lén tải súng đạn. Có hôm bọc mo cau, bó cả chục khẩu dưới bụng ngựa.

Chuyển ấy, Chư đem súng về giao cho ông khóa Chũ. Hạ rơm rớm nước mắt. Chư nói to:

- Thằng lái Ẽn mà bén mả xuống, tao quyết cắt gân cả hai chân nó. Bây giờ tao không sợ nữa rồi.

Điều ấy làm cho Hạ phấp phồng mà lại yên tâm.

Con ngựa trạm xám nhờ nhệch, gầy móp, lông xơ xác dựng đứng, chân ống sậy, khoeo nhấp nhô. Tuy vậy, con ngựa còm cũng làm bốc lên một rúm bụi trong cái làng không mấy khi trông thấy ngựa. Chòm xóm khét tiếng thằng Chư ra làm việc quan được cười ngựa.

Thế là Hạ lại nguôi tâm. Hạ đưa Chư vuông lĩnh nhuộm thâm làm khăn gói đựng quần áo. Chư lại đi.

*

* *

Từ ô Đồng Lầm ra hay ô Đống Mác xuống, đều trải qua trạm chạy giấy Đuôi Cá phía Nam.

Tên thật là trạm Hà Mai, như ai cũng quen gọi là trạm Đuôi Cá, vì trạm nằm án ngữ giữa ngã ba đường tõe hình đuôi cá. Tường trạm toàn đá tảng lổn nhổn quanh như cái nhà ngục. Phu trạm lạ đến phải ngủ đỗ trong dãy nhà ngang lớp tranh cạnh tàu ngựa bên ngoài. Trước mặt, trông sang hồ Linh Đường. Bên trái theo sông Cái xuống Thanh Trì. Bấy giờ đương lấm rồi ren, trấn nào cũng có người dựng cờ khởi nghĩa cho nên việc quan nha càng nặng nhọc, các trạm phải túc trực hàng chục phu, hàng chục ngựa. Hỏa tốc nối nhau như tên. Người phu trạm như cái vạc lặn lội suốt đêm. Việc toàn nóng và lệ phạt ở các trạm cũng ngặt nhất.

“Đại khẩn”, ngựa bôn suốt đêm. Chạy rút ngắn, giỏi bậc nhất, bậc nhì, bậc ba, chia hạng có thưởng. Nhưng quan nha chỉ đặt bậc công hồ chứ chẳng ai được thưởng bao giờ, chỉ thấy cái roi vút vào đít là cơm bữa, một ngày về trễ phải phạt ba mươi roi. “Đại khẩn” chậm một phiên thì mất đầu, quy tội vào trạm nào, người nào người ấy chịu. Dao phủ về đóng cọc ra án chém ngay trước cửa trạm.

Trạm Đuôi Cá buổi trưa ấy, những bóng nhà im lìm trong nắng giải đường quan vắng tanh. Mấy chiếc cọc tre đặt đôn cáng khênh ra chỗ ngoài mái tàu ngựa trống hốc. Ngựa ban ngày đi hết, chỉ đến đêm mới nghe tiếng vó đạp muối. Và cũng lúc đêm tối công việc nhà trạm mới bề bộn bốn phía tới. Tíu tít đến quá đầu hôm.

Nắng chiều đã nhạt trắng bờ lau. Những phường chài lưới ở hồ Linh Đường, đầm Sét vào bán cá chợ ô Đống Mác từng tốp đi cỏi trần, mảnh áo rách ướt phơi vắt trên cái cán dậm, cũng đã qua ngoài cổng trạm từ nãy. Con đường vắng người, hình như nhỏ lại, mờ dần trong làn sương.

Đến lúc lên đèn thì đám phu trạm chạy chân ở các huyện phía Nam cũng vừa về. Trời ập tối. Người phu bước vào nhà trạm giữa bụi khói quanh cây đèn dầu chầu, mồ hôi vã nhễnh nhoáng khắp mặt. Có be rượu mua sẵn, người ấy ngửa cổ, hé cái miệng đã nhạt thếch, tu một hơi cạn be rồi mới treo bao văn thư lên cái cọc vách đã cắm sẵn chiếc thẻ tre đề tên huyện sở. Hôm sau đi tiếp, người khác chỉ việc quơ tay lấy. Ai cũng thuộc đến nỗi chẳng người phu trạm nào biết chữ mà cũng không nhằm cọc, nhằm bao thư bao giờ.

Một chốc, đã vang tiếng người ì òm tắm đằng ao sau, trong khi ở dãy nhà ngang cho phu trạm lạ trọ, lửa thối cơm đã lên lom đom.

Đám chạy ngựa thì chưa về đủ.

Ông cai trạm Đuôi Cá mới được hàm tòng cửu phẩm. Lão này có tiếng xốc vác, lên làm cai trạm đã ngoài mười năm. Thế mà việc thăng quan tiến chức có chiều ì ạch. Nghe nói lão trước cũng chân thày đồ ngồi bảo học. Có chữ nghĩa nên lão giữ sổ sách phân minh, xem đếm công việc nhanh chóng.

Bây giờ lão đã được vào hàng quan, đầu quan đứng cuối thềm thì cũng là quan, lão cai trạm tòng cửu phẩm càng lập nghiêm và hách tợn.

Chốc chốc, lão xách cái bụi nhùi nhựa thông, khói hắc hốc nghi ngút, ra chỗ vào khe liếp, quát:

- Thanh Trì về rồi à? Phủ Thường đã có thằng nào chưa?

- Chưa.

- Chúng mày phải bệnh xa đỉ cả rồi hay sao? Chạy chậm lòi tù và ra thế này thì ông cho rơi đầu đến nơi.

Lão càng sốt ruột. Mấy hôm nay, tin cấp báo tới tấp qua trạm như bướm bướm.

Ngựa trạm Sở Kiện đem tin tức về tổng trấn một ngày bụi mù bất kể mấy chuyến. Tin các nơi giết cổ đạo đồn dập bùng bùng cả tám đường dây trạm. Từ phủ Thường lên, chợ búa, quán xá, dò giang vắng ngắt. Ai cũng sợ. Giết đạo thế, ngộ các quan trong Kinh bênh thẳng Tây mà ra làm cỏ thì chết mất ngáp cả.

Chốc, lão cai trạm lại ra hỏi. Cũng chốc chốc lại có người từ đường cái chạy bổ vào, mặt nhoáng hơi rượu và mồ hôi, cánh tay đen như muội đèn, cứ xồng xộc thò lên vắt cái bao văn thư vào cọc. Không cần thốt lời nào, vì đã thuộc mặt, lão cai trạm cúi xuống mở sổ, ghi giờ về. Không việc gì thì được ra tắm, thối cơm. Có chậm trễ thì bị gọi giật lại. Và tiếng roi vút rít lên trong bóng tối.

Đã đến giờ điểm danh. Lão cai trạm Đuôi Cá xách hắt cái quang đèn đặt lên án thư. Trước tiên, làm oai như lệ thường, lão quật cái hèo hoa xuống mặt phản. Cả mấy chục con người phu đương ngủ cũng bật dậy. Đời phu trạm, khi rượu bí tỉ nhất cũng vẫn nhớ kỹ hơn nhớ giỗ bố, là

đúng nửa đêm thì để tai nghe tiếng đập roi mà ngồi lên cho nhà trạm điểm.

Lão cai trạm đứng giữa nhà, say với tiếng roi đập, cứ lảm nhảm nói như người lên đồng, tay khêu cái đọi đèn, tay chọc ngọn hèo hoa vào trán từng người. Mõ đồn Trung Đô trong phòng đã dạo vào trống canh đầu.

- Thằng nào chạy trạm Thanh Trì, Cầu Tiên? Phú Xuyên, trạm Giẽ đâu? Thiếu trạm Giẽ! Chưa thấy trạm Giẽ! Cái thằng trạm Giẽ hôm nào cũng rùa! Có phải thiếu thằng trạm Giẽ không? Chúng mày câm hả? Thế thì ông đánh tắt.

- Bẩm... phải... phải...

Lão quát nghiêng một hèo vào giữa mặt người vừa lấp bắp mau miệng.

- Phải... cái thằng bố mày à... Phải thế nào?

- Ồi, phải, nó chưa về... phải...

- Rõ thân lừa ư nặng, con ạ. Đánh cho bận sau chừa dấp dính. Khóa sổ! Cho thằng chạy trạm Giẽ vào sổ phạt. Hừm!

Lão khoắc bút, nhưng lão cứ nói như lão sai người khác. Lúc ấy, một cái đầu xoa tóc, hớt hải nhô vào. Chiếc nón chóp lá đã rách tõe như đuôi chim, chỉ còn vừa kín chòm, ngật đằng sau.

- Bẩm quan con đây.

Lão cai trạm thót người lại, con mắt lộn tròn. Vẫn chưa trông rõ ai.

- Thằng nào?

- Trạm Giẽ ạ.

Thế là lão cai trạm bình tĩnh lại, giơ tay xoe một bên ria mép rồi nhặt cái hèo.

- Mày nghe tiếng trống vào canh không?

- Có ạ.

- Sổ ăn mày! Ông khóa sổ rồi.

Lão trợn mắt:

- Cho mày một trận tỉnh rượu. Từ nay nhớ về cho đúng!

Người phu trạm Giẽ khoát tay lên, nói to:

- Bẩm quan ngài mồm tôi mà xem. Lạy trời, tôi chưa được giọt rượu nào vào bụng từ sáng ngày. Các làng dọc đường chạy tiệt rồi. Người ta nói quân ông Lưu lại về, nói sợ đồng chiêm đương giết đạo, nói trong Kinh sắp ra dẹp, nói...

Cai trạm hét:

- Thôi!

Tiếng quát như cái hiệu ấn rập đầu người xuống. Người phu trạm khượng mặt, nhẩn nại một vẻ khùng khiếp, bước lên một bước rồi nằm mọp trước mặt cai trạm. Lão ta vút cây hèo quần

da bò cho người phu trạm gần nhất.

- Cho mày đánh mười roi.

Tại các nơi khảo đả trong dinh quan tỉnh, khi đánh người thì có trói tay, buộc chân, buộc tóc, tròng cổ vào cọc rồi căng người ta ra chỗ phản tra nhất định, nhưng ở trạm, việc vội và nhiều, cách đánh phạt không được phép tắc như thế.

Lúc ấy, người phu nọ giơ hai tay bắt cây hèo, bước tới, hoa lên. Lập tức, bóng tối cứ kêu chan chát, chẳng biết ngọn roi phóng xuống lưng, xuống hông hay vào đầu người nằm dưới đất.

Bỗng cai tạm lại ném ra một tiếng:

- Thôi!

Rồi giăng roi, ầy một cái, thét:

- Thăng đánh vờ kia nằm xuống!

Người cầm roi bỗng ngã ùng xuống như cây chuối đổ. Lão cai trạm quen tay vuốt xoắn một bên ria mép, phất cây hèo, bước một chân lên như làm điệu múa dùi trống giữa đám rước, rồi đột nhiên, ráng cật lực xuống một cái. Ngón roi nhắc lên đến đâu, người bị đòn cong oằn lưng theo lên đến đấy.

Xong một roi, lão quát:

- Cho dậy!

Và lại vút cái roi, ra lệnh:

- Cứ thế, nện! Chệch roi nào ông lại nọc cổ mày, ông đánh ra kiểu cho mà xem.

Thế là người nọ chồm đến. Lần này hấn vút húc chúi cả đầu theo ngọn roi. Người bị phạt nằm dưới đất, oằn oại mấy cái rồi im như chết. Đến lúc đánh xong, cái roi đã được cất đi cũng không thấy người nhúc nhích.

Mặc đó, lão cai trạm lên nhà, kêu thêm bắc trong đội đèn, lấy sổ trên án xuống, ghi tội đã thi hành vào tờ mục trạm Giẽ. Dưới nhà, cả mấy chục con người vừa ngồi điểm danh lúc nãy lại lặng lẽ leo lên trên chiếc giường phên, nằm thò nửa bàn chân ra ngoài. Một chốc, đã ngáy như sấm. Bấy giờ gần canh hai.

Trong bóng tối mặt đất, một lát sau, người phu trạm Giẽ từ từ ngồi dậy, bò lên ngồi một mình giữa đường, cúi xuống, lặn thắt lưng, như người bắt rận, bỗng lấy trong hầu bao ra một cái nậm quả bầu lọ nhỏ đựng rượu. Mở nút rồi lại đặt nậm xuống, thừ mặt nhìn không uống, rồi chép miệng. Không hiểu sao.

Người bên cạnh đương ngáy kho kho thế mà ngửi thấy mùi rượu tằm cầu Tiên thơm phức đã tỉnh ngủ, rướn hẳn cổ lên, nói:

- Tài nhỉ, nó đánh thế mà không võ.

Trên khuôn mặt người phu cầu Giẽ, mồ hôi đòn còn nhễ nhại, nhếch một nụ cười vàng khè.

- Tao ấp cái nậm dưới bụng thế này, có đánh võ bụng tao mới võ được be rượu.

Thần tình làm sao, hơi rượu ngon lan nhanh đến đâu thì chỗ ấy nghe im tiếng ngáy và có tiếng thở dài trở mình đến đấy, lại mấy người nữa ngóc dậy. Họ chụm đầu vào nhau.

- Sợ gì mà sợ!

Người phu trạm Giẽ nói thế rồi lại nhếch mép cười nhạt:

- Tao chỉ cần thêm ngum nữa cho giã đòn. Còn thì chúng mày dốc nốt rồi ngủ đi, sắp tan canh rồi đấy.

Trống canh hai đã đổ trên gác đầu làng Hoàng Mai sau trạm. Trời đất nín thình bao la, chỉ riêng chỗ trạm Đuôi Cá này cũng ủ trong bóng tối biết bao đau khổ, vui buồn của một ngày con người.

Nhà trên, lão cai trạm vẫn chưa yên. Lão nghĩ cái thân lão làm quan được cưỡi cổ vài chục phu trạm mà cũng cực nhọc. Suốt sáng chìm vào công việc tính chuyển phu đi phu về, trạm cái, trạm con đã đủ bối rồi. Rồi đêm nào cũng có đũa bị phạt, về muộn, say bét, đêm nào cũng phải ra roi sái cánh tay.

Quá canh hai, lão cai trạm bước ra cửa nhà ngang, cầm cái khóa đuôi chuột to bằng bắp tay, khóa trái lại.

Lão cũng chỉ còn được một chút chợp mắt. Có lẽ chưa trọn trống canh. Sang canh tư, phu các đường đã lại lục đục trở dậy vo gạo, nấu cơm. Thế là lão phải ngồi lên, vừa đi ra vừa xỏ tay áo, quơ khăn, quần vội vòng tóc, đến ngồi ngay ngắn trước án thư, trao từng tay phu trạm những phong công văn mới. Không còn được một trống canh bây giờ đâu.

Lúc này, lão hạch thẳng phu nát rượu, kỳ tình lão cũng tay bọm, ngày vẫn ba bữa rượu cũ. Lão vớ tay nhắc cái be sành, tu một tợp nữa rồi túm nắm bắc ném thêm vào đĩa đèn. Cứ nguyên cả áo dài khăn đóng, tựa án thư, thiu thiu.

Trời nghiêng về sáng, đã rạng một chút. Những ngôi sao lung lay từ chập tối bây giờ lỏng chân, muốn rời chỗ rơi xuống gần hơn.

Xa xa, tiếng rầm rập như tiếng nghe giấy, mỗi lúc một dồn. Nghề cai trạm cũng có cái thính của nghề cai trạm, dù đương ngủ chập chờn, lão đã nhận ra đấy là tiếng vó ngựa. Quả thực, một chốc, ngay ngoài trạm, vang tiếng ngựa hí như chiêm gióng. Rồi đột ngột im. Chỉ còn cái đuôi ngựa cẩu kính cứ phàn phật như ai giằng chiếc chảo to trong bóng tối.

Lại thẳng phu trạm nào về. Lão đoán con ngựa về chậm, lại toan nhắm mắt. Kệ cho nó phải ngủ đứng ngoài cổng cho đến sớm mai sẽ được ăn đòn mở hàng. Những đêm đầu thu, sương giá xuống ê ẩm bắp chân và bả vai người ngoài năm mươi tuổi. Đến nổi cái hơi rượu tốt lão cai trạm vừa uống cũng không lại người mà chỉ còn thấy đặc chất cổ. Nhưng lão chợt hốt hoảng: Nhỡ nó mang cái "thượng tặc" mà để chậm thì cả lũ mất đầu. Thế là lão cai trạm lật đật thả chân xuống đất.

Trời đông nam hăng nhẹ, như ai vừa cất công quét cho quang đãng, bình lặng lạ thường. Cảnh tang tảng sáng, khi dứt trống canh, chỉ thoáng thấy trong khoảnh khắc, giữa lúc đêm khuya ngày rạng sắp lìa nhau.

Cái bầu khóa đuôi chuột rơi xoảng xuống đất. Nhưng cẩn thận, chưa rút roi, lão cai trạm đứng trong nhà hỏi với ra:

- Ai?

- Bẩm quan, Chư tôi đây.

Chiếc dõng gỗ nghiêng bị quăng đột ngột, thịch vào xó tường đá. Chư đẩy cánh cổng, thò đầu rồi lách người vào tấm cửa lim hé một cánh. Cái nón bằng dâu mất, tóc xõa rũ xuống. Người Chư sưng hơi sưng và mồ hôi. Bao văn thư khoác trên lưng hạ xuống, ướt một nửa lần vải mé bụng.

Cả đêm Chư đã phóng luôn hai trạm. Phải chạy như hỏa tốc đường dài, phu ít thay tay, thường lướt các trạm lẻ. “Tối khẩn” thì vó ngựa nổi liền ngày đêm, bụi cuồn cuộn trên lưng. “Phi đệ” [\[2\]](#) còn nhanh hơn. Ông công văn “phi đệ” truyền vai hai người phu ngay ngoài cửa, cai trạm đem sổ chuyển ra ghi giữa đường.

Chư giơ tay vật mạnh bao thư lên cọc, kéo vạt áo chùi trán rồi lùi ra. Lão cai trạm cầm tờ giấy lệnh ghi giờ qua trạm kê đến tận quang đèn, rồi quay đầu, gọi giật:

- Chư!

- Bẩm quan, tôi chạy...

- Mà lại chạy vào cầu Tiên đánh chén chứ gì!

- Bẩm quan, tôi chạy hỏa tốc khừ hồi kiệt hết hơi.

- Mà đã rõ tội về chậm.

- Bẩm quan biết công cho...

- Thôi!

Rồi không đổi nét mặt, lão cai trạm lại xoắn một bên râu mép lên như lúc nãy, với tay rút cái hèo gài vách. Lần này lão đánh lấy. Nhưng lão chưa kịp hạ roi thì Chư đã run người lên, vùng đứng dậy, hai mắt trở thất tinh, nẩy đom đóm.

Chư nói lớn:

- À, mà mà đụng vào người ông, ông đá một cái vào dái thì mà chết tươi ngay. Thằng này ngậm bút lông mèo mà bạc ác bất nhân quá. Ông bỏ hơi tai chạy về, đáng nhẽ mà phải trình quan trên có thưởng, lại mà xử với ông thế à? Ông thách mà.

Những tiếng “ông thách mà” như những nhát dao bổ xuống. Đám phu đã trở dậy, đương sửa soạn thổi cơm trong bếp, lên đứng lộn xộn ngoài cửa.

- Ai đấu khẩu với cai trạm thế?

- Thằng Chư!

- Giỏi!

- Tao vào giúp nó một tay.

- Thôi ông ơi!

- Ưc nhau thế không được.

Không ai vào nhưng có người giữa đám đột nhiên réo lên:

- Vật râu thẳng cửu phẩm đi, tội vạ đâu ông chịu!

Giữa lúc ấy, lại nghe tiếng vó ngựa dồn đàng xa. Lão cai trạm vừa phất ngọn roi lên cũng dừng lại, vánh tai. Tiếng ngựa nhịp bầm kiệu nhỏ, không phải lối ngựa chạy trạm. Nhưng, đã biết chẳng ngựa trạm thì ngựa quan, bởi vì lệ Kẻ Chợ, chỉ việc công mới được cưỡi ngựa vào nội thành. Lúc ấy, đã tảng sáng. Đàn vạc ăn đêm về muộn, từ mặt nước hơi sương hồ Linh Đường cất mình lên, loạng quạng bay như những lượn lúa đã đập sạch, ai ném toi tả qua nền trời thấp đương loãng ra.

Tiếng chân ngựa rậm rịch tới. Một đầu nón chóp ghé vào cửa trạm. Đây là lính vút roi dẹp đường cho ngựa quan trả. Tiếng người lính dẹp đường đứng ngoài quát:

- Đứa nào bỏ ngựa ngoài đường kia? Muốn chết à?

Một người phu vội chạy ra kéo thùng cương ngựa của Chư, ấn bờm con ngựa đã rã rượi mệt, bước lảo đảo vào tàu rồi tra dõn lại, người phu lồi lùm cỏ đã gác sẵn xuống cái máng trước mõm nó.

Tiếng ngựa hai người lính dẹp đường đã phóng qua. Đường lại im như tờ rồi tiếp theo tiếng chân người đi đất rậm rịch rền lại. Một chiếc cáng cánh sáo riềm tua hoa hiên lưng lửng nhô đầu vào khoảng sáng xám đương nhạt dần. Sau cáng, một lính cầm loa. Chiếc cáng bốn đòn của quan tổng trấn đương qua cửa nhà trạm Đuôi Cá.

Chư chạy bật ra giữa đường, nằm phục xuống.

Lão cai trạm đứng ngây trong nhà nhìn ra. Lão đương tức, lão đương sợ, lão không dám nhúc nhích. Lão muốn nhảy xô tới dựng thẳng Chư, ấn đầu nó vào gông. Nhưng lão không động được chân. Lão khiếp quá. Thằng Chư dám ra chặn đường kêu quan tổng trấn. Quả thế thì lão chết đến nơi. Lão cai trạm lấy bầy nú tay lên cánh cửa mới đứng được. Cái hèo trên tay lão rơi cụp xuống đất.

Bọn lính vút roi dẹp đường thấy động đã quay lại. Rồi cơ lính hộ vệ đằng sau vừa tiến đến, nón dứa, áo nậu, dàn hai bên, cầm ngang đại đao. Những phu trạm tụ tập trước cửa cũng sững sốt nhìn ra.

Tiếng loa chõ lại:

- Đứa nào nằm kia?

Chư nói to:

- Bẩm quan lớn, con xin kêu oan.

Loa truyền:

- Cự lớn cho mày kêu.

Chư vẫn úp mặt xuống đất, nói như quát:

- Bẩm đèn trời soi xét, con chạy “phi đệ” về kiệt sức rũ xương ra sắp chết mà nó đánh con...

Chư mới nói đến đấy, đã nghe loa đóng:

- Cụ lớn cho thẳng kêu oan đứng dậy.

Chư đứng phắt, hiên ngang, thẳng thế.

Tiếng quát truyền từ trong cáng ra:

- Thằng quỷ rầy! Mày hét khỏe như con trâu điên thế mà bảo sắp chết! Triều đình đã đặt các bậc quan coi pháp luật trên dưới, ai oan khuất đã có thứ tự kêu kiện. Sao mày dám hỗn láo cản đường quan? Cai trạm đâu?

Lão cai trạm dạ ran, nhảy từ trong nhà ra.

- Cho mày vật cổ thẳng này đánh năm chục roi. Rồi giải nó vào tòa quan lãnh, đuổi đi mạn ngược.

Đường không có một bóng lúc ấy, nhưng hai người lính cưỡi ngựa cầm roi lại như lệ khoan thai tiến ra múa đẹp đường. Những quan và lính hộ vệ đeo đại đao lên vai, lùi xuống hai bên. Chiếc cáng điều bốn vai đồn từ từ qua trạm. Người lính ôm điều ống, cúi, rón rén mở rèm cáng để cụ lớn tổng trấn nhìn ra. Lão cai trạm sững run rẩy còn lạy phủ phục dưới đất. Nhưng người phu trạm uất ức, ngơ ngác liếc nhanh vào cáng. Tối đất, chỉ thấy hình tấm áo vóc hồng, thanh gươm và cái nón chóp bạc, cánh sáo rèm cáng đã lại buông.

Chiếc cáng vừa qua thì lão cai trạm xốc dậy hô phu ra vật Chư xuống. Không cọc trói, cứ ngay giữa đường cái, một chặn cổ, hai giữ chân, hai giữ tay, người bị đòn phải nằm sấp ra, thế là ngọn roi quất rào rào trong tiếng hô đếm đồng dục từng chập mười roi một. Lão cai cốt đánh cho ở đằng xa, cụ lớn còn nghe được tiếng lệnh của quan tổng trấn được thi hành tức thì.

Chư bị đánh đau. Nhưng vì tức quá, phát ốm thêm, khi bị khiêng vào tỉnh, Chư nằm liệt dưới nhà giam trong tòa ông lãnh.

Ngày kia, có một chiếc ngựa trạm từ trong thành chạy ra vùng Bưởi. Chòm xóm không ai biết câu chuyện dữ vừa xảy ra, lại tưởng thẳng Chư ở trạm Đuôi Cá có việc quan về.

Nhưng khi tan đám bụi ngược gió, trông ra, thấy một người phu trạm lạ.

Người phu trạm về làng đưa giấy báo cho các chức việc biết sắp đến hạn quan về thu số lương tiền của xã hàng năm đóng lên huyện nuôi phu trạm. Lúc nghe xướng danh sổ phu làng, không nghe tên Chư có ở trạm Đuôi Cá. Hỏi thì bảo xóa sổ rồi.

Người phu trạm về đưa giấy cho làng xong ra “lều tàu” ngoài lũy tìm Hạ. Tiếng người phu trạm nói giọng cao như tiếng dưới phường Nghĩa Đô. Đúng, người ấy bảo Hạ:

- Tôi người Nghĩa Đô đây. Thằng Chư nhắn tôi về bảo cô rằng đã có lòng với nhau thì đợi đấy. Vài ba tháng, vài ba năm. Nó không chết đâu. Thế nào nó cũng về.

Rồi người ấy hạ cái bao thư trên lưng xuống, cởi nút, lấy ra một nòng súng khai hậu. Lại một cái súng!

- Chư bảo tôi đưa cho cô cái này. Cấm không được lộ cho ai biết mà chết đấy. Dem ngay đến nhà ông khóa Chử. Bảo ông khóa rằng tháng sau lại có chuyện. Tôi không tiện đến, cô nhớ đi ngay.

Hạ lại trông thấy cái súng. Hạ sẽ đem cái súng này cho ông khóa Chử trên phường Hồ. Hạ không biết việc dẹp loạn Tây của người đàn ông đi thiên hạ còn những gì nữa, nhưng Hạ cứ nghĩ khẩu súng ấy, công việc trong bóng tối ấy có liên quan to lớn đến cuộc đời của Hạ và Chư.

Tháng Hai, lại hội lệ đền Đồng Cổ.

Năm ấy, con đường bờ thành từ đầu trại Hàng Hoa góc Tây Bắc lên đến trại Kho Than, trại Cống Vị, hàng nghìn dân phu nội ngoại thành ngày đêm phải đi phá tường dỡ gạch. Quan tổng trấn Bắc Hà đương cho lệnh đốc dân triệt phá dinh thự, đền miếu to ở Hà Nội để lấy gạch đá tải vào kinh xây thành Phú Xuân.

Từ đời Gia Long dời đô vào Thừa Thiên, đến bây giờ đã sang triều Tự Đức mà nhà Nguyễn vẫn sợ cái thế thành Thăng Long, bởi vậy đời vua nào nối nhau cũng tiếp tục triệt phá Thăng Long, triệt mãi, triệt hết, bây giờ dỡ đến cả tường thành.

Đến năm ấy thì cái lũy trúc dày hàng trăm sải ngăn phường Hồ với phường Thụy cũng bị đốt rồi, chỉ còn cái tên cổng Rong. Chuồng voi gần chùa Bà Đanh nuôi năm ông voi lắm liệt đã từng đi trận, ông Ất, ông Kiên, ông Cường, ông Vĩnh, ông Cú, các quân tượng được lệnh điệu năm ông voi đi Thái Nguyên kéo gỗ vào Kinh rồi không thấy ông nào về nữa. Chuồng voi cũng bỏ hoang nốt.

Thế nhưng hội đền Đồng Cổ tháng Hai vẫn như niềm hy vọng lay lắt của con người mỗi năm lại đến.

Trong hàng trai kiệu mấy năm ấy không có Chư.

Trong đám gái làng được kén ra đưa cơm nén mời trai chạ năm nay cũng vắng cái Hạ.

Bởi vậy, không còn gì mà nói về đám rước kiệu hát cổng mọi khi.

Năm ấy, mới ngoài Tết đã nghe cánh lái dó trên ền về chơi hội.

Đã mấy đời nhà lái ền buôn bán với các phường làm giấy đất “ba làng Yên Thái, bốn làng Nghĩa Đô”. Giấy sắc làng Nghè tiến vua, giấy moi giấy bản phường Yên Thái, phường Hồ bán vào Hàng Gai, Hàng Phèn, Hàng Giấy trong Kẻ Chợ. Phường nào cũng chuộng giống dó Thao của cánh lái ền. Cho nên, gái phường giấy lấy chồng lái dó trên ngược đã không lạ mà còn làm cho việc đi lại mua bán với phường buôn càng thuận lợi. Có người ao ước được thế là đẳng khác.

Đầu tiên, cha mẹ khuyên bảo. Hạ khóc, nghĩ đến Chư. Nhưng bao giờ Chư về? Bao giờ Chư đem súng về cứu Hạ?

Không thấy Chư mà chỉ còn cái chết thôi. Hạ đã nhất quyết. Hạ ra hồ Tây nhìn thấy trời đất Giêng Hai trở lại đã lâu. Gió nam thổi tới, đượm hơi mát lá sen nỡn - từng chiếc lá nổi trên mặt nước, như những đồng tiền xanh ai thả rải rác. Câu chuyện tòa nhà vàng ngày xưa trong đầm nước chập chờn đến, quẩn rữ, mong ước, bồn chồn.

Hạ đứng dậy, buông váy, lội xuống hồ. Ánh nước chao quanh chân càng đưa tòa nhà vàng sáng sánh đến gần. Hạ như người mê, lội ra.

Lúc ấy, mẹ Hạ đến. Thấy Hạ ngẩn ngơ đứng trong nước, mắt lơ lảo nhìn lại, mẹ khóc to:

- Con ơi! Con đừng để cái lụy cho cha mẹ.

Hạ lội trở lại.

Hạ tỉnh. Công cha nghĩa mẹ, phận làm con không thể để cái khổ cực cho cha mẹ. Nhưng từ lúc ấy, Hạ chẳng nói một lời nào nữa. Mắt Hạ ráo không. Cả xóm thấy thế, tưởng cô bé đã nguôi cơn bỏ mồi bắt bóng, biết con đường ngay rồi. Người ta đưa Hạ xuống thuyền. Người trước, người sau ồn ào như ngày Tết khiêng lợn. Đây là cảnh Hạ đi lấy chồng nhà giàu trên mạn ngược.

Chuyến thuyền ngược này dài hơn một đời người. Ngày chí tối, nhà thuyền quăng dây song lên bờ, hàng chục phu chài gò cổ kéo. Những người kéo thuyền đóng khổ đơn, đen cháy như ếch đồng hạn hán, cứ gập đôi người lại, nối nhau, bám chân đi. Những lời hô vui mà thảm thiết:

Ra khoang... em bước... qua cầu...

Bến vui em đến...

Trên mũi bồng lóng lánh một trời sao. Con thuyền đêm nao cũng đi qua một trời sao ấy. Dù cho con người có cạn nước mắt rồi cũng vẫn muốn sống hy vọng, như người chèo thuyền mong đến bến...

Nhưng Hạ chỉ mỗi lúc một sợ hơn. Hạ ngồi trong khoang, trông ra cái cửa sổ bé bằng bàn tay, nhìn thấy giữa sạp sàn hai cái đầu gối lão lái Ẽn vênh lên, kẹp vào cả một mâm rượu. Người kéo sào cái thở hồng hộc, lên xuống trên mũi, đẩy tằm tấp. Ngược ra chỉ thấy mặt nước và trời cao lẫn nhau, không biết thăm thẳm đến đâu. Hạ ôm tay lên mặt. Bây giờ thì xa lắm rồi. Chưa biết đâu mà đuổi theo cứu Hạ được. Bây giờ thì cha mẹ cũng khỏi lo nợ, lo tù tội được rồi.

Một đêm, Hạ ra khoang sau. Hạ ngồi một lúc thật lâu. Bốn bề lặng ngắt. Những ngôi sao long lanh nhỏ lả chĩa những giọt nước mắt xuống thế gian.

Thuyền sắp vào bến. Hạ đến nơi cuối cùng rồi. Hạ càng nghĩ không sống làm gì nữa.

Thế là Hạ nhắm mắt, ngã xuống tiếng sóng.

Bỗng khắp mặt nước rộ lên tiếng kêu: Cướp! Cướp! Cướp!

Thì ra Hạ gieo mình đúng cái thúng con của nhà thuyền vẫn buộc cho trôi sau khoang lái, thường đêm có người xuống nằm dưới thúng, canh bốn phía, phòng cướp.

Thế là Hạ không chết.

Nhưng lão lái Ẽn đâm sợ, gập diềm người tự vẫn. Nghĩ ngợi thế nào khi đến bến, lái Ẽn bảo bác thợ cả phường bóc rằng:

- Năm nay tôi đem phường ta về xuôi xem hội, đi đến nơi về đến chốn, dó dưng bán hết, tôi thưởng cho ông cái may đi hội hái hoa, thế là năm mới sao thiên di, sao đào hoa, sao tiền sao bạc chiếu cả một lúc vào ông. Tôi thưởng cho ông cô nàng ba tài sắc nhất đất Bưởi đấy.

Người thợ cả không lường ra hết những lo tính thâm hiểm của ông chủ dó mà chỉ biết mừng được không cô vợ lẽ. Còn Hạ thì đã không chết, Hạ lại có ý nghĩ khác:

- Số mình không chết được. Trời xui khiến vậy, khéo rồi gặp may cũng nên.

Hạ tưởng tượng có khi Chư đem súng lên đây cứu Hạ. Từ đấy, Hạ có một quả quyết khác.

Thế là Hạ đi làm lễ thứ ba bác thợ cả phường bóc vỏ dó, ngày ngày gắng gượng, nhưng trong lòng yên tĩnh lạ lùng.

Con người từ đấy sống theo mùa cây dó. Giống dó “đất trên” tháng Ba ươm hạt. Mùa xuân, nhổ cây con, chặt ngọn và rễ phụ, hồ bùn rồi cấy lên nương. Cây dó được một Giêng đã trổ cum cúm. Thấm thoát, dó hai Giêng rồi ba Giêng được bóc.

Hàng trăm người phường bóc trải ra trên đồi. Người trước chặt chéo gốc, người sau nhấc cây chém sạch cành nhỏ, bóc thân cây về một chỗ. Người thứ ba cầm con dao sắc tước dó như ta cầm dao vạch cắt áo. Dó cái một cây một vỏ, dỡ ra gọn như cởi áo.

Tháng Chín, khắp rừng, hoa dó trắng ngà từng chùm lác lư như đèn lồng treo, thơm ngào ngạt.

Năm đầu tập bóc dó, Hạ ốm tưởng chết. Nhựa dó ăn tay, ăn mặt, sưng tím cả cánh tay. Hơi dó bốc ngạt thở, nóng phồng thịt, mặt phù to như cái lệnh.

Rồi mùa dó qua. Cô thợ seo người Bưởi đã quen cực nhọc hơi nhựa cây dó. Có lẽ bởi vì Hạ không nghĩ đến cái chết. Hạ đã có ý định khác. Đêm nằm mê chỉ thấy Chư đem súng lên đưa Hạ về.

Cạn kỳ dó chính tuyết, vừa cuối thu. Lăn sang vụ dó một Chạp đến tháng Giêng là “đầu giao”. Một Chạp hay “đầu giao”, áo dó mới lột, quệt sương hay mưa đều ố nước, mất công phơi nhiều nắng mới đóng bó được. Nhưng vừa xong cái vất vả rừng này lại phải lặn lội sang rừng khác, đã vào vụ dó chiêm. Dó chiêm tiếp dó đuôi tháng, quanh lại vừa trở lại chính tuyết.

Suốt năm, người đen thui nhựa dó. Hạ quen tất. Nghị lực con người là sắt đá tất cả. Hạ bóc dó đã đuổi kịp tay thợ giỏi.

Chẳng bao lâu, hoa dó thơm lại quần về quanh mình. Nhưng ai ốm hơi dó, ngửi hoa dó ngọt lịm càng khiếp. Trong mùi thơm ma chài đã sẵn cái ma muốn rút xương tủy người đi. Hạ nghĩ thầm:

- Mùa dó chính tuyết tới rồi.

Lòng mong mỏi của Hạ còn to lớn hơn nỗi khiếp mùi nhựa dó, hoa dó. Hạ bồn chồn lắm. Hạ quyết định.

Hạ trốn xuống một bè dó bến Ên vừa kịp kỳ xuôi tháng Giêng.

Mỡ canh đối đáp bè đầu bè cuối, như tiếng cú kêu lạc trong sóng sông. Đống dó xếp kín bè nửa lớn. Bè gác nổi đèn đỏ đồng đọc, kéo đoàn bè tiếp theo, lổm nhổm từng khúc, quãng trắng, quãng đen, như con rắn mai gầm quãng mình trên mặt nước.

Hạ chui vào đống dó bè giữa.

Nhịn đôi một phiên thì về đến bến Chèm.

*

* *

Tiếng chó sủa eo óc từ ven thành ra, dồn dập, nối tiếp không dứt. Một đám cướp đương bắt hồng? Một con ngựa trạm chạy “thượng tốc” qua làng? Đêm nay quân ông đề nào, ông lãnh nào vào hạ thành? Cướp súng? Không đêm nào ngót những lo âu cho mọi người. Mỗi khi có được một lúc im lặng ngắt quãng thì cái ghê rợn lại càng tăng lên.

Trong gió, những cành sen khô cọ vào tàn lá, tiếng ngơ ngẩn, xào xạo, thơm gây lên tận cửa đền.

Hạ đứng nhìn sang cuối phường Hồ. Ba năm nay mới lại được bước chân trông ra hồ Tây bát ngát trước mặt. Hạ choáng váng, đứng tựa vào cột trụ. Tiếng chày giã dó bên kia đều đặn, tíu tít, vẫn thế. Lòng bỗng xốn xang như năm nào nghe tiếng hát vỗ nước rộn ràng của đám chèo phương Bắc. Bao nhiêu khát khao, đêm hát chờ đợi đã vào giấc đầu. Hạ lặng yên, hồi hộp nghe những tiếng chày giã dó.

Hạ thấy mình vẫn như xưa. Không nghĩ mình đã phải bao năm đầy đọa. Niềm tin gặp nhau đã nung nấu tiêu tan mọi nỗi đau khổ. Hạ ghen ngào. Bây giờ Hạ nhìn trong làn sương ánh trắng đầu phường Hồ rõ cả dãy lều cối giã dó ẩn trong bóng trúc.

Cái lều cối che ba tàu lá cọ. Trên cối đá, chiếc chày gỗ nghiêng buộc vào néo tre, vắt ngang đầu người giã dó. Hạ lại như nhìn thấy cái lều cối của Chư vẫn ở ngoài cùng. Chư đương trần lưng, nghiêng vai lấy đà, tay bắt chặt cái chày đã hõm nhẵn. Nhấc lên, buông xuống, tảng đá nặng dồn theo. Tum! Tum! Trên những sợi dó đương toi, tiếng chày tan, trong óng, xa mãi.

Cái mồi rơm cầm trong tay đã bắt cháy khét lẹt. Hạ đứng thẳng, vung mồi lửa, vòng lửa rực lên, quay tròn, quay tròn. Đây là hiệu lửa cho bờ bên kia.

Bỗng nhiên, trong những nhịp chày giống giả bên mặt nước, có một tiếng bật im. Tai Hạ nghe vẫn thuộc lắm.

Hạ chít lại khăn vuông, bối rối ngồi xuống bậc tam quan. Thế là Chư đã thấy ánh lửa. Chư đã nghe tiếng Hạ. Chư trông thấy Hạ. Hạ trở về với Chư rồi. Chư đương xuống thuyền sang đây. Hạ tựa đầu vào cột trụ nín thở.

Tiếng lạt sạt như có đàn vạc đuổi mồi rúc qua đám cỏ sen, rồi một chiếc thúng nhỏ ló ra chỗ nước phẳng, lướt vào bờ. Một bóng người nhảy thoát lên sân miếu. Hạ còn chớp mắt chưa nhìn lại, người ấy đã đến trước mặt, hỏi to:

- Cô Hạ đã về à?

Không phải Chư. Người trai cao lớn, ánh trắng ướn nhể nhại trên cánh lưng vạm vỡ, không biết đây là mồ hôi hay những đám sương trong bụi sen khô vương thành giọt đọng lại. Hạ cũng vừa nhận ra anh chàng nói tiếng Nghĩa Đô này là người phu trạm năm trước về đưa tin Chư và đem cái súng bảo Hạ mang vào nhà ông khóa Chử. Phải, người ấy, Hạ nhớ cái giọng nói như trề tràng của các chạ vùng dưới.

- Chư đã dặn tôi khi nào cô về thì đưa lại cô vuông vải này cho cô mừng.

Cái vuông lĩnh làm khăn gói, Hạ cho Chư ngày đi phu trạm. Trông thấy cái khăn gói, Hạ trạnh nghĩ như đếm lại bấy lâu đời người chồng chất những gian nan. Hạ ứa nước mắt, Hạ hỏi:

- Thế anh Chư đi đâu?

Người ấy trở tay phía Kê Chợ:

- Chư vào thành lấy súng. Đi mấy ngày thôi.

Hạ cúi mặt, không hỏi gì nữa.

- Chúng tôi vẫn đi tìm súng, bây giờ được nhiều súng hơn trước. Bọn chúng nó ngậm bút lông mèo mà óc thối, lại đi rước Tây về giữ mả bố. Giờ mới võ nhẽ ở trong Kinh hay ở Kê Chợ thì chỗ nào vua quan cũng một duộc. Bây giờ chỉ có một sống hai chết, chỉ có tin mình thôi.

Người trẻ tuổi cười toang toang:

- Tôi cũng mới vào thành phiên chợ trước đây. Thịt thàng Tây mặc váy [\[3\]](#) gác kho dễ quá. Đến tận nơi bóp cổ mà nó không biết.

Khác trước thật. Những chuyện súng đạn, giặc cướp, vua chúa, giết Tây, giết quan rất lạ mà như thường ngày, tưởng hồ nghe quen đã lâu.

Hạ lại biết Chư vẫn nguyên một tính bông bột, mạnh mẽ như thế. Nhưng Chư không còn là người trai giã dó như xưa, Chư đã đi nhiều nơi, Chư đã biết ở đời còn nhiều ý nghĩa to lớn khác bên ngoài cái lều cối giã dó. Đến đâu cũng thấy nói rằng chỉ có đem bỏ rọ trôi sông cho sạch cái giống quan ta quan Tây thì thiên hạ mới bình yên được. Chư thấy như thế là phải. Chư đã về đem ông khóa Chử phường Hồ chạy khỏi vòng truy nã của quan huyện Từ Liêm đương cho lính về bắt.

Chư đi mua vỏ cây cảnh [\[4\]](#) bên Đông Triều. Vỏ cảnh làm giấy ngòi pháo, những hiệu khách Hàng Buồm hay đặt hàng Tết cho các phường giấy. Chư và ông khóa Chử là người phường giấy, biết giấy vỏ cảnh dai, dễ vẽ thuốc, để làm ngòi súng kíp.

Những người trai vùng Bưởi, bỏ vào đây, quấy từng bó giấy vỏ cảnh. Không phải đem ra bày bán ở các cầu chợ đầu phường ngày phiên, nhưng gánh đến các lò đúc bên kia sông Cái, làm ngòi súng kíp.

- Cô Hạ ơi! Quân ta các nơi đã về vây khắp bên kia sông rồi. Đêm ở Chèm cũng nghe loa gọi "ba quan thượng hạ". Quân Đốc Tít đã đi tuần đến đầu đền Ghềnh rồi. Ông khóa Chử làng ta thì về đóng bến Bồ Đề, đứng đấy trông sang thấy cả cái chỏm mũi thẳng Tây ở Đồn Thủy. Chốc lát thì đổi đời thôi.

Hạ nhìn xuống đầm sen. Bóng trắng tỏa ngợp vàng. Lại như thấy tòa nhà vàng trong tường tượng. Tòa nhà vàng, cái vui cái sướng sắp được gặp.

Hạ náo nức tưởng đến hôm gặp Chư, Chư đương về.

Đêm sau có chuyến vào thành lấy trộm súng Tây. Hạ theo vào tìm Chư.

Đã qua tháng Hai hội đèn Đồng Cổ.

Năm nay hội lệ không có kiệu “bay”. Vì, không còn ai khiêng kiệu. Bọn quan viên tư văn không khiêng nổi kiệu “bay”, kiệu “bò” từ Cổng Vị lên. Trai làng đóng khố khiêng kiệu đã sang sông theo quân khóa Chữ.

Các cụ nóc họ Lý ra thấp hương hội lệ Đồng Cổ, cũng không tránh nổi đèn miếu vắng vẻ. Các cụ bảo: Trai thời loạn thế mới phải.

-
- [1] Ý nói không phải người có chữ biết cầm bút lông mèo.
 - [2] Thời nhà Nguyễn, lễ trạm quy ngày giờ và thứ hạng chạy các loại giấy tờ trên dưới từng loại: phi đệ, thượng khẩn, tối khẩn, thứ khẩn, thường hành...
 - [3] Hai lần đánh chiếm Hà Nội (1872-1882) Pháp đều đưa lính thuộc địa Ả Rập - quần vải đen vải trắng rộng, người thời ấy gọi là Tây mặc váy.
 - [4] Một loại cây có vỏ như vỏ dó, mọc hoang trong các rừng ở Đông Bắc.

Bác Niệm

Ở Việt Bắc, mỗi cơ quan đều có bếp nấu cơm. Ngày ấy, ai đưa bác Niệm vào làm cấp dưỡng không nhớ. Kháng chiến, ai vào làm cơ quan cũng được. Đôi khi, có người đi đường muốn theo, có thể được đi luôn. Cứ nghĩ đã cùng nhau ra ngoài vùng tự do, thế là đáng tin cậy rồi.

Bác Niệm kể ngày trước bác đã nấu bếp cho hiệu ăn của khách ở Nam Định. Biết thế thôi, cũng chẳng khi nào bếp có dịp thử thách các món cao lâu sang trọng, cầu kỳ bác thường khoe. Quanh năm, chỉ có rau dưa. Nhưng bác Niệm cẩn thận, kỹ tính nên được ngon cơm.

Cuối năm nào bác Niệm cũng được thưởng về thành tích bếp núc. Cái bí mật nấu nướng của bác Niệm cũng dễ biết. Chỉ có bắt chước được nét chịu khó, biết lo liệu thì không dễ mỗi ai đã làm được. Ở nơi hóc hiểm, cheo leo, rừng già hay núi đá, bất kỳ đâu, vừa dời đến, bao giờ quanh nhà bếp nhà ăn, bác Niệm cũng cuốc đất đánh luống trồng những khóm giềng, gừng, lá sả, búi ớt chỉ thiên, luống hành hoa. Và cái rau mùi tàu khỏe mọc hoang như nghề. Hai chiếc hũ sành gầy mẻ, lọ này vơi, lọ kia vẫn đầy nguyên. Đầu sàn bếp treo chiếc vỏ quả bầu lọ đựng hạt cải, hạt dền, hạt gấc, bầu bí, mướp đắng, mướp hương. Trước cửa, quanh quần đàn gà và một hai chú cún. “Chúng nó nhặt những cái rơi vãi, chẳng mất đi đâu mà rồi được việc. Ở đời thì người nào việc nấy, cả con chó cũng có việc của con chó”.

Bác Niệm lại hay nói như giảng: Thiếu gia vị như ăn không muối, đắng miệng. Miếng thịt, con cá rán kỹ. Nồi kho phải đủ gừng, thảo quả. Cái đậu rán thì ướp hành. Dầu cho chỉ bát canh suông nấu quả dợc, nhưng thêm mấy lát hành, cũng dễ lừa cơm hơn.

Bác Niệm chẳng đi chợ mấy khi, chỉ loanh quanh ở nhà bếp, có hôm sang khe ruộng dợc hái rau muống, rau cải xoong. Bác Niệm đi vác củi trong rừng về. Chỗ cửa có gió, bác ngồi nghỉ cho ráo mồ hôi cái lưng trần. Một hôm như thế, bác Niệm thông thả kể chuyện cái đêm Tây với ta nổ súng đánh nhau trong thành phố, bác ra cất chè tươi vùng đồi chùa Trầm. Đáng lẽ chiều thì về, song lại tham gánh chè bên So Sở hôm sau người ta mới quấy sang, bác Niệm nán lại dợc. Thế là tắc đường. Nhà bác ở chỗ bãi rác Tám Mái. Mặt trận lan ra. Tây chiếm thị xã Hà Đông rồi, bác theo người ta chạy dần lên Lâm Thao, rồi Phú Thọ, rồi Tuyên Quang.

Bác Niệm đã đi tìm vợ con ở nhiều chợ, từ Cần Kiệm lên chợ Lâm, chợ Mè. Cũng không gặp ai quen mà hỏi thăm. Biết mẹ con nhà nó có thoát ra được hay bị mắc vòng vây trong ấy.

Chẳng được tin tức bác gái và thằng cu Nam. “Giời để cho làm người, năm nay cháu đã lên sáu. Mẹ cháu dần lẩm, chỉ quanh quẩn việc nhà rồi đi đưa chè tháng cho các hàng nước. Đến mùa hè có bận hơn. Nhiều nhà, khi nóng nực cũng lấy chè tháng. Cái chè tươi này thiên hạ uống nhiều. Dễ thường nhiều hơn cả chè mạn, chè Tàu ấy chứ chẳng chơi”.

Chuyện bác Niệm chúng tôi chỉ loáng thoáng biết theo bác nói. Nhưng mà thật thông cảm lúc nào bác cũng dằng dẳng nỗi nhà. Giường bác ở cạnh bếp. Sáu chiếc cột vầu chôn thành chân giường, trên đặt cái giát bằng hai đôi nửa ngô tươi đập giập. Phía đầu kê chiếc hòm gỗ, đóng lấc. Chuyển nơi ở, bác Niệm quấy cái nồi ba mươi và lĩnh kính lọ mẻ, quả bầu hạt giống, bu gà, hai ba con chó chạy quanh chân. Một bên bông bông cái hòm gỗ ấy.

Bao nhiêu thương nhớ vợ con đều chất trong hòm này.

Hồi kháng chiến, không ai có lương hàng tháng như bây giờ. Thỉnh thoảng được phát bánh xà phòng giặt. Đầu tóc thì cơ quan đã sắm con dao cạo, và cái kéo. Mỗi năm mỗi vụ được cấp bộ quần áo vải ta may sẵn, khi màu gụ, khi phin đen. Vải thô, chúng tôi nhuộm lá coi hay ruột pin đèn thành màu xám, vừa sạch, lại tiện chạy tàu bay. Bác Niệm, quanh năm chỉ đóng một bộ quần áo nâu. Vốn vải gốc nâu non, bác dần thêm mấy nước nâu lẫn vỏ dẻ. Những năm đầu, còn tươi mới. Rồi nước nâu sẫm xuống thành da bò, nâu đất, dày kệp lên như mo nang. Chỉ hai bên vai và sống lưng, mồ hôi muối nhọt nhọt một chút. Lâu rách thế, cũng còn bởi chẳng mấy khi bác Niệm xỏ tay xỏ chân cả bộ. Mùa hè, bác cởi trần. Trời rét đã có bếp lửa và cái chăn đỏ Nam Định. Lại đắp thêm tấm vỏ sui xin được trong làng Mán - giống chăn sui phải cái lằm bụi, vô ý bị ho khục khặc cả đêm, nhưng mà ấm như đặt lồng ấp lên bụng.

Làm sao, vải chứ có phải gỗ đâu mà mãi không rách được. Rồi vai, đầu gối cũng bọt. Những miếng vá khéo. Có người nói bác Niệm thức cả đêm, lục lợi, khâu vá. Cũng thật như thế. Mùa đông, đóng củi bếp đun than đến sáng. Người đến nằm ngồi suốt đêm quanh lửa bếp, mới biết bác đã thức cả đêm. Nói cho đúng, bác có chợp mắt một lúc. Bác đi ngủ sớm. Như con gà quá mắt, chập tối đã lên chuồng. Bác Niệm buông màn nằm, còn nghe xa xa tiếng con cóc ra kêu sấm tối dưới nương. Về mùa lạnh, bác thiu thiu mắt từ lúc vắng vắng những tiếng sau cùng của con thú thỉ thừ thì ngoài rặng lau bờ suối.

Khoảng nửa đêm, chim khảm khặc gọi nhau vừa mới cất tiếng sắc lạnh lạnh, bác Niệm đã trở dậy. Bác thức từ lúc ấy đến sáng. Tha thẩn mọi việc.

Nồi nước lá dùm dùm đã được đun sẵn. Chốc lại làm một ngum. Đã quen cái lá dùm dùm mùi ngai ngái. Nghe nói bộ đội đi qua rừng hoang nhiều ngày thiếu thốn, đã tìm ra cái rau “tàu bay” và lá dùm dùm thay chè. Lá dùm dùm thả vào nước sôi, tan mùi tanh nước suối. Một người ngày trước buôn chè tươi, chuyên uống chè vò đặc sánh, thế mà bây giờ chỉ nước lá dùm dùm. Vực từng ống vầu vào nồi nước vàng đục nhấp từng ngum, nghe trong bóng tối hai con khảm khặc hai đầu rừng gọi nhau từ nửa đêm tới sáng bạch. Lúc ấy bác Niệm đã làm cạn kiệt nồi nước. Đêm nào cũng như đêm nào, mùa đông đã qua.

Tiếng gà sang canh eo óc ngay ở góc bếp - để chuồng gà trong nhà, con cáo, con kỳ đà mất rình mò. Bác Niệm lấy hộp kim chỉ ra. Tấm áo cũ chẳng lọt một chỗ sút chỉ. Bác lần lần xem đi xem lại từng đường khâu, soi lên ánh nhựa trám muội đen ngùn ngụt, xem chỗ nào sắp bọt để liệu mà đục miếng khác. Áo quần đã bạc phếch cả lưng, cả đũng, vá miếng như áo cà sa nhà sư.

Đến hồi sắp trở về Hà Nội, hôm ấy cả cơ quan tưng bừng. Quần áo tử tế trở ra hết. Có đồng nào đem đi uống sữa “cây số ba”, cà phê “cây đa nước chảy”, hay vào phở Dơi ngoài tỉnh làm luôn hai bát - ở rừng ra mà. Chúng tôi đi xem tù binh Tây trắng, Tây đen đem ở Điện Biên Phủ về làm trại ở thị xã Tuyên Quang đợi ngày Tây điều đình với ta xong thì cho về xuôi. Bác Niệm cũng đi tới tối mới về. Tay phe phẩy chiếc mo nang. Cứ há hê cái vẻ phú ông thẳng bờm thế mà đi xem tù binh. “Nhiều quá, hàng nghìn đứa thế thì chỉ nuôi vài ngày đã khốn, cơm gạo đâu cho chúng nó. Chiến thắng mà đâm lo, các anh ạ”.

Bác Niệm nhận mấy thước vải may bộ quần áo phát đem xếp cả vào cái hòm gỗ. Bác cắt nghĩa cho chúng tôi nghe rằng mặc thế nào cũng xong thôi. Cái này để dành cho mẹ con cụ Nam. Đi bấy nhiêu năm, cũng phải có cái quà chiến thắng chứ, đã đành chỉ gọi là thơm thảo.

Bác nheo mắt, tủm tủm.

Trời mưa dầm sụt sụt, rả rích. Thong thả, bác Niệm lại mở hòm xem những bộ quần áo. Giơ khổ phin màu gụ lên: “Cái phin này nền lắm, nhà tôi mặc thì hợp. Người hiền lành dần dần cả đời ở trong nhà máy mà. Chẳng biết chợ búa ăn nói thớ lợ đâu. Mà tôi cũng không thích nghề đàn bà chạy chợ, chỉ tổ hư người”. Bác cứ thủ thỉ to nhỏ như đang trò chuyện có bác gái ngồi đấy. Rồi quay ra hỏi chúng tôi: “Này các cậu thử để ý cái màu gụ này, ưa nhìn đấy chứ?”.

Nhưng, nhớ lại cái nết chảnh chu và chịu khó của bác Niệm, phải nói đến việc bác học chữ. Bác không biết chữ. Cũng không ai để ý. Anh em chúng tôi ngập đầu giúp đỡ các xóm Dao bao quanh cơ quan. Chúng tôi cùng bà con quét dọn nhà cửa, xóm ngõ, chuồng trâu và đến mùa đi gặt, đi phát nương. Lại mở lớp dạy Bình dân. Khuya về, chạy huỳnh huých. Bỏ đuốc cháy rừng rực trong tay mà còn sợ hổ đuổi. Nhưng vẫn cắt nhau vào dạy học đều.

Một hôm, đương buổi ăn cơm. Thường mọi người ăn xong, bác Niệm mới ngồi vào rồi dọn dẹp sau cùng. Lúc đương ăn, bác Niệm qua lại, nheo nheo mắt, thêm vào miếng chấy, một muôi canh, một gắp tôm muối kho khế, hỏi: “Canh có vừa không, cơm thế nào?...” Mỗi nét mặt, mỗi câu đáp lại có thể làm cho bác Niệm tươi tỉnh hay dăm dăm. Bác nhìn mọi người thưởng thức công trình mỗi bữa của bác một cách hồi hộp, thú vị.

Nhưng hôm ấy bác Niệm bỗng nói giữa các bàn ăn một câu:

- Này, các cậu cứ đem chuông đi đấm nước người mãi, phải bảo tớ học với chứ.

Lúc ấy mới ớ ra. Không ngượng vì câu phê bình, cũng không thật vui, nhưng ai cũng cười. Hiển nhiên, trong nhà, ngay trước mặt có người còn mù chữ, mà không ai nhìn thấy.

Chúng tôi chia việc, để hẳn một chị ở tổ điện đài kèm bác Niệm học. Người đứng tuổi như bác mà học vỡ lòng không phải dễ. Nhưng được cái bác vốn chịu khó. Mỗi khuya, đi dạy trong xóm về, qua nhà bếp, vẫn thấy bóng bác trong phen vách, hí húi dưới ánh nến trám, những con thiêu thân chạy trụi cánh, lăn ra đầy cái mặt bàn tre.

Bác Niệm đã thuộc hết mặt chữ, rồi bác biết chữ lúc nào ấy. Không ai lưu tâm, cũng như khi bác chưa biết chữ. Thế là bác Niệm đã biết chữ như mọi người. Thỉnh thoảng, bác sang cơ quan [\[1\]](#) ở rừng bên cạnh, đem về một tờ báo. Có khi một trang giấy lỗ chỗ của bát chữ dập thủng. Bác Niệm nằm vắt chân chữ ngũ, ê a ngắc ngứ đọc choang choác.

Bác Niệm cũng hay ngồi viết hí hoáy. Bác xin được ít giấy nhà in, đóng thành quyển sách cẩn thận. Tôi ngờ bác ghi sổ sách nhà bếp chi tiêu, hay tập viết. Không phải. Bác viết dài dài, lỗ mỗ. Như lời nói với con, với vợ, với người ta. Các thứ, đủ thứ. “Nam ơi”. “Này con cún”. “Nhà nó ơi”. “Thằng chó nó ầm đầu đấy”. “Sáng nay đã đi đưa chè chưa?” “Cái chè ngon hơn”. Những chuyện lác đác nhớ lại, bác Niệm viết ra giấy. Những câu kỷ niệm thương nhớ.

Bác Niệm làm cả một bài thơ *Khai bút kháng chiến*.

Vân tiên bút thảo một hai nhời

Anh em tranh đấu có vì ai

Có quả thì lựu để dành mãi

Gặp chú thực dân lại đả ngay

Bạn bè tố hảo thì mấy thế

Chú thực chả chết cũng lên mây.

Tôi hỏi bác Niệm làm thơ a? Bác ngẩn lên im lặng, nhưng nét mặt tươi rạng, rồi tùm tùm cười. Hàng ngày, bác đọc báo, lẫn lộn tin tức thời sự với những “vân tiên bút thảo... tố hảo” những câu thơ từ thời trẻ, khi còn đi làm hiệu cao lâu khách ngày xưa ngày xưa.

Rồi một hôm chúng tôi ra đò ở bến Soi Trâu về xuôi.

Lần đầu tiên, bác Niệm mặc bộ quần áo ka-ki màu xi măng. Đôi giày vải và chiếc mũ cát xám còn khét mùi keo dán. Bác tươi tỉnh, nhanh nhẹn. Về đến Hà Nội, bác Niệm xin phép đi tìm người nhà. Bác đi ngay. Ai cũng vừa mừng lại phấp phỏng đợi bác. Bác Niệm đi liền mấy ngày.

Một sớm tối, bác Niệm về lúc nào. Trông thấy cửa sổ trên gác chỗ buồng bác có ánh đèn, mới biết.

Người ủ rũ, già xọp. Hai quầng mắt nhăn nheo trũng xuống. Râu ria trở lửa tủa. Không biết có phải thường ngày bác tuổi tác già lão thế, hay cũng bởi bác Niệm thay bộ đại cán đường bộ lại mặc vào cái áo cũ vẫn đeo từ ngày ở chiến khu nên trông bác thiếu nảo quá. Bộ mặt mệt mỏi lại đỏ gay, tưởng bác lên cơn sốt. Ở rừng, bác Niệm chẳng ốm, chẳng sốt rét bao giờ. Tay bác run lẩy bẩy, con mắt đương đỏ ngầu đổi sang xanh lét như mắt mèo. Bác ngồi im mà nom dữ như “ông Ba Mươi” trong cái tranh thờ điện.

Chúng tôi hỏi thăm. Một lát, bác Niệm mới thều thào nói đã tìm thấy thằng cu Nam. Vẫn ở ngõ bãi rác chỗ Tám Mái. Nhưng bác gái đã theo người ta đi đâu, không ai biết. Xóm giềng chỉ đoán bác ấy đã vào Nam. Bác gái gửi cu Nam lại cho nhà hàng xóm, dặn khi nào “bố cháu về” thì trả nó cho. Mà khốn khổ, cu Nam chẳng nhận bố. Người ta lôi nó đến trước mặt bác. Nó khóc tru lên, chạy mất. Bố con xa nhau từ cái khi nó mới chập chững biết đi, làm sao nhớ được bố là ai.

Có anh còn muốn hỏi xem tại sao bác gái bỏ đi, nhưng thấy bác Niệm thần thờ, in xám như tảng đá, không ai dám tọc mạch nữa. Chắc người đàn bà ra đi đến đổi bỏ con lại, tất phải vướng víu những éo le lôi thôi thế nào đây.

Ngày ngày, bác Niệm lại chăm bếp núc như mọi khi ở trên rừng. Mới về thành phố, có nhiều anh em ở khu Ba, khu Bốn, ở trong Nam tập kết ra, cơ quan đông bọn. Bữa ăn ngồi hàng trăm người. Phải lấy thêm phụ bếp mới xuể công việc. Bác Niệm cời trần, đứng cạnh lò than, bảo anh em vằn nồi cơm cho chín đều rồi lại quay sang chảo xào, nồi canh. Ngoài công việc, bác ngồi thừ ra. Đến chủ nhật, bác đi biệt cả ngày.

Một ngày kia, bác Niệm đưa về một chú bé trắng trẻo, mảnh khảnh, cũng đánh người như bác. Và khuôn mặt, cả cái trán, cái mũi thâm thấp giống bác như tạc. Ai thoát trông cũng gọi ngay: Cu Nam! Cu Nam!

Nam lễ phép chắp tay, ngược đôi mắt thông minh đen lay láy chào mọi người. Cu Nam của bác Niệm thật. Mới hôm nào bác Niệm phàn nàn cu Nam thấy bác, lĩnh đi, thế mà bác Niệm tài ghê. Chẳng bao lâu, Nam không còn lạ với bố. Máu mủ ruột rà có khác. Không ai hỏi, nhưng

đoán cũng có thể biết kết quả mỗi ngày chủ nhật bác Niệm thu thu mang đi một bọc. Gói kẹo, bánh bích qui, quả bóng nhựa, quyển vở mới, cái cặp và các sách tranh truyện. Lại cả chai rượu “vốt ca” Ba Lan bán ở bách hóa. Gói lá sen thịt vịt quay, lẫn củ kiệu và tương Tàu hiệu cao lâu Siêu Nhiên. Các thứ ấy để biếu ông hàng xóm tốt bụng đã nuôi cu Nam.

Những bùa bả dễ làm mê mẩn trẻ con ấy đã dần dần làm cho cậu bé xa cách bố ngọt ngào năm trời, mon men lại. Chẳng mấy lâu, hai bố con đã quấn nhau như mọi bố con nhà người ta. Bác Niệm dắt cu Nam về cơ quan chơi mấy lần. Rồi cu Nam đến ở hẳn với bố. Ngày ngày, cặp đi học. Cu Nam đã học lên cấp hai. Bác Niệm vẫn một việc miệt mài chăm nom bếp núc như thế.

Nhưng cái bếp của bác Niệm không còn yên ổn như trước nữa. Xưa kia, nhà bếp tranh vách tuếch toáng giữa rừng chỉ một mình bác. Bây giờ, cuối bữa phơi bát đĩa nôi xoong sáng loáng khắp sân. Ba người phục dịch mà vẫn cật rập tối mắt.

Một hôm, bác Niệm bảo tôi:

- Đất không chịu giời thì giời đành chịu đất. Thế này thì tôi phải nghỉ việc, anh ạ.

- Ô hay, bác nói thật hay đùa?

- Tôi nói thật. Tôi đâm ra bị khóa mồm. Con tôi đi học về, cứ trông thấy con, tôi im ngay. Tôi không muốn cho cháu mai sau lớn lên chẳng may ăn phải đĩa những cái thằng mất nết làm ăn không ra gì kia.

Rồi bác Niệm chép miệng:

- Ôi dào, cái việc nhỏ dít chầu ông Táo, ai chẳng làm được. Các anh ấy cua cá một rổ cả. Tôi thôi thôi.

Câu nói mỉa mai của bác Niệm còn ngụ ý đôi. Có lẽ vì những chuyện to tiếng dưới bếp ngăn nắp hay luộm thuộm bấy lâu chúng tôi chỉ xử hòa cho xong việc, bác Niệm không bằng lòng. Bác nói mát như thế.

Rồi bác Niệm bỏ đi. Bác đã định đi, mà không muốn nói với ai. Bác thu xếp đêm trước cái hòm gỗ, cái ba lô con cóc, mấy thứ cồng kềnh. Vắng bác mấy hôm, đến lúc xem chỗ bác nằm, thấy trống không. Nhiều người ân hận về nỗi đã cùng nhau trải những năm tháng gian nan ở trên rừng. Có người đã hỏi thăm tận ngõ bãi rác ở Tám Mái. Nhưng cũng chẳng ai biết bác ở đâu.

Rồi tràn ngập bề bộn công việc. Cái kiểu chào nhau giơ hai ngón tay hy vọng hai năm có tổng tuyển cử bây giờ đã xa vời. Mỗi ngày, trong miền Nam lại đưa ra biết bao tin tức đen tối.

Băng đi có đến mấy năm, một hôm, tự dưng bác Niệm lại đến cơ quan. Bác vẫn thế. Bộ đại cán màu xi măng năm nào. Cái áo nhăn nheo ở cổ và sống lưng lằn vết dây phơi. Chắc lúc đến bác mới xỏ tay vào cái áo chỉ được mặc trong dịp có việc. Riêng mái tóc đã bạc trắng. Nhưng vì bác Niệm vẫn húi đầu cua, nên phải tinh mắt để ý mới thấy những chân tóc lấp lánh.

Tôi vẫn nhớ mỗi khi có điều hài lòng, mặt bác Niệm lại phảng phất nét sang sáng và miệng cười tủm tỉm. Từ nãy, thấy bác Niệm một vẻ vui vui như thế. Ừ mà chẳng phải hỏi han nhiều,

chỉ một việc bác đến nhờ cơ quan chứng nhận cho phần lý lịch công tác của bác để cu Nam làm hồ sơ đi học nước ngoài, cũng đủ hiểu được niềm vui của bác to lớn thế nào.

Tôi hỏi thăm, bác Niệm cười:

- Tôi làm sở tư thôi. Thủ trưởng, nhân viên mình kiêm tất. Hôm nào anh đến chơi.

Cái “sở tư” có thể là bác làm gia công mì sợi hay dán hộp mứt, hộp thuốc, dán bì cặp - công việc mà bà con hàng phố vẫn phơi bì phơi mì nhan nhản trên vỉa hè những buổi trưa nắng. Và lại, một người tháo vát và lam làm con dao pha như bác Niệm - ở trong thành phố đông đúc thế này, biết bao nghề sinh sống dựa vào nhau - làm gì mà chẳng ra cái ăn.

Nhưng rồi đến cả năm tôi vẫn chưa nghĩ đến xuống chơi nhà bác Niệm. Dạo ấy, máy bay Mỹ đã bắt đầu thăm dò vào vùng trời thành phố. Báo động, ba mươi, bốn mươi... máy bay địch đã bay xa... Rồi máy bay Mỹ ném bom Cầu Đuống, ga Yên Viên. Các khu vực phố có những khoảng bãi trống, ban bảo vệ đã được kế hoạch phải cắt cử tuần đêm cẩn mật. Từ hôm địch nhảy dù đêm ở Sơn Tây càng phải ráo riết đặc biệt bảo vệ các khu quanh Hỏa Lò, ga Hàng Cỏ...

Trong tình hình khẩn trương thế, tôi bỗng nhớ bác Niệm. Bác đã kể bác làm ban bảo vệ phố.

Nhà bác Niệm ở dưới trại Găng, gần đầu ô phía chợ Mơ. Ngày trước vùng này toàn hồ ao, đầm lầy. Bây giờ nhà cửa san sát cả.

Nhà cạnh hồ. Vách toóc-xi kỹ lưỡng, trông cũng biết không phải nhà thuê. Hai gian một chái, đầu móm đất cạp nhô ra ngoài hồ. Như cái nhà bé tí tẹo ở núi non bộ. Ba mặt lồng lộng nước. Mái phi-brô xi măng lót rơm vàng óng, chẳng khác nhà mái cọ. Đằng trước, đằng sau lơ thơ giàn bí phấn, giàn gấc, giàn hoa lý. Xung quanh vách, trước sân, lẩm củi thế. Đống củi cao hơn đầu người xếp đã lâu, những đầu gộc to ở dưới bị mưa nắng, rêu bám mốc đen.

Bác Niệm từ trong nhà ra. Bác cúi xuống mở cái chốt dựng cổng tán tre. Bác nói: Cái này buồng xuống, gà què chịu không vào bới sân được. Các cụ ngày trước nghĩ ra cái cổng tán, cũng tài.

Nhớ cái nhà bếp, nhà ăn của bác Niệm ở ngoài kháng chiến. Tất nhiên, nhà bác ở đây tinh tươm hơn. Nhưng đồ lễ đơn sơ, không có cái gì bày biện mà chỉ những cái đương cần dùng. Chiếc giường tre gian bên, chiếc mâm nhôm con con dựng đầu hè. Bàn uống nước. Chiếc điều cày ghếch ngay ngắn. Trên tường, ảnh Bác Hồ treo bên khung lồng kính tấm bằng huy chương kháng chiến. Bốn cái chén úp trong đĩa, tròn chén bóng nhoáng cạnh cái ấm giở có tích nước nư vối. Nhà gọn sạch, ngăn nắp quá đến lạnh rợn - cảnh nhà vắng người, vắng trẻ con. Trông ra khoảng sân đất mép hồ, vẫn gặp lại cái tính chịu khó của bác Niệm năm nào. Búi giềng, búi gừng, búi nghệ tốt um. Một luống hành lẫn tỏi, củ kiệu, lá hẹ không biết để giống hay ít hái, hành đã lên hoa, lá tỏi vàng úa. Rồi thì mùi tàu, húng thơm, húng quế, rau ngót, dây chua me, một cây ớt xum xòa quả đỏ chót.

Cung cách này, hẳn bác Niệm ở một mình. Nhưng tôi im lặng không hỏi. Tôi ngại đụng vào vết đau âm thầm của bác.

Tôi trở tay ra luống rau:

- Bác vẫn chơi cảnh vườn rau?

Bác Niệm nói:

- Tính tôi thế ấy mà. Đủ lệ bộ vậy mới yên. Mua được mấy con nhộng rang, mà không rắc được cái lá chanh, cái hành hoa, ăn mất ngon. Hôm nay ở đây ăn cơm với tôi. Anh em mình lâu lắm mới lại cùng ngồi.

Còn tôi đã lâu mới được trở lại cái thì giờ thanh thoi như thế. Tưởng như phảng phất còn đương những năm kháng chiến. Ai đã ở Việt Bắc mà không nhớ trên đường rồng rã đi công tác, tà tà chiều qua một phố nhỏ ven bờ sông Lô quăng ngã ba lên Thác Bà, đặt chiếc ba lô vào cái ghế trong một quán cơm mái tranh vách nửa văng vể, rồi xuống sông tắm. Tắm xong lên uống rượu ăn cơm thịt gà luộc, canh cà chua rồi đánh một giấc. Sớm hôm sau lại ba lô lên vai từ tờ mờ đất. Kháng chiến gian lao, mà nhẹ nhõm.

Bác Niệm cắt tiết một con gà choai. Giờ đương ở thành phố, mà nghĩ đến giữa rừng năm ấy, mặc dầu, cả bác và tôi và hoàn cảnh cũng đối khác rồi.

Chúng tôi ăn cơm vào ban trưa, phải chạy núp tàu bay ba lần mới xong bữa. Ngồi ở miệng hầm trú ẩn, bác Niệm trở đồng củi cạnh vách:

- Tôi không có tú kết đựng tiền, phải chất tiền ngoài sân đấy. Có thể mới nuôi được cháu Nam đi học bằng anh bằng em. Này có khi nào anh để ý cây cối ở Hà Nội nhiều chẳng kém rừng Tuyên Quang? Lắm chỗ còn rậm hơn trên rừng kia. Tôi vẫn sống với cây cối, củ đuốc như ngày ở rừng.

- Bác vẫn làm cấp dưỡng?

- Không phải.

- Đi chặt củi à?

- Anh đoán gần đúng. Tôi làm chú tiểu phu Thạch Sanh. Ai lại nghĩ có nghề sơn tràng ở đất Kê Chợ, thế mà có đấy. Sân nhà có cái cây mục, cây đổ hay cơ quan muốn chặt cây lấy đất làm nhà. Gọi công ty công viên, chẳng biết có phải việc của người ta không. Mà không dễ ai cũng biết ngã cái cây. Có nghề chứ. Anh trông một dây rìu, thuổng của tôi cài trong vách thì biết nghề tôi.

Nghe bác Niệm nói tôi mới dần dần nhớ ra ở Hà Nội còn lắm nghề oái oăm hay hay. Người ta còn cần cái gì thì có nghề ấy. Bà đưa thúng gói hoa cúng gài vào cái đỉnh trước cửa. Có nhà, có cơ quan mua chè tươi thúng. Mà phố xá lắm nghề thật. Nhà nào chẳng có con dao. Dao cùn, phải mài cho sắc lại, thế là cần ông mài dao, ông móc cổng... Người đi câu, người đánh giậm quanh chân cầu Long Biên. Người cắt cỏ công viên, cái chợ cỏ trên bờ đê, người chặt cành si bán cho voi vườn bách thú ăn. Người đi lấy nước vo. Bác Niệm đi ngã cây. Những việc lật vật mà cần thiết quanh mình.

Nghề đi ngã cây của bác Niệm, sau cái yên xe đạp của bác có hai chiếc túi to phình, gài đồ nghề. Cái búa, cái cưa, con dao rựa, cuộn thừng đay. Cây nhỡ nhỡ, cây cổ thụ, cây ổi rể cái sâu ngập đầu, cây xà cừ rể chùm như mạng nhện, cây nào bác Niệm cũng hạ ngon ơ. Cây ngã rồi, bác được trả công, lại được chia phần gốc và cành. Cành đem phơi, bó lại, bán củi. Còn cái gốc, để áp Tết bán cho người ta mua củi nấu bánh chưng. Ở thành phố, kiếm được cái củi đun lửa đun siêu tốc, hầm nôi cá kho được như ý không phải dễ. Mùa nào bác Niệm cũng có củi bán.

Trong câu chuyện hôm ấy, tôi để ý, nói gì rồi bác Niệm cũng lại kể về Nam. Ảnh Nam trên tường, người thanh niên thắt ca-vát khác lạ mà nghe bác kể như thể cái thằng cu Nam bé bỏng vẫn quanh quần đầu ngoài ngõ.

Bác Niệm lấy trong hòm ra mấy bó thư bằng những cái gói. Vẫn cái hòm ngày trước. Thấy tôi nhìn, bác Niệm cười tủm tỉm. Cái hòm trên rùng quấy về đấy, vẫn thế, không mỗi mọt tí nào. Không hỏng, chẳng nhẽ tự dưng chẻ ra làm củi à. Chỉ khác, bao nhiêu năm đã qua, mồ hôi và bồ hóng đen thui và trên mặt hòm có cái khóa.

Bác Niệm mở từng bọc, bảo tôi cầm thư cầm ảnh mà xem.

- Anh nhỉ, chóng thật, mới hôm nào, cái ngày tôi tìm thấy cháu. Công phu quá. Nhưng mà con trẻ ấy mà. Đến lúc cu cậu nhận được ra bố rồi, thích bố rồi tôi công cháu về cơ quan, hai chân còn thông thọt doãng ra, thế mà bây giờ ở bên Tây, cháu học cái gì nhỉ, cái gì giỏi hơn cả cái đèn điện này?

Tôi nói:

- Điện tử.

Bác Niệm cười toét miệng, nhắc lại:

- Ừ, điện tử, điện tử.

Cũng không phải bác quên. Nhiều lần trong lúc ăn cơm bác Niệm đã kể “cháu Nam nó đương học ngành điện tử”. Nhưng bác thích nói ngắc ngứ thế, để được nghe người khác nhắc lại cho thích tai.

Một hôm, bác Niệm đến cơ quan. Trông bác vẫn như mọi khi. Cái áo vét màu xi măng, cửa tay, khuỷu tay đã sờn. Cái áo đại cán được phát ở Thái Nguyên, từ ngày về thành phố.

Sau xe, đeo hai cái túi to. Nhưng không trông thấy cái rìu hay con dao thò chuôi lên. Bác Niệm lấy ra chiếc cặp nhựa giả da có khóa cài, kiểu cặp của cán bộ hành chính tài vụ hàng ngày đến phòng làm việc. Tôi mỉm cười, nghĩ bụng: cái cặp của trưởng ban bảo vệ. Trưa hôm trước, gặp bác Niệm trong trận máy bay Mỹ ném bom bãi Nghĩa Dũng. Phố bãi, nhiều nhà lá, vách nửa. Đội chữa cháy các khối bạn đến cứu đông lắm. Xe xích lô cứu thương đập phăng phăng trong lửa ra. Thoáng thấy, bác vẫy tôi, gọi tôi thật to, rồi lại biến vào đám khói mù. Có lẽ hôm nay bác Niệm đến, kể cho tôi nghe để tôi viết bài báo về hôm ấy cũng nên.

Bác Niệm ngồi xuống ghế trước mặt. Bác Niệm mở cặp, lấy ra quyển sổ dày cộm. Chao ôi, tôi nhớ đến cái ngày năm nao bác Niệm mới biết chữ. Bác Niệm cũng đóng một quyển sổ dày tương tự. Tôi đã đọc những câu ghi chép như người nói chuyện với nhau và bài thơ khai xuân của bác Niệm.

Bác Niệm để quyển sổ trên bàn. Bác nói thông thả:

- Tôi định bàn với anh việc này từ lâu.

- Việc gì thế ạ?

- Tôi chép lại những cái đời tôi... đời tôi...

Bác Niệm viết văn! Tôi nhận xét như thế, có ý ngầm cười cợt phần nào, trong khi bác Niệm vẫn đắm đắm mắt, lại rành rẽ nói. Câu nói của bác Niệm như trả lời vào thái độ vô ý của tôi đối với điều thiết tha của bác.

- Không, tôi không biết viết để in sách, in báo như các anh đâu. Tôi cốt viết cho bao giờ cháu Nam về cháu đọc. Cháu chẳng được gần gũi tôi từ tấm bé. Đến lúc gặp được, bố con cũng chỉ ở với nhau mười năm. Rồi cháu lại đi xa. Việc nhà ra sao, những nông nổi đường đời của tôi, cháu nó nào biết đâu. Người già rồi chết, chẳng thể ở mãi được với con cái, nhưng tôi nghĩ lời ghi nhớ thì để lại mãi được. Đây, tôi muốn như thế. Tôi nhờ anh xem hộ thể nào. Anh giúp tôi.

Tôi lại hiểu bác Niệm cầm bút hay chẻ củi, mọi công việc đều ngành ngọn, đến đâu đến đấy. Ở con người như bác Niệm, khi trồng búi giềng, cây ớt hay dấy cái củi vào giữa bếp cho lửa được đều, hay mài cái rìu sắc, sắn cuộn thùng dầy để ròng cho cẩn thận cái cây ngả, đều công phu như đêm ngày lo toan về đứa con. Tôi đã quên hẳn cái ý chế giễu thiển cận lúc nãy. Trước mặt tôi, một con người mực thước, cả đời tự lực, tự trọng.

Không phải người ta cứ nghĩ thế nào thì viết được ra đúng thế. Tôi nhìn ra ánh trăng thành phố. Tấm lòng bác Niệm cao xa và thiêng liêng hơn gấp bao nhiêu lần bác Niệm viết thành chữ. Chữ của bác chẳng nói được nổi lòng bác. Nhưng tôi cứ thấy ở mỗi câu hiện ra cuộc đời, trong đó có cả niềm hân hoan mai sau mà lúc ấy người viết không còn nữa.

Rồi tôi có việc đi công tác ít lâu.

Một hôm, một cô ở văn phòng chợt nhớ, bảo tôi:

- Suýt nữa cháu quên mất. Hôm trước có một cụ đến hỏi bác, bảo bác về thì đưa cho bác gói tài liệu này. Người cụ trông nhọc lắm. Cụ ngồi xe xích lô đến. Cụ bảo cụ vào bệnh viện Bạch Mai. Cụ dặn hôm nào đi công tác về, nhớ vào chơi.

Tôi thoáng trông, biết là cái gói sách vở của bác Niệm. Bốn mươi năm đã qua. Các anh các chị làm việc cơ quan bây giờ đều là những người mới. Chẳng còn ai biết bác Niệm là anh nuôi cơ quan ta hồi ở trên rừng.

[1] Chỉ nhà in lúc kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc.

Hai đứa trẻ đợi đi

Thương cho con Đán đã buồn thương đọc truyện này.

Khách sạn Cửu Long ba sao nhất thành phố ở trên đường cạnh sông Sài Gòn chảy ngang qua giữa quang cảnh sầm uất những phố chính. Tuy vậy, chỉ mới ba bốn giờ sáng, tiếng xe lam đã phanh phạch dưới cửa sổ. Với cái thói ít ngủ của tôi, thế thôi cũng vừa lúc lên sân thượng làm vài động tác thể dục và xem thành phố phương Nam thức dậy trong ánh nắng chói chang từ những vườn dừa bên Thủ Thiêm lửa tủa đến chân trời.

Thế mà đã thấy bên cửa sổ một chú bé đứng im đấy. Thoạt nhìn biết ngay nó lai Mỹ. Gầy quá, trông mắt nâu nhạt, tóc hoe hoe phờ phạc. Mặt lốm đốm tàn nhang như cái thằng “Poan Cà rốt” trong tiểu thuyết của Gin Rona.

Nó trạc trên mười tuổi. Mỗi khi trông thấy những đứa trẻ lai đen lai trắng trạc tuổi ấy, bao giờ cũng khiến người ta nghĩ ngay tới những ngày chuyển động đất nước cách đây trên mười năm, tiếp theo công cuộc xây dựng lại thành phố, kẻ bên còn biết bao sự việc, hệ lụy, tâm tư ngổn ngang đến tận bây giờ. Thoạt đầu, tôi cũng chỉ thoáng để ý, nhưng rồi liền mấy hôm đều như thế, cứ tỉnh mơ đã thấy nó đứng chỗ cửa sổ ấy, mà thông thường thì trẻ con vào giờ giấc này chưa thể mở mắt được. Nó cứ nhìn ra mọi hoạt động trên sông sớm. Bến đò máy sang Thủ Thiêm đã tấp nập. Một chiếc cầu cạnh mặt nước đã bắt đầu chạy lên chạy xuống, trong khói hàn xì xoèn xoẹt ánh xanh lóe. Nhưng dường như nó cũng chẳng để ý trông cái gì cả. Mỗi nó trể ra và con mắt thờ ơ lạ lùng.

Ở phòng ăn, tôi hỏi người nhà bàn xem thằng bé ấy là thế nào. Anh nhà bàn bảo tôi:

- Thằng Bi đó, chú không nhận ra nó à?
- Bi nào?
- Cái thằng Mỹ lai vẫn bán thuốc lá với bà ở góc phố ngay bên kia đường đó...
- Ờ... ờ...

Thế thì tôi nhớ ra rồi. Thằng bé cao dong nhưng còm nhom, mặc dầu gần hai năm tôi mới trở lại đây. Mấy năm qua thường có dịp đến trọ khách sạn này, tôi đã quen mắt thấy ở chỗ góc đường ngay trước mặt dưới cửa sổ có một bà già bán thuốc lá bày trong cái tủ con con. Những vỏ bao thuốc đất tiền, chẳng biết trong có thuốc hay bao không, nhưng mặt kính tủ thì lòe loẹt, loáng lên. Ở đây, nơi phe phẩy chợ búa thế này cần cái màu mè hào nhoáng, dầu chỉ là gánh quà bánh lật vật, cũng phải hoa hòe bên ngoài, những cái nhìn thấy đã quá nhàm.

Sở dĩ dễ nhớ bà già bán thuốc lá vì bà có thằng cháu Mỹ lai. Thằng bé tha thui thơ thẩn cạnh bà, đôi lúc ra thắp nén hương khấn khách cắm chỗ gốc cây me. Những hôm vắng người mua thuốc, bà hay giục cháu phải coi chừng thắp hương liên liên, đừng để cháy hết rụi mà sái. Nó ngồi ngay đấy, cầm quyển sách “Măng non” chốc lại mở ra đọc, chốc lại châm hương, nhưng hề có người khách nước ngoài nào đi qua, nó ngửa tay giơ ra xin tiền.

Khách cũng thường cho nó tiền, có khi cả cái hộp quẹt vỏ nước ngoài, một quả xoài, một quả măng cụt. Có lẽ, con mắt và suy nghĩ của người khách đến Sài Gòn hôm nay, trông thấy thằng bé, có thể tưởng như khám phá ra phần nào cái tò mò mĩa mai đáng giận đáng thương lẫn lộn, bởi vì mặt mũi tóc tai nó khiến như tận mắt nhìn cái xót xa của một thời người Mỹ làm chúa tể ở đây.

Ồ, thế thì tôi nhớ rồi. Phải, nó là thằng Bi.

- Dạ, thằng Bi, thằng Cúc, thằng Hòn gì cũng vậy thôi. Cái mắt nó xanh mắt mèo thế, chứ nào nó biết Mỹ Mèo phương nào. Bây giờ thấy nói là thằng bố để nó mới gửi giấy xin bảo lãnh cho nó đi, nó được vô ở đây đợi đi. Chẳng biết thật thế hay lại mưu mẹo gì của bọn này.

Cơ quan di cư hợp pháp của Liên Hiệp Quốc có trụ sở ở thành phố này chuyên lo liệu mọi việc hòa hợp gia đình như thế, mà mỗi việc phải làm đều không việc nào giống nhau, biết bao khó khăn, rắc rối. Nhưng là một bộ máy, bộ máy thì phải có kế hoạch, có công việc nhất định. Má của Bi đã được cơ quan này mời đến. Chị ấy được bảo cách cho viết một cái đơn, với tư cách pháp nhân của người đã sinh ra đứa trẻ bằng lòng cho đứa trẻ đi, cam đoan không làm điều gì cản trở việc đó. Rồi để cơ quan lo tiếp, trước nhất là việc đưa đứa trẻ vào ở khách sạn.

Bi được quần áo mới. Bi được ăn uống giờ giấc như mọi người khách và vì Bi mới mười ba tuổi, còn là trẻ con, nên Bi được phát các thứ đồ chơi, cái tàu hỏa và toa tàu xinh xinh bằng bao diêm, nối vào nhau dài như cái đòn gánh, có thể tháo rời từng toa được, có thể lên dây cót cho tàu chạy trên đường ray vòng tròn. Đồ chơi rắc rối hay quá, giá có đông đứa xem thì chơi cả ngày không chán. Nhưng chỉ thấy Bi xách ngược lưng lửng cái đoàn tàu, có khi lại chống cả xuống, như cái đòn gánh, tựa cằm vào, đứng cửa sổ nhìn ra ngoài kia.

Cơ quan quốc tế làm việc này chạy khớp như vòng bánh xe quay, nhưng nó lại không phải các loại máy đóng gói hay cắt gọt hay đóng bao thuốc lá, con dao, cái thìa mà đây là công việc làm cho con người. Cho nên, ôi chao là tội bởi...

Má Bi từ Vũng Tàu về ký giấy cho con đi. Má Bi đi lấy chồng đã lâu. Anh ấy làm công nhân ngoài cảng dầu lửa. Chẳng biết cái đứa con là thằng bé Mỹ lai có tổn hại gì đến hạnh phúc của hai người, nhưng nhất định cũng không tiện rồi. Có một câu chuyện ở Hà Nội đã lâu lắm, mà tôi còn nhớ. Chúng tôi vào nhà hộ sinh thăm một chị bạn ở cũ. Cùng buồng, giường bên cạnh, có một chị cũng mới sinh. Đứa con gái đầu của chị thỉnh thoảng đem cơm nhà vào cho mẹ. Con bé tóc xoăn, lai đen. Chị ấy cần nắn, phàn nàn mắng khéo con, cốt cho mọi người biết, “Mẹ chỉ vắng nhà có mấy ngày mà con chơi nắng thế nào đến nổi cháy da cháy thịt lên thế kia”. Ai cũng bầm bụng, không dám cười, cũng không dám hỏi lại.

Má lấy chồng, Bi không được đi theo. Bi ở với bà ngoại. Đã ngót mười năm qua rồi.

Đêm ấy, rồi mấy đêm nữa, má Bi và bà Bi, lúc thì má khóc, lúc thì ngoại chửi má, đánh má rồi bà cũng khóc, ai cũng ầm ĩ như những người lên cơn điên. Má Bi xin bà Bi thương mẹ con Bi, cho Bi đi. Vài năm nữa, lớn nó đi làm có tiền, nó không dám quên ơn bà đâu, rồi nó gửi “thùng đồ” về biếu ngoại. Bà Bi nắm tóc dìm đầu má xuống, gào lên: Tao không cần tiền bạc, tao không thèm “thùng đồ”, cháu tao ở với tao mười năm nay rồi, bây giờ mày đâm vào ruột tao, mày ném nó xuống biển, mày là quân giết người. Cút đi! Cút đi! Mày có chồng con tử tế rồi, yên cái thân mày rồi, người ta có hỏi đến nó thì mày bảo mày không biết, ai làm gì được mày, mày thò

mặt lên đây làm gì, làm giấy làm tờ gì... Bây giờ mày bắt cháu tao đi đâu? Tao mà biết được mày là quân bất nghĩa thế này thì tao bóp cổ cho mày chết từ cái khi còn oe oe kia rồi...

Những lúc thê thảm ấy, thằng Bi cứ trằn trằn nhìn bà lại nhìn má, rồi lúc nó ôm bà, lúc nó ôm má, có lúc nó bênh bà, nắm tóc má rồi lại khóc như bà, như má, thật nó cũng không hiểu hết được ngọn nguồn sự tình thế nào.

Nhưng rồi giông gió cũng qua đi. Đến hôm ấy, lại chính bà Bi đưa cháu đến cái chỗ làm việc thiện kia. Má Bi ở nhà. Má Bi định đợi đến lúc bà trở về, hỏi han xem thế nào. Nhưng nghĩ sao, má Bi lại bỗng sợ cái lúc ấy vĩnh biệt ấy quá, bà cháu Bi đi rồi má Bi đã về ngay Vũng Tàu.

Ngoại dắt cháu đến đấy. Nói là Bi đưa bà đi mới đúng. Bởi, còn ngõ ngách nào ở vùng đông đúc giữa thành phố này mà Bi không thuộc vanh vách.

Rồi người ta đem Bi vào khách sạn. Bà cũng đi cùng với Bi. Ngày nào Bi chẳng ngồi lẽ đường bên kia nhìn sang cái "ô ten" sang trọng, có điều hai bà cháu chưa được đặt chân vào bao giờ. Chẳng lạ, chỉ có cái mà Bi nghĩ thích là từ hôm nay bà cháu được vào ở đây.

Hai bà cháu bước lên cái phòng rộng ngợp mắt. Cuối trong, chiếc thang máy lên xuống vi vút như những thùng kéo nước giếng. Hai bà cháu ngồi đấy đợi.

Có một người ra đưa Bi vào thang máy lên phòng. Bi không kịp nói gì với bà. Nhưng Bi cũng không có vẻ lo lắng. Bi không biết vào thang máy thế nào, nhưng Bi biết còn có cái cầu bậc bước chân bên cạnh xuống tận tầng trệt. Ngồi một lát, mãi chẳng thấy bà lên. Rồi Bi lén xuống thang gác, chạy sang góc phố, chỗ bà vẫn ngồi bán thuốc lá. Chắc bà đã xuống đấy. Để Bi kể với bà một thứ vừa qua nhìn thấy trong nhà.

Bi hơi phấp phồng, nhưng mừng quá. Bà vẫn ngồi bên gốc me. Cây hương đã khồi xanh ngơ ngất lên. Bi kể các thứ chuyện trong khách sạn. Cây hương đã tàn. Bi ra cầm cây khác. Bi chợt quay lại nhìn, thấy nước mắt ngoại đọng hai bên nếp má nhăn nheo. Đến xế trưa, có người trong nhà lầu ra gọi Bi vào ăn cơm. Bi còn chạy ra bờ sông mua cho bà đĩa cơm cá lóc kho rồi Bi mới vào khách sạn. Nhưng tối hôm ấy, Bi phải nằm ở buồng một mình thì Bi bắt đầu nghĩ đến những chuyện không thể hiểu, không có thể như thế. Đến lúc buồn ngủ quá, Bi thiếp đi lúc nào không biết.

Bi ra gốc me từ mờ sáng.

Bi đã thuộc lệ, đến chuyển xe lam thứ mấy bà mới lên. Không ngờ, Bi đã thấy bà ngồi đấy rồi, như là cả đêm qua bà vẫn đợi Bi bên gốc me.

Bi bảo bà:

- Chiều nay, lúc nào dọn hàng đi gởi tủ đồ rồi ngoại cho con về với. Con không ngủ ở trong nhà kia đâu.

- Không được, con ạ.

- Bà biểu sao?

- Bây giờ con là của người ta. Con phải ở đấy, rồi con đi.

- Con đi đâu?

Bi thấy mắt bà lại đỏ hoe. Bi lẳng lặng ngồi xuống ghế cạnh bà và chỉ nói:

- Con về với ngoại đó.

Lúc ăn cơm chiều xong, nó ra thì không thấy bà. Nhưng Bi cũng chẳng lo. Từ đây xuống Phú Nhuận, Bi không lạ đường chỗ nào. Thế là Bi về thẳng cái chỗ nhà cạnh cầu. Bi đi luôn. Bà ngoại vừa trông thấy Bi, đã la lên: “Không được! Không được! Bà phải dẫn cháu về khách sạn, không có thì người ta xuống bắt cháu, không ở được đây nữa đâu”.

Nói thế, rồi bà cũng vẫn ngồi yên nhìn cháu và lại chấm nước mắt. Bi yên trí, chui vào màn, nằm ngủ luôn. Hôm sau, hai bà cháu cùng nhau lên phố sớm. Bi lại làm như thường ngày. Bi vào ôm cái tủ kính bà gửi nhờ nhà xế đấy và trong khi bà mở khóa thì Bi lấy một nén hương thắp...

Bộ máy cơ quan quốc tế tiếp tục làm những việc cho Bi đi mà không bao giờ Bi có thể biết người ta làm những công chuyện gì. Bi chỉ biết hôm ấy ở khách sạn ra, Bi lại không thấy bà. Lần này, Bi cảm thấy một nỗi lo khác mọi khi. Bi hốt hải chạy về nhà. Cái mái che ni lông lù lù bên cạnh dòng nước đen đặc chân cầu lổn nhổn vẫn đấy. Nhưng trong lều trống không.

Đêm hôm sau về cũng không thấy bà. Hỏi xuống đến các nhà bên sông xung quanh ai cũng bảo không biết. Bi khóc, lạy người ta chỉ giùm ngoại, nhưng người ta lắc đầu bảo thật không biết ngoại Bi đi đâu. Sáng ra gốc me cũng không thấy. Cái tủ kính đựng thuốc gửi nhà kia bà cũng lấy mang đi rồi. Bây giờ bà ngồi bán thuốc lá ở bên lề đường nào?

Sớm sớm, tôi thấy Bi đứng to vo, ủ ê trong cửa sổ. Có lúc chăm chú nhìn xuống đường, có thể là xem thấy ngoại đi qua không.

Cái bàn ăn của Bi được trải khăn trắng bông. Các chú nhà bàn đến đặt thìa đĩa, bát đĩa, lọ tiêu, lọ muối, đủ như mọi bàn xung quanh của người lớn và của người nước ngoài. Lại thêm một đôi đĩa đồ đẹp. Bi ngồi một mình im lìm, không ngẩng mặt.

Tôi vào qua cạnh bàn Bi, Bi đứng lên, chắp hai tay đến ngoẹo cả vai, lễ phép chào:

- Chú mời cơm.

Rồi Bi lại ngồi xuống, lăm lì cầm đũa và cơm.

Tối sâm sẩm, vẫn thấy Bi đứng ngó cửa sổ. Hôm nào cũng trông, tưởng như đứa trẻ lơ lửng kia, đứng dưng, không nhúc nhích chẳng khác những bức tượng trang trí người bắt cá, người kéo vó đặt dọc dài hành lang. Bỗng nghe nức lên một tiếng khóc gọi “Ngoại ơi”. Ngoài kia, trời đã tối. Chỉ có ánh đèn thấp thoáng trên ngọn cây me.

Tôi rón rén đi qua. Không muốn để Bi biết có người đằng sau lưng.

*

* *

Giữa mấy ngày ấy, tôi lại được chứng kiến cái cảnh một thằng Bi nữa đến ở khách sạn. Cái thằng Bi nữa ấy thật tên nó là thằng Vồ, không trùng tên với Bi, nhưng mà nổi nhà thì cũng nào lòng na ná như Bi. Không hiểu ai đã lấy tên con cá vồ đặt cho nó, mà ngoài Phan Rang làm gì có cá vồ, lại cả họ, Nguyễn Văn Vồ cẩn thận. Thằng Vồ ở ngoài Phan Rang vào.

Bà cụ lòà mắt, đi vịn một tay lên vai một chú bé Mỹ đen. Không rõ cái ông đứng tuổi xách túi và cầm chiếc gậy của bà cụ đưa hai bà cháu đến tận đây là người nhà giúp bà cụ đi tàu từ Phan Rang vào hay chỉ là khách qua đường có lòng tốt.

Bà cụ sờ soạng ngồi xuống ghế. Các nhân viên cơ quan quốc tế ra đón. Mỗi người mới đến được uống một cốc nước cam ướp đá vàng thơm đặt trên bàn trước mặt. Chú bé lai cầm cốc, ực luôn một hơi. Bà cụ hỏi:

- Đây là đâu?

Một người đáp:

- Thừa má, đây là khách sạn. Cháu Nguyễn Văn Vồ sẽ ở đây, đợi mấy hôm nữa. Chúng tôi đã đăng ký cháu được đi Mỹ chuyển máy bay thứ năm này.

Bà cụ đã cầm cốc nước cam cháu vừa đặt vào tay lại run rẩy để xuống. Thằng Vồ giục bà:

- Ngoại uống nước cam đá đi.

Nhưng ngoại nó vẫn ngồi yên.

Một cán bộ nói, như cắt nghĩa lại để bà cụ hiểu hơn:

- Cơ quan quốc tế xin cảm ơn cụ đã đưa cháu vào tận đây. Nhà có phúc lắm đó, thừa cụ. Đáng lẽ Mỹ đen không có tiêu chuẩn được đi. Nhưng vì cha nó là Mỹ đen sĩ quan cao cấp nên bảo lãnh cho nó được. Cháu Vồ sẽ do chúng tôi chịu trách nhiệm, cho đến khi cháu lên máy bay. Bây giờ mời cụ về nghỉ.

Bà cụ hỏi:

- Thầy bảo về đâu? Tội đợi nó về ăn Tết mà.

- Mời cụ trở về Phan Rang.

- Tôi về Phan Rang?...

Rồi một điều bất ngờ xảy ra, nhốn nháo từ các cô bán bách hóa trong quầy hàng lưu niệm, ở quầy bưu điện, cả mấy cậu gác thang máy hốt hoảng xúm đến. Bà cụ ngã rụi xuống đấy, như cây gỗ lẩn ra.

Xe cấp cứu được gọi tới ngay. Mọi người vục bà cụ, với túi sống áo và cả cái gậy vào trong xe. Thằng Vồ vẫn ngồi ngơ ra chưa kịp hiểu. Lúc người ta khiêng bà và cả mọi thứ của bà bỏ vào xe cấp cứu rồi, thằng Vồ vụt đứng phắt dậy hét toáng: "Ngoại! Ngoại!" Rồi nhào bổ ra.

Nhưng mọi người đã nắm được Vồ lại.

Người ta đỡ Vồ nín. Rồi cũng hết như đối với Bi, Vồ được phát quần áo, đôi dép mới. Vồ được cái tàu hỏa dài, vận máy chạy được, thêm chiếc ô tô xanh biếc. Nhưng Vồ đã phăng phăng vất cả xuống sàn gạch và khóc âm lên. Khuôn mặt đen bóng như hun khói của nó, nước mắt đầm đìa loang loáng xuống cặp môi đầy trông dễ sợ. Người ta đỡ khéo rồi đưa Vồ vào phòng. Vồ kêu la náo động cả một tầng nhà.

Đến đêm, tiếng kêu khóc của nó càng to, cả trên tầng năm cũng nghe được. Nhưng tôi có cảm

tưởng như mọi người, cả những khách du lịch nước ngoài cũng như thông cảm, cũng như lì lợm, không thấy một cánh cửa mở, không đi gọi hỏi người gác tầng, không nghe ai cầu nhàu gì. Tuy đã khuya mà ban giám đốc còn phải chia nhau đi từng buồng xin lỗi vì tiếng náo động khác thường của vị khách đặc biệt của câu chuyện thời sự hôm nay. Mà cái thằng Vồ lai đen gào khóc mới khỏe làm sao! Từ chập tối, tới suốt sáng. Khi thành phố lên đèn, bên kia sông đã im tiếng búa máy đập, ánh lửa hàn xanh len lét đã tắt và cái cần cầu vàng rờn đưa đi đưa lại đã đứng im, vẫn nghe tiếng nó la gọi, kêu rống lên dưới tầng ba. Đến rạng sáng, xe lam chạy đầu ma-dút qua dưới đường, phành phạch ngoài cửa sổ nọ sang đầu kia, nghe lẫn những tiếng khắc khoải rền rĩ sớm mai: “Ngoại ơi! Ngoại cho con về! Ngoại ơi! Ngoại cho con về...”

Rồi mấy hôm Vồ cũng phải nín khóc. Bởi tới bữa ăn, chú nhà bàn vào tận buồng dắt Vồ ra. Vồ được ngồi cùng bàn với Bi. Cái bụng lúc nào cũng háu đói của trẻ con thấy thức ăn cũng dễ khiến nó nhặng dần cơn hờn. Trên bàn sớm, cạnh bát phở, mỗi đứa vẫn được để cái đoàn tàu đồ chơi sơn xanh. Vồ cũng trạc tuổi Bi, nhưng Vồ đen bồ hóng, to lớn, cao nữa, cao gần gấp đôi thằng Bi mũi lõ trắng xanh nhợt lẻo khéo, mặt buồn rười rượi.

Tôi hỏi:

- Sao bảo Mỹ không nhận trẻ lai đen?

- Vậy đó, chú ạ. Nhưng thằng Vồ da đen con ông quan da đen cao cấp nào đó. Chứ lai đen mà con lính thì chính phủ Mỹ không cho nhận.

- Ồ, cái thằng...

Tôi chưa buông hết câu than, anh nhà bàn đã lại:

- Dạ.

Tiếng “dạ” nhịp lễ phép, ý nhị và nhợt nhạt gần như quen miệng của anh nhà bàn tôi quen đã hàng chục năm nay, mà thực cũng không thể hiểu được cái ý nghĩa đích xác của tiếng “dạ” nhịp ấy. Ở đây, nhiều lúc, câu chuyện về những cái cũ ngày trước, nhiều khi chỉ một nét mặt, một câu nói vui của người đương chịu chuyện với mình, phân biệt được ra đâu là bao hàm kiểu đùa bỡn hay là cay độc, hoặc thích thú hay cảm thông, cũng thật khó.

Chẳng bao lâu, tôi cũng làm quen dễ dàng được với Vồ, cũng như với Bi. Không phải vì tôi giỏi khoa tâm lý thiếu nhi hay là khéo dỗ trẻ, mà chỉ bởi cả hai đứa, từ năm học văn lớp 3 đã làm quen với “chú đế mèn”, rồi lên lớp trên, lại “Mường Giơn giải phóng”, lại “Phiên chợ vùng cao”. Những đoạn văn phải học ấy đã khiến các cháu tưởng như đã quen biết tôi từ lâu.

Tôi hỏi chuyện biết được Vồ ở Phan Rang, nhưng nổi nhà cũng chẳng khác mấy với bạn Bi ở Sài Gòn. Mẹ Vồ đi lấy chồng từ lúc Vồ còn bé lắm. Má lấy chồng xa mãi đâu, Vồ không biết. Vồ không thấy mặt dượng bao giờ. Chỉ biết mỗi năm đến ngày giỗ ông ngoại, có má về một mình. Cũng một lần đi với người đàn ông lạ hoắc, không biết có phải là dượng. Vồ không dám hỏi. Năm nào má cũng đem con về, hầu như mỗi năm bế thêm về một đứa, bây giờ cả thấy bốn đứa. Có lúc Vồ ngồi trong buồng một mình với má, má vuốt tóc Vồ, má vuốt mặt Vồ, má khóc. Vồ cũng khóc. Nhưng không hiểu sao, ở ngoài sân ngoài cửa, má cấm không cho Vồ chơi với các con má.

Ngoại Vồ cũng có cái thùng kính đựng thuốc lá, như của ngoại Bi. Nhưng hai đứa so sánh tỉ mỉ thì thấy cũng không giống nhau. Cái thùng thuốc lá của ngoại Vồ đặt ngay trước cửa nhà. Và ngoại Vồ khác ngoại Bi, ngoại Vồ kém mắt, mấy năm nay thì bị lòa hẳn. Vồ đi học về, giúp ngoại làm hầu hết mọi việc. Vồ đi chợ. Vồ nấu cơm. Vồ trông cái thùng kính thuốc lá. Ngoại ngồi cả ngày cắt lá buông cho tổ hợp tác. Ngoại chỉ cầm dao, lần tay không cũng cắt được. Khách hỏi mua thuốc lá, Vồ ra bán chưa bao giờ nhầm tiền.

Vồ cũng còn một chuyện nữa khác Bi mà Vồ không ngờ khi vừa kể xong chuyện ấy, Bi đã òa khóc. Ấy là cái hôm Vồ sắp ra tàu với ngoại vào đây, một mình má về ở với Vồ mấy ngày liền. Đêm nào Vồ cũng được nằm với má. Má không ngủ. Má chỉ ôm Vồ, bế Vồ. Vồ ngỡ còn bé ngày xưa, nước mắt má ràn rụa xuống mặt Vồ. Bi không được như thế.

Từ hôm hai đứa bé đợi đi được cùng ngồi ăn một bàn và khách sạn cũng xin với cơ quan quốc tế cho hai đứa được ở cùng buồng, chẳng phải vì không có tiêu chuẩn ở buồng riêng hay thiếu buồng. Các công đoạn và tiền nong mọi thứ cơ quan người ta đã quy định. Không lúc nào chúng nó rời nhau. Những lúc hai đứa đứng trên cửa sổ nhìn ra ngoài sông, nét mặt Bi không chờn như mọi khi nữa. Bi chỉ trở cổ nghía cho Vồ biết những thứ dưới đường chỗ ngoại đã ngồi, cái gốc cây me Bi thường cắm hương và dưới sông bên kia Thủ Thiêm, những tàu thuyền, những “tắc ráng” chạy xé nước mà chắc ngoài Phan Rang không có. Bi nói nếu Bi trông thấy ngoại thì cả Bi với Vồ cùng chạy xuống, trốn đi với ngoại. Hai đứa cứ ngong ngóng.

Một hôm, quãng mười giờ sáng, có ô tô đậu ngoài cửa đưa Bi và Vồ ra sân bay. Thứ năm, máy bay đi Pháp rồi đi Mỹ ở Băng Cốc sang. Thế là chuyến đi xa của hai đứa trẻ bắt đầu. Nhưng mà không ai nói trước cho chúng biết điều gì. Người ta chỉ sửa soạn các thức cho chúng nó. Mỗi đứa đeo cái túi in chữ “Hàng không Pháp” xanh lơ, trong đựng bộ quần áo, một áo len cổ lọ xanh cánh trả, lại thêm ống thuốc và bàn chải răng - mà chúng nó chưa biết đánh răng bao giờ.

Hai đứa trẻ cũng chẳng hỏi đi đâu. Mấy lâu nay đã quen thế. Chỉ thấy được đưa ra khỏi khách sạn, vào ô tô, thì vừa lạ vừa như hay hay.

Ngồi trên xe, đột nhiên, Vồ hỏi chú lái:

- Chú cho cháu về Phan Rang ăn Tết với ngoại? Hôm nay, hôm nay ạ?

Chú lái xe quay đầu lại, nụ cười lạnh lẽo và không trả lời. Bi ngồi im. Bi lơ đãng nhìn nhà và xe vùn vụt qua hai bên đường. Đến lúc xe vượt cầu sang Phú Nhuận, tự dưng Bi nhắm mắt lại.

Xế trưa, xe trở lại khách sạn. Tôi trông thấy chỉ có mình thằng Vồ chạy lên buồng. Rồi lại nghe tiếng nó kêu khóc vẳng lên: Ngoại! Ngoại ơi!

Hỏi ra mới biết hôm ấy không có máy bay Băng Cốc tới. Chuyến đi phải hoãn tuần sau. Ô tô chở hai đứa trẻ về đến chỗ có đường rẽ vào chợ Phú Nhuận, chẳng biết thằng Bi trông thấy ngoại hay chỉ là một người giống ngoại nó, nó la to: “Ngoại! Ngoại!” Rồi xô cửa xe toang ra, nhảy đại xuống đường. Bi bị gãy cánh tay, phải đưa vào bệnh viện rồi.

Mấy hôm sau, tôi cũng rời khách sạn. Không biết rồi đến hôm nào hai đứa mới đi được.

Một đêm gác rừng

Tiếng keng đổ hồi. Từng tiếng sắc lạnh lạnh, nức nở lên. Bấy giờ buổi chiều đã sạm lại. Mây trắng đổi màu vàng sọc. Và, những cây ở bốn phía rừng xám ngoét một dải bát ngát. Ấy là bởi vì hơi đêm đã đầy dần, len lỏi từ những khe rừng tối tăm mà bò ra, khiến ánh sáng không còn thể lực gì nữa. Theo chiều, vùng mặt trời thắm một màu máu tím lịm ngả chéch xuống ngọn những lùm cây mệnh mông đăng xa.

Trong các lối đi giữa những hàng cây đều chăm chăm và xa hút lờm, bọn “dân” tan giờ điểm, đương đi tãi ra, lũ lượt về các xóm ở dựa mé bờ sông. Những bóng đen bước lùi lùi. Không phải trời tối, bởi trời chưa tối hẳn, mà chính mặt mũi họ đen thục. Nước da thâm xít, đen và xám búng, tưởng như sờ đến thì có sạn cát dính vào bàn tay. Tóc ngắn, rụng thưa. Những cẳng tay cẳng chân gầy tóp. Trái lại, bụng ai cũng to phình. Những cái bụng vượt ngực, phình như những chiếc bụng giun của trẻ con. Phần nhiều, người ta đi run đây đấy. Ai đi cũng khoanh hai tay, cái cổ rút, đầu gối lại giong cao, gieo những bước chân lú rú. Họ rét. Phải, nhưng đấy là người ta rét bệnh. Cứ mỗi ngày, khi chiều tối sẫm lại, thì cơn rét cũng về trong thân thể mọi người. Bệnh sốt rét, và cả đến bệnh thành thói quen, chẳng làm cho ai sợ. Bởi thế, lẫn với những tiếng xuýt xoa, những lời rên rĩ lẩm rầm, lập cập rằng va vào nhau còn tiếng vọng cổ Nam Kỳ ề ề *Văng vẳng tiếng chuông chùa... Văng xa đưa...* Những câu hành vân Bắc kỳ réo rắt: *Dặm băng ngàn, dặm băng ngàn, nhớ bạn phòng loan.* Cả tiếng huýt gió inh ỏi nữa. Thành thử, cái cảnh vừa đi vừa sốt rét trở nên đầm ấm một cách thiếu não lạ lùng.

Chẳng mấy chốc, các đoàn người tản hết, sau màu xám cây. Những tiếng lao xao nọ cũng tắt. Rừng chiều, vào lúc quá hoàng hôn, im đứng. Riêng có một tiếng ve anh ánh vang lên nhức nhối giữa hàng cây cao su.

Trong khi mọi người về nghỉ, ở những mái bếp đã bốc khói, thì Muh sửa soạn đi làm, anh Muh - ở đây người ta kêu Muh - là người Cao Miên, làm gác đêm trong sở. Anh đổ dầu vào đèn, đóng lại bắc. Cởi cái sà loong kẻ ô sặc sỡ quấn tùm lum quanh mình, lụng nhụng như cái váy đầm, anh mặc một cái quần dài vải xám và một áo sơ mi cũng một màu ấy. Lại khoác thêm ở ngoài một cái bành tô dạ có hai chiếc tai vênh và một lượt khuy đồng suốt từ bụng lên ngực. Đầu đội cái mũ vải, vành to và rộng như kiểu mũ của những tay thám tử Ăng-lê. Chân anh xỏ một đôi guốc, thực lớn và thực cao. Đủ rồi. Tay anh mang cái đèn. Tay anh xách một cái gậy hạng đại, to bằng chét tay.

Anh đèn chao đi chao lại. Ngoài rừng đã tối lịm. Những con tắc kè cất tiếng kêu *cắc kè cắc kè* đối đáp nhau. Muh thông đèn xuống thực thấp để soi lối. Bước guốc lê lạch cách trên nền đất khô lũng củng, cồng kênh những rễ cây. Con đường vắn vèo giữa các bụi cỏ. Bỗng một quãng trống giải ra: Mình đã đi đến nơi. Đó là một cái lều tí hon, ghép bằng cây, vừa một người đứng, chỉ vừa một người đứng thôi. Căn lều trông thẳng vào một dãy nhà liên tiếp và chặn ngang con đường xuyên rừng. Muh sẽ đứng trong lều đó suốt đêm. Thỉnh thoảng, anh lại bước ra đi dạo một lượt quanh khu vườn vòng ôm khu sở và khu nhà “dân” cạo mủ. Bóng tối dày đặc và mịt mù. Tất cả bốn phía, đêm giăng lưới đen kịt. Vòm trời đổ muôn ngàn vì sao lóng lánh như thấp xuống đỉnh đầu người ta. Đêm ở nơi cao, hình như đất rướn lên gần với trời. Nhưng ánh

sao cũng không đủ soi sáng mặt đất. Bóng rừng thẳm vào vòm trời kết những vết loang lổ trập trùng. Không trông thấy gì hết, dù đứng cách xa nhau vài bước. Cũng như là chẳng nhìn được Muh đứng xó nào. Quần áo và mũ lẫn vào bóng tối. Cả hai mặt và hai bàn tay của hắn cũng hòa hợp nốt với bóng tối. Bối da hắn đen không khác bóng tối mấy. Chỉ còn một chấm đèn leo lét.

*

* *

Lệ chung cho trong trại các nhà dân phu là quá chín giờ, khi nghe gõ hai tiếng kiếng, không được nhà nào còn đèn lửa và cấm không ai được lượn phurôn ngoài đường. Bởi vậy công việc gác của Muh suốt đêm cũng được nhẹ. Khi kiếng đã đổ rồi, hắn chỉ việc đứng trong lều trông ra con đường bò ngang trước mặt, con đường nối xóm nọ với xóm kia, qua sở Tây. Ai đi đâu là túm lấy hỏi và giữ lại.

Muh đi dạo một vòng rồi về lều mà đứng. Hai chân bắt chéo lên nhau, hai tay chống xuống đầu gậy, lưng tựa vách lều, gã đứng chăm chăm như một cái thân cây. Và cứ yên lặng như thế, hàng giờ, hàng mấy giờ đã qua... Cả một nghệ thuật của nghề canh gác giỏi ở chỗ này: Ấy là hắn đứng mà hắn ngủ. Hai mi mắt từ từ khép hờ lại. Nhưng cái cổ không ngoẹo, và cái đầu cũng không lúc lắc. Hắn ngủ nhẹ nhàng như những con gà ngủ.

Đôi mắt hắn lim dim. Rồi đôi mắt nhắm lại. Tất nhiên là trời vẫn tối thui. Những tiếng rừng xao động bốn bên, xa đi mờ mờ. Tiếng đế nỉ non nghe quen thuộc như là không có. Không chó cắn, không gà gáy. Rừng cao su thăm thẳm, chìm xuống. Thoáng một lúc đôi hồi, có tiếng con chim gõ mõ rộn lên. Muh càng dễ ngủ. Muh đứng một cơn vật vờ như một người nốc rượu mới chớm say. Ấy vậy mà gió thoảng đưa lại đâu có một tiếng động nhỏ hơi khác, hai mắt hắn đã giương bành thao láo.

Đêm dần xế khuya. Lúc này còn có tiếng trẻ con ỉ eo khóc trong xóm và vắng tiếng người ho sù sụ. Bây giờ sự hoang vắng trở nên mênh mông lạ lùng trong bóng tối cam nín. Cảnh vật chết đứng, im ắng, trừ mấy vì sao to lấp láy. Gió hây hẩy, lạnh thít. Muh nhập định, đứng chống gậy, ngủ yên.

Không biết mấy giờ đã qua. Vì lúc Muh mở mắt thì đêm tối vẫn còn dày đặc như thường. Nhưng Muh mở mắt ra, là vì có một tiếng động lạ. Không dung, chẳng bao giờ hắn lại thức giấc một cách vô lý. Hắn nghiêng đầu. Tiếng gió lửa hun hút. Thoảng vào hơi gió vẫn như đâu đó lẫn lộn những tiếng rì rầm nho nhỏ. Hắn đứng ngay người, quắc mắt bốn phía. Dù đôi mắt của hắn thực tỉnh, cũng không có thể lực gì trong lúc này. Đêm ngọt lại. Hắn đợi cho đến lúc gió ngơn ngớt. Khi một cơn gió qua, dứt được những tiếng rào rào của lá, thì tiếng rì rầm bí mật kia lại dội thêm lên. Nghe rõ hẳn hoi. Muh thấy lạnh lạnh người. Tưởng như ai đương rình ở đâu, định cộp trộm một gậy vào đầu hắn, hắn vác gậy, bắt đầu đi vòng quanh khu gác, rất từ từ.

Được vài bước, hắn chợt trông thấy một ánh lửa ở phía sông. Ánh lửa nhỏ, chập chờn như ánh một con sâu đất. Nhưng dù nhỏ, hắn cũng nhận được rất dễ. Vì ánh lửa bao giờ cũng hoe hoe đỏ, khác những thứ ánh sáng lân tinh kia nhiều. Những tiếng rì rầm nọ, quả là vắng trong gió, từ phía sông mé có ánh lửa ấy, đưa lại. Muh đi lần lần đến. Cho tới khi gió sông bốc lên mạnh quá. Cái mũ trên đầu Muh, mấy lần chực rơi, bấy giờ Muh mới nhớ rằng mình đã đi ra ngoài địa phận gác. Muh chẳng thể lùi lại được, vì sự muốn biết tò mò của hắn. Vả lại, bên sông

đây cũng là chỗ giáp giới nơi canh phòng của hắn.

Hắn đến. Trời tối quá. Cho tới lúc tới ven sông, Muh mới lơ mơ nhận thấy lửa từ trong một chiếc thuyền ánh lên.

Bấy giờ thì Muh đã đến giáp mạn thuyền, chỗ mô đất đang sáng. Hắn ngồi xuống, ghé đầu, để nhìn cho được rõ. Đó là một chiếc thuyền nhỏ một khoang. Trong khoang, có ba người ngồi xung quanh ánh đèn. Cái đèn cây rất nhỏ, thấp bằng mõ cá, chỉ đủ soi ra một vùng ánh sáng bằng cái thúng úp trước mặt ba người. Những tiếng rì rầm ban nãy mà mình nghe tiếng, là những tiếng cười hoặc tiếng lau bầu chửi rủa của người ta.

Vì bọn họ đang đánh bạc. Chúng chơi rất giản dị. Có một tờ giấy bạc năm xu của sở Tây phát thay tiền ngoài chợ, một anh làm cái, thu tờ giấy vào trong bọc, rồi chốc chốc lại chìa ra, để chặn dưới một cái bát. Cho hai anh kia đoán sắp hoặc ngửa mà đánh. Hai anh kia, mỗi anh có được độ một hào giấy và vài xu. Ấy vậy mà họ cũng ăn thua nhau tận tình. Cuộc sát phạt, mặc dầu nhỏ bé, nhưng rất gay go. Cái đèn để ở phía trong, đôi lúc ánh sáng lại bị che lấp đi, bởi chúng giằng co nhau. Nhưng có điều chúng nói rất nhỏ. Ở đây, trên rừng dưới sông, nói to, tiếng vang lên xa lắm.

Một chốc, Muh chợt thấy một thằng ngồi bên trái, giơ thẳng tay túm ngực áo thằng ngồi bên phải. Thằng này ngả nghiêng người xuống, cựa quậy. Người thứ ba ngồi yên, khoanh tay nhìn hai đứa. Túm ngực áo, rồi một tay kia, nó thò ra bóp cổ. Lúc bấy giờ, Muh được chứng kiến một cảnh khủng khiếp. Một bàn tay rắn chắc, nổi gân cuồn cuộn, vòng chặt lấy một chét cổ. Ở cái cổ, gân cũng dồn lên. Hai cái mắt nổi lục lạc. Hai mắt của gã bóp cổ cũng lồi ra. Ánh đèn quắc, có lẽ ghê rợn như một cảnh hành hình ở địa ngục. Đến lúc thực bị đè xuống, và lưới đã thè ra vì tắc cổ, hắn nọ mới giơ một tay lên. Trong bàn tay ấy có một hào bạc giấy. Người này giựt vội lấy, và nói lỏng bàn tay bóp cổ ra. Gã nọ lồm cồm bò dậy. Bất thành linh, gã đâm cho kẻ địch một quả vào mặt. Nhưng hắn này tránh được. Trong khi ấy, hắn đập cho gã một đập, bắn tót ngay xuống sông. Một tiếng ùm vang lên. Sóng đánh óp ép vào mạn thuyền, rồi im hẳn. Nhưng nghe có tiếng quào quào vào gỗ, như một người đang nín thở trèo lên.

Hai người còn lại trên thuyền, mỗi người cầm một lá sào dài. Chúng thực bạt mạng xuống chỗ có tiếng động. Chỉ một lát, còn có tiếng lồm bồm, rồi im hẳn. Bấy giờ cái đèn trong khoang cũng bị gió thổi tắt. Nhưng Muh vẫn nép xuống mà trông thấy hai gã kia đứng cầm sào, rình nghe khẽ tiếng động là thọc gậy liền. Cái cảnh khủng khiếp ấy diễn ra trong sự im lặng hoàn toàn trên bến. Muh tưởng như trong giấc ngủ mê. Cho tới khi, hai người kia rời thuyền, lên bộ đi gần đến chỗ Muh núp, hắn mới nhớ. Hắn nép xuống. Và hắn đoán hai tên này là người trong sở, ở đâu trong xóm. Quả nhiên, chúng lần theo vệ sông mà đi lên. Bấy giờ Muh mới biết từ bên trong cái xóm “dân”, vẫn có lối ra sông, không cần phải qua nơi Muh canh.

Muh tức sôi lên. Và chính hắn lại sợ nữa. Hắn sợ ngày mai, dưới bến sẽ nổi lênh bênh lên một cái xác. Hắn định đuổi, túm hai tên kia lại. Ít nhất cũng phang cho một tên què liệt, để bắt cho kỳ được. Nhưng khi Muh chạy theo, thì cả hai người đã biến đâu mất. Bóng tối mịt mù, phả ra mênh mang.

Sáng hôm sau, Muh xuống bến rất sớm. Định ý tìm chiếc thuyền nọ. Nhưng bến đã san sát những ghe tới và những con đò lạ, đi ngang đi dọc tíu tít. Mặt trời lóe lên, bến sông rộn ràng và

trắng xóa. Trong các xóm, theo tiếng kiềng đổ, từng đoàn phu nhiều như kiến, bò vào rừng làm. Toàn những người mặt phị, da vàng bụng ỏng. Muh chẳng thể tìm được hai cái kẻ sức lực đêm qua. Mà cũng không hiểu cái người xấu số bị xuống sông, có chết chẳng.

Nhiều năm về sau. Muh vẫn cho cái cảnh mình thấy trong đêm vừa qua là cái cảnh của một bầy ma rừng, mỗi khi kể chuyện lại. Ma rừng hiện lên đánh bạc. Nhưng hấn vẫn hơi ngờ rằng chẳng lẽ ma lại tranh nhau, đánh nhau vì một đồng hào giấy?

Dầu Tiếng 1942

Hết một buổi chiều

Một tiếng động mạnh. Hình như có tiếng đàn bà nói léo xéo gì ngoài cửa sổ. Tiếng gay, rút lên, khiến gã bừng thức. Hai mắt gã mở bạnh, thao láo. Tiếng động kia chỉ làm cho gã thoát hẳn giấc ngủ chập chờn. Thực ra, gã không ngủ nữa, đã từ lâu. Con ngủ trưa hơi nặng. Gã thấy hai lồng ngực tức tức, ê ẩm. Những đầu xương ống chân, ống tay mỗi dần, như nghe được có tiếng một đục cọt kẹt. Gã nghiêng má, nhìn ra cửa sổ.

Cánh cửa hơi hé hé, xổ ra một vệt trắng. Ánh nắng, theo cái vạch trắng của một nền trời không có mây, chảy xuôi xuống, đọng ở trên nếp cửa. Cái thành cửa màu đỏ kèn ketch nhuộm vào nắng, đỏ lồng lên. Gã nằm đấy, đoán mà cũng biết được rằng lát nữa, theo với chiều mặt trời nghiêng xuống, nắng sẽ xế dài vào phía trong. Nắng chảy lên trên mặt cái bàn viết của gã. Những chấm bụi li ti nhảy múa ở trong vạch nắng. Rồi thì những quyển sách, lọ mực, những cái cán viết đều sáng rực cả lên. Gã thấy chợn người... Những ý nghĩ vu vơ lần thần ấy vừa chạm vào những dụng cụ của công việc hàng ngày. Cái cán viết, cái lọ mực. Những thứ lồi thoi có sức dựng được gã dậy, và đem được gã ra khỏi cái ghế bố quyến rũ. Bởi vì gã cần phải viết cho xong một cái truyện ngắn mà gã vừa dựng được cốt. Ngay chiều nay, để sớm mai gửi đi. Sớm mai gửi đi, nhanh lắm cũng phải mất ba hôm nữa, ở ngoài Hà Nội người ta mới nhận được bài. Tòa soạn sẽ lại kêu lên rằng dạo này gã lười quá. Thật gã không dám lười, bởi gã cần tiền hàng ngày. Gã sẽ viết bây giờ, ngay bây giờ mà. Gã vươn vai, cử động chân tay mấy cái thực mạnh cho những gì còn lại uể oải, oằn oại trong mình phải thoát ra hết. Gã nhìn đồng hồ. Đồng hồ ngừng chạy. Hai cái kim dúc vào nhau, chết đứng ở con số mười hai từ lúc nào trên tường.

*

* *

Gã đã sửa soạn đủ cả. Bây giờ thì trịnh trọng ngồi vào bàn viết. Bàn tay xếp đặt qua loa cho mấy chồng sách trước mặt được gọn mắt. Rồi cầm bút, chấm vào lọ mực, cúi đầu xuống.

Bỗng gã thấy như cái cổ của gã mỏi quá. Dường nó muốn trĩu nặng và muốn dìm cái đầu bù xuống mặt bàn. Hai bên ngực thì đau ran ran. Một bên khuỷu tay tì xuống, khiến cái xương vai gồ lên, có thể sái vẹo xương sườn đi được.

Gã tặc lưỡi, nghĩ: “A, xảy ra sự rắc rối này là do nơi cái bàn”. Và gã nhận thấy bị ngoẹo đầu, trĩu cổ, đau xương ngực, xương vai đã từ mấy bữa, chứ không phải vừa mới hôm nay. Thấy đau đã thành lệ. Bây giờ phải vừa ngồi vào bàn, nó đã đau rầm lên rồi. Gã buông bút, đứng lên. Hai tay khoanh trước ngực, ngẩng cái bàn, cái bàn thấp lè tè, mà cái ghế thì cao lênh khênh. Cặp vợ chồng chẳng đẹp đôi chút nào. Nếu ngồi hàng giờ ở một cái ghế như thế và tì tay lên một cái bàn như thế, người ta có thể lệch vai dễ như bỡn. Ấy là chưa kể đến cái bệnh đau ngực và bệnh ho lao. Gã dốt nát quá, mà nhẩn nại ngồi ở bộ bàn ghế lệch lạc đó được tới năm sáu bữa nay rồi.

Muốn tỏ ra rằng mình không đến nỗi dần dần động như thế, gã kì cục đi kê lại cái bàn. Chiếc ghế đã sẵn cao bây giờ chỉ việc tìm cách làm cho cái bàn cũng được cao nốt lên. Ấy thế thì thấy đôi lứa xứng đôi. Khổ công lắm mới kiếm được ba viên gạch bằng nhau. Còn một viên, chẳng thể bói đầu ra được. Sau rốt, gã phải chịu khó, lấy con dao, đẽo một viên gạch thực to cho nó bé vừa

bằng ba viên kia. Kì cách sửa xong được viên gạch, mồ hôi đã râm rấp trong lưng áo. Gã nheo mắt, bê từng cái chân bàn lên một, để đặt gạch.

Cái bàn đã được cao lên một chút. Trông thực cũng khang trang hơn. Và trông nó thực như một anh có bốn chân cùng đi bốn cái cà kheo. Gã cho thế là được. Công việc khó nhọc đến mức mồ hôi trán, mồ hôi lưng, sao lại không là được, cho nó hả tấm lòng. Rồi gã đi rửa tay, rửa mặt. Gã cởi cả áo ra, té nước và lau khắp mình mẩy. Gã xắn cao quần lên, gội nước từ bẹn trở xuống. Chỉ suýt nữa thì gã biến cuộc rửa mặt ra một cuộc tắm. Vì mát quá. Vì ngon tay quá.

Chính tề đầu đấy, gã trở vào, ngồi bàn viết. Chưa cầm bút vội, hãy thử rung cái bàn xem nó có được chắc chắn không. Thì hỡi ôi, cái bàn ngoẹo ngay đi, và nó gieo cả bốn chân xuống, giấy nảy lên như một người đàn bà dỗi chồng, làm nũng chồng. Gã xịu mặt lại. Thôi thế là hỏng. Gã không thềm kê lại nữa. Bởi giá có kê lại rồi nó cũng ngắt ngưỡng mà lăn đùng ra như thường. Vứt cả bốn hòn gạch ra sau nhà, lại đứng khoanh tay, buồn rầu mà ngắm cái bàn chẳng được như ý. À, nếu thế gã cần chặt bốn cái chân ghế cho chúng thấp bớt xuống, vừa ngữ ngồi của cái bàn. Nhưng gã chỉ à uôm và nghĩ một câu dễ nghe như vậy, chứ không dám làm. Đâu có phải ghế của gã đâu. Nghĩ rằng đến ở nhờ nhà người ta, coi nó bất tiện lắm.

Ở ngoài đường lớn, tiếng xe điện Sài Gòn chạy kêu tun tun, rầm rầm. Gã nhìn ra. Chao! Kìa nắng, nắng đã khuất mất rồi. Ánh vàng chỉ còn bàng lảng phơ phất trên mấy ngọn cây dâu da tây. Gã nhìn lộ mục, hơi hốt hoảng. Nhưng dần dần gã cũng định trí. Vì ở cái ngõ hẻm Ga-li-ê-ni này, phía tây có nhiều lầu cao, bao giờ mặt trời cũng bị lặn sớm.

Gã lại ngồi vào bàn. Vẫn cứ cái bàn thấp và cái ghế cao, như cũ. Gã nghĩ rằng có lẽ chịu khó ngồi khổ sở thế một chút, cũng không sao, cũng không hề gì. Người ta chẳng đã dễ dàng mỗi một chốc mà ốm, mà đau ngay được! Cỗ một tí, chỉ vì cái bàn của người ta. Cái quản bút lại được rơi vào lộ mục. Gã nhìn xuống tờ giấy trắng.

*

* *

Trên tờ giấy trắng, đã có khơi mào mấy hàng chữ. Những dòng chữ gã đã ghi lên đó để đánh dấu câu chuyện và để tránh, để vượt cái khó, khi bắt đầu đặt bút. Chữ đầu tiên viết chớm lên ở một trang giấy, bao giờ cũng nặng nhọc vô cùng.

Đó là một truyện ngắn, mang cái tên rất đẹp là *Ấp Hồ*. Hai chữ *Ấp Hồ*, gã dùng kẻ thành những dòng chữ kiểu in rất xinh xắn. Truyện bắt đầu rằng:

Từ làng Nghĩa Đô đi lên một thôi đường, ngược theo bờ sông Lịch, thì đến ấp Hồ. Cô Nguyệt là con gái ấp Hồ. Năm nay Nguyệt chừng...

Chừng bao nhiêu tuổi chi đó. Nhưng hôm qua gã chưa viết nốt. Gã để dành một nửa dòng để hôm nay có sẵn chữ mà viết tiếp theo cho được dễ. Nào gã viết tiếp theo.

Nhưng trước khi viết, gã hãy nghĩ phớt lại như ôn trong tưởng tượng, câu chuyện mình sắp đem viết lên giấy cho thiên hạ bốn phương xem.

Gã ngả người ra thành ghế, lơ đãng nhìn qua cửa sổ nhìn ra trời Sài Gòn. Nói là nhìn, nhưng gã có nhìn gì đâu. Gã đương đắm ở trong khoảng không cái truyện ngắn của gã.

Đây là một câu chuyện diễm tình thơ và suông hết sức. Đã lâu lắm, gã chưa viết một truyện kiểu như vậy. Bởi mỗi khi cầm bút lên mà kể chuyện một dòng nước, một cánh hoa, một làn mây trắng, thì gã thấy như mình đang làm một việc trào phúng quá. Gã ngượng với bút. Gã ngượng với chính cái mặt gã soi thấy ở trong gương. Mạch sống của cuộc đời tạp nham này còn có gì đáng lồng vào một dòng nước, một nhánh hoa, một làn mây trắng! Trước bàn làm việc của gã, có treo một bản đồ năm châu. Bên cạnh gã, cả xóm lao động rách rưới vang rầm lên những tiếng rên la, gầm rít. Những cái gì là trắng, là sao, là thu vàng mờ mịt ở trong đầu gã. Đầu gã chỉ cô đặc lại bởi những ý rất buồn thảm. Vậy mà câu chuyện diễm tình kia cứ len lỏi, khi ẩn khi hiện. Gã không xua đi. Gã cười. Bởi gã vẫn cho rằng có lẽ có lúc mình nghĩ đến nó, cũng như là mình được uống một cốc nước chanh quả giải khát vậy. Chuyện chàng và chuyện nàng. Nàng tên là Nguyệt đẹp như mặt trăng. Cô Nguyệt ở ấp Hồ, nghe phôi phới như gió lên. Hai người thương gặp nhau trong những con đường viền cỏ xanh. Ngày tháng bấy giờ là ngày tháng của một mùa thu rất dịu. Người ta giao ước rằng thế nào cũng sẽ lấy nhau. Thế rồi, đột nhiên, chàng ra đi. Nàng ở lại nhà một mình một bóng. Mỗi chiều chiều đứng trông về một phương trời, lòng rầu rầu, đôi mắt rung rung. Ôi, buồn ơi, buồn quá!

Gã ngồi trong cửa sổ, cũng buồn theo câu chuyện vợ vẫn nghĩ trong đầu. Ở đời, còn có một cuộc biệt li nào là biệt li không buồn. Hôm nay chiều cũng buồn như một chiều biệt li, đáng lẽ người ta phải nắm tay nhau mà khóc mới phải. Ấy thế là gã lại ngồi nhìn cái này, nhìn cái nọ, để tự hỏi xem tại làm sao ở đây lại có một buổi chiều ảm đạm như thế này.

Ở Sài Gòn, đây là một buổi chiều hiếm có. Trời thấp, mờ một thứ mây nhạt như khói. Không gió nhưng trời đất mát như là không bao giờ biết có mặt trời. Những tiếng ồn ào của một cái thành phố đương lên cơn sốt vang vào đến trong ngõ hẻm, không còn đủ sức làm cho người ta mất bình tĩnh. Buổi chiều như đứng lại, gã vắng nghe đâu như có tiếng đàn bà nói lao xao bên giếng. Lũ trẻ con đi học về trên đường đê cao, chuyện léo xéo. Tiếng cánh chim đập trên đồng ruộng lúa. Những người đi chợ xa về muộn đi trong cánh đồng. Đây là ấp Hồ. Đây con đường quanh co lát từng viên gạch nhỏ, lối đi vào xóm nhà cô Nguyệt bên hồ Tây.

Gã ngủ mê rồi. Gã buồn quá, buồn như là có thể buồn ngủ ngay được. Thế là gã gục đầu xuống bàn, hai tay úp lên mắt, thiu thiu ngủ gà.

*

* *

Khi gã tỉnh dậy thì hình như những ngọn đèn ngoài đường phố cũng đã thức giấc, và chúng đã mở cả mắt ra rồi. Cái ngõ tối sầm lại. Ánh điện chỉ hắt lên một chút trong lối đi.

Tức mình quá, gã thở dài. Gã mặc quần áo, gã đi giày, gã khép cửa sổ, khóa cửa, rồi đi ra đường. Gã lừng khừng đi. Trong thành phố, ít khi người ta nhìn thấy trời. Có lẽ vì người ta còn bận quá với những tíu tít dưới đất. Lúc này gã có ý nhìn lên trời. Trời bây giờ có từng ô mây trắng phơn phớt hồng. Gã mỉm cười, để tự an ủi:

- Mai mình viết. Mai.

Chuyện cũ

I.

Năm trước, tôi được một cơ quan giúp cho một chuyến đi suốt Trường Sơn, từ các đầu mỏm núi đá Trường Yên ngoài Nho Quan vào đến chấm cây số sau cùng huyện Châu Thành, trên một nghìn rưỡi cây số.

Ngày lại ngày, tình cảm và tâm sự người đi cứ cuốn hút vào những dọc đường. Vài hôm, qua một nơi khác nhau. Buổi trưa nắng trên dốc “Lò Xo” xuống Đắc Lây, được lợi suốt tắm một cái, tỉnh người. Ngỡ như những khó nhọc mà sôi nổi quanh mình và cả mình cũng đương còn những năm ở Việt Bắc, Tây Bắc ngày trước.

Bên kia Sa Thầy, mệnh mông đỏ lừ. Thật, hay là ảo ảnh trong gió cuốn mù mịt? Đằng xa mây dùn từng đám đỏ xuộm lúi lúi tới trước mặt rồi gió cuốn xoáy tròn lên, tiếng rào rào ngang trời, những mảnh sỏi, mảnh đạn, vỏ bom, vỏ đồ hộp rơi rang rang như xé vào những tấm tôn, những cái đầu lâu máy bay lên thẳng mấy năm nay vẫn chổng gọng giữa cỏ tranh.

Xe khách, xe chở gỗ, những đám bụi đường cuộn đỏ ngòm theo những đám mây bụi rỉ ra từ khe nứt các đồi tranh, những rừng le giữa nắng trên công trường, trên luống cày vỡ hoang, trên những con đường mới mở, bụi đỏ, nắng đỏ, gió đỏ cuốn quanh các thứ xe cộ rầm rập. Làn gió như sóng phù sa đỏ rực, bao nhiêu phì nhiêu, của cái Tây Nguyên bấy lâu tiềm tàng, giờ mới bày ra giữa quang cảnh hoang dã.

Trụ sở ủy ban xã Đắc La, xã Đắc Côi... Nhà gỗ, nhà xây, mái ván, mái ngói...; trường học, hội trường... Nhìn cây mít trước nhà cao đến đâu, đoán được nhà ấy mới ở xuôi lên hay mấy năm chạy bom Mỹ vừa về. Người đến đất mới trồng sẵn. Nhà trở về làng cũ đã có lúa phơi ven đường.

Trường Đắc La thấp thoáng trong bóng lá mít. Bốn phía tường bụi lùm, những gốc mít cũng xù xì đỏ hắt. Trận lốc bụi đập vào chân tường, gốc cây, tấp cả lên bàn ghế, chân tay và váy áo đám học sinh đương chơi đùa inh ỏi ngoài sân.

Thầy giáo cô giáo các trường ở Gia Lai - Kon Tum, ở Đắc Lắc hầu hết là người Thanh Hóa. Các cô giáo giọng Quảng Xương, Hậu Lộc, Nông Cống... nghe đầm đậm những tiếng cuối. Các cô tất tả đi quanh cái sân đất lùm bụi, người khiêng bàn, người xách ghế, người bưng khay chén lên phòng khách. Rồi tíu tít xúm cả lại. Tưởng như tôi vừa đem được hơi hướng Thanh Hóa vào đây, à mà dầu sao, tôi cũng là người vừa đi qua Thanh Hóa.

Một cô người nhỏ nhắn, trắng trẻo, mặt trái xoan. Thoạt trông tôi giật mình, ngỡ đã gặp cô ở đâu. Nhưng rồi lại bùi ngùi nghĩ rằng chẳng thể có như thế. Cái năm tôi về công tác ở Thanh Hóa, chắc bấy giờ chưa ra đời cô giáo mười tám đôi mươi này. Không, tôi cũng chẳng quen biết với ai ở Thanh Hóa, những bà mẹ, bà cô, bà dì cô giáo mà khuôn mặt và dáng dấp như in người đã gặp đến thế.

Ngày trước, tôi có biết một người. Nhưng không phải người ấy ở Thanh Hóa.

Cô giáo “người Thanh Hóa” đưa chiếc ghế đầu đến đặt trước mặt tôi. Rồi cô chấp tay, lễ phép:

- Xin lỗi ông, nhà trường chúng con hôm qua họp, bàn ghế đem xuống cả hội trường.

Cô giáo không nói tiếng Thanh Hóa! Giọng Sài Gòn, cái tiếng phương Nam ngọt ngào, yếu điệu, nghe bên tai đấy mà sao vẫn rất nhớ rất thương xa xôi đến lạ lùng.

Tôi hỏi:

- Cô giáo quê ở đâu?

Cô ngược mắt. Tưởng như khuôn mặt trái xoan trẻ măng, đôi mắt lá răm lơ đãng và nụ cười thoảng ấy vừa từ cái phố rừng Dầu Tiếng xa xăm kia trở về đây. Kỷ niệm không bao giờ có khoảng cách trong ý nghĩ con người.

Tiếng cô giáo nhẹ nhẹ:

- Thưa ông, má con ở Đắc Min.

- Quê cô giáo ở Đắc Min?

- Thưa không, gia đình con đi kinh tế mới.

- À...

Cô giáo khoanh tay, như một học trò ngoan trước thầy. Đột nhiên, cô hỏi tôi:

- Thưa ông, con nghe chị hiệu trưởng nói ông là nhà văn... Ông có phải là tác giả tiểu thuyết *Xóm Giếng ngày xưa*? Vâng, con vẫn nhớ...

Họa hoằn khi nào có người hỏi đến quyển sách mà tôi viết từ hơn bốn mươi năm trước, thường gây trong tôi một cảm giác buồn buồn. Không phải buồn vì câu chuyện tình vợ vẫn trong những cái viết non dại đầu tay. Có phải cái gì nhớ lại cũng phảng phất buồn, dẫu cho đấy là những kỷ niệm vui, bởi vì thời gian không bao giờ dừng lại. Tôi chợt liên tưởng đến bây giờ, hàng ngày tôi đi ra phố chẳng gặp mấy ai quen, ít phải chào hỏi hoặc đứng lại trò chuyện. Phố xá đông người hơn trước biết bao nhiêu nhưng mình thì đã sang một lớp tuổi vắng dần và những người lứa tuổi chúng tôi không còn thói quen chơi lang thang ra phố nữa rồi.

Nghĩ thế, tôi không muốn trả lời cô giáo. Trong khi cô đắm đắm mắt chờ đợi. Thấy tôi lặng im, cô bỗng rụt rè, ngượng ngịu.

Tôi nói:

- Cháu ngồi xuống đây.

Cô giáo ngồi xuống, và kể, như phân trần:

- Thưa ông, con dạy toán. Con dốt văn lắm. Bởi ở nhà con có cuốn truyện của ông. Cứ ngày nào cũng trông thấy mà nhớ tên. Con nhìn quyển *Xóm Giếng ngày xưa* từ khi con còn nhỏ xíu. Nhưng mà, con xin lỗi ông...

- Có gì đâu mà cháu phải...

Cô giáo cười, e ấp:

- Nhưng mà má con bảo tác giả *Xóm Giếng ngày xưa* chết đã lâu rồi.

Tôi mỉm cười:

- Những chuyện ấy không phải lỗi của ai đâu, cháu ạ.

Như là tôi nói với mình. Như là tôi nói với Phượng. Câu chuyện cơ hồ dừng đọng, bình thường với mọi người. Với cô giáo hai mươi tuổi ngồi đây, mà sóng gió với mình, như mọi câu chuyện tình ở đời. Và chuyện xưa đã nhạt trắng, như hoa sim cuối mùa. Lâu lắm rồi.

Mấy hôm sau, chúng tôi về tới Đắc Min, lúc ấy đã xế trưa. Thực tình câu chuyện với cô giáo ở Đắc La bữa trước cứ lúc nhớ lúc lại nhãng đi, vùi vào những ngày đường bụi đỏ cuốn lên. Đoàn ô tô lâm nghiệp lấy gỗ nối nhau chui trong rừng ra. Những chiếc xe ngựa nơi nào tới, móng ngựa nghe cóc cách một lúc lâu rồi mới nhìn thấy cái mũi đen bóng nhẩy nhô lên trên vòng bánh xe quay dưới đám bụi tủa vào những tấm mái buồng đỏ sẫm.

Vật đời tranh không biết trơ trọi hoang vắng đến tận đâu, nhưng ngoài đường cái thì tấp nập hẳn lên. Phía bên ấy, cao nguyên Lang Biang chất ngất xanh rì và trong lũng dưới chân, những cánh rừng le lúp xúp vùng cao miền Đông đã kè sẵn mà vẫn một cảnh tượng vừa xa vắng lại vừa nhộn nhịp trong những đường cây mênh mông đỏ, quanh những căn nhà cọc rào trồng sắn, những khu ruộng nước, những mái cỏ tranh, lá buông vách ván. Chiếc xe Hon da “cá xanh” đất bùn đỏ quạch, dựng vào vách. Nha Trang, Sài Gòn lên đây lập làng với các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình mới vào. Những đàn voi, đất đỏ sạm lên tận vùi, tận tai. Voi khiêng gỗ, kéo gỗ từng đàn lăm lăm như những nắm gò đất nặng nhọc chuyển động. Cuộc sống cao nguyên đương vào trong cơn lốc rừng rực bụi đỏ thế kia.

Vào đến phố Đắc Min nắng chói lói, rã rượi, mặt mày người nào cũng đỏ sạm. Nhưng cũng chẳng ai nhìn ai. Chiếc xe khách lộc cộc qua rồi lại lao đi ngay cho được đường. Mỗi lúc càng nhiều xe lên. Cái thị trấn đơn côi giữa gió và nắng. Nơi chốc lát dừng chân này ắt hẳn cũng có tính triết lý trợ thời của nó, trong khi bốn phía chân trời chân rừng đương cuốn người ta vào những nơi xa xôi tất bật, những cánh rừng ngả ra ruộng nước, nước khe núi dâng lên thành đầm hồ, thành làng, những tập đoàn, những hợp tác xã, những nông trường cà phê, những lâm trường...

Một dãy nhà ôm vòng quanh phía cầu chợ mái tôn lều tều mấy quán trà đá. Góc đường, một nhà hàng nhô ra chiếc tủ kính bày tạp hóa, bên cạnh đặt mấy chiếc cốc. Nhà hàng bán cả giải khát. Tôi bước vào.

- Ông dùng gì ạ?

Sau cánh cửa, gian nhà tối ảm vắng ra tiếng hỏi nhẹ nhàng không đậm không nhạt, ta thường nghe ở người chào hàng. Một bà có tuổi, áo cánh lụa mờ gà. Dáng thành thị, người béo trắng bệu bạo đùng đục. Nét mặt đăm đăm, chốc chốc bà lại thở dài, cứ tự nhiên uể oải, như từ cái mờ màng thừa trong người đã thốt ra thành tiếng, như là bao nhiêu lo toan phiền muộn đọng lại, dồn cả lại thành những tiếng thở dài chốc chốc lại nhẹ nhàng phào ra.

- Nhà có cà phê đá? Không ạ? Thế thì xin bà một ly chanh đá.

Tôi ngồi tựa vách ván. Có lẽ nét mặt và câu nói của tôi cũng lạnh nhạt chẳng khác vẻ ơ hờ nhạt nhẽo hỏi khách của bà hàng, trong khi tôi cũng thờ ơ trông ra quãng nắng trước mặt. Tôi nhận thấy, từ Buôn Ma Thuật xuống, cây cối hai bên bị phát khai quang vào một quãng, nhưng

đến Đắc Min, rùng lại bò ra tận mép đường. Có lẽ chỗ này gần đồn bốt, bọn Mỹ không phải đề phòng cẩn thận như ở những nơi giữa xa. Có lẽ thế, hay là tại sao? Tôi bần thần với những ý nghĩ loăng quăng vu vơ.

Bà hàng lặng lẽ bổ chanh. Mùi chanh thơm, tôi vốn thích quả chanh miền Nam thơm ngọt, thoáng mùi, đã muốn ăn cả lát. Tôi lại vẫn vương sang cảm tưởng của người đi đường khát nước. Bà hàng bung nước chanh ra. Tôi nhìn vào cốc nước mình đang thêm uống. Rồi bà trở về ngồi đầu tấm phản, nhìn xuống chân dốc bụi nắng lấm lội đỏ rực. Một lúc lâu.

Trong im lặng. Tôi hỏi:

- Thưa bà, nhà ta ở Đắc Min?

Bà hàng vẫn nhìn một phía như thế.

- Vâng ạ.

Tiếng vâng nhịp, dạ nhịp đối đáp, quai hàm đung dẩy như pháo ra từ hàm răng giả cạ vào lợi, chốc lại nhảy xốc lên. Không biết thật hay chiêm bao, chỉ biết người đàn ông và người đàn bà đã luống tuổi, chẳng ai còn ở cái thời trai gái gặp nhau thời ấy điệu mắt, điệu lời cứ thảng thốt và tíu tít.

- Thưa bà...

Tôi khe khẽ cất tiếng, bà hàng đã đáp ngay, khi tôi chưa nói hết câu. Nhưng bà cũng chẳng để ý câu tôi hỏi. Hai tiếng “vâng ạ” kia chỉ là tiếng giữ phép xã giao lịch sự. Có lẽ thế.

Tiếng bà rầu rầu thoang thoảng:

- Chẳng biết các cháu ông thế nào! Làm sao mà người ta bây giờ toàn nghĩ những đâu đâu. Đang ở yên lành, thế là dùng dùng kéo đi bằng được. Có ai bắt mình đi đâu. Nào làm vườn, nào dạy học bọn mán mọi, nào những gì gì nữa. Các cháu ông thật là kỳ, đời bây giờ thật là kỳ...

Chỉ nghe đại khái một câu nói cũng có thể tưởng được ra nỗi niềm một gia đình lúc này. Day dứt, giằng co nổi đi nổi đến. Bao nhiêu giày vò. Bao nhiêu nguồn cơn. Dời phố phường lên đến đây vẫn còn bao nhiêu ngổn ngang. Những căn nhà lợp cỏ tranh lá buong, vách ván, xung quanh như trát bùn đỏ. Cái cột gỗ, đầu đóng miếng ván to bằng chiếc mâm trên đặt bát hương, bát nước cúng, đĩa hoa cúc vạn thọ vàng sẫm - những khó khăn, những lo lắng, những cầu xin trời đất phù hộ giữa hoang vu.

Ngoài đường, nắng đã ngả dài bóng hàng xoài. Chiếc xe ngựa, xe lam chở khách, chiếc xe tải gỗ, xe cần cẩu lên Buôn Ma Thuột, xuôi Đồng Xoài, buổi trưa tránh nắng vào bờ rừng nào, giờ lũ lượt nối đuôi nhau kéo ra.

Có tiếng xe máy rập rờn đầu phố. Hình như bà chủ hàng đang nhìn xa, bà nghe ngóng đợi chờ thế nào. Bà bước vội ra cửa. Một chiếc Hon da từ ngoài đường nhựa nóng nắng nhể nhại lái vào. Cái xe thồ to phình, dừng lại, một lát mới nhấc hết được các thứ đeo quanh xe. Hai buồng chuối. Cái rọ lồng quả mít chín đầu mùa, gai mở mắt đều vàng hây. Lại một buộc đu đủ. Lại tiếng gà đập lạt sạt trong cái bu. Một cháu bé trạc bốn năm tuổi, đôi má phính đỏ, hai tai vênh dưới cái mũ lưỡi trai dài ngoẵng. Chú ngồi chầu hấu giữa đám hoa quả gà quế lộn xộn. Người

thanh niên lái xe cao lêu đêu, da rám nắng bắt bụi đỏ hắt.

Bà hàng tươi hân nét mặt, quay lại bảo tôi:

- Cháu đấy, thầy ạ. Cử nhân luật đấy. Kỳ quá.

Nói thế rồi bà xăm xăm bước ra, ôm cháu bé vào. Bà nhanh nhẹn, vội vội. Bà vào nhà trong, bưng ra một chậu nước đầy, vắt vai chiếc khăn mặt bông. Rồi lại lấy hai chiếc cốc pha lê hoa chìm hết cốc của tôi, thả vào hai cục đá lớn.

Người thanh niên cười, nói to:

- Má đừng chiều cháu. Này Mích, ăn nhiều đá sún răng đó.

Bà hàng cũng cười:

- Thằng này mấy ký đá cũng hết mà.

Cốc nước đá được đặt ra ghế. Những thỏi đá trong hơn cả màu cốc. Chú bé hớn hở giờ hai bàn tay tõe cả mười ngón tay ôm cốc. Bà nhìn cháu. Đôi mắt phúc hậu, hiền từ. Đôi mắt lúc này rầu rĩ nặng nề xệ mí xuống bây giờ khác hẳn. Tôi đang nghĩ đến một câu tôi sắp nói: “Thưa bà, hôm nào cô giáo ở Đắc La về chơi, bà nói là bữa ấy bữa ấy, có một thầy bộ đội vào hàng ta. Cám ơn bà.”

Nhưng rồi tôi im lặng cúi chào, bước ra, trong lòng âm thầm vui vui khi biết hình như có một người đương ngỡ ngàng nhìn theo mình.

Nhưng tôi không trông thấy đâu đôi mắt của Phượng ngày xưa trong con mắt của người bà nhẹ nhàng âu yếm nhìn cháu. Tôi không dám nói.

Tôi dừng lại ngoái nhìn tủ hàng, làm như muốn chào người bán hàng một lần sau cùng nữa. Nhưng không hiểu sao, nhác thấy mấy đôi dưa bày trong tủ, tôi bỗng buột miệng khen: “Chà, những đôi dưa đẹp. Cái màu gỗ cao nguyên hay thật...”

Tôi hỏi:

- Thưa bà, không biết dưa này dưới Sài Gòn có không?

Hình như tôi vẫn vơ thảng thốt thế nào, nói rồi, lại mới nhận ra câu hỏi mua hàng quá vô ý, không ra sao. Nét hiền hậu của bà nhìn cháu đã biến mất.

Một câu nói mát mẻ lạnh rợn:

- Có đấy. Thầy xuống Sài Gòn mà mua.

Tôi ấp úng:

- Thưa bà...

Rồi im. Cũng không biết định nói nữa thế nào.

Đôi khi nhớ lại hôm ấy, cũng có ý hay là hôm nào viết thư về Đắc Min. Nhưng cũng chỉ nghĩ thế thôi. Nếu thật đó là Phượng, thì cũng không phải Phượng nữa rồi.

II.

Anh Thanh Tịnh có lần kể chuyện khi còn trẻ làm nghề hướng dẫn khách cho một hội khảo cổ ở Huế. “Sao anh có một trí nhớ tốt đến thế.” Tôi khen vậy, anh nửa mỉm cười, nửa thở dài, rằng tục ngữ Pháp có câu: “Ai chẳng may mang tội nhớ lâu thì chỉ khổ thân nhớ lắm, khổ nhiều”. Ngẫm ra, câu tục ngữ Thanh Tịnh nói ấy xiết bao thâm thúy.

Tôi biết Phượng ở Dầu Tiếng, hơn năm mươi năm, già một nửa thế kỷ đã qua. Người con gái ấy, mà trời để cho còn sống, bây giờ đã lên thượng thọ. Bạn đọc hôm nay chắc cũng như tôi, những lúc nghĩ về ngày đẹp và buồn của mình bao giờ mà chẳng tưởng thời gian ngưng đọng lại.

Vòng lên Dầu Tiếng rồi mới xuôi Sài Gòn - chặng cuối của chuyến đi. Ngày ấy, tôi có một người bạn trạc tuổi, người cùng làng, anh đi phu cạo mủ hăng Mi-sơ-lanh, làm *công ta* ở Dầu Tiếng. Tôi lên Dầu Tiếng chơi.

Xe đỗ bến trước cửa chợ. Tôi vào tình cờ một nhà, hỏi thăm đường. Một cô gái đương ngồi máy khâu bên cửa ngẩng lên trả lời câu chào của tôi.

- Thày hỏi...

- Thưa cô, đường đi Bến Củi...

- Thày xuống Bến Vinh, đầu dốc đó...

Câu chuyện bắt đầu như thế.

Lạ lùng và thân thiết biết bao, tình cảm trong nhà Phượng ngay từ lần đầu tôi đến. Tôi ở đâu tới, mà được coi như người nhà. Mùa hạ năm sau, tôi đánh điện cho Phượng về Sài Gòn đón tôi. Tôi không biết trong Nam có thứ hồng chín đỏ như ngoài Bắc hay không. Đến đổi hôm mới đây, tôi trông thấy mâm hồng trong chùa Hang trên núi Bà Đen bày những quả hồng đỏ, tôi vẫn ngỡ là hồng bằng sáp nặn. Miền Nam không có hồng đỏ.

Phượng đón chuyến tàu xuyên Đông Dương vào tới ga xe lửa Mỹ quăng tám giờ tối.

Phượng hỏi:

- Anh có đem quà biếu má không?

Tôi ngượng chín cả người. Phượng cười:

- Em hỏi vậy thôi. Mai vô chợ Bến Thành mua một chục trái hồng chín. Chợ Bến Thành thì lê táo Hồng Kông cũng không thiếu. Anh nhớ nói anh mua hồng Hà Nội mang vô biếu má.

Rồi hôm sau chúng tôi đã đi một con đường xa nhất về Dầu Tiếng. Có lần, đọc truyện *Ba người lính ngự lâm* của A-lếch-xăng Duy-ma, cũng không nhớ đọc đến quãng kể chuyện Đác-ta-nhăng đương tơ tưởng bà Bô-na-xiêu (hay Mi-la-đi) mà chỉ nhớ cái anh chàng mã thượng phong lưu nọ, vừa đi vừa nghĩ đến người yêu, anh ta đã chọn con đường đi rợp bóng cây và lâu nhất mới về đến nhà. Nhưng đây không phải đi một mình, mà hai mình. Thông thường, đi xe lửa điện lên Thủ rồi đáp xe hàng lên Dầu Tiếng độ nửa buổi thì tới. Chúng tôi đi vòng vo những hai ngày mới về được. Tôi ôm khư khư cái gói giấy báo bọc một chục quả hồng đỏ không dám để xuống đâu, chỉ lo bị giật.

Chặng chót từ Gò Dầu Hạ về Bến Củi qua Bến Vinh sang. Bên Gò Dầu không có xe thổ mộ sang Bến Củi. Cả hai ba chục cây số rừng cao su, không một làng xóm nào. Nhưng chẳng cần xe thổ mộ đường dài hay từng quãng, chúng tôi thuê một cái xe lôi. Ở Gò Dầu, ở Trảng Bàng, bây giờ xe hơi Toyota chạy vun vút thế mà cũng vẫn còn xe lôi, xe lôi người đạp, xe lôi gắn máy. Nhưng xe lôi ngày ấy còn đơn sơ lắm. Thùng xe đằng sau dài như cái thuyền thúng.

Chúng tôi ngồi trong cái thùng ấy. Người đạp xe mài miết, cầm cúi qua những quãng đường gồ ghề đất cát. Cái thùng xe tròn trành, lắc lư cứ tha hồ xô mặt mũi chúng tôi va vào nhau, thật tức cười.

Đến chiều về tới. Vừa thấy, má đã sa hai hàng nước mắt:

- Trời ơi! Giặc cướp đầy rừng mà các con dám đi như thế!

Tối hôm ấy, cả nhà ngồi bên gốc cây ca-pốc ở ngoài sân, sáng xanh trắng rừng cao su. Má vẫn chưa ngớt cơn lo, cơn giận ban chiều. Cái sợ hãi lây lan ra cả những việc khác nữa. Má bảo Phượng:

- Thế này rồi con phải ra ngoài Huế à?

Tôi hiểu và tôi cũng lo theo điều phải nghĩ ấy của má Phượng. Thời bấy giờ, người ta thà gả con cho thằng *minh hương* ở phố chợ bố mẹ quê bên Tàu nhưng chẳng bao giờ người con trai biết nước Tàu ở đâu, còn hơn gả con gái lấy chồng xa tận ngoài Bắc mà ở vùng nào cũng cứ gọi là ở Huế, ngoài Huế. Phượng cười nói với mẹ, lại cũng như bảo tôi:

- Má à, anh ở đây với má. Anh thừa với má đi, chúng con ở đây.

Mấy hôm sau, tôi đã sang chợ, nhẩn được người vào lô rồi nhưng thằng Điều vẫn chưa ra. Mà tôi không thể được phép đến trước cái bờ tường tòa nhà ngoài cùng của sở cao su.

Hai bên phố Dầu Tiếng hồi ấy lưa thưa nhà quanh cầu chợ lụp xụp. Hôm nay không nhớ bớt dây thép thì không nhận ra ở chỗ nào. Nhưng vẫn nhớ đến rợn tai, ấy là tiếng còi ủ ba giờ sáng đêm đêm gọi phu dậy nấu cơm, đi ra lô làm. Tiếng còi điện âm u, rền rĩ không biết từ trên thỉnh không hay dưới âm ty. Những phu cạo mủ làng một, làng hai, làng ba... bật dậy quờ quạng tìm nồi thổi cơm, nắm cơm rồi ngồi đợi hồi còi thứ hai nổi lên, đúng bốn giờ sáng thì lủi thủi ra bãi điểm cho các thầy xu vục roi gọi số rồi đoàn người xách dao xách thùng chạy ra lô.

Mấy buổi chợ đông, mà vẫn không thấy Điều ra. Cả cái chợ cũng của sở mủ, nhiều cửa hàng chỉ mua bán bằng tích kê. Mỗi kỳ lương, hãng phát vé cho phu ra đong gạo, mua tĩn nước mắm, cân cá khô... Hay là Điều đã về Sài Gòn rồi, hay là từ dưới Xóm Chiếu, người ta đã chia nó đi Phú Riềng, Thuận Lợi, không lên đây? Năm sau, 1944, mùa hè sau cùng, tôi lại lên Dầu Tiếng. Mới biết năm trước Điều còn ở đấy. Nhưng tại sao nó không ra, không biết. Tôi đoán nó đương có một công tác bí mật gì đó.

Bởi Phượng đưa cho tôi một tập giấy khổ nhỏ về vệt mồ hôi tay và mủ cao su. Ngoài có dòng chữ "tập thơ" với hai câu thơ, tôi nhận ra ngay chữ nó, nét còng queo nghiêng ngả chưa bao giờ được viết tập ở nhà trường. Tập thơ chép nhiều bài, Điều đã làm từ khi còn ở làng. Bài cũ, bài mới, bài tả cảnh đời, cảnh phu. Thơ của nó thì chẳng ra thơ. Nhưng Điều thích làm thơ. Có lẽ cũng bởi cái sự tôi là bạn nó, chữ nghĩa tôi cũng lèm nhèm vậy, thế mà tôi làm văn, viết báo, thì

thằng Điều mà làm thơ, cũng lấy tên có chữ Tô, là cái sự tự nhiên mà thôi.

Hai câu thơ chép ngoài bìa Điều đã làm từ hồi còn cùng nhau hoạt động Ái hữu thợ dệt, nó hay ngâm nga, khiến tôi cũng phải thuộc:

Thiếu cơm, thiếu áo, thiếu yêu đương

Cái bọn nghèo ta thiếu đủ đường.

Phượng nói:

- Ảnh kể ảnh là người làng mình, là bạn với mình nữa. Ảnh bảo khi nào em gặp anh thì đưa cho anh tập thơ này.

Phượng ôm tôi và cười:

- Ảnh kỳ thiệt! Mình có thiếu chi đâu, phải hôn?

*

* *

Mấy hôm nay, tôi đương là khách công ty cao su Dầu Tiếng. Chúng tôi đi lên đường Bến Cát. Mỗi khi trở lại nơi đã từng qua, từng ở, tôi có thói quen buồn bã hay tìm những gốc cây già cỗi, những bức tường và mái nhà rêu nóc ngày trước đã quen mắt mong như trông lại thấy mình ở đấy đi ra. Đường qua ngoài huyện Bến Cát. Cây dâu. Cây ô môi. Những cây ca-pốc. Đôi ba mái ngói vẩy cá đen đũi hết như ngày xưa, hai đầu tường hiên có cửa vòm cuốn ra vào...

Nhưng xe đã bỏ đường Bến Cát, tạt vào giữa bát ngát những lô cao su.

Hãng cao su Mi-sơ-lanh to nhất ở Nam kỳ ngày trước, nửa thế kỷ đã trồng được chín ngàn mẫu cao su. Chiến tranh tàn phá còn lại chừng bốn ngàn. Chỉ trong một chiến dịch 1981 - 1985, mười nông trường công ty ta đã trồng hai mươi ngàn mẫu.

Tôi không phải đến Dầu Tiếng theo đường xe hàng. Không bao giờ còn có mã tà xét giấy người đi bộ rồi đuổi ra khỏi địa phận sở mủ nữa.

Ngày trước, cao su gốc Mã Lai bảy năm cho mủ, bây giờ giống mới, chỉ năm năm đã cạo được. Trông vào những lô cao su thấy chỗ nào cũng đương mùa lá già đỏ gắt. Rừng kín bùng không một tiếng chim, đâu cũng thấp thoáng hình bóng những người phu, nhắm mắt cũng không thể quên được khuôn mặt sốt rét bùng rừ bùng bùng chạy cạo mủ suốt chín trăm năm chục cây một buổi sáng, người cứ thoăn thoắt như ma biến trong hàng cây thăm thẳm. Nhưng mà ô kìa, bên gốc cao su thảnh thơi những cô gái áo xanh công nhân dắt chiếc xe đạp với cái xô nhôm đã đựng sẵn đấy. Bây giờ không còn là xưa kia nữa đâu, tôi mơ màng ạ.

Nhà khách của công ty - một nếp nhà sàn thấp thoáng trên sông Sài Gòn, gần Bến Vinh - như một bài thơ viết vào bóng trắng mặt nước.

Làm sao mà tôi chợp mắt nổi đêm nay? Những chiếc thuyền êm ru lướt đi hót tôm càng xanh lững lờ mặt nước như chiếc bóng kỷ niệm.

Cô bé nhà phòng đặt thùng bia Sài Gòn với xô đá vào buồng tôi.

- Cháu ơi, quê cháu ở đâu?
- Dạ, cháu ở Dầu Tiếng.
- Cháu ở phố?
- Dạ.
- Cháu có biết nhà bà Ba, ở phố chợ, dì Phượng, dì Xiêm...
- Thưa bác, cháu không biết...

Rồi sáng lúc nào cũng chẳng rõ. Cái phố rừng tấp nập rau cỏ và ăn uống sáng sớm, như ở bất cứ một thị trấn dầu khuất nẻo đến thế nào.

Cái nhà và cây ca-pốc ngày trước chẳng còn nữa. Chỗ ấy mọc nếp nhà mới hai tầng cửa hiệu ăn uống. Bên kia đường, đồ sộ một bức tường xi măng hai mặt ghi những trận đánh trong phố ngày đầu chống Pháp. Một phía, những trận càn, chống càn vùng Dầu Tiếng thời chống Mỹ.

Chỉ riêng cái Bến Vinh thoai thoải dốc xuống vẫn hết ngày xưa. Hai bên bóng cây, mặt nước sông Sài Gòn mở ra một khoảng trắng ngần. Tôi không tin câu thành ngữ cũ: phúc không đến hai lần, họa không đến một lần. Nhưng niềm vui thường chẳng khi nào đến sóng đôi với lòng mong ước và thời gian. Thế mà cái bến và dòng sông kia thì vẫn y nguyên hôm tôi với Phượng ở cái xe lô bước xuống rồi qua đò. Tôi ngờ ngẩn đôi lúc đến không muốn nhớ, chỉ nhớ lại thôi, chứ không dám hỏi có phải bà hàng ở Đắc Min hôm trước là Phượng, là *Xóm Giếng ngày xưa*, là cây đa bến cũ hay không.

1980

Hoa bìm biễn

Ông Thái sắp vào Sài Gòn.

Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Có công việc làm thêm, cũng đỡ bâng khuâng chân tay. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hồi ấy, các quốc doanh, các loại hợp tác xã mở tới tấp, người ta cần đến kế toán, tài vụ. Tay nghề đã bỏ xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Hiệu cắt tóc, các hợp tác cơm nôi, nước sôi lăm nơi sổ sách chồng chất, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Phần nhiều là vẽ vờ ra nào quyết toán, nào dự chi, những con số ma cả.

Từ khi thống nhất, ông Thái cũng chưa được vào Nam lần nào. Ông Thái chưa trông tận mắt cái máy bay. Nhưng cái tính nhiều người hay thế, cứ làm như đã quen, rất thường. Ông Thái nói: “Trong Nam người ta thoáng lăm. Máy bay hay tàu hỏa thì ăn nhắm vào đâu!”.

Ông Thái tỏ vẻ hách vậy, cũng không gọi tò mò cho ai trong nhà. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu chẳng khác ông vẫn ngồi lù lù cạnh cái cửa sổ tầng bốn, cả ngày dăm dăm ngóng ra.

Ông Thái đã đi Sài Gòn vì một việc khá lạ lùng. Tôi viết thế này bạn đọc còn có thể đọc được, nhưng nếu nghe ông kể, chắc chẳng tin. Một hôm, ông Thái nhận được một cái thư bên Mỹ. Thoạt nhìn chữ bì thư, ông Thái nhận ra ngay chữ của người con gái bốn mươi lăm năm trước, tên là Vân.

“Kính gửi ông Thới... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại. Tôi hiểu tâm trạng bạn tôi. Muốn biết tin ông, nhưng lại e ngại, ngại ngùng. Chẳng thà im lặng là hơn. Thuyền đã sang sông tách bến rồi, cây đa bến cũ còn đâu nữa. Tìm để làm gì, chỉ khổ nhau thôi. Vì vậy im lặng cho đến ngày nay. Tôi biết là người ấy vẫn muốn được tin ông, gia cảnh thế nào...”

Chữ ký loằng ngoằng cuối thư. Đàn bà là chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ có Vân gọi mình là Thới. “Muốn lấy vợ Nam kỳ phải kêu là Thới. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết”. Thì còn “người bạn thân” nào nữa. Hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao!

Ông Thái trả lời, đề thẳng phong bì: Kính gửi bà Huỳnh Thị Vân.

Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh xanh, khổ giấy như trước kia vẫn thư từ cho nhau. Trong thư Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ chữ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy khéo vờ như đánh tam cúc lại để hờ bài cho người ta xem.

Rồi những lá thư qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hiệu tơ lụa. Sau khi Tây thua ở Điện Biên Phủ, vợ chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bốn đứa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà mất đã lâu.

Bà Vân gửi ảnh bà cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái không thể nhận ra bà, nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, đấy là một bà già béo tốt tóc cúp ngắn chấm vai - một của các bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. Ờ, mình bảy mươi ba tuổi thì Vân bảy mươi rồi. “Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân nhiều đấy. Nay còn 92 ký”. Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Trắng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tởm nhắc bỗng lên được

cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gửi ảnh của cụ. Không phải vì ngại cụ bà hay con cháu tộc mạch. Mà cái ảnh bà Vân phì nộn kia lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ.

Một ngày nọ, ông Thái nhận được một lá thư rất đặc biệt nữa của bà Vân. Thế nào mà ông lão hàng ngày ngồi rù rù, người trong nhà đã quen mắt, nhìn ông như nhìn chỗ để xe đạp, như cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng đọc thư bà Vân rồi ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương tung bùng lên đây.

Thư bà Vân hẹn tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa, nhưng đích xác ngày tháng như thế.

Và tấm ngân phiếu bà Vân gửi sau cũng khiến ông nghĩ. Số tiền vừa đủ mua một vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gửi vừa khỉm. Thế này là thế nào? Thế nào nữa, bà ấy tặng mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ ta theo kháng chiến cả đời đến rụng tóc rụng răng rồi, chứ mình đâu phải người nhà người ta ngồi hóng cửa. Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được đâu. Lại nghĩ giá bà ấy cứ gửi nhiều nhiều một chút cũng hay... Rồi ông lại cãi nhau với ông: không được, không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Gửi thế này là bà ấy trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng thật khúc khuỷu như mối tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn mỗi ngày một chuyến Hà Nội - Sài Gòn thông thương Bắc Nam, có khi ông đã lấy bà Vân rồi cũng nên. Nói “có khi”, bởi hai người cũng chỉ là trai gái lứa tuổi không dưng mà gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gửi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu ở Hà Nội với các thứ cao đan hoàn tán, ông chuyên đi quảng cáo và tính sổ đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy, nổ súng. Thế là nghẽn lại. Vợ ông và đứa con trai bị kẹt dưới Phòng. Một mình ông theo người tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Hòa bình lập lại 1954, ông trở về Hà Nội gặp lại vợ con. Rồi đến tuổi, ông về hưu.

Thằng con đồ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ: “Giá ngày ấy bố bị Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã làm quan to, lương hưu khá hơn không”. Ông chẳng thèm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đẩu. Ông nhận ngay ra là gỗ nhội, đồ dỏm. Đạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán về Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây nhội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, họ đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm, vớt lên cửa từng khoanh rồi để thành thớt, đánh bóng đỏ sẫm. Mấy ngày áp Tết, quẩy ra bán ngoài phố - Tết nhất, nhiều nhà sắm thớt mới. Vô ý vớ phải cái thớt gỗ tươi ấy dao chỉ thái mạnh vài nhát đã toác. Trông mặt gỗ bung nước, biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên: “Không cần gỗ lim, gỗ lát. Cứ kiểu mô đéc, giường Đức, ghế Nhật, hồng thì mua cái khác, mốt khác. Thời buổi gấp gáp, sống gấp, ông ạ”.

Có lẽ chúng nó phải. Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô nứt, giày dép thôi cả long đinh, há mồm. Áo quần bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắm. Không biết đâu ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huếch hoác, lại cụp lại, lại hủn hoãn, nhỏ tí, các mốt các kiểu cứ đuổi nhau.

Ông Thái sửa soạn đi Sài Gòn, quần áo và đôi dép râu, cũng như mọi khi. Ông không định ăn mặc khác. Không phải đến nỗi thiếu thốn, mà quen xuềnh xoàng rồi. Nhưng có lẽ nên đi làm mấy cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Cười huếch mép răng khuyết trống hốc. Chỉ rầy rà mấy lỗ hồng răng cửa hàm trên. Soi gương, thấy cứ tun hút, phiền thật. Nhưng rồi ông lại ngại. Những cái răng đã gãy từ đời nào, đời nào. Bà ấy cho là ông phát rồ hay sao, tự dưng đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà ấy sinh nghi. Nhưng ông lại tưởng tượng một sự kỳ quặc, có thể xảy ra. Thế nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triền miên đầm đìa xưa bên sông Sài Gòn. Bây giờ mà thế a, nhớ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Mà chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã...

Thôi thôi, đã mặc mặc thì thế nào cứ thế. Cái hẹn tháng Bảy dần dà tới...

Ông Thái lúc bỗng bột, lúc lại thâm kẹ. Nghĩ ra toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thế nào được cái ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật lại như chiếc đinh tai ác cứ nhô lên dần. Sắp tới rồi. Ông nghĩ âm ừ: Thế hôm ấy mình cứ bay vào à? Không có bà ấy ra đón thì sao, thì sao? Ông cũng có người quen, nhưng thành linh lò dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Một cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Trông thấy ông, nó khoanh tay hỏi: “Thưa ông Thới...” Trẻ con trong này ngoan mà ranh thật. Thế là cháu đưa ông về nhà. Chứ không đến khách sạn, nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối, đỡ lo nữa.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Ông Thái băng khuâng đi giữa những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lờ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thày ký công nhật đi tính sổ. Thị xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. ở Nam kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sande, cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, mảnh khảnh đúng dáng người đẹp mẫu của Thái. Tuổi trẻ đầu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm quần lụa trắng muốt. Anh chàng gà trống tơ nghĩ vợ vào rằng thế là ăn tiền rồi.

*

* *

Ông Thái lom khom nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hệt tấm ảnh bán thân nhận được năm ngoái. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng. Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhắc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận xét đầu tiên về sự thiếu vồn vã ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cái mu rùa úp trên đầu, hôm đi ông đã mượn của thằng cháu, ông mới nguôi ngoai và thế là lại ngượng. Ông vừa được lôi ở sọt rác ra.

Bà Vân nhìn ông, nói một câu đột ngột:

- Anh ốm quá!

Ông Thái đã sắp sẵn câu đầu tình tứ: “Em trẻ, em trẻ lắm”. Nhưng bị nói phũ đầu thế đâm ra mất vui, lại nhớ cái răng cửa hồng, ông Thái chỉ cười mím môi.

Chẳng mấy lúc, cũng may, ông Thái đã cảm thấy như ở nhà - nhà mình tưởng tượng thương yêu êm ấm, không phải cái căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ ngay lần đầu tiên về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vồn vổ, phong tục Nam kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương tưởng tượng cái gia đình êm ấm mà hai người đương yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhem. Ông Năm lấy trong tủ ra chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trống - có thể là đã quên cũng nên.

Ông Thái hỏi bà Vân:

- Rượu thuốc à?

- Sâm em mua ở Bể Cốc về biếu anh Năm ngâm rượu.

Ông Thái hỏi, vẻ thành thạo:

- Có bia hơi... bia hơi...

Bà Vân nhăn mũi:

- Bia uống hại thận, nghe. Rượu thuốc...

Ông Thái im. Chợt lại thiu thiu lảng lảng như mọi khi ở nhà.

Nhưng rồi ông Thái với bà Vân cũng có phút giây mơ màng.

Bà Vân bảo:

- Rồi chúng mình đi vườn Bờ Rô chơi.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy xuôi ngược liên hồi tạt mặt, ông ngại:

- Làm gì? Vườn Bờ Rô...

- Ôi anh quên hết trời rồi sao! Cái năm hội chợ Sài Gòn, đêm đó chúng mình đi chơi vườn Bờ Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. May sao, ông Năm ở buồng trong góp chuyện ra.

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ Rô năm cô Ba ở Sài Gòn à? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ Rô, vườn Chuối loạn dữ, nhất là ban đêm. Không đi dạo được đâu.

Ông Năm đã gỡ cho ông Thái một cuộc chơi không hào hứng.

Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai. Tiếng mưa lộp bộp sầm sập xuống mái tôn nhà nào xung quanh, chẳng biết là đương ở đâu. Trời mưa xuống đã giúp làm trôi cái kỷ niệm vườn Bờ Rô đi rồi.

Bà Vân nói:

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à?

- Trước em định nghỉ ở Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói bên Long Hải vắng lắm. Ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

Ông Thái nói góp:

- Cả nhà đi cho vui.

Bà Vân cười:

- Không, anh Năm không đi chơi. Anh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ ảnh, không được lơ là mất cảnh giác. Ông nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa ngó ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có bảo vệ. Ông cán bộ thông thả bách bộ, người bảo vệ đeo súng ngắn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể dục buổi sáng bên bờ hồ, có hai cán bộ bảo vệ áo đại cán, vắn súng giắt trong thắt lưng, lỏng thông chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì bò. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sướng.

Bà Vân nhìn ông Thái, neho mắt, tinh nghịch:

- Nhưng mà anh Năm không đi Vũng Tàu nữa.

Ông Thái cũng rờn:

- Không phải bảo vệ tôi à?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boong-ga-lô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười:

- Có vậy mới được đi đôi, nghe.

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ là câu nói đùa. Đột nhiên, bà Vân hỏi:

- Anh có còn nhớ chị Hậu không?

- Chị Hậu...

- Lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật thì ông Thái đã nhớ ra rồi. Không những thế, ông Thái còn đương bắn trong đầu lên khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liều lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, đã xếp xó trong ký ức của ông từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu theo Vân ra ga để “ngó mặt thẳng hai Huế xem nó ngộ thế nào”. Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái xuống tàu thoát trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. Đôi mắt bồ câu lóng lánh đầm như làn nước muốn hút người ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại ở nhà Hậu. Sớm mai, Vân và Thái về Sa Đéc. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồng cạnh đấy, cái giường to kê bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn sầm sập mưa, làm sao mà đêm ấy lại mưa gió đùng đùng như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lần ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái vừa đụng vào cánh tay Hậu, thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai làn môi không bao giờ rời ra được nữa.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay láy long lanh quang đặng như trời mưa tạnh.

Rồi Thái và Vân về Sa Đéc. Đến hôm trở ra Bắc, không tạt được vào nhà Hậu. Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn. Từ đấy, không khi nào còn gặp lại.

Ông Thái hỏi:

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao? Giờ ở đâu?

- Cũng chẳng lấy ai.

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt nổi cơn bồng hờn vu vơ. Lòng yêu xưa kia thành nỗi bùi ngùi cho ai có lẽ vẫn chờ nhau từ sau đêm ấy mà mình thì quay lưng đi tàn nhẫn trước nỗi nhớ thương của người ta.

- Rồi thế nào...

- Rồi chị ấy đi tu.

- Cái năm em sang Mỹ, trước ngày đi em có xuống chùa chào chị. Em vẫn thỉnh thoảng được thư từ. Chị tu ở Vũng Tàu.

Ông Thái nhắc lại như trẻ con học nói, không ra ơ hờ, không ra ngạc nhiên.

- Ở Vũng Tàu!

Bà Vân nói:

- Em được thư thấy nói thầy đau, có khi về nước Phật mất. Ta xuống thăm thầy nhân thế.

Ông Thái lễ phép rụt rè:

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, chắc anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy quy y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gồ ghề sườn núi, một bên gờ đá. Chỉ có một ven cát nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lởm chởm, đôi chỗ hùm xuống một bãi tắm như cái bồn choen hoén phẳng lì bằng mảnh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn. Đã thành phong tục, các gia đình đưa ảnh và bài vị người đã khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có cửa cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuống ô tô ngoài bến giữa phố rồi đi xích lô về bãi Dứa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái cứ lẩn thẩn sờ sờ thế nào ấy. Sợ cả cái dáng bà Vân đi phăm phăm, bà Vân

tiền tiền như rút đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mỳ. Được cái trông bà Vân không khác mấy bà luống tuổi có của ăn mặc trên Sài Gòn. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyên, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngồi co ro sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá mắm ép dưới sức mạnh cái kẹp thể lực.

Hai người bước lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cảnh đại khảnh khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng dưới nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ảm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngồi sụp xuống mặt gạch lát, chắp hai tay, nói to:

- Bạch thầy, con là Vân, con mới ở Mỹ về.

Trên phản, một người nằm, hai chân nặng nề trắng bệch. Có tiếng khe khẽ:

- À... Vân...

Một cô tiểu ngoại hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốm ngồi lên. Bà cụ thở khó nhọc, như con mèo gù. Cụ tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Trong mờ mờ, ông Thái đã nhìn rõ. Không thể đẩy lại là cô Hậu năm nao. Cái đầu bà lão trọc nhẵn, búng vàng như nghệ, phù ra to bằng quả bóng.

Một cô tiểu bưng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói:

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không?

Nhà sư ngược cặp mắt trắng lơ lơ. Bà Vân ghé tai nhà sư già ốm, nói rõ từng tiếng:

- Ông Thới ngày xưa đó.

Bóng khuôn mặt xỉ, lạng lẽ không động dảy.

Các chùa ven bãi Dứa đều có nhà khách. Vào mùa nắng, còn cho cả người chơi biển trọ. Ở đây ăn chay theo bếp nhà chùa cho nên hình như cũng vắng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phất, nằm trông lên thấy cái bệ tòa sen thếp vàng ánh, bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mất được đem gửi chùa. Ông Thái mắc cái màn nâu của nhà chùa đưa, dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nằm trên phản đầu gian bên. Như hai vợ chồng già vắng cảnh chùa, đường xa nghỉ lại vài hôm. Hàng ngày cơm với canh thơm, muối vừng. Bà Vân nói: "Người cao tuổi ăn chay trường tốt hơn ăn thịt". Lại nói: "Ngon thiệt, ở Mỹ không có những thứ này".

Ngày ngày, bà Vân ra bãi tắm. Bà Vân nói: "Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ở cạnh nước. Hàng ngày cả thành phố tắm biển". Bà Vân rủ ông Thái xuống tắm. Nhưng ông Thái cười lắc đầu. Bà Vân cũng không ép thêm.

Bà Vân lội xuống nước. Ông Thái đội mũ cối, quần áo bộ đội xanh nhợt, ngồi cái quán cóc cạnh gốc dừa trên bờ. Ông ngồi trông túi và quần áo cho bà Vân. Đôi lúc, chén rượu thuốc đã ngấm, cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước. Khi về, bà Vân vào chỗ cho thuê đội nước ngọt thay quần áo, ông Thái cầm cái túi của bà đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ông Thái đương nghĩ. Ôi, năm mươi năm trước xa vời vợ. Mấy hôm rồi, ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư ốm liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước

vào nhà.

Cô tiểu đến nâng sư thầy. Nhưng bà nhè nhẹ lắc đầu. Bà vẫn nằm nguyên đấy. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven tấm phản. Bỗng ông Thái nghe tiếng thều thào như phảng phất vắng đầu tới:

- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói câu gì đó. Nhưng ông không nói được, ông ngồi yên.

Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quán cạnh gốc dừa, chỗ bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lăn tăn, bà Vân đã ra tới chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngấm vừa rồi. “Ông già quá rồi”, ông cũng sắp tịch, sắp đến cỗi rồi, câu nói đã thối bay mất niềm hào hứng và lòng thương người của ông.

Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy quơ cánh tay dưới nước. Ông thở dài, bỗng cúi kính: “Hay là cái đêm ấy nó biết? Nó còn thù đến tận bây giờ nên mới dày mình ra đây? Cho mà nhìn người sắp chết, cho phải soi cái gương *ông già quá rồi*”. Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế, có thể mình nghĩ quá.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tắm vằn xanh mờ. Cánh tay và bộ đùi hộ pháp phục phịch đã hơi bắt nắng. Ông Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay, dọa đùa ông cái gì. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lẩn thần đoán không biết bà ấy nhở hay nách nhăn tự nhiên thế.

Bà Vân huơ tay nện đùa:

- Uống bia hại thận. Cấm uống bia, nghe.

Ông Thái mủm mỉm giơ ly.

- Rượu thuốc. Rượu thuốc uống nhắm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành từ ngày xưa đấy. Nhớ không?

Vào giội nước ngọt, thay quần áo, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói:

- Chúng mình có duyên với nhau nhưng không nợ nhau.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói về kỷ niệm đã khiến bà Vân nghĩ ngợi. Ông Thái băng khuâng, mủi lòng...

*

* *

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái ra ngoài bãi cát nhổ một cái dây cây dại không có tên. Lá dày tựa lá thài lài, hoa màu xanh nhợt nhạt, man dại như hoa bìm bìm ở bờ rào làng quê. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại trở ra Hà Nội. Ông lại ngồi ở cái góc buồng tầng bốn, trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm vỏ hộp bia trồng cái dây mà ông đặt tên là hoa bìm biển.

Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gắt. Cái dây leo không tên cũng như không ai biết được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông lại im lặng như chiếc phất trần dụng xó tường. Cái phất trần thỉnh thoảng bà ấy còn lấy ra phẩy bụi, ông thì chẳng ai đụng đến. Ông lặng lẽ. Ngồi suông, không có một giọt rượu gậm nhấm lại kỷ niệm. Hàng ngày, ông cũng không rượu. Thói quen nghề nghiệp thì sẵn, cho nên ông Thái tính một tuần lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ như con số mà dự phòng, dự chi, thực chi, cộng trừ, thế còn hơn. Nếu nợ nhau thì có lẽ bây giờ chỉ còn cái gắt và có thể ở đâu đấy, ông cũng là cái phất trần bỏ xó và im lặng ngồi suốt ngày bên cửa sổ nhà bốn tầng thế này hay mười lăm, ba mươi tầng nhìn ra.

Hai cái răng cửa đã rụng nốt. Hàm trên nhẵn thín, môi cúp sát vào lợi. Móm hẳn rồi. Đã lâu lắm không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi Thới vào, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyết thế. Nhưng rồi cả năm không được tin tức, cũng có ý mong. Ở bên ấy bà Vân cũng đương nghĩ buồn bã về cuộc gặp gỡ vừa qua, như ông Thái chẳng? Không, chắc bà ấy chẳng thế.

Một hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ bia trồng dây bìm biền rơi xuống tận dưới đất tầng một. Ông Thái cũng chẳng buồn xuống nhặt lên nữa.

Chuyện để quên

Năm 1946, đã ra ngót năm nước chảy qua cầu rồi. Bấy giờ tôi làm phóng viên báo *Cứu quốc* hàng ngày. Có một số người trước kia bị Pháp bắt đi đày ra đảo ngoài châu Đại Dương, nghe biết Việt Nam độc lập bèn đòi về nước, đã được về tới Hải Phòng. Biết đấy là những Đảng viên Quốc Dân Đảng, sau vụ bạo động Yên Bái 1930, bị án chung thân biệt xứ.

Một chiếc tàu Trung Quốc ở Thượng Hải vào Hòn Gai ăn than, nhân tiện chở thuê những người tù hồi hương. Phóng viên nhiều báo trên Hà Nội xuống đón người trở về. Tôi lên boong tàu, trông thấy ở cửa giữa chỗ vào tầng hầm chứa than có mấy người tự vệ sao vuông, giắt khẩu súng ngắn sau lưng - một ăn mặc của cán bộ bây giờ. Mọi người xúm xít bước ra với hai ông cụ râu lõm chớm, đội mũ phớt xám, thắt cà vạt đỏ, bộ đồ Tây dạ tím, trông thật khác mắt.

Đấy là hai ông Quốc Dân Đảng và chỉ có mỗi hai ông ấy.

Một ông dắt theo một chú bé da đen, khoảng năm sáu tuổi. Chú bé lững chững, đầu to như cái chõ, tóc xoắn tít. Tôi hỏi:

- Thừa, con đồng chí đấy ạ?

Ông lão lắc đầu.

- Đồng chí quê ở đâu ta?

Ông lão khúm núm:

- Bẩm quan quê em ở Lệnh, tỉnh Sơn Tây.

Vùng Thừa Lệnh, nghề làm lưỡi cày có tiếng tôi đã biết.

- Độc lập rồi, bây giờ cả nước gọi nhau là đồng chí cụ ạ.

- Bẩm vâng, vâng...

Rồi ông lão kể:

- Làng em có hơn ba mươi người phải đi tù trên Tân Đảo. Gió máy, mưa nắng khác thủy thổ, bao nhiêu năm rồi, có người lấy vợ, ở lại bên đấy, còn thì chết cả, còn hai chúng em về.

Ông lão tên là Ổn. Cái đêm Quốc Dân Đảng đánh bom đồn Lâm Thao và trại lính Yên Bái rồi sau đấy nhiều người phải bắt, phải chém, ông Ổn chẳng biết gì cả. Làng Lệnh vốn giỏi nghề rèn. Có người đến thuê làm bom. Công mười đồng một quả, làm khéo còn thưởng thêm. Quả bom to bằng quả bưởi, quả mít, nan tre cật như lồng chim gáy, trát xi măng trộn giấy bản. Ruột nhét mảnh chĩnh, mảnh sành, mảnh sắt Tây với thuốc pháo.

Mỗi quả có một lỗ cắm dây ngòi dài một sải đòn gánh, to bằng đốt ngón tay.

Những người thuê làm bom đưa một tập tiền giấy bạc năm đồng con công mới rồi quấy bồ bom đi, như gánh dừa.

Làm bom cho hội kín phải bí mật, nhưng ai cũng biết và nhiều nhà làm vì được tiền tốt quá.

Một hôm, một đoàn ô tô về đổ cả trăm lính xuống vây làng, lại chặt các bờ rào đuổi cho ngựa các quan Tây xông vào.

Bao nhiêu bể rèn, ống thổi, đe búa, sắt vụn đều bị gom lại thành đồng bỏ ra xe lửa, xe la kéo đi hết. Mỗi nhân đình ai hai mươi tuổi trở lên, năm mươi tuổi trở xuống đều bị xích tay giải đi. Thành linh quá, chẳng hiểu vì tội tình gì. Sau mới biết cả làng thành mồi côi về tội làm bom và tiêu giấy bạc giả.

Cái sự ông Ôn phải đi đày biệt xứ là như vậy. Đến năm bước chân trở về làng thì ông lão đã xấp xỉ bảy mươi. Vợ ông Ôn đã đi lấy một ông thợ đấu ngoài bãi Phụng. Hôm đi chợ, gặp người làng kể lão Ôn đi tù Tây đã xong về, bà lão nhặt nhanh cái áo và cái bị, lẳng lẳng khoác đi. Ông thợ đấu chẳng hỏi đi đâu. Nhà này vẫn thế, chẳng mặt lạnh, mặt giận, chẳng lời cất lời trước, thế là mặc kệ.

Bà lão trở về Lệnh. Bà lão lấy trong tay nải ra một chai rượu và cành cau được sáu quả. Bà lão đặt chai rượu, cành cau xuống, rồi kéo nếp váy, ngồi xếp tè he, vái ông Ôn bốn cái.

Ông Ôn nhắc bà lão đứng dậy, rồi hôn đánh chụt một cái vào má. Cả lũ người đang ngồi hóng chuyện cười ré lên. Bọn con gái thì giạt ra kêu: “Ồi, ối, phải gió, phải gió.” Nhưng rồi lại mon men vào xem thế nào.

Ông lão Ôn nói: Bà về với tôi đấy à? Bôông, bên ấy người ta hôn nhau lúc cưới cheo là cái sự thường. Tôi đem về cho bà nuôi cái thằng cu bồ hóng này.

Bà nhắc dải yếm, chùi nước mắt, nghĩ tủi thân người đàn bà hiếm hoi điếc đẽ. Mấy hôm sau, bà ra cầu ao giặt có người hỏi đùa:

- Ông ấy khuôn về được mấy hòm tiền?

Bà lão chép miệng rồi cười nhếch nhếch:

- Có cái con tườu! Đem về toàn trò khỉ! Lão ấy bảo, ngày trước mà biết làm khéo thế thì tôi đã có con rồi, nhưng bây giờ thì... rặt cái nỡm!

Ông Ôn về, làng nước đâm ra nhiều cái phải nghĩ. Lo thì đã có ủy ban, còn thì ai cũng phân vân. Cái Quốc Dân Đảng ngày trước thì chả biết đầu cua tai nheo thế nào chứ bây giờ vừa mới độc lập, đâu đâu cũng phải canh phòng ráo riết bọn Việt quốc, Việt cách, Việt gian đi bỏ thuốc độc vào giếng cho chết cả làng.

Có nơi đã giết được mấy thằng, chúng nó khai rõ ràng thế.

Bây giờ một lão Quốc Dân Đảng lù lù về, lại dắt theo một mẩu Tây đen, vậy là làm sao?

Lên hỏi huyện, huyện cũng không biết đối phó. Hỏi lại thì không được. Mà làm mít tinh hoan nghênh người đi tù Tây về Tổ quốc cũng không thấy trên báo. Còn lão Ôn cũng chỉ kể rất chuyện bên ấy, kiếm một lúc được bó củi, uống rượu cả ngày. Cái đất dữ ốm thì chết ngay. Bọn con gái càng dữ nữa. Đùi vế cứng tròn như cái chĩnh, lưỡi đỏ như miếng tiết, dài như con rắn lùa vào trong mồm, vào tai người ta, hì hì... toàn chuyện phản động nhưng vui. Lão đang tính chuyện lại làm lò rèn. Chẳng ai để ý nữa.

Thằng Ôn như ông Ôn ngày trước, đứng kéo bể phì phò. Lưỡi cày, lưỡi thuổng, bàn tay ông

thợ kéo chưa quen nghề, lại được người tới mua cái, mua mớ. Phiên chợ Gạch, chợ Bún, chợ Nửa, bà lão gánh đi bán như xưa kia.

Đã nhiều năm qua.

Cái gánh của bà lão Ổn đi chợ cứ nhẹ dần. Rồi bà lão chỉ khoác cái bị, trong đó có đinh năm phân, mười phân, đinh đĩa và chiếc khóa đuôi chuột. Khóa đuôi chuột khóa cửa đình, cửa chùa. Nhưng rồi không đâu còn mấy ông từ, ông tự, ông sư, bà vải. Đình đền để làm kho hợp tác. Cái khóa đuôi chuột phải xếp xó.

Nhà ông lão Ổn không được vào xã viên, không được ruộng. Từ hồi cải cách, nhà này được quy vào diện công thương - làm lò rèn dính dáng đến chợ búa, không phải nghề nông. Giữa làng làm ruộng, thành phần công thương chợ vợ một mình tay làm hàm nhai.

Đầu tiên ông lão Ổn cũng không quan tâm. Bởi vì đôi khi vẫn kiếm được. Ấy là hội hợp tác làm xe cải tiến, nan hoa sắt thay cái bánh gỗ con bò kéo. Ông rèn nan hoa xe để ọt. Nhưng cũng như mọi phong trào ấy mà, chỉ rộ lên một dạo xe hai bánh, xe một bánh, rồi lại thừa thớt phai mờ dần.

Đến lúc sinh ra cái lưỡi cày cải tiến 51 hay 71, 61 gì đó, các hợp tác xã đi mua tập thể cày cải tiến ở cửa hàng nông cụ về chia cho đội cày. Cả cái răng bừa cũng của nhà mậu bán. Lò ông lão Ổn cạn việc. Bà lão buông chiếc bị xuống, thở dài đánh khượt một cái.

Ông Ổn nằm trên nhìn lên nhà, nói bâng quơ:

- Ở bên kia ấy à, mở mắt ra ông đã rượu, rượu như nước, chứ có phải chua mép cả ngày như ở đây đâu.

- Chẳng phải dọa! Về bên ấy mà ở!

Bà lão day thêm:

- Phiên này ai đi chợ thì đi, gái già này mặc xác thiên hạ!

Rồi bà lão Ổn ra ngoài đi kéo vó tôm như bao nhiêu năm, như cả đời vẫn làm con cò con vạc đi kiếm ăn sông nước.

Thằng Ổn đi chợ về còn ủ ê hơn. Người ngoài chợ xúm lại xem cái thằng môi vều, mặt nhò nôi, mắt trắng nhả không biết chớp, hỏi: Sao mày người nước ấy đen mà lại nói tiếng ta như ta?

Hai đầu hè kê hai mẫu gạch làm bếp đun riêng nhưng chẳng mấy khi có khói. Như điềm gỗ, nhà chỉ chia đôi bếp ít lâu, một buổi sớm Ổn nhìn xuống chõng, thấy ông lão nằm co quắp. Sờ cánh tay ông đã lạnh như đá.

Ông lão chết từ bao giờ. Ổn lấy mặc cho ông bộ quần áo dạ tím, cái cà vạt đỏ, chiếc mũ phớt xám ông vẫn cất trong hòm phản. Ít lâu sau bà lão Ổn cũng về quê với các cụ.

Đám ma ông lão, bà lão, thằng Ổn chít khăn ngang chống gậy, tay bịt miệng, đi cúi khom khom. Cái cảnh thằng Tây bồ hóng khăn xô chống gậy lạ mắt này ai cũng nhớ, còn các chuyện khác “bên ấy” của ông lão thì người ta quên dần.

Thằng Ổn đã ngoài hai mươi rồi. Ổn cũng chẳng biết tên thật, tuổi thật của nó. Khi về Ổn dần

dần biết tiếng ta, bây giờ nói còn trệu trạo lưỡi, không ra giọng vùng này. Có người thấy Ổn khỏe mạnh, đã mách Ổn: Ổi nơi có người Tây đen.

Từ bao giờ, cứ thời thế đổi thay thì người lang chạ lại trôi dạt đến đất nước này, vương vãi lại bao nhiêu người Tàu, người Nhật, người Cao Ly và đủ thứ Tây trắng, Tây đen rạch mặt, Tây bồ hóng, Tây đen mờ. Ngày trước ở trên phố huyện cũng có một cô Tây đen to cao, vú bằng hai quả dừa, thế mà có một anh cũng Tây đen, nghề cắt tóc ở tận Bắc Ninh mò sang cưới được cô ta. Chứ cứ ro ró như thằng Ổn thì đến rách đời.

Nhưng người ta có những may rủi không tính trước được. Cái nhà ven đường cũng như cái bầy, lại như cái chợ, bao nhiêu người, bao nhiêu chuyện đầu đầu. Bỗng dưng có một người đàn bà đến ở với Ổn. Tự nhiên như trời nắng trời mưa. Á nọ là quân trốn chúa lộn chồng, đưa chữa buộm, đưa sống tù ở đâu tới. Ổn không biết. Chỉ biết ở ở đấy, ăn ngủ với Ổn như vợ chồng.

Thiên hạ hay moi chuyện, mà ở cũng sống默默, cứ nói bô bô ở hàng nước đầu làng.

- Thế nào á? Cái thằng đen như con chó mực cũng khác người nước ta. Nó húc như trâu, các ông ạ.

Ai cũng cười khàn khạch...

Nghề đời thế, cái khó cái khôn cứ bó nhau, vợ chồng Ổn vẫn không ra khỏi được cái thiếu đói dằng dặc. Cải cách rồi cào bằng ruộng vào hợp tác rồi lại tháo ruộng ra khoán hộ nhưng giấy tờ địa bạ, nhân khẩu vẫn thế. Từ đời tám hoánh, nhà Ổn vẫn là khẩu công thương, như người dưng không một vảy ruộng, chơi với ở cái làng thuần nông, dẫu cho lão thợ rèn ở Tân Đảo về qui tiên đã lâu và cái thằng Ổn chẳng có nghề ngỗng gì.

Ổn vẫn ngồi hóng ở cái lò rèn như mấy chục năm nay. Từ khi có khoán mười, nhà ai cũng chủ ruộng, đồ lẽ làm ruộng, bây giờ toàn thứ bần tốt vì không còn thấp thỏm bị gom tổ, gom hợp nữa. Nhưng người ta lại kén thợ, chẳng ai gọi đến cái thằng lạc lõng vụng tay kia.

Lúc rồi, Ổn vẫn vợ nhớ lại thuở bé. Cũng chẳng còn thật nhớ, nhưng khi túng bấn thường hay nghĩ ra các thứ phong lưu tưởng tượng. Thuở bé ở bãi bể trong rừng dừa, những người cưỡi trần đứng bện thùng quanh gốc dừa, ăn no kênh rồi đánh trống vui chơi cả đêm. Sướng ời là sướng.

Vợ Ổn lại quần xắn móng lợn, trần hai vai, bùn lấm lên tận dải yếm. Đầu gọng vó treo lủng lẳng chiếc giỏ không. Cái gọng vó, cái giỏ hương hỏa thời bà lão để lại.

Á kêu ời ời:

- Giời ạ, thuốc sâu thuốc siếc giết tiệt cua cáy, tôm tép, đồng trắng nước trong hết, cả con người cũng chết mất ngáp đến nơi.

Ổn đương mải nghĩ:

- Hùm, ở bên kia ấy mà ngoài sông bể có cả con tôm hùm to bằng cổ chân, con tôm con tép ở đây ra cái qué gì.

- Cút về bên ấy mà ăn tôm hùm!

Ổn như không nghe tiếng, vẫn hùng hổ:

- Ông ấy à? Giá mà, ngày trước ông nghe người ta, ông xuống Bắc Ninh thì ông quơ đâu cũng được một nắm vợ.

Vợ Ông đã rác cả tai với những câu “giá mà” ấy. Hết cái tật “ngày trước ở bên ấy” của ông lão Ông. Nó lại sắp ba hoa đến chuyện những con bé Tây đen bên Bắc Ninh, chạy thi toàn giật giải nhất. Đứa nào đi cũng nhoay nhoáy dít, mặc quần cộc lòi cả lông, chân lênh khênh như hai cái cột nhà. Cũng nghe hơi thôi, chứ ả biết thừa nó đã biết Bắc Ninh ở đâu. Nhưng mà nó dám mở mồm thế trong lúc nó bám váy ăn báo cô người ta thế này.

Mụ quát:

- Chó kêu ăng ăng cái gì nào?

Vậy là Ông im.

Ả ngồi xuống hờ ơ kể lể than khóc. Bốn bên chẳng động tĩnh. Rồi trong vách lại im ắng như không. Đến chiều, nếu ai đi qua mà tò mò nhìn vào thì thấy vợ chồng ngất ngưỡng với cái chai lưng xó rượu. Vẫn cảnh đã quen mắt như hết ông lão bà lão ngày trước. Nhưng một hôm có một chuyện khác, ấy là buổi trưa như mọi hôm, mụ Ông đi kéo vó tôm về. Mụ không khác cái gọng vó, mụ đeo chiếc bị cói. Bị có vẻ nặng nhưng mặt mụ không nhăn nhó cau có như mọi khi. Mụ buông bịch cái bị xuống.

Ông thò tay lôi ra một mảnh tôn bằng cái đóm, hai đầu nhọn đâm lên.

- Gì thế này?

Mụ dịu dàng:

- Nhà nó không biết à? Cái lưới câu, lưới câu tôm hùm, tôm heo gì ấy. Người ta đặt làm.

Ông ề à, thản nhiên:

- Biết, biết, lưới câu tôm hùm... ở bên kia thiếu gì giống tôm hùm, câu tôm hùm...

- Tôn, kẽm thì của người ta. Mình làm lấy công... Làm nổi không?

- Tưởng ông nói phét à? Ở bên kia ông đã đánh chén vô lũng tôm hùm rồi chứ chẳng nói chơi.

- Làm được hay không thì để còn đi báo người ta. Cứ hươu vượn mãi...

- Xong rồi.

Mụ Ông đi ngay. Một lúc lại xách về hai cái bị đựng mảnh kẽm như mới cắt ở cái thùng tôn nào ra. Ông đem cưa, đục, cái búa đinh ra.

- Ngồi ở chỗ khuất kia kìa. Tôm cá nhà nước nuôi, cấm người đi câu trộm ngoài hồ, phải làm bí mật, kín đáo, không được rỉ rãng với ai đấy.

Những miếng tôn được cắt ra như mỗi chiếc đinh dĩa, hai ngạnh bắt cong, dũa nhọn. Ông ngắm nghía:

- Cái này mắc vào họng, bỏ mẹ mày thằng tôm hùm.

Ngày ngày, mụ Ông đeo đi một bị chiều về lại có rượu thịt, không còn phải bữa đục bữa cái, như dạo đối việc.

Một hôm, có ông xã đội đi qua rồi quay lại, vào nhà. Hai dân quân xách khẩu súng trường vào theo. Nhà ven đường, không mở hàng quán, nhưng lắm người cứ được đổi đường đến đấy thì nghỉ chân, không vào đầu hè thì ngồi ngoài gốc cây đề.

- Ông xã đi đâu đấy?

- Có việc đây.

- Việc à...

- Chúng nó tố cáo nhà đảng ấy làm đình để các thằng chữa xe đem rải ra đường đâm cho thùng lốp. Phải không? Mà còn không với có gì, cả chục thằng chữa xe ngoài kia đều nói như một.

- Ờ hay!

- Lệnh của huyện cảnh cáo, tịch thu lò rèn...

- Các ông cắt côm nhà tôi á?

- Làm đồ quốc cấm thì phải tội chứ đùa à? Thế là trên chiếu cố mày thành phần công thương. Đáng nhẽ phải ngồi tù cơ.

Ông có cảm tưởng tội mình nặng mà được giảm nhẹ thật và mím cặp môi phều lại. Hai người dân quân đào lật hai ống bể lên với hai chiếc gậy buộc giẻ bùi nhùi. Cục sắt đè nặng, xà beng bẩy không được.

Xã đội nói:

- Thôi, cái ống bể, cái kéo bể này đem về huyện báo cáo được rồi.

Ông nói:

- Làm một chén đã, rồi hăng đi.

Câu mời không phải lúc, thế mà ai cũng ngồi xuống. Mỗi người tợp mấy chén rồi bước ra, cắp theo hai ống bể. Ông ngẩn ngơ trông theo rồi vào trong nhà, nhìn nhác qua cái kéo, cái cưa, cái búa, cái dũa... Ông lẩm bẩm: “Đồ thông manh, đây mới là đồ rèn chứ!”, nhưng lại nhìn ra ngay, như sợ mấy người kia nghe tiếng. Cẩn thận, Ông ra cài then cửa.

Mụ Ông đi đưa hàng về. Hôm ấy, mua quả dứa, một xâu thịt bò bạc nhạc. Bạc nhạc bò xào với dứa nhắm rượu thì lịm người, mà chết côm, khoái quá. Ông nhãng hẳn việc ông xã đội vào bắt đi cái ống kéo bể, đến lúc mụ chợt thấy nhà vắng vắng thế nào. Mụ hỏi:

- Cái bể lò rèn đâu rồi?

- Thằng xã đội đến tịch thu.

- Tịch thu là ra làm sao?

- Nó bảo tao làm đình cho các thằng chữa xe bẩy xe thùng lốp, trên huyện bảo bận sau thì phải đi tù...

Rồi Ông lại nói như cắt nghĩa:

- Luật với lệ, ra cái đích gì. Năm trước, công an sục từng nhà bắt rượu lậu, nào mu rùa, nào nòi ba, nào ống nước cất, cũng vẽ vờ đưa lên huyện. Bây giờ thì cả làng nấu rượu, nhà thằng xã đội ấy cũng nấu, chẳng thấy đưa mả mệ nào đi lòng. Ha, ha, ha...

Mụ Ổn ngấn mặt:

- Mà nhà ta có làm bẫy thủng lốp xe đâu. Ông xã đội bắt nhầm rồi. Nhà ta làm lưới câu tôm hùm cơ mà. Người ta vẫn đưa bao nhiêu kềm đây này.

Hôm sau. Ổn lại lui húi cắt, dưa nhón đầu đình. Đều đặn, mụ ổn xách bị đi “trả hàng” như mọi khi rồi lại đeo bị mảnh kềm về. Buổi chiều, cơm rượu cá rán, canh riêu tinh tươm vẫn ngồi ngoài đầu hè.

Một hôm, xã đội lại đến. Xã đội trưởng thủng thỉnh đi một mình. Ổn bước ra “mời ông vào chơi”, tay quơ găm chõng lôi chai rượu ra.

- Gớm, rượu thuốc, oách nhỉ!

- Cái vỏ quýt bỏ vào cho bớt nồng mùi rượu thôi.

- Vỏ quýt chữa chứng đau lưng đấy.

Xã đội nhìn vào vách trong, hỏi:

- Vẫn làm đình bẫy xe đạp à?

- Trên huyện chỉ nói bố láo. Các ông bắt oan của tôi cái ống bể. Mời uống đi. Cái này êm lắm.

- Những miếng tôn làm gì kia?

- Làm lưới câu tôm hùm. Tớ làm lưới câu. ở bên Tân Đảo tớ vẫn câu tôm hùm thế.

- À... à ra thế...

Xã đội tộp sông bốn chén, rồi đứng dậy, khật khưỡng ra. Vừa đi vừa lầm rầm: Thế à... à ra thế... tôm hùm... bẫy xe... câu tôm hùm. Ông xã đội, thằng bồ hóng, con mụ giang há, bọn ăn người ấy đều biết cả, mà cứ vờ thế thôi. Người ta bây giờ hay nói giả vờ như không.

Tình buồn

Ngày trước ai đi lấy chồng như bà Tứ người ta bấu môi chửi là gái nứng đi theo không và khinh ra mặt. Ông Tứ nghề thợ ngõa, quanh năm đeo hòm vác cưa, cầm phần nẩy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dưng đưa về một người con gái. Làng nước thì thảo cô này chữa buộm, đưa trai đầu lòng ấy không phải con phó Tứ. Có người bảo là anh thợ mộc cuôm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới Nam, nghe rõ giọng kẻ bề. Lại kẻ thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa, vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào.

Bà con rồi cũng gọi là thím Tứ, cô Tứ. Dần dà thì sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thế sự đã thay đổi thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bới móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khăn gói lấy chồng theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chồng phó Tứ có ba người con. Chồng đặt tên con theo cái thú chơi cờ bạc là sáu mặt con thò lò, thoát nghe cũng có buồn cười một tý nhưng rồi mới sinh ba con, nên chỉ có được thằng Nhất, cái Nhị, cái Tam. Thế mà đứa nào cũng khá cả. Thằng Nhất học hết bậc phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô Nhị, cô Tam lấy chồng làng bên, những con rể có chức vị, có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia, ông Tứ ốm. Rồi ông mất bệnh già. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đấy mà bà phó Tứ đã lợm khộm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liều liệu mỗi nhà ít lâu, nhưng Tết nhất hay giỗ chạp thì thế nào bà cũng về ở nhà con trai là anh Nhất. Mới mấy năm trước, còn đi ra ruộng làm cỏ lúa. Giữa trưa, nắng chang chang mà xách được giỏ cua dưới đồng sâu về, lấm như vùi. Mấy năm nay thì chịu thua rồi, chỉ loanh quanh nhặt nhạnh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nết đâm ra lấm cẩm dần, ăn đâu lại quên đấy.

Bà Tứ ngồi rười rượi trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi: “Bà đã xơi cơm chưa?” Vừa xong bữa hẳn hoi, mà bà Tứ ngậy mặt ra rồi hừ một cái: “Nào đã cơm cháo gì đâu!” Người con dâu trưởng đã để ý cái nhặng tính tai ác ấy của bà mẹ chồng từ lâu. Có lần chị cũng nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buông đũa xuống, đứng lên: “Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chết không nhắm mắt à!”.

Các cháu cũng không dám nói cợt bà thế. Tưởng chỉ ở nhà giáo Nhất thì có thể sinh ra chuyện “chó dữ mất láng giềng, dâu dữ mất họ” bà lão mới hay giở chứng, nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vùng vằng, mà trước mặt các con gái, bà con rửa xả ác khẩu gấp mấy: “Là con chó dại cắn càn thì mới mở mồm ra ăn không nói có thể”. Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhất không sang nhà các con gái. Thỉnh thoảng hai cô em đèo sang anh yển gạo và ít tiền. Được cái anh em nhà này vốn cũng dễ dãi, êm thấm cả.

Nhưng mà người ta cái số tuổi càng gông đeo trĩu cổ thì lại chỉ trái tính hơn. Bao nhiêu nét na, kỹ càng, ý tứ và thời con gái nhanh nhẹn ve vén việc nhà của cô Tứ xưa, bà lão Tứ bây giờ vẫn còn nhớ cả đấy nhưng bà lão thì hàng ngày chỉ còn làm trò chơi cho lũ trẻ con.

Bà vẫn nói: “Người ta trước kia không tuềnh toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nồi cơm bung lên nhớ lót rế, xơi cơm thì có đĩa cả, đàn bà con gái phải ngồi đầu nồi... Không vét

rồi quên quệt - vết nôi là diêm năm ấy dôi kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thổi ít cơm thế. Dâu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo đứng lên sớm hơn trước cả nhà." Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thế. Bà hay mắng: "Bố chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uống hùng hục như lợn thế thì bố chúng mày đi bảo người ta học cái gì!" Bà rửa róc thế, các cháu chỉ cười hô hố.

Không phải chúng nó cười những sự cổ tích nhiều khê của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hăm của bà. Chả là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lắm tính khác.

Ăn dôi thì phải chóng dôi. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắc đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà mày, mất kèm nhèm đuổi con gà cũng không được, nên bót mồm bót miệng lại. Nhưng mà thế thì dôi, làm thế nào.

Khi nhà vắng, bà lão Tứ lần xuống bếp. Bà lão sờ soạn các thứ từ cái mâm chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chấm rồi đưa vào hàm móm mút chùn chụt. Chỗ cơm ngועi còn đến lưng liễn. Bà lão bốc một mắt to. Mỗi lần bốc, bà lão lại lấy tay san phẳng vun khéo lại như cũ. Hai hàm răng bà lão đã rụng hết, lâu nay chỉ nhai bằng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương dôi, lại đứng trong bếp một mình, cho nên cứ việc bốc bải, nhai nuốt, mặc sức tự nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi chứ không phải lúc ấy chỉ có một mình đâu. Hai con mắt bà lão bị nhài quạt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà quen bước chân và người chỉ nhìn bóng mà đoán ra.

Mấy đứa nhóc tụ tập ngay ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bấm lưng nhau im lặng xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bốc cơm... Chốc bà lại chột hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đứa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng:

- Ồi!

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào chạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay gần tự nhiên:

- Đứa nào về đấy?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to:

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ ồn ào cười một lượt:

- Bà ăn vụng cơm! Một, hai, ba. Bà ăn...

- Cha đẻ mẹ chúng mày!

- Mép bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha đẻ mẹ chúng mày! Tao thề có thổ thần hai vai, tao mà nuốt trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giờ tru đất diệt tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thề...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt đổ ròng ròng, ra ngồi ngoài ngõ. Vợ giáo Nhất chỉ tủm tỉm cười, giáo Nhất thì quát chúng nó im. Giáo Nhất vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ:

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thế.

- Tôi thề, tôi thề có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thế thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thế nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp. Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem “trò chơi” bà ăn vụng.

Bà lão Tứ bốc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng! Một, hai... Bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cù nhãn, lật đặt đóng cánh cửa chạn.

- Đẻ mẹ chúng mày!

- Một, hai, ba...

- Có quỷ thần hai vai...

Thường mỗi sáng lại sinh ra trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quên bố mắng, lại lỡ miệng ríu rít kể. Bà lão lại bỏ bát cơm lẫn thẩn ra ngồi ngoài ngõ. Giáo Nhất phải quát “Không được hỗn!”. Rồi những đứa trẻ cũng sợ bố, không dám nói huyền thuyên, bắt chước cả bà bốc cơm, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không: “Cả tối bà cũng lần xuống bếp, chả cứ ban ngày!”.

Giáo Nhất lặng im. Nông nổi nhà này cũng lắm éo le. Vợ giáo Nhất chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng cho nên không bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thế gian mai mỉa “Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày”, nhà không hề có tiếng bác tiếng chì về gánh nặng mẹ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhất càng đáng tất. Nhất không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhớ bà cụ lấy bấy sa chân thì khổ. Nhất tự tay giặt xống áo cho mẹ. Vợ giáo Nhất làm như không để ý.

Cái sự con trẻ xấc xược thì giáo Nhất cũng chỉ coi như một bức mình lật vặt dẹp đi thì thôi. Nhưng mà việc đòi đổi thay như mưa nắng có con kiến và con người vằn xoay ở trong, và

chăng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Việc ấy, ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhất che chiếu lên một gian bên, kê cái giường ra phía ngoài cho sáng một chút. Rồi bẻ hai quăng nan giường, dưới đặt một thúng tro. Lại cắt thúng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện đái ỉa.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày mưa dầm, ấy là bà con xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bưng bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được, Nhất ngồi đút từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cổ nuốt, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mép chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất:

- Mẹ có việc nhờ anh.
- Có gì thì mẹ bảo.
- Mẹ không phải người làng này.
- Mẹ cứ lẩn thẩn nghĩ ngợi điều ấy làm gì!
- Không, mẹ có nghĩ đâu. Mẹ chỉ muốn nhờ con.
- Vâng.
- Mẹ quê ở Giang Hạ bên kia sông thôi.
- À làng Giang, làng Hạ.
- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ con vào xóm Đồng, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng người trước tên là Côi, anh cả Côi. Con nói rằng ông Côi có được thư thả thì mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Côi, cái anh cả Côi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Côi, bởi tôi vẫn bà cô ông mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lệ và thói quen kính nể, ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba - chỉ có mấy con mẹ bán bánh đúc tương ở chợ hay ốm ờ chót nhả thỉnh thoảng cứ réo tên cúng cơm gọi đùa là ông Côi, ông mãnh Côi, bao giờ ông Côi cưới bà ấy cho chúng cháu được ăn cỗ. Có mà lấy bà sáu tấm. Ấy, chúng nó cứ trêu chọc thế. Tôi chẳng chấp.

Anh giáo Nhất chấp tay nói:

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh giao nhau khi người ta cũng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người đàn ông này, cái mũi và con mắt sao mà

phẳng phất cô ấy đến thế.

Mấy chục năm qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trống không, người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách nào. Cô ấy ngày trước con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi: “Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cấp thúng đi không muốn thì...” Tôi bực mình, mát mẻ: “Nếu mẹ không bỏ được cái tội khâu muốn ăn cơm nhà người thì giá có được ngày nhờ người đến đánh tiếng, chắc ông phó lý bố em cho tuần cầm ba toong ra đuổi ông mối, chứ gì!” Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi vớt đi đâu được việc khâu muốn ăn cơm khoán, cho bố con tôi thôi đi bỏ củi thuê và các em tôi ngày không cấp cái bị bật quai ra cửa đình nhật lá đa về phơi lấy cái đun. Chúng tôi như con săn sắt, con mài mài trong ao làm sao bỗng thành con cá hóa rồng được. Làng xóm dần dà cũng biết cuộc đàn diều thăm vụng éo le này. Ông phó lý đã đánh cô con gái thừa sống thiếu chết. Có khi xích chân vào cột buồm cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bỗng bột như điên. Sẻnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ hai đứa cùng ra cái đầm đầu làng nhảy xuống trầm mình. Tôi phải chấp tay van lạy nín cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy đã tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, nơi môn đăng hộ đối những nhà phó lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có hàng cau, vườn sau chuồng lợn ao bèo thì cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nỗi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau làng nước coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân gian há lên tỉnh la liếm hàng cơm quán trọ. Thế nào thì rồi mọi chuyện gả bán cũng xong xuôi như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngồi đấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, chạm ngõ, ăn hỏi, lại đã qua một cái sêu Tết tháng Bảy, đến dạo cơm mới tháng Mười này thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhất mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hồi còn trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm mẹ chỉ như gái để chít khăn vuông sùm sụp, ra cái chợ hôm lèo tèo mấy mủng cá tép ươn của nhà chài dưới sông đem lên đầu làng lúc sẩm tối. Con người gan liền đến thế. Chẳng được đẹp phận như người ta, thôi thì coi như một đời đành vùi vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biết.

Cái lão ba Côi tôi theo giáo Nhất về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiếc đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thế. Bên này ới bên kia, con đò tai nghênh ngang, chênh mảng, eo ọt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những Giêng Hai, mưa bụi như phấn hoa ngô bay, những chuyến đò đưa đầy người vào xem hội làng trong cánh đồng.

Còn đương băng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đụng bờ cát. Anh giáo Nhất vác cái xe đạp lên trước làm tròng trành con đò ọp ẹp. Ông Côi đứng dậy, chị nhà đò một tay bế con, một tay giơ chiếc chèo cho ông lão nín lấy, lấy bấy lần lên. Rồi tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập, vừa xăm xăm bước. Anh giáo “mời ông lại lên xe cho con đèo ông đỡ mỏi”, nhưng tôi bảo anh cứ để cho tôi đi thanh thả thế này. Xóm nhà anh tôi cũng biết rồi, chỗ

khơanh tre quăng sông dưới kia chứ đâu.

Nghĩ thế thì tôi bồi hồi giật mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đâu mà cô ấy dường như vẫn biết tôi, vẫn nhìn thấy tôi.

Nếp nhà ba gian lợp lá mía, đứng tre trát xi măng xám nhạt. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườn xoan sau nhà. Cái cổng rong cành rào trống hỏ, con chó cũng chui lọt. Nhà tuy ngăn nắp nhưng chẳng có cửa nả, cũng không cửa giả nên hờn. Tôi bỗng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. Ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lấy được nhau thì nhà cửa, vườn tược, con cái chắc cũng tương tự đại khái thế này. Ngày ngày ra sông xuống đồng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. Ở trong làng xóm, ngẩng mặt lên bốn phía bờ tre mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia đồng đất thế nào, tôi đương đi về nhà tôi đây.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu kê đầu giường bà Tứ. Lũ trẻ lại đã lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngồi ngóng khách đến chơi thăm bà - nhưng nhiều khi chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chắt, chơi đồ lá.

Không, bà lão nằm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ chỉ ra nông nổi buồn thảm này. Tôi ngồi im. Tôi nghĩ thầm, tôi cầu mong không phải. Thì cũng đâu phải, cô ấy ngày xưa, cô ấy ngày xưa cơ mà.

Tôi cởi gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thế nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duối to ấy, hả ông?

- Vẫn đấy. Nhưng cây duối thì làng xẻ đóng làm bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Thôi mà...

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai tay lên mặt người con gái năm xưa. Mặt người ốm trắng nhợt lạnh như đá mà nước mắt thì nóng ẩm đầm đìa lòng bàn tay tôi. Tôi sờ đến hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhắm lại, tôi dừng tay. Anh giáo Nhất quỳ xuống, ôm hai đầu gối tôi. “Ông ơi, mẹ cháu đi rồi”. Tôi vuốt lại hai con mắt người vừa nhắm. Thôi thế bà ấy đi rồi, cô ấy đi rồi.

Những người con dâu, con gái đứng ở chân giường ôm mặt khóc nức nở. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiếng khóc ánh ỏi, léc téc như những con chim sẻ bay vỡ đàn.

1993

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Cối, cối ơ!

Cái đau, cái vui chấp lại thành ngày tháng, ngày tháng cả đời tôi chỉ có mưa dầm chẳng lúc nào tạnh. Giá mà ngày ấy cố theo anh em, giá mà cứ ở quách trên ngược thành ông bủ trồng sắn... Đời tôi cũng chỉ toàn những giá mà...

Thằng Tần với tôi không họ hàng chi trên chi dưới, đệm những chữ “mạnh”, “trọng”, “quý” gì cả. Chỉ một trạc tuổi, ở cùng xóm. Và mỗi năm, khi tháng Ba ngày tám con chó đói sống sót gày lố xương sườn, chúng tôi không phải đói như con chó mà chúng tôi đi điếu đóm theo cụ phó Cả đi đóng cối. Quần xắn móng lợn, gánh nan, gánh dăm... mấy vòng tre treo đầu đòn làm hiệu, chốc chốc lại cong cổ lên hét như gáy “Cối... cối ơ...”

Bấy giờ ngoài Bắc chưa mấy nơi ăn gạo máy. Lái buôn gạo Sài Goòng ra, mỗi thúng kém hẳn gạo chiêm ngoài này cả hào, cả đồng mà người ta vẫn chê hạt gạo gầy Sài Goòng chỉ còn cái lõi, nước vo trong hơn nước mắt, con lợn cũng lắc đầu. Thế cho nên nghề cối xay cối giã vẫn còn thịnh thời. Nhưng gọi là dạy nghề đóng cối thì cũng khó quá. Cụ phó Cả chỉ quát, chửi mà thành việc, chứ ví đâu nhàn hạ tử tế bằng các làng nòi chèo bên kia sông, cứ khai xuân lại ới nhau quẩy hò đi đình đám. Chúng tôi cũng ới việc phải làm rả rích hàng ngày, nhưng êm nhem quá. Cụ phó Cả đi đào trộm những gốc tre đực, những cây tre chết gióc, vác về ngâm giầu xuống ao. Cụ chẻ tre, chẻ mây, đánh đai nan, cưa tai cối, lõi cối. Thằng Tần đeo gộc làm dăm, làm đinh. Cái nhọn bằng chiếc chông tre. Cây tre đực đã chắc, tre dăm cứng như đinh sắt. Thót cối đẩy nhẹ nhàng, trấu bay ra như rắc hoa, mấy mùa mới phải xem lại. Cụ phó Cả đã được tiếng, hàng xay hàng xáo nào chữa cối, đóng cối cũng phải vời đến.

Tôi thì độc một việc tìm đất lèn thót cối. Không biết từ đời Thần Nông, Bành Tổ, cái ông tổ sư nghề đóng cối tai quái đến thế nào đã nghĩ ra chỉ có một thứ đất oái oăm ấy mới nặn nên mặt cái thót cối chắc như trát xi măng. Xi măng còn nẻ, còn mòn, chứ hai thót cối đêm ngày nghiền nhau ken kết mà những chiếc dăm cối cứ trơ ra như hàm răng bàn cuộc của cái đũa tre ranh mười tám. Đất thịt, đất thó gan gà mìn đến đâu, tơi đến đâu cũng không thể ví được với đất tổ mối - đất cút mối làm tổ đùn lên - chỉ đất tổ mối mới luyện được mặt thót cối. Những tổ mối ngoằn ngoèo lên ở chân đê, chân tre, gò bụi tầm xuân, từng tảng đỏ ngòn như xây lũy. Đây là cút mối, mối ăn đất đào hang rồi lại ỉa ra đất, đùn cút đất ra cửa. Đất cút mối tơi hơn tất cả các thứ đất trên đời, lại quện rớt dãi trong bụng con mối, đất như có keo dính. Tôi lang thang bờ bụi tìm cút mối quẩy về sàng sảy, phơi cẩn thận rồi mới quây cốt, đánh đồng sắn đấy. Quanh năm tôi chỉ đi tìm cút mối...

Thợ cối cũng như thợ ngõa, đã vào nhà nào, gia chủ phải liệu công xá, cơm nước ra nhẽ. Nhờ ra, phải thằng nghề mộc khoanh ác, yếm cái bùa vào hóc cột, phải nghi hoặc thế đã bị hốt mấy đời. Còn chúng tôi, không được ăn uống tử tế, chỉ cần đến nhào nhào vài cái dăm. Chưa được một vụ, cối đã long răng bà lão, đủ tần phiền rồi. Cụ phó Cả chiều chiều ngất ngưỡng cút rượu với cái bánh đa, miếng đậu nướng. Việc đáng ba hôm thì bôi ra cả phiên chợ. Chập tối, thằng Tần với tôi chén no kên, cứ trần trùng trục ra đầu ngõ vỗ trống bụng đối đáp hát trống quân với bọn con gái trong xóm. Chỉ bức lão phó Cả trời đánh này, làm mất cả thể diện, chốc lại chồm ra gào toáng lên “thằng nhỏ... thằng nhỏ... lấy cho tao cái điếu”, chứ các em thì cô nào

cũng ngọt xót một điều anh phó, hai điều anh đôi. Lắm hôm lại mua thuốc Lào cả phong về bắt anh phó đôi, anh phó hai hút thi. Các cô cười nắc nẻ chạy tóe ra, những lúc chúng tôi nửa say nửa tỉnh cứ quơ bừa vào mặt, vào yếm người ta.

Bỗng mấy năm tự dưng không trông thấy mặt hạt gạo đầu. Người đi trốn đói vãn cả làng. Chúng tôi đói rạc như những con nhái bén ngắc ngoải rao “cối... cối ơ, cối...” giữa trống không đồng trắng nước trong. Thóc lúa chẳng có mà xay, mà giã. Chỗ nào cũng người đói là ngay bên gốc chuối đang đào. Chẳng phải ai đâu, cụ phó Cả chúng tôi đóng cối giỏi nhất vùng cũng đã chết đói thảm thế rồi.

Giữa lúc ấy, từ trên chợ dồn xuống đầu làng, rầm rầm tiếng trống, tiếng la hét: “Việt Minh... Việt Minh... khởi nghĩa, khởi nghĩa rồi...” Một điều mới lạ không phải cái đói xanh xám hàng ngày. Những người sống sót ngồi dậy, ngơ ngác kéo lên phá kho thóc trên cầu chợ. Cả làng no. Có người lâu không được một hột vào bụng, nuốt cơm vội đến nỗi chết nghẹn.

Trên tổng về đình làng lập trụ sở, mở lớp chương trình Việt Minh, học ở ngay trong hành lang. Trai gái các nơi đến, ăn ngủ hai bên giải vũ. Con gái đi tắm về căng dây phơi quần giữa cửa đình, các cụ cũng không dám ho he. Mỗi sáng sớm, đàn ông đàn bà gọi nhau ra tập thể dục, người đứng thành bọn, dang tay giơ lên hạ xuống, chốc lại hô một loạt: Khỏe vì nước... Khỏe vì nước... Việt Nam lòng vang lên “khổng” (không)...

Cả ngày ngoài đầu làng trống từng từng gọi người đi học làm Việt Minh. Kịp đến nỗi không biết chữ, chỉ ngồi nghe cán bộ nói cũng được. Mà cũng ít thấy ai có giấy bút, chẳng rõ người nào biết chữ. Thăng Tần và tôi đều được vào học, chúng tôi cứ tự nhiên thế - đình làng mình mà. Ai học thì ngày được hai bữa no, riêng như vậy cũng cần đi học rồi. Hai đứa tôi chưa khi nào cắp sách đến ăn mày chữ nhà ông đồ, nhà thầy giáo. Nhưng cái chữ quốc ngữ quả là dễ. Dạo đi đóng cối, chỉ thuộc mấy câu truyện Kiều *Trăm năm “trăm” cõi người ta...*, cụ phó Cả dạy truyền khẩu. Rồi, sợ bề mặt dốt với các ả gái làng, bảo nhau lên chợ mua ở hàng xén hai xu quyển *Kim Vân Kiều*. Học lỏm mà cũng nhớ hết mặt chữ in lúc nào không hay. Chỉ kém cái chưa biết chữ viết.

Tíu tít, chẳng bụng dạ đâu nghe giảng. Rồi có một việc đột ngột, không ai có thể đoán trước được. Hai chúng tôi được đi với đoàn cán bộ lên Sơn La. Nào biết Sơn La ở đâu! Chắc xa lắm, nên chỉ toàn đàn ông được đi thôi. Mừng mừng lo lo, hôm họp ở giữa đình, nghe cán bộ nói thế rồi lập tức lên tập trung luôn trên huyện. Trên huyện còn no hơn, ngày nào cũng nời ba mươi cơm không độn ngô, ăn thả cửa. Đứa nào cũng béo phình má. Được phát một lúc hai bộ quần áo nâu mới. Nghe nói trưởng đoàn là cán bộ “thượng cấp” trước Tây đã bắt ngồi tù ở Sơn La, bấy giờ lại được lên Sơn La làm chủ tịch, chắc ông này phải làm to bằng quan tuần phủ. Thế mà được đi cùng! Hồi hộp không dám nghĩ rồi cách mạng còn run rủi đến đâu.

Thăng Tần và tôi đi chân tay không, chẳng phải mang vác gì, khoái như cụ phó Cả ngày trước. Ngả vào đâu cũng đã có người thổi nấu sẵn. Chỉ phải trèo dốc đá, mấy hôm đầu rất chân, nhưng rồi hai cái gót đã sẵn nẻ miếng của tôi cũng chóng quen. Núi xa núi gần, từ thuở bé bây giờ mới thấy. Nước chảy quanh chân đá, chỗ thì ào ào, chỗ thì trong vắt, gặp toàn những người mặc quần áo chàm, trẻ con sốt rét mặt xanh lợt. Có lúc nghĩ cũng ngại, nhưng mà thôi, có người có ta...

Đến một nơi, toàn cây muỗm. Những gốc muỗm um tùm như rừng nứa bạt ngàn. Đã lên đến Yên Châu, thế mà tưởng đương trở lại cây đa, cây muỗm đường làng. Có lẽ cái lo ốm sốt rét làm cho người ta nghĩ về đường xuôi. Nhưng sao bỗng dừng tàu bay ở đâu đến lượn nhiều quá. Năm trước, tôi đã đi qua nhà máy tàu hỏa bên Gia Lâm đổ tan thành, nghe nói bị tàu bay Mỹ ném bom Nhật, khiếp thế. Tàu bay này tàu bay nào, của ta hay lại của thằng Mỹ?

Trưởng đoàn, anh em cứ gọi là đồng chí Hảo. Tên anh ấy là Hảo, nhưng anh hay nói chuyện trên trời dưới đất chẳng ra đâu vào đâu nên tự xưng chẳng biết ai gọi anh là Hảo rồi thành tên. Cả đoàn họp lại trong rừng muỗm. Tiếng tàu bay ù ù xa xa.

- Các đồng chí ạ, máy bay Tây!

- Thằng Tây đã bị thằng Nhật chặt đầu hết rồi mà?

- Không phải, Tây này Tây thực dân mới. Chắc là có Việt gian đã báo cho nó biết đoàn ta lên khởi nghĩa ở Sơn La, Lai Châu, nó mới ngồi tàu bay đuổi theo. Ở đâu bây giờ cũng có Việt gian, ta phải cảnh giác.

- Đồng chí Hảo ơi, cảnh giác là thế nào?

Trưởng đoàn bảo mọi người đứng xếp hàng đôi rồi đồng dục hô:

- Các đồng chí! Muốn chiến thắng phải bảo toàn lực lượng, giữ bí mật. Chúng ta bí mật quay lại Mộc Châu rồi tính sau.

Mới rút về đến đồng cỏ Nà Sản đã thấy lỗ nhố người dưới chạy lên. Tây nhảy dù châu Mộc rồi. Ngay trên đồi trước mặt, một lũ tàu bay đến thả xuống những chiếc dù trắng dù đỏ tròn xoe, lơ lửng trên đầu. Có Việt gian báo cho Tây rằng chúng tôi về, nó mới biết đích xác nhảy xuống đầu được thế.

Chạy tan tác cả. Tôi không bao giờ gặp lại anh Hảo bí danh đùa là Hảo nữa. Nghe nói Tây nhảy dù xuống bắn chết anh. Lại cũng nghe nói về sau anh làm bộ trưởng một bộ to lắm. Thằng Tần chạy đảng nào tôi cũng không hay. Mấy tháng trời, một mình tôi mò về đến sông Thao. Hỏi thăm người tản cư dưới xuôi lên, biết thế là quân Pháp đã đánh lan ra khắp nơi và vùng quê tôi cũng bị chiếm rồi. Tôi quanh quẩn ở lại Phú Thọ. Từ đấy như trong mây mù chẳng biết gì nữa.

Cái thời đánh nhau với Pháp nhiều sự rất hay, rất buồn cười mà đến khi đánh Mỹ sau này không bao giờ còn thấy nữa. Tôi cũng không định lại đi đóng cối, dù thấy ở trong làng vẫn có cối xay cần thợ cối, chữa cối. Bởi vì chẳng phải làm gì, thế mà tôi vẫn no, vậy mới lạ.

Qua một làng, thấy ở dưới ruộng, dân quân súng gỗ, lựu đạn đất nung đương “bò lăn lê toài”. Tôi xuống giúp ra mẫu mấy động tác. Rồi đi đều bước... một hai... một hai... rồi hát “Khỏe vì nước... kiến thiết quốc gia”. Đích thị đồng chí này là cán bộ, cán bộ ơi, ủng hộ chúng em với. Mọi người nín thở ở lại giúp đỡ và cái ăn cái uống cả tháng thì không đáng kể.

Cứ làng này qua làng khác như vậy, chín năm kháng chiến trôi qua, đến khi bộ đội giải phóng Thủ Đô tôi mới về làng. Tôi tần ngần nhìn cái đình ngày trước, cỏ lau đã mọc thành gò. Những tổ mối vằn vèo đỏ khé, trông bỗng thấy ngon mắt, nổi máu muốn đi tìm cắn mối đóng cối. Nhưng cũng chỉ nghĩ thế thôi, và tôi lại nhớ lại. Tôi nhớ cái đêm ở lớp học Việt Minh bọn con gái kêu: “Việt gian” mà thằng Tần đã cười mũi mắng tôi ngớ ngẩn, ối giời, cái thằng Tần! Chính

nó mò sờ soạng bọn con gái chứ Việt gian Việt ngay gì đâu. Gần mười năm như một đời người, dẫu sao cũng là tôi vất vả xoay xỏa miếng ăn, tôi chẳng lúc nào còn nhớ đến thằng Tần.

Thế rồi trông ai như thằng Tần. Lúc đầu nhìn đích thằng Tần, rồi lại tưởng ai. Bởi vì lẽ nào thế được. Người ấy xúng xính bộ quần áo ka-ki màu xi măng, đội mũ cát. Tôi đã thấy cán bộ đội mặc như thế, và đã phân biệt được áo không có túi, thắt lưng da to, là lính trơn. Tần mặc vét đại cán, hai túi có nắp đảng hoàng. Nếu không cán bộ như ông Hảo ngày trước thì cũng cấp chỉ huy. Tôi chợt thoáng nhìn xuống cái quần tôi xắn móng lợn nhuộm lá coi xám ngoét. Chiếc áo trấn thủ ô trám rách bươm từng múi, nhặt được ở đâu, không muốn nhớ. Vẫn như thằng phó nhỏ đóng cối năm nào, tôi ơ là tôi...

Cái lạ nữa, Tần ngồi ô tô com-măng-ca, người đi đằng lưng cũng nhìn thấy ngay - bấy giờ cán bộ thích cái xe này, người đi sau cũng trông được cán bộ ta đây, không như hồi xe có cửa kính, che miếng vải hoa mới là sang. Cái ô tô đỗ xịch ngay cạnh tôi.

- Tao tưởng mày chết ở châu Mộc rồi kia mà!

- Không, tao... tôi... tôi...

Tần cười hô hố, vỗ vai tôi. Bụi áo bông của tôi lăm lên trong nắng hanh.

- Ồ! Mày vẫn đủ dờ bỏ mẹ!

Tôi tủi thân vì câu nhận xét và cái cười thả cửa của Tần. Dù dờ, nghĩa là chỉ còn thiếu cái đòn lồng mấy vòng quang mây, bó nan tre của thời cối ơ cối ơ chứ gì. Nhưng tôi cũng nhận ra câu chê bai thân mật, không phải Tần có ý chế nhạo, khinh khi tôi. Bởi vì cái ô tô đã phanh bên nách tôi cơ mà. Đúng thế, ngày trước cũng thế, mặt mũi tôi lúc nào cũng ngu ngơ nghếch lên, chẳng ra đón chuyện, chẳng ra dần. Mà cái thằng Tần lăm lì cả ngày đeo dăm cối cặm cụi không nói một câu. Bây giờ vẻ lì xì ngậm tằm ấy lại hợp với dáng điệu nghiêm trang, oai vệ. Chắc to lắm rồi, Tần làm to lắm rồi. Chẳng to mà lại ngồi một mình một cái ô tô.

Tôi vẫn đứng ơ ra, bắt đầu run.

Tần hỏi:

- Bây giờ đảng ấy công tác ở đâu?

Dẫu sao, tôi đã thạo đưa đẩy kiếm bữa, tôi trả lời trôi chảy:

- Mình công tác trên Tây Bắc ấy mà, bận lắm. Nghe nói làng quê đã giải phóng, mình về thăm.

- Vợ con chưa?

- Chưa.

Tần nói ngay một câu, như nó đã đi guốc vào bụng tôi:

- Hay lắm. Chưa nhận công tác cơ quan nào dưới này chứ gì? Thôi, đi với tớ.

- Ờ, ờ...

- Bây giờ tớ công tác muối, tớ phụ trách Cục muối.

Tôi ngơ ngẩn - mà cũng không hiểu thật.

- Muối à?

- Ừ, cái muối ta vẫn ăn ấy. Nhưng đây là trăm nghìn tạ, tấn muối được cục thu mua đem về cho các nhà máy, nhà máy. Chúng ta đang tiến lên công nghiệp. Các nhà máy sẽ được xây dựng, nhà máy nào cũng cần muối, chợ nào cũng cần muối.

Tôi cũng chẳng hiểu hơn, chỉ đáp chịu chuyện. Mà trong bụng như mở cờ. Đám ra hay, làm sao ở đời lại có những run rủi đến thế này. Cứ như trời đã bày bàn xóc đĩa ra. Xưa kia Tần và tôi cũng chẳng đứa nào có của nả, vườn đất gì ở cái làng này, tôi định phát phơ về một nhát thôi. Nhưng giờ gặp thằng Tần ngồi một mình cả cái ô tô thì lại khác.

Chúng tôi vào nhà ông bố con cụ phó Cả ngày trước. Ông bố mấy năm nay trốn lính cũng bỏ làng ra tỉnh đập xích lô và mới trở về. Làng xóm vẫn xác xơ như trước kia. Làng tôi là vùng đai trắng. Tây không ra đóng bớt đến đấy, mà ta cũng chỉ vượt qua đây vào thành phố hoạt động. Không tề, cũng không cơ sở, người làng sợ Tây sợ cả ta, bỏ đi tiệt như cái năm đói. Đồng ruộng thoi thóp, người ta vào tỉnh làm ăn mọi thứ kiếm miếng, bồ củi, mài dao, đập xích lô, thông cống, đi ăn mày. Còn nghề đóng cối thì đến ông bố con cụ phó Cả cũng không nổi được nghiệp bố. Bây giờ đâu đâu cũng máy xay máy xát. Cái gạo Sài Gòn máy trước kia bị chê ỏng eo gạo gãy không còn nhựa, bây giờ tàu thủy tải ra, người thị thành ăn gạo máy đã ăn quen.

Tần đưa tiền chú tài xế lên chợ mua con gà. Cả nhà ông bố vui như Tết. Chú lái xe phải mệt. Nhưng cũng khoái. Ai nấy hơn hớn. Người đi chợ trèo vào xe chơi đông ních. Chú lên lái một vòng quanh ao làng, quanh cầu chợ, một tua xa rồi mới quay về. Mỗi người được một lượt ô tô hả hê.

Thế là tôi đã thành cán bộ muối. Rồi được biết cái chức thật của Tần cũng chỉ là tổ trưởng mười người. Chiếc xe lên mặt huếch giương oai với làng xóm hôm ấy đi mượn. Nhưng vẫn nghĩ, thế cũng là thằng Tần tài thật, tốt thật.

Tôi càng phục thằng Tần. Những lúc họp, Tần đỏ găng mặt, giơ tay: “Thưa các đồng chí... Chúng ta kiên quyết... hoàn thành đợt thi đua...” Tần nói oang oang. Chắc ở ngoài kháng chiến Tần đã được học nhiều lắm mới phát biểu giỏi thế. Những tổ viên ngồi bàn trên mở sổ tay, rút bút máy ra ghi hí hoáy. Cái mặt thì vẫn dích mặt thằng Tần ngồi đẹo dăm cối năm nào, nhưng sao mà bây giờ Tần phát ra nghiêm nghiêm oai oai thế nào, mỗi khi tay chống nạnh hay giơ lên bầm bồ làm nhịp cho mỗi câu nói. Song nghe nhiều lần rồi tôi nhận ra nhiều cái cũng quen mắt, quen tai như cứ đến lúc Tần hát hàm “hứ, hứ” mấy tiếng, người biết hiệu thế là tổ trưởng sắp nói xong, liền vỗ tay độp độp bể mạc.

Từ cha sinh mẹ đẻ, tôi chưa hề để ý đến hạt muối. Công việc mới mẻ. Nhưng tôi cũng chẳng lo, mà tôi đang có tính toán khác đáng phải nghĩ hơn. Đã ngót nghét bốn mươi tuổi rồi, tôi vẫn trên răng dưới dãi. Dầu tôi đã thành cán bộ muối hần hoi, nhưng tay trắng, nhà trống. Chẳng khác cái thằng phó nhỏ xưa. Lấy được vợ khó lắm. Ở làng, đứa bằng chà bằng lúa chẳng còn ai - những con choai choai thì đi qua mặt mình, đuôi mắt nó hếch chỗ khác.

Nhưng mà xuống các vùng kẻ bể dưới kia ấy a, mỗi khi “cán bộ muối” tới thì cứ dút đi trạm nào, họp tác xã nào, gà què lẩn đùng đùng, thế vậy quơ vào đâu chẳng được con vợ. Hãy cứ từ từ. Cưới vợ chọn tông cơ mà. Ngại một nỗi các làng làm được hạt muối dầm mưa dãi nắng thế mà cũng chẳng kiếm ra mấy hạt tiền. Nhà nào cũng nghèo rớt. Một gánh muối quẩy lên trạm

được phát cái giấy đem về đi đóng gạo, người cứ lủ lượt, rách rưới, ủ ê. Vì việc của tôi mà tôi nhận xét thế, chứ tôi đâu để ý cái gì. Tôi còn so sánh con gái vùng Biện Sơn, Nghi Sơn trong Thanh mặc váy đụp, ruồi nhặng vù vù theo đũng váy khi các cô quẩy muối mà thấy thảng, ghê chết. Con gái Thái Bình, Nam Định hay hơn. Lần này xuống Tiền Hải. Xem chừng cô con gái ông nhà trạm được đấy. Ăn nói đến táo tợn. Cứ chuyện sắn sỗ “- Cán bộ góa vợ mấy lần rồi? - Vẫn trắng răng đây, anh già rồi chẳng ai thương - Cán bộ là chúa hay nói dối”. Đã ỡm ờ mấy lần kiểu này. Có lẽ quyết thôi. Cứ Thanh Hóa, Thái Bình kén cá chọn canh chần chừ, khéo mà công cốc, nhỡ nhàng. Phen này quyết cưa con gái trạm trưởng muối Diêm Điền dưới Tiền Hải.

Thị trấn Diêm Điền lơ thơ mấy nóc nhà trống trải. Chẳng thấy biển đâu, hai bên bãi sù vẹt bùn lầy mênh mông ảm đạm.

Hôm ấy trạm muối về cân và mậu dịch huyện cũng đến kỳ thu mua lợn. Không phải ngày phiên mà đường đông như chợ. Tôi ra bắc cân, ghi phiếu từ tờ mờ sáng. Các tổ muối đã quang gánh lên ngồi ràn rạn. Đi nộp muối sớm, còn về kéo nhỡ mất buổi nắng thào nước mặn vào ruộng.

“Đây cân muối hay phát phiếu bán lợn? Đâu ăn muối, đâu?” Ai cũng đã biết rồi mà vẫn dăng dăng hỏi, như không còn câu gì nói nữa. Những tiếng chửi bới nhấm nhẩn giữa giờ chẳng ra rửa ráy ai và những nét mặt khoằm khoằm khó dăm dăm. Những con lợn trên tạ được khiêng vào quăng xuống bên những cái cốt kẻ khẩu hiệu “Trả thù cho đồng bào Phú Lợi”, nét chữ hắc ín còn mới. Hàng dứa của đoàn thanh niên trồng bên đường hôm mít tinh, bây giờ sâu đục trơ trụi lả ngọn. Tiếng lợn kêu văng óc. Lão khiêng lợn chống cái đòn ổng ngồi thần mặt một lúc rồi đứng dậy, lấy cùi tay chùi mồ hôi. “Ông mậu” lợn mặc áo đại cán ka-ki đứng ngậy nhìn người ném đòn ổng lên mặt chiếc cân bàn nhầy nhựa phân lợn. Cứ liên liến trả tiền rồi phát phiếu ghi số cân thịt người bán lợn sẽ được mua ngoài chợ. Nhiều nhà thảng sau mới có ký, nhưng đã phải đem lợn đi bán sớm. Cầm cái phiếu xem được mua mấy cân đã. Đòi thừa nào mà lợn nhà bị đem bán để bắt “được” đi mua thịt chợ, cái mồm những “ông nhà mậu” nhiều lưỡi lắm, nói thế nào cũng ra nhẽ, phải làm đạo chắc, dẫu chỉ mới cầm miếng thịt giấy.

Gian bên đương túi bụi cân lợn. Ông lão chống cái đòn ổng trước mặt tôi. Tiếng kẻ bể dọng một nặng như dấm vào mặt:

- Cân muối hay cân lợn? Nhà mậu lợn hay nhà mậu muối?

Không biết lão giả vờ hay có lẽ lão ấy đã nốc rượu sớm, lóa cả mắt, nhằm bàn cân. Tôi cũng buông một câu đuổi trống không:

- Sang bên kia!

Mặt lão tím lịm, mặt rượu bắt nắng bỗng dựng lên. Cả chiếc đòn ổng với cả lão ta lao vào ngực tôi: “Kia à! Kia à! Kia à!” Tôi hoa mắt, quỵ xuống. Người ta chen vào cân muối, trông thấy mà cứ đứng dưng. Xéo lên tôi, những bàn chân vẫn mãi miết xô đẩy. Linh tính hỡi cái chết thế nào mà tôi bò được vào góc tường.

Tôi nằm chổng vó thở hồng hộc. Như con lợn bị chọc tiết đến lúc giã chết, đương thở hắt ra. Ôi nhớ lại ngày nao đi đóng cối, bỗng thấy thanh thoi. Ai bảo người hấp hối gần đất xa trời thường nhớ lại thuở bé. Tôi thấy đấy. Tôi đương nhớ khi tôi lủ tũn biết đi. Thế rồi tôi đã chết

ngay ở chỗ xó tường ấy. Trút hết hơi rồi mà vẫn không đoán ra cái ông lão vác đòn ống đâm tôi thẳng “mậu” muối hay là lão đâm cái thẳng “mậu” lợn. Có lẽ lão ta nhầm, tôi chết oan chẳng?

Tôi chết rồi, tôi đâm ra thông thả. Người chết không trẻ, cũng không bao giờ già ốm, ngày tháng chỉ rong chơi. Và nhãng hẳn cái sự lấy vợ.

Bao nhiêu năm tháng đã qua.

Một hôm tôi vẫn vợ về làng. Thấy người ta nói chuyện ở ngoài chợ: “Hôm qua, vợ lão Tần ra mua con gà thề hương đem lên trại cho lão. Lão Tần đã phải xoi mấy cái Tết ông Công ông Táo ở nhà pha rồi nhỉ?”. Nghe ngóng mới hay lão Tần đi tù đã mấy năm rồi mà không biết. Sớm tối trần gian cứ nhoáng một cái nhanh như mới hôm qua, thảo nào cái thẳng ma tôi chẳng biết gì cả.

Tôi lên trại giam trên Sơn Tây thăm Tần.

Dãy nhà một tầng lụp xụp, trại tù ở chân núi, trông ra cánh đồng chiêm. Ngoài kia, lồm bồm, nhấp nhô trên mô đất một con mòng két đương đứng rửa lông. Một đàn vịt rúc ráy trong gốc rạ chiêm đã thối mủn lờ mờ trên mặt nước. Bên đìa nước, một người chẵn vịt tựa lưng vào gốc cây nhãn. Như cái nấm rơm, đầu chụp chiếc nón mê. Thỉnh thoảng, chiếc que vẩy lên xua cho vịt khỏi đi ăn xa, mới không ngỡ là thẳng người rơm bù nhìn.

Cơn gió đồng sâu trong chân núi Ba Vì thổi ra. Người chẵn vịt ngẩng mặt giữ cái quai nón, khỏi ngật. Ồi giờ ôi, đấy là thẳng Tần. Vẫn thẳng Tần mặt nghiêm nghiêm, chỉ khác nước da bệch như giấy, râu ria xồm xoàm giống ông Lý Thiết Quài trong tranh.

Tôi gọi réo lên:

- Tần! Ối Tần!

Tần bỏ nón, ngẩng hẳn mặt:

- À mà... Mà...

- Tao lên chơi với mà đây.

Tần thông thả nói như vẫn dở câu chuyện với tôi từ bao năm nay. Tần nói:

- Hôm mà ở Diêm Điền ấy mà, chúng nó nhốn nháo đòn hội chợ. Chẳng may thì mà ăn đòn chết chứ tao mà đứng đấy thì tao cũng nghèo rồi. Người ta đánh tao hay đánh mà cũng thế, cũng là thẳng đi thu mua cả.

Quả là tôi chậm hiểu. Nhưng bây giờ tôi lại hiểu rộng ngay ra rằng nó đánh mình, thẳng thu muối hay thẳng “mậu” lợn thì cũng bị đòn đánh thế vậy.

Tôi bảo:

- Hồi này mà xanh quá, bệnh tật gì không?

Tần cười như mếu:

- Ngồi tù thì còn chề chén liên hoan đâu nữa mà phúng phính mông má. Mà tao năm nay sáu mươi năm rồi. Cũng ưu tiên mới được các chú quản giáo cho ra chẵn vịt. Mấy lý thân tàn ma

đại thế này thì chạy lên giòi hay chạy xuống âm ty với mày cũng chẳng ai quan tâm mình trốn đâu.

- Đói không?

- Lúc nào chả đói.

- Tao đi tìm mua cái gì về đánh chén nhé!

- Ra chợ, chợ kia kìa.

Tiếng lợn kêu eng éc chân tre đằng xa. Thoạt đầu tôi giật mình tưởng lại lợn xộn tiếng lợn, tiếng tôi bị đòn gánh hự vào ngực, vào cổ ằng ặc, ở Diêm Điền năm nào. Bây giờ vẫn còn sợ. Nhưng sau nhớ ra mấy lâu nay ở các đầu xóm lại thường có người mổ lợn đem bán chợ. Nhà có khách hay đến các lò mổ để mua lòng về nhắm rượu sớm. Nhắm rượu với lòng lợn nóng sốt lúc mới bảnh mắt là cái thú của người có tuổi trong làng ngày trước. Một dạo, các ông nhà “mậu” đã làm lung tung mất cả thói quen ăn uống của người ta.

Con lợn đương được làm lông, trắng nhẽ nhại trên mặt chõng. Cổ lòng non, lòng già, lòng tràng, lá gan, miếng phổi sôi sùng sục trong chảo nước xuýt hành răm. Người ta lại được mổ lợn sáng sớm đầu làng. Cái trò khiêng lợn thật đi bán rồi ngửa tay nhận chiếc giấy phiếu ra chợ mua thịt lợn khác đã bỏ từ lâu rồi.

Tôi mua nửa cổ lòng tràng, cái cổ hũ, miếng gan và một quăng ngon nhất ở cổ lòng non. Chỗ hàng bún, có cả bún lá, bún cối chứ không độc một thúng bún rối như dạo trước. Thế ra ở trên trần hồi này đậm ra lắm cái hay. Tôi bỗng thoáng tiếc đời.

Tôi xách về gốc nhãn một bọc, cả mắm muối, chanh, ớt. Lại một xó rượu. Thằng Tàn trở hai con mắt đã lơ lơ, vén mái râu ria lên, nhìn chòng chọc.

Rượu vào, lời ra.

- Về sau, tao còn thay mấy công tác nữa - Tàn như nói tiếp câu chuyện - Chín năm kháng chiến, ở cơ quan tao làm tổ xây dựng chuyên hạ cây, san nền làm nhà, làm lán. Cũng rửa rửa nghề đóng cối xưa chứ chẳng cán mai cán thuổng gì đâu. Khi cậu chết rồi, tớ đâm sợ. Đường đi nước bước khác thôi - không đi không kịp nhắm mắt. Tôi xin về thành phố công tác cửa hàng thu mua rau. Đầu tiên cũng lạ lắm, nhưng, đằng ấy biết đấy, đã là cán bộ thì việc quái gì mà không làm nổi, cái quái gì mà không kết luận, không có ý kiến được. Lợn nhà, cưa cây, đóng cối, thu muối, được tuốt. Ở đâu có áp bức... ở đấy có đấu tranh... cứ thế mà suy ra, mà nói, xong tuốt. Đần độn, lơ lơ như cậu thì nó mới vịn vào cái thân đến nỗi toi đời. Ác đấy!

(A ha ha! Chúng tôi cười rầm lên. Chẳng biết cười hay hét. Và cũng không biết cười vì cái lý thú gì).

Thế là thành tổ trưởng thu mua rau. Sớm sớm, những bó rau muống, rau cải, rau cần mùa nào thức ấy chất vào cửa hàng. Xưa nay, rau cỏ chợ búa khi nào chả thế. Ấy, đấu tranh... áp bức... đấu tranh là... Cái rau cũng đại khái như miếng thịt, như hạt muối. Nhà nào cũng ngày ngày ăn rau, người sắp hàng rồng rắn, đến lượt mua được bó rau muống, rau bí, mặt tươi hẳn lên. Xe tải đưa rau về xóm xít người mua, thế mà chập tối ô tô bóp còi toe toe, chở rau cải, su hào thối tống ra cống sông Tô Lịch, ném cho cá hồ Tây. Người sắp hàng mua rau mà rau vẫn đồ

đi, không giải ra được cái mâu thuẫn đấu tranh thế là thế nào, thôi mặc kệ, rồi cũng đầu vào đấy, không chủ quan thì khách quan, ngày ngày luẩn quẩn bản lên.

Nhưng công tác với mấy làng rau này thông thả, người ngợm không hung tợn như ở các vùng đất kẻ bể làm muối. Họ làm ăn gian dối hay không, cũng chẳng ai làm gì được người ta. Không muốn hợp tác mình gương mẫu, cũng không để mang tiếng bét huyện, bị trên chê trách, cũng chẳng bị nhòm ngó, cả làng chỉ muốn đừng ai đến hỏi han tham quan, học tập. Các làng trồng rau này cũng thế. Bó rau muống râu ria sưng nước cả cuống cả rễ, chiếc cải bắp ngâm nước cho nặng cân, bó mùi già sắp nấu nước tắm được, sớm mai ném lên ô tô tải. Chẳng nhà nào, tổ nào mách lẻo, tố cáo ai.

Rau muống ruộng thì của hợp tác xã, rau muống ngon cây dưới rãnh sông Kim Ngưu, sông Tô Lịch thì của nhà quấy đi chợ. Ngoài đồng, các tổ trồng canh giới - rau dễ mọc như nghề - và các thứ rau dớn. Người thành phố bây giờ dễ tính và mũi điếc vớ được rau gì cũng nhai, không ngửi ra húng Láng, húng Sơn Tây, húng bạc hà; rau muống để luộc chẳng khác rau muống chẻ; tía tô hay là cộc giậu cũng vậy; hành hoa hành củ, lá kiệu, lá hẹ cũng rửa; ngổ ba lá, bốn lá, năm lá; rau răm hay lá cóc nhảy như nhau.

Rau thật, húng Láng, tía tô rau ngon được trồng vườn từng nhà đem bán, ở chợ thì đặt mẹt riêng, dành cho người sành ăn. Làm vườn nhà thì trẻ con cũng cặm cụi chịu khó cả ngày. Làm rau hợp tác theo kèng đi kèng về, xã viên ngồi đầu xóm sắp hàng theo tổ trưởng tổ phó đợi cả tổ cùng đi, lúc mặt trời lên bằng con sào mới ra đầu đồng. Như trò đùa. Biết người ta gian dối hai mang, tớ cũng không “góp ý kiến” cho rách việc, cứ im lặng mà thông dong, đến đâu thì gà, thì chó, cá chép hồ Tây cứ việc ngả ra...

Rồi không biết tại sao trên nhận ra tớ là cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm, có năng lực. Được đề bạt lên một công tác mới toanh, tầm cỡ ra trò.

Hồi ấy, ăn trộm dây điện là phạm an ninh và quốc phòng, ra tòa bị xử tù chung thân, xử bắn. Thế mà người ta vẫn cắt trộm. Dây điện thoại lên vùng nghỉ mát Tam Đảo không bao giờ thọ nổi một tháng. Ăn cắp như một tính người, hầu khắp các làng vùng trung du đã bỏ quang mây, quang tre. Gồng gánh ngoài chợ toàn quang dây đồng bền cổ tỷ.

Tôi bỗng được làm giám đốc mười hai cái kho dây đồng, dây cáp. Hóa ra mình có năng lực thật. Gì cũng làm được. Tôi làm chủ mười hai cái kho, tổng giám đốc chứ không phải giám đốc, chữ đánh máy giấy trên bộ bổ nhiệm hần hoi, rõ ràng.

Từ ngày xưa chỉ biết đọc chữ in, rồi sau xem được, viết được, mình cũng chẳng đọc sách đọc báo, thật tình chẳng mấy khi dùng đến chữ. Thế mà hóa ra càng ngày càng được việc, càng lên chức.

Kế toán, tài vụ, chánh phó văn phòng, nhân viên phụ động, lao công và máy chữ đánh rào rào. Lúc đến cơ quan, cả chục con người răm rắp đầu vào đấy. Bàn giấy to giữa phòng, trên đặt tấm kính dày một đốt ngón tay. Lúc ký, trông thấy bóng tay mình ngoáy một cái, đinh đặc ra phết. Chiếc máy tê-lê-phôn ngay mép bàn, a lô... a lô... Trên ba mặt tường, đỏ vàng rực rỡ bằng Lao động hạng nhì, hạng nhất, bên cạnh cờ thêu tua kim tuyến đội tự vệ. Cái đồng hồ không phải lên dây to bằng chiếc mẹt. Choáng quá, ngây ngất quá, thủ trưởng chằm chệch chính giữa cái ghế bành tay vịn như tay ngai, sượng đê mê. Chỉ mỗi cái “lọ ho” cổ hủ thì cái lọ ho đã được mạ kền

miệng bóng nhoáng. Nhưng dầu sao thì đây cũng là chiếc diều cày cổ lỗ không phải bao thuốc ba số. Tôi giấu chiếc diều cày vào cái ống thiếc sau chân bàn, như thùng tài liệu đặc biệt, để bên. Vắng khách, lấy lên, vỗ vỗ, ngửa mặt phà khói một mình. Ngày trước, bọn con gái ở làng nhử thuốc Lào chúng mình chẳng đã say như cóc, mà tối nào cũng rít đây, nhớ không? Bây giờ thì lão tù già ngồi chặn vệt sao mà nghĩ cái lúc thanh thời ấy ghê.

Nhà cửa tôi cứ hay mất lúc nào, không biết. Cơ quan xây hội trường, anh em khuôn đến chục bao xi măng Con Rồng bảo là còn thừa và rồi gạch lát sân, gạch xây tường hoa. Cơ quan có gì, nhà mình có cái ấy. Mặt tử li phòng làm việc đặt lọ cành hoa hồng giấy, mình cầm về mấy cành. Chiếc gạt tàn, cái xô đổ bã chè, gói bột ve xanh quét tường, chiếc cốc, cái chén, đủ thứ - cả chiếc bóng điện trong chuồng xí, một hôm ngẩng lên trông thấy, tiện tay vịn về, lại nhổ luôn cả cái rọ sắt. Nhà mình thiếu đèn ngoài cổng, phải đóng cái rọ đèn thế này, trẻ con mới không ăn cắp được. Công nhân làm trong kho uống nước chè tươi. Mình bảo “chè tươi vừa mát vừa bổ”. Thế là mỗi hôm đã thấy gói chè tươi, bọc giấy báo cẩn thận, chị lao công để sẵn đầu bàn, để thủ trưởng mang về.

Nhưng vẫn còn một điều nghĩ chưa ra. Thực sự năm ấy đã ngót nghét sáu mươi rồi, mà mình rút xuống chục tuổi, khai láo cũng chẳng ai biết đấy là đâu, nhưng thế nào cũng sắp đến năm “cầm sổ” về hưu. Trông trước mắt thế rồi, mà xem ra nhà cửa chưa hẳn đâu vào đâu, mà con cái thì còn những bốn năm cái tàu há mồm.

Câu chuyện cứ thao thao...

Quả là chén rượu sáng sớm với cổ hũ, lòng tràng đưa cay có cái thú tươi ngon nóng sốt riêng. Các cụ ta tài thật, cũng một ngụm rượu, mỗi lúc một khác. Miếng tràng chấm mắt tôm chanh ớt ròn sừn sực, ôi sao khoái răng đến thế. Dưới âm ti làm gì có cổ hũ, có húng Láng...

Tôi thú vị nhận xét với Tần thế. Tần bảo:

- Thăng chết chẳng nên ganh ghen với thăng khiêng. Tao cãi với mày làm gì! Từ năm đi tù, hôm nay tao mới được bữa hả thế này đấy.

- Ờ, cơm tù...

- Để tao kể nốt. Trong kho có nhiều dây cáp đồng hiểm mà mình thì sắp “cầm sổ” đến nơi. Đã cầm sổ thì nắm chè xanh cũng chẳng đưa nào giúi cho nữa...

- Thế là...

- Tao khai trước tòa rằng, kính thưa ba tòa, một đời tôi theo cách mạng, có cách mạng tôi mới có cái chén, nôi cơm, đôi dép, nắm chè tươi. Nhưng tôi nhận thấy giám đốc Đinh, đại tá Ất, cán bộ Bính, ông nào trước khi về hưu cũng làm một quán. Về hưu tay trắng đâm ra hèn, mà tôi đương cai quản hàng chục cái kho. Tôi không ăn cắp. Tôi chỉ ngu đi bắt chước người ta. Mấy hôm nợ tôi hoang mang. Bây giờ thì tôi nghĩ ở tù hay ở nhà cũng thế. Tôi không chống án, tôi bằng lòng tù, tôi xin không chống án, mong tòa thương thông cảm.

- Tòa bảo thế nào?

- Tòa bảo gọn lỏn một câu: Hai mươi năm tù.

- Cái hồi ấy là cậu không may thôi.

- Không may làm sao?

Tôi nói:

- Bây giờ dưới âm phủ trên dương gian không ở đâu xử tội ăn cắp vặt mấy cái dây đồng nữa. Tòa đương bạn quá, nhiều việc quá, không đủ thì giờ, không đủ nhà pha...

Tần kêu lên:

- Thế thì sướng, chết khỏi phải tù, tao chết đây.

- Chết cũng không sướng bằng thằng phó nhỏ. À phó hai, này anh phó hai ời, anh đôi ời.

Chúng tôi bỗng nhớ ngày xưa. Chúng tôi gào lên:

- Cối, cối ơ!

Be rượu đã được tu hết tiết, chồng vộc cái chai, lại càng động lòng thuở ấy. Hai đứa lom khom bước vòng quanh, huơ tay lên múa hề mỗi hề gậy.

Thú vị tình thâm

A ha thú vị tình thâm

Lấy phải con vợ đái dầm

Thú vị tình khai... Thú vị tình khai...

Trong xa, những người gác cổng trại nghe tiếng lao xao ngoài ruộng, nháo nhác chạy ra. Tần vẫn đương múa hát rất khoái.

- Cối, cối ời *Thú vị tình thâm... Thú vị... tình khai...*

Một người quát:

- Thằng tù già này điên à?

Một người lội xuống đếm đàn vịt dưới ruộng.

- Thiếu một con! Thiếu một con vịt!

- Cái thằng sắp chết này ăn cắp vịt đi mua lòng về uống rượu.

- *Thú vị tình thâm...*

Một người túm áo Tần, dựng cổ lên, đẩy đi. Tần bật lên như con ếch nhảy. Mắt tròn, hai má phồng lửa tủa râu ria, vẫn rao to: Cối, cối ơ!

Chưa quên cái nghề đóng cối. Mà từ thuở lọt lòng đến nay chúng tôi thật sự chỉ có mỗi nghề ấy, quên thế nào được. Tần lại chồm lên, hai tay vồ xuống đất réo lên: Cối, cối...

Bất giác, tôi cũng: “Cối, cối ơ.” Song chẳng ai nghe biết tiếng ma.

Nước mắt

Cả làng đồn ầm lên về chuyện cụ Văn ra ở với cái Mái. Chuyện được thêu dệt, thêm thắt mãi ra.

Vốn là cái Mái bơ vơ ở đâu đến, khi nó chỉ trạc mười tuổi. Nó là con gái thì người ta gọi nó là con Mái, như con gà mái, rồi thành tên. Hồi ấy, các làng phải chạy máy bay Mỹ. Cái cầu ngoài đường bị bom bắn, các làng hai bên đều tan hoang. Người bỏ đi, người đâu đến, người chết vì hố bom chỗ nào không ai biết, gốc gác cái Mái cũng trong mớ chẳng chịt hỗn độn ấy, chẳng ai để ý đến nữa.

Lại thêm một nỗi là con bé ấy câm. Rồi đến năm được bình yên, con Mái nhớn nhao lúc nào. Có người chột để ý cái Mái hay cười, má lúm đồng tiền, người ta mới dần dần nhận ra con bé đã lớn. Ai nói gì, trò chuyện thế nào, Mái không đáp lời được. Mái chỉ cười. Đói rách khổ đến điều mà lại hay cười. Lúc ngồi không, lúc đi làm mướn, cuốc vườn, rào vườn, đi cấy, thấy người là thấy khuôn mặt tươi tỉnh, nét miệng cười, hàm răng trắng tẽnh.

Một hôm, có câu chuyện lạ theo chân những người đi chợ.

- Này, con Mái chữa ỉnh bụng ra rồi, biết chưa?

- Thiên hạ nói dăng dăng, bây giờ đặng ấy mới biết thì có!

- Ừ, thế mà tớ mới nghe đấy, chán chưa. Cái con bé toàn đi ở nhờ, ăn cơm nhà người, bây giờ phình bụng thì có nhà đưa nào dám chứa, mang tiếng chết!

- Phải hỏi cho ra đứa nào!

- Ai hỏi? Chủ tịch xã hay bí thư đoàn?

Tiếng cười hê hê râm ran dọc đường.

- Khốn nỗi, nó lại mắc cái tội không có mồm!

- Ấy thế mới rầy rà.

- Câm thế mà cũng biết, nhấy?

Ở trụ sở ra ngồi hàng nước, ông Văn “à” một tiếng rồi quơ chiếc diều cày. Khói thuốc tỏa ngạt trắng cả gian nhà. Ông Văn gật gù, trầm ngâm. Có người nói to:

- Đánh đố xem tìm ra đứa nào lòng thông với cái Mái? Cược gà hay cược tiền, tiền nhé?

- Thôi, hai buổi cày.

- Cày nó hay cày ai?

Lại cười ầm lên.

Cả đám con gái trong làng hay xét nét nhau từng ly từng tí cũng không mấu cứ vào đâu mà đoán được. Chẳng phải như ngày xưa làng nước ăn khoán bắt vạ, gọt gáy bôi vôi, đem trời vào bè chuối trôi sông, nhưng mà trong làng xóm thì bao giờ cũng thành câu chuyện cửa miệng.

Rồi việc cứ đâm ra nghiêm trọng lắm thôi dần, khi mà trong một cuộc họp liên tịch ban nếp sống văn hóa, có phó chủ tịch phụ trách văn xã, cán bộ thông tin, các ông bên mặt trận, hội phụ lão.

Ông văn xã phó chủ tịch nói lý lẽ rạch ròi:

- Một là, việc khuất tất như thế, phạm vào nếp sống mới. Hai là, thằng đế quốc Mỹ tàn ác mới giết người, chứ ta không rẻ người, ta quý người. Tìm cho ra thằng nào trót đại với nó thì phải nhận trách nhiệm. Ba là...

Câu chuyện cái Má - thời mới không khinh rẻ đứa chữa hoang, chữa buộm nhưng đầu câu chuyện cho người ta giấu cọt thì nào ai cấm: cam đặc, diếp đặc mà cũng biết “tọ bung”, nó tọ bung ra sao nhỏ. Tở tường thế nào, rồi cả ủy ban, cả chủ nhiệm, lại đến dân quân cũng thấy có nhiệm vụ tìm tông tích, thế là cứ rối tăng tít bàn mà chưa lôi đầu ra cái hướng giải quyết, lại càng tấy lên không ra chuyện cười, không ra chuyện lạ, ai đi đâu cũng lảng vảng qua cửa đình, ra cổng đồng cốt gặp cái Má nhìn xem mặt mũi con bé bây giờ thế nào.

Bí thư đoàn được phân công gọi cái Má đến. Nhưng bí thư chưa có vợ, lại gọi sao được con cam, phải ra hiệu, phải dắt nó đi. Thế là đâm ngại. Bí thư có sáng kiến đến nhờ tay ông Văn bên phụ lão. Ông Văn giúp ngay. Hai người đi ra cổng làng, gặp Má ngồi ở đấy. Bí thư cười bậm môi lại, quay mặt đi, lúc ông Văn làm hiệu chọc chọc ngón tay vào bàn tay khum thành lỗ, rồi chỉ vào bụng Má, hỏi to:

- Mà chữa với ai?

Thoạt đầu, Má ngó ra, và ông Văn cũng thấy câu hỏi là thừa, đến khi ông Văn giơ tay làm hiệu lần nữa thì Má cười, cái cười ngẩn ngơ. Ông trở ngón tay cày cuốc xù xì vào bụng Má, nhưng vẫn quen miệng, ông hét:

- Ai ngủ với mày?

Hai má Má ửng lên. Má xoe tay kéo cái cặp quần, che bụng, như sợ người ta sắp bắt tụt quần ra khám. Thấy yên, Má lại ngẩng lên, nhìn ông Văn, cười tủm tỉm, như lúc nãy. Ôi chao, tội nghiệp con bé...

Ông Văn cúi mặt. Vẻ lúng túng, ngơ ngẩn, phụng phịu của con bé chẳng bận gì đến chuyện buồn nổi nhà ông, thế mà ông Văn bỗng động lòng. Bởi vì con bé kia cũng trạc tuổi này. Mỗi lần gặp ở đâu những đứa trẻ cùng lứa vậy, ông Văn lại nong nổi nguồn cơn, dăm chiêu thù ra. Cả nhà ông, vợ ông, con ông chết rồi. Ông bà chỉ được một mụn con gái. Hồi ấy, Mỹ đương ném bom rát cả đêm, khiến cho người ta hốt hoảng như là sợ rồi ra ai chết lúc nào không biết, chết không trông thấy mặt nhau. Ông cứ lo xa, lo vớ vẩn, đi đâu cũng loi thôi cả nhà, đi làm đồng, ông Văn đi trước, vai vác con dao phát bờ, lưng đeo chiếc lồng quả và phủ tàu lá thiên tuế úa vàng, trong có con chim gáy cổ cườm xanh biếc. Ông Văn nuôi con chim đã ngoài mười năm, con chim được xấp xỉ tuổi con bé, ngày ba buổi con chim cất tiếng đánh thức người, giục người đi làm nhó bữa. Con chim cũng được kể như người thứ năm trong nhà. Bà ấy với con gái và thằng rể đi sau. Con gái ông đương có mang, bụng thầy lầy như cái Má bây giờ đây.

Ruộng phơi ải mấy hôm, đêm qua mới có mưa, sáng sớm ra xem đã cày được chưa. Cả nhà lội xuống dọn đám cỏ rác, chưa cày bừa được, phải đợi trận mưa nữa bùn mới ngấu kỹ. Tiếng gầm

gù, rồi một đàn máy bay âm âm rút khắp cánh đồng. Mỗi người đứng yên lại giữa ruộng. Chẳng làm gì, chẳng sợ. Mà sợ cũng không biết chạy đâu. Chỗ nắp mọi khi trong cái lò gạch mới rở, tường lò đỏ rợn, máy bay cứ chui vào thả bom xuống những lò gạch, cái đường rở, cái đường nhả khói trắng bông. Chúng nó bay trên cao tưởng là những đàn tên lửa, phải triệt những đàn tên lửa, xong rồi máy bay vòng rộng ra, rải bom như rắc trấu, như tung thóc giống khắp cánh đồng. Cả nhà ông Văn chết vùi giữa đám ruộng xếp ải. Mỗi một mình ông bị hơi hắt ra rơi vào cái hố bom ruộng bên cạnh, cũng chẳng biết vì sao không chết ép, chết ngạt. Cái chết đến bất ngờ nhanh quá. Mãi sau rồi càng lâu lại càng ngấm, mỗi lần chợt nhớ cảm thấy buốt xương sống, thấm thía cái đau từ đây thui thui. Lắm khi, đôi khi trông thấy mớ tóc con gái ông, rồi thì con mắt nào đăm đăm, tươi tươi cũng là mắt nó, rồi thì đứa con nào cái dải tai xệ dài phúc hậu như tai Phật, “ngày sau con bé này đã thọ, lại giàu nứt đổ nổ vách”, một ông thầy xem tướng nói thế. Cái đứa con gái nhà ai có đôi tai Phật đầy đặn vừa đi qua, ông Văn ngỡ là con gái ông, nó đấy, nó đi đâu về, nó sắp về, nó đã về kia kìa.

Hình như càng lâu càng về già, cái nhớ càng dai dẳng đeo đuổi, không nhăng đi được. Ông Văn trông cái Mái cũng thấy là nó đấy, nó đấy. Nhớ đến hoảng hốt, phấp phồng, trông thấy con sao mà buồn thế, con ơi!

Ông Văn run rẩy đứng dậy, bước ra, hai mắt xắm lại, đầu gối tê dại bước loạng quạng như trật khớp.

Những người ngồi trong hàng nước hỏi với ra, như đùa:

- Ông Văn đi đâu thế?

Ông Văn như chợt tỉnh đứng lại, lại vào bàn thần ngồi xuống, hai bàn tay gồ ghề khoanh lên đầu gối, rồi quơ chân lôi cái điều cày. Mấy người nữa còn hỏi cái Mái, hỏi lỡm chơi, chứ ai cũng biết nó câm điếc chẳng biết người ta nói gì. Bấy giờ ông văn xã - ông là phó chủ tịch, nhưng làng nước ai cũng gọi ông là chủ tịch, ông mặc kệ, không phải ưa phỉnh mà là tính ông ào ào, không để ý. Ông đứng dậy, trở tay ra cửa. Mái đứng dậy, bước đi. Nhưng ông chủ tịch và ông Văn còn nán lại, chuyển nhau cái ông điều kền làm khói nữa. Lấn vào làn khói, tiếng rít sông sọc, như cẩu kính, như kéo dài, cái bực bội vì chưa biết việc này sẽ ra thế nào.

Chập tối, nhà nhà đỏ lửa. Người ta cũng như con chim, con gà, sầm tối lên chuồng, cái vai cày và dây dợ quả bí, gánh ngô, người ở ngoài sông về đặt giỏ cá xuống, vắt bộ chài lên cột trước cửa, những tua mép lưới hoa lên, chum lại, lích rích, loảng xoảng. Vách bếp hở hút gió vào, kêu hu hú, tạt lửa bếp phật phật. Cũng gọi là bấy giờ mới yên ắng, chứ lắm hôm củi mới bén lại phải rụi, bất thần máy bay ào ào sát sàn sạt trên đầu. Vùng này như đường ra lối vào máy bay cất cánh ngoài biển, lắm khi nửa đêm, chúng nó đi ném đâu chưa hết bom, trút nốt bom xuống đấy, đến sáng, nhà nào còn sống thì ào ra biển ra sông vớt cá, có khi lại bị bom bi, bom nổ chậm giữa bãi, cái chết rình mò không biết đâu lường. Có đến năm mười năm nay thế rồi.

Hai, ba người lúi húi bước. Người không đeo túi xà cọt, người đi tay không đồ nghề, đoán là có công tác. Mọi công tác thời giặc giã, đến chập tối, máy bay chúng nó nghỉ ăn cơm mới êm ả đôi chút, thế là họp, là mọi thứ việc bắn lên. Trong nhà đã tối, ánh lửa nhấp nhoáng, tinh mắt mới nhìn tỏ mặt. Ông chủ tịch đã trông thấy và bước lại đầu nhà chỗ cái anh vừa cúi lưng trần xuống quăng vắt bộ lưới lên chiếc cọc rồi vào nhà. Anh ấy đứng lại, chấp tay: “Lạy ông chủ tịch

a.” Ông này không đáp, lồi anh ta ngồi xuống phản chống gian bên. Nhà không có ai, người ngoài đồng, ngoài sông chưa về.

Chưa hiểu những người chức việc và cả cái con cam đến có việc gì, anh ấy thông thả quơ tay lại sau lưng cột nhà, lồi ra cái điều cày. Ống điều này hai đốt tre đục liền đóng đã lên nước cánh gián. Ông Văn nói như reo: “Hút cái thẳng tre này êm thuốc, ngon hơn ống kền mỷ, tôi chỉ ưa điều cày này” rồi giơ tay đỡ điều, trong khi ông vẫn xả trở tay vào cái Mái thì trông vào đồng dấm nghi ngút khói đợt nồi niêu bắc lên đây. Mắt con cam ánh lên cái đói.

Ông hỏi anh chủ nhà:

- Mà làm con này to bụng à?

Rồi ông quay lại Mái, quắc mắt hất hàm một cái. Mái đã hiểu. Trong bóng tối nhấp nháy lửa trấu, Mái lại cười. Cái cười như lúc nãy. Mái vẫn cười thế, cái cười người cam bằng câu chào hỏi thường ngày.

- Mà làm bụng nó to...

- Ông bảo gì cơ?

- Tao nói rằng nó có chữa.

- Nó chữa với tôi á?

- Thế là đúng thẳng này, đúng mà rồi...

Anh nọ đứng phắt, với tay lấy cái bê chèo. Những câu nhỏ nhẹ thưa gửi vừa rồi đã biến mất, một cơn rít lên:

- Muốn sống thì dắt con trôi sông này ra khỏi đây ngay, ra ngay. Vợ tao mà về bây giờ thì tan xác cả lũ đấy. Đi không nào, đi không nào...

Chiếc bê chèo bổ xuống đầu cái Mái. Hai ông phải ẩn lên như đỡ chiếc cột nhà sắp đổ xuống, rồi ông chủ tịch phẩy phẩy tay xua cái Mái ra trước. Hai ông đã biết cái tính lửa Trương Phi của anh nhà chài này, có lẽ vừa chột quên nên mới hỏi đường đột thế.

Lại hùng hục ra. Gặp một bác cũng đã có tuổi, mặt rỗ hoa, vừa ở bến lên, cái khố đuôi lươn ngoe ngoáy trong khe hông, vai vác bộ gọng vò bê xếp lại, cụp xuống, bước loạng quạng, không biết những cái tay vó kéo chân người hay người đã say.

- Các cụ đi chơi đầu tối vậy?

- Đi hỏi xem đứa nào cho con bé này chữa, nó chữa rồi. Chú nhìn xem.

- Hay đấy! Nhưng nhìn thì biết ra sao, phải sờ vào, xin phép các cụ.

- Chuyện can trọng, không được ỡm ờ.

- Thôi vậy. Thế các cụ đã bắt vạ được đứa nào chưa?

- Có con chó!

- Thế thì thẳng này làm con chó vậy. Bao nhiêu ân oán cứ đổ cả lên đầu thẳng khố giải rút này cho các cụ chóng được phạt vạ ăn khoán cái lá đa con cam. Tôi mách nước cho các cụ đấy, nào

các cụ xê ra, con kia, tao đã ngủ với mày, bây giờ đi với tao, tao ngủ nữa cho mà xem.

- Không phải đùa đâu!

- A ha ha! A ha ha!

Bộ gọng vó gạt bác say ngã bệt xuống, mọi người mới đi qua được. Cả xóm lui hui lom đom lửa chấp tối, vừa ấm vừa buồn bã. Nhà nào cũng vào, những nhà có đàn ông và con trai - chịu khó về và dần dần ông chủ tịch biết giữ ý hơn, ông không thúc người ta mà chỉ kéo tay lôi cái con cầm ra giữa nhà cho mọi người ngó và ông hỏi nhẹ nhàng:

- Con bé này chữa hoang, ai...

Nhưng người ta lôi đình lại cũng chẳng kém.

- Ông chủ tịch, ông chủ nhiệm hết cái ăn rồi ạ, mà đành ăn bần thế?

- Này này đừng có bước quá bậc cửa mà xúi quẩy nhà người ta! Xéo xéo, các cụ ơi!

Những tiếng cười hích hích, ồ ồ. Cái Mái ngu ngơ cũng nhoén miệng, bước theo hai ông. Thế mà vẫn không nản, vẫn lăm nhăm vào nhà này, nhà này.

Mỗi nhà, ông chủ tịch chỉ trở, ra hiệu. Nhưng Mái vẫn ơ ra, lắc đầu, rồi thông thả toét một nụ cười, như vẫn mუმ mუმ sẵn. Bực quá, lại lôi ra.

Có biết đâu, không phải người ta chỉ khó chịu, chỉ thờ ơ. Những người già thì ngậm ngùi, rầu rĩ, đương nghĩ, đương nhớ gì khác chứ chẳng phải xót thương đứa con gái tàn tật. Mấy cô hàng xóm ghé mặt sau vách đưa nửa con mắt nhìn vào. Vẫn thấy Mái, có lúc gật gật vu vơ chẳng nhằm ai, có lúc lắc lia lịa. Nhưng chỉ cái cười ơ hờ của Mái, người đương cái kính cũng thấy thương. Con bé cầm chỉ biết cười, làng xóm vẫn thương hại thế.

Nhưng rồi Mái không ở nhà ai nữa, mà mọi khi thì Mái chúi vào đâu cũng được. Rước vào nhà một đứa chữa buộm, khác nào bị kẻ thâm thù yểm bùa vào hóc cột làm hại phải vận áo xám đến mấy đời. Nhẹ tính cũng phỉ phui như ra đường gặp gái, gặp rắn, đêm nghe tiếng con cú, con chim lợn thảm thiết kêu trên nóc nhà phải trở dậy đốt vía. Vả chẳng, bụng Mái khệ nệ dường như muốn nằm ổ đến nơi. Ôi chao, hai ông kia thì bận gì đến mà cứ lo cuống lên. Cái bụng tròn tròn con so mà xệ như thế, áng chừng đẻ con trai. Con trai đứa nào, con nhà nào, đời bây giờ rẻ người quá, mà không sợ quả báo, ác giả ác báo, không ai biết sợ nữa rồi.

Mái không đi chặt cây, không chém lá chuối, lá dừa làm cái lớp được. Cũng không còn nương nấu quanh quần cồng làng, tam quan đình. Dân quân du kích lo nhớ đêm hôm nó “vỡ chum” ra nhà đền, nhà chùa uế tạp nơi thờ cúng. Như những con chim sâu con con, lúc chấp tối tìm nấp vào nách chiếc lá ngái, Mái nghĩ được cách chui vào bụi tre. Giữa lúc nọ có một bụi tre điếc không gai, lưa thưa cây nhưng rậm lá, đêm đêm Mái vào ngủ ở đấy, lâu dần nền đất phẳng ra, Mái nhặt những chiếc mo nang đem lật ngửa nhẵn lót những chỗ gồ ghề. Thế cũng xong cái ổ, con người cũng như con bồ các tha rơm rác về làm tổ.

Các vị chức việc lật đặt, cuống cuống, rồi cũng chẳng làm gì được, lại tắt bật đồng việc bọn bề khác trong làng. Còn cái Mái mỗi hôm vẫn theo người ta ra đồng, xuống bến, sang chợ, ai nhớ thì làm đỡ một tay, có khi ngồi chực việc ngay đầu ngõ. Người ta chửi cái thằng phát cuống nào

đã đề con cầm này ra, rồi lại thương đem cho Mái củ khoai, cái ngô như bố thí làm phúc kẻ khó.

Năm ấy tiếng súng, tiếng bom vẫn dội qua đầu oàng oàng rồi rơi xuống bóng tối chỗ nào không biết. Nhiều khi thâu đêm giết mình. Mỗi năm, hình như đến mùa đánh nhau to, huyện lại về tuyển quân. Có khi người đến đông nghịt, trên tuyển quân hay những đơn vị vào mặt trận trú lại đợi dân công, chỉ thấy bộ đội sang các vườn hỏi mua hoa bí đỏ. Làng nước ra mít tinh tiễn rồi cũng đi luôn, người ta đếm nhà nào mấy người đi, mấy người đi. Đâu cũng nhộn nhịp. Úp chũm đơm cá, làm cỏ lúa, đánh luống, lại đến mùa bắc giàn dưa chuột, nhiều khi đem đổi các thứ cho bộ đội lấy cái áo, manh quần lành. Rồi đi tải gạo, khiêng cày phá, nòng súng dài to, những hòn đạn, những bao ni lông thức ăn khô, có khi trèo vào dãy núi chân trời kia đằng đằng cả tháng chưa trở về. Năm trước cái Mái cũng đi dân công nhiều bận. Người làng đem câu chuyện vui về làm quà mà kể: Cả tháng mà có đơn vị không biết cô gái cầm, cho là nó cả then, lại có người đổ cho nó lên mặt ra cái điều ta đây mỏng mày hay hạt, khinh người không thèm nói. Thế có nổi đời không! Vừa rồi, trong núi hết mùa mưa, dân công ồ ạt đi ngày đêm. Mái vào ủy ban, hoa tay lên đòi đi vác đạn. Ấy là đã bị bắt đi ở bụi tre rồi đấy. Ông chủ tịch phải lôi Mái ra lấy dây chuối buộc chân nó vào gốc tre, làm hiệu cấm không được đi. Dân công làng kéo qua, Mái khóc theo. Nhưng ai dám cho cái bêu diếu ấy vác bụng đi, để hàng tỉnh, hàng huyện người ta đeo mo vào mặt làng này a!

Ấy việc nhà việc chợ, việc nước từ những cón con, ai ai cũng cứ vừa vất vả vừa thanh thoi vừa to tiếng vừa thì thảo. Dầu sao cũng là vất vả mà không mấy khi nhớ ra, chỉ có ông bà già mới đôi lúc nhắm lại cái giống lúa lùn hạt nhiều nhưng kém rơm rạ gieo từ năm nào, đã sắp đến dịp tảo mộ đi thắp hương đắp mả, đánh dấu cả những nơi chôn người chết, dường như thế mới tính ra đã mấy cái Tết bom đạn. Cũng vì tuổi tác hay đông đếm thế thôi, chứ giá có thông thả lại đâm ra mong những con cháu, anh em chồng con đi chưa biết bao giờ về. Làm sao mà tính được, hôm bom bắn gầm gừ thâu đêm, hôm thì yên trời.

Rồi Mái đẻ được một đứa con trai. Cũng không ai biết cái Mái ở cỡ khi nào, sao mà mẹ tròn con vuông như người ta được. Một hôm, đi ngoài nghe trong bờ tre có tiếng trẻ oe oe. Người ấy, rồi người nữa xuống bãi tạt vào xem, đến trưa về làng, ai cũng táo tác hơn hờ “Cái Mái đẻ rồi! Cái Mái đẻ con trai! Thằng bé kháu đáo đấy”.

Rồi ai đặt tên cho đứa bé là thằng Gà, ai đặt, từ bao giờ. Mẹ là Mái, tên con là thằng Gà, cứ như là tự nhiên phải thế. Ô! Nhưng mà cái tên dễ nghe với nhau, và mai sau, nếu thằng bé không có cái máu cầm thì nó hiểu được chắc ông bà nào phúc đức khéo nghĩ ra những chữ con gà con què hiền lành như thế. Trong gốc tre vẫn ngày tháng ấy có mái mẹ, giờ thêm thằng gà con. Mái xin đâu được mảnh vải, ngày ngày địu con trên lưng. Có khi đi làm mướn đến khuya mới về, trên đầu máy bay địch với cao xạ ta đấu nhau sấm sét ầm oàng. Mái đứng dung đi trong làn chớp xanh lè như đèn thấp viền suốt dọc sau núi đằng xa. Đập đoạn được thửa đất ải gieo ngô dưới bãi, mới địu con, vác vồ theo ánh bom đạn lần về cái lều bụi tre.

Năm ấy, nhiều người đi bộ đội lâu lắm không có tin tức, tưởng chết rồi, bỗng nhiên thấy đeo ba lô, đội mũ cứng, nách ôm con búp bê nhựa màu hồng to gần bằng đứa trẻ con, biết mở mắt nhắm mắt. Các anh ấy bảo miền Nam đã giải phóng rồi, thằng Mỹ chạy trốn hết rồi. Dần dần thấy ra quả như thế, lâu nay không nghe tiếng bom phía nào, tàu bay ngoài biển cũng không rền rẹt vào nữa.

Bao nhiêu năm, con trai con gái vợ cả làng đi các mặt trận, thấy bảo vào B thấy bảo sang C. Còn ở nhà thì máy bay bắn cháy mấy làng liền - chúng nó như con chó ngộ, muốn cắn đâu thì cắn. Chẳng vì cái nhẽ gì. Những cánh đồng tun hút hố bom như đào giếng. Mỗi nhà một cái hầm ngoài lũy, bờ chuôm, bờ ao, ở hầm chữ A cũng bằng ở nhà trong xóm, lâu ngày thành quen lẫn lộn đêm với ngày, không ngờ dùng một cái, yên ở đâu rồi đến lượt ở đây cũng yên. Nhà nhà dọn, khuôn dui mè, phá khuôn hầm, bao nhiêu nồi niêu, các thứ nắm mớ váy áo, chính nước cáy, cả những chiếc lồng chim gáy - cái đồng hồ sống - tất tật được khuôn về xóm. Làng mạc lại phẳng lặng như ngày nào. Chỉ những khi có cái giấy báo tử, bằng liệt sĩ, bằng Tổ quốc ghi công gửi về, ủy ban mít tinh rồi kiệu rước đến từng nhà, lễ truy điệu đông cả làng, đám ma đầy mà người phát biểu không buồn như đi đám ma.

Chỉ còn mỗi mẹ con nhà cái Mái vẫn ở lều ngoài bụi tre. Mái chắc là chẳng biết đất nước đã bình yên. Mà cũng không ai nhớ lo liệu giúp đỡ cho nhà nó cái gì. Thấy người ta rậm rịch. Mái cũng vội vội, tất tả, khi trong xóm, khi ngoài bờ tre. Mái khuôn vác đỡ nhà người. Chẳng phải đợi ai vẫn nhờ, Mái thấy cái vác được, cái đem được, Mái đến ngay. Vai quẩy, đầu đội, tay ve vẩy, thằng Gà nhấp nhô đầu sau vai, lại còn vỗ lưng mẹ, hét làm như cưỡi bò. Mái vẫn tươi cười thế. Ai hỏi, ai đùa với thằng Gà sau lưng, mẹ ngỡ như với mình, cười hon hớn. Chẳng khác nét người lòa khi trò chuyện thường chăm chú, nghiêng tai hóng đợi, nghe ngóng, lúc nào mặt cũng vui vui.

Có nhà khiêng cả vùng đất to bằng chiếc thúng vái một cây chanh đã được lú quả và cây mít cao bằng đòn gánh, về trồng lại trong vườn nhà. Quang cảnh phá bỏ mà ngỡ như làng nước sinh sôi, sắp lập thêm xóm trại, xóm hổng, xóm đồng. Mẹ con nhà Mái chẳng có nhà cũ trong xóm, Mái đi cắt mấy ôm cỏ tranh về dọn lại cái mái lều. Bây giờ xóm giềng mới nhớ ra. Người ta động lòng thương mẹ dại con thơ, mỗi người một tay, người ra vườn tre nhà đẵn mấy cây, có người giúp đắp cái nền lều nhích ra chỗ quang đãng gần địa nước, không chui lủi giữa bụi rậm rịt nữa.

Rồi thường ngày lại như mọi khi, Mái đi làm mướn, những việc ai sai và được ai bố thí cho gì ăn nấy. Cũng như xưa rày quần áo xin được, nhặt được, loang lổ trăm mụn cà sa. Thằng cu Gà đã biết lon ton theo mẹ. Xóm làng tự nhiên coi nó là một thằng người như mọi đứa trẻ được sinh ra. Cái hốt hoảng về việc con cầm chừa buồm, cái xấu hổ làng nước, những câu chuyện cười cợt rỉ tai lây như chuyện tiểu lâm, chuyện cười thì cả các nhà chức việc và mọi người phai mờ đã lâu. Mái lại như mọi người ta. Mái ra ao cất vó tôm. Mái đi ra luống ngô. Gặp người, cái cười mỉm của cái con cầm là câu chào hỏi. Trước cửa lều, Mái đan các tay tre làm giàn một dây bí phấn. Qua mùa hạ, những trái bí phấn đồ sộ như quả mít phải làm rọ đỡ cho khi bão gió đánh đổ giàn. Hôm thấy bí, mẹ con Mái khuôn từng quả ra đường cái ô tô để chồng đóng ven vè cỏ. Cũng chẳng kém những người trong làng bê thúng quả chanh, quả bưởi, hũ mật ong, buồng chuối, quả đu đủ chín bày ven đường bán cho xe cộ qua lại.

Một hôm, ông “Văn hóa xã hội” đến rỉ tai ông ủy viên “mặt trận” xã. Rồi hai ông cùng ngẩng lên nhìn nhau, mắt quắc lố đáo.

- Này... hình như cái con cầm... Mặt nó đại đại. Bộ dạng nó uểnh oãng thế nào... Hay là...

- Hay là làm sao?

- Nó lại chữa!

- Kệ xác nó, nó có thân nó lo.

- Nói thế chứ, ngơ sao được. Nó lù lù như cái mả mới giữa làng... Mà ông là ủy viên xã, chẳng khác chủ tịch làng ở thôn này à, ông để cho trẻ con cũng chửi được vào mặt à?

Thật thì nói cứng và bãi ra vậy, nhưng ông Văn cũng không yên bụng. Ông nghĩ: “Rầy rà quá! Rầy rà quá đấy!” Ông có trách nhiệm chứ. Rồi chẳng biết thế nào, bối rối, lúng túng. Ông hỏi lại:

- Làm thế nào?

- Phải kiểm tra lại thực hư, ngộ nhớ tôi có nôn nóng sai sót.

- Kiểm tra thế nào?

Vậy là hai ông cung cúc ra ngoài lũy. Cái nổi chữa hoang, lệ làng chỉ một phép đem cạo đầu bôi vôi, trói nằm ngửa thả bè chuối trôi sông, cả đến những người vào tuổi như các ông cũng chỉ nghe kể lại câu chuyện thương tâm từ đời thừa nào và cũng không ai tin lại đã có chuyện quái ác thế. Lúc ấy, mẹ con nhà Mái đương ở trong lều. Mái bắc bếp rang ngô trong một mảnh nồi đất, ngô nở lụp bụp. Cu Gà đương đùa như vật nhau trên ổ rạ, cu Gà cù nách mẹ, hai mẹ con chốc lại cười khanh khách, tận ngoài bờ đìa đã nghe cheo chéo. Chỉ có hai ông là đương nghĩ phải có khuôn phép, có luật pháp, còn xung quanh thì hình như thiên hạ cứ bày hây ra.

Ông chủ tịch với ông Văn đã vào trong lều. Cảnh đầm ấm dù chỉ là cái vui rơm rác, ông Văn cũng mỉm lòng nghĩ xa, ông ngược mắt nhìn vào những chân tre ken thành bức vách sau lều. Ông chủ tịch giục:

- Thế nào!

Ông Văn mới sực nhớ. Thăm tra thế nào? Ông phải hỏi và trả lời với người đàn bà câm. Lòng sốt sắng cũng khiến ông có sáng kiến ngay. Ông Văn ấn ngón tay vào bụng Mái, thế là vật áo tuột khuy, hở cái lỗ rốn đen sì giữa nền bụng trắng hếu. Ông Văn dứ nắm tay vào mặt Mái, Mái ơ ra, rồi Mái lắc đầu, mỉm cười. Thế có nghĩa là nó bảo ông: “Không, không sao”. Ông Văn hỏi sang câu khác, ông loằng ngoằng bàn tay về phía làng, ra phía đường cái tây rồi lại ấn tay vào bụng Mái. Ông im lặng đợi. Mái giơ hai tay cả hai phía ấy rồi lắc đầu. Thế là nó bảo: Ông Văn ơi! ở trong làng, ở ngoài đường không có đũa nào ngủ với nó, không có, không có.

Nhưng trông bộ dạng, thì đích xác con bé này lại chữa rồi. Kiểu như nó, máu chữa trâu, vài ba tháng bụng đã phưỡn lên ngực, chỉ ít hôm nữa, bụng vượt mặt. Hai bên hông mào đen rậm như mực Tàu lại xéch một vệt lưới mào, tướng mạo ấy thì lúc nào cũng nằm ngửa sẵn, bụng càng phềnh càng ngứa ngáy. Họng thở nhấp nhô gấp gáp, cái thai trong bụng cũng thở, hai người thở một cổ họng, hỗn hển rõ mồn một. Mà ông cũng đong được cái tính đàn bà hay nói dối vật và dai dẳng, dẫu có ngày mai trở dạ thì hôm nay có căn vặn nó vẫn bai bãi: Không, nó không sao, nó không chữa với ai cả... Thế mới khó.

Cáu quá, chủ tịch sốt ruột hộ ông Văn, ông quát:

- Mà lại chữa với thằng nào?

Cái Mái cười. Ông kia biết mình lỡ lời với con điếc, nhưng nó đã nghe tiếng, nhìn cái miệng

ông mấp máy, nó biết ông hỏi gì, thế là nó cười cười lắc đầu đánh trống lảng. Hai con mắt him lại, miệng nhỏ nhẹ, cặp môi không ăn trầu mà đỏ như bôi son cứ áp vào má người ta, thỉnh thoảng nhìn thấy và nhận ra, ông chủ tịch tảng lờ quay mặt. Thế này thì còn khối thằng chết với con cam. Nhưng mà không được, không được, phải truy cho ra, nó cứ sồn sồn nằm một, nhớ cái lại sinh đôi sinh ba mà không biết thằng nào tưng tưng thì cũng bỏ mẹ cả. Cái tội, cái trách nhiệm này đổ cho ai? Xã hội ta có trật tự và trách nhiệm, bây giờ lại còn vi phạm dân số, kế hoạch hóa gia đình, thế thì lại chết. Phải cho dân quân rình. Nhưng bụng ểnh ra thế kia rồi, canh gác vuốt đuôi còn “thâu tóm” nổi gì. Bỗng dưng lại mù tăng tí, rồi canh họ.

Ông Văn nói đồng dục. Cũng chỉ là hai ông nói với nhau, trong khi cái Mái ơ mặt, nó biết các ông nói việc quan trọng.

- Đứa nào, phải tìm ra đứa nào, bắt nó nuôi vợ con, con người chứ có phải củ chuối đâu, tình cảnh thế này xót con người lắm, ông ạ. Tôi có kế hoạch rằng đem tuốt cả con trai trong xóm ra trụ sở cho cái Mái nhận diện. Tập thể đấu tranh ngay tại chỗ, dứt khoát không thể lọt, không thằng nào núp mặt lẩn đi đâu được, làm thế nào, ông ơi!

Mảnh vỏ bom làng treo trên cành cây mít lạnh lạnh vang từng tiếng từ chiều. Mọi người đã quen, đếm tiếng keng biết họp gì, không phải loa phải báo từng nhà, họp ủy ban, họp tác, đoàn thể, mặt trận hay dân quân... Vả lại, tối qua thanh niên họp đã được thông báo. Lũ lượt kéo ra trụ sở, người ta lại ngỡ tuyển quân. Chắc không phải, tuyển quân không họp ban tối bao giờ. Và cũng như bất cứ cuộc họp nào, mỗi người ngồi đấy đều một công đôi ba việc. Người thì ôm theo bó lá thuốc vàng rộm, từng gân từng lá được tước ra để mai được nắng đem phơi, lá thuốc vàng đậm gân phẳng phiu không lỗ chỗ sâu cắn, chắc được thu mua loại A. Có anh vác sẵn bộ chũm, khuya họp xong rồi xuống sông đơm cá ngừ. Tiếng cười rinh rích trong cánh cửa trụ sở, ai cũng ngật nghèu cười: Phải khám cả các tên có vợ có con chứ. Những thằng chưa được gửi hơi đàn bà bao giờ như cánh mình thì còn khuya mới dám, chỉ có đứa biết mùi đời rồi mới liều thế, tở cam đoan...

Cứ nói vậy, ông văn xã và ông Văn cũng bỏ ngoài tai. Ủy ban triệu tập kia mà, định thế rồi. Số người ở quân ngũ thì vắng mặt, cả những người bỏ làng ra tỉnh kiếm việc, chỉ còn lại chưa đầy hai mươi trai tráng tuổi trong ngoài ba mươi. Chánh phó bí thư đoàn nam giới phải ngồi vào chỗ y như những người đến dự. Cái Mái cũng thằng Gà, hai mẹ con đã ngồi góc tường trong từ lúc chưa ai tới. Thằng bé lên ba đương tuổi nghịch, chẳng để tay không lúc nào. Con chọc cù nách mẹ, mẹ con cười nắc nẻ.

Ông văn xã vào ngay việc:

- Đứa nào làm cho con cam lại to bụng thế kia, trông nó đấy, đã đích xác chưa. Nam giới phải có trách nhiệm, không được lung tung, không được trốn tránh...

Ông ấy mới nói một câu chưa xong, ở dưới đã cười rộ lao xao lên một loạt: Đồng ý, đồng ý...

- Trật tự! Trật tự! Việc thứ hai...

Tất cả lại im lặng, con muỗi vo ve qua cũng nghe tiếng. Vừa rồi là những tiếng đùa cợt không phải lúc, bây giờ mới nhận ra có sự nghiêm trọng. Cái Mái thiếu não đứng lên dựa vào tường. Thằng Gà vừa đùa nghịch thế, đã ríp mắt, cời truồng nong nong ngủ bên chân mẹ. Mọi người

ngược mắt nhìn Mái kỹ lưỡng như xa lạ, như dò xét, biết đâu chẳng có đũa nào đương lo. Mặt Mái nhăn nhó, nhón nhác, không ra rứt rề, không ra lạ lờ...

Ông chủ tịch đồng dục câu hỏi lẫn lộn câu tuyên bố:

- Đũa nào thì đứng ra nhận, không phải tội, không phải nhục khuyết, không phải kiểm thảo.

Chẳng ai nhúc nhích.

- Thế thì khám từng người.

Chẳng biết ông định sai ai. Có người toan nói, nhưng trông mặt ông ấy rúm ró, cau có, lại không dám nói. Bấy giờ ông chủ tịch hô: Tất tậ đứng dậy! - Ông có giọng hô khỏe lắm, ai cũng giật nảy mình. Ông Văn lôi từng người, đẩy đến chỗ ánh đèn che lối cửa ra vào lỗ nhố mấy cái đầu trẻ con và cả các bà công con, xách giỏ đi đâu tối, cũng lên tò mò vào. Đám đàn ông đã đứng thành hàng. Ông chủ tịch quay lại nắm cái cánh tay áo rách tã của Mái, kéo xềnh xệch ra trước mặt dãy đàn ông. Lại hất hàm, tiếng to thật lực hỏi mỗi người một câu:

- Phải thẳng này không?

Tưởng như quát thế thì người đàn bà tàn tật cũng nghe được. Nhưng Mái ngẩng nhìn lên hai ông đương quàu quạu, đuôi con mắt mái lướt qua đám con trai. Chắc Mái không thể lường được hai ông chức việc đương hồi hộp và những người phải đứng kia thì lo toát mồ hôi hột. Mái mà gật một cái, hấn người ta túm vai lôi ra, thì toi thôi.

- Đũa nào?

Ông Văn làm hiệu như thầy cúng bắt quyết trừ tà chọc ngón tay vào bụng Mái, lại trở xuống háng những người con trai, lần lượt. Con mắt Mái lim him nhìn anh này lâu nhất. Anh ấy đóng cái khố bẹ đũa, một bên vai trần khoác bộ lưới, cả cái mình lẫn cá trắm và bộ lưới che nửa ngực đen trùi trùi như củ sừng. Không nghĩ rằng phải xem xét thế này, chỉ ngỡ hợp rồi ra lộ sông nên chênh mảng thế, và cái con cầm trờ trên ngấm kỹ thế. Ai mà đoán được Mái nghĩ gì, Mái cố tìm có phải dấu vết hơi hướng con người những đêm ấy chẳng, hay đương nhớ lại cái khi ai giày vò mình, ai? Nhưng rồi Mái mỉm cười, từ từ lắc đầu. Cái cười nhẹ nhàng như miệng cười con trẻ, không biết cái anh đóng khố “thoát nạn” đương nháy cợn lên. Mái lại nhìn mỗi người theo tay ông chủ tịch và ông Văn “Phải thẳng này không, phải thẳng này...” Mái im, nhìn lần nữa rồi Mái quay lại hai ông, Mái lắc đầu, một bàn tay úp lên mặt.

Thế là thế nào. Mái xấu hổ, toan bỏ chạy a? Hình như thế. Hai ông dang tay túm Mái lại. Lần này, Mái lại bị điệu đến trước mặt cái anh đóng khố bẹ chuối khô. Có phải không, phải thẳng này không?” Những ngón tay chọc chọc làm hiệu. Mái im. Mái lại lắc đầu. Rồi Mái ngồi xuống chỗ thẳng Gà ngủ lẫn lóc, rớt dãi nhoe nhoét hai bên mép nó.

Những câu hỏi trêu: “Thưa xong rồi ạ? Có phải nó không? Cho nó xem lại lần nữa, mới được, chưa kỹ đâu. Nó mới xem mặt, phải cho nó xem chỗ kia, chỗ ấy...” Rồi cả lũ cười khớ khớ.

Ông Văn nói:

- Các cháu không biết thương người ta. Các cháu thương người...

- Chúng cháu có được thương đâu.

- Chúng cháu mà bị nó gật thì được bỏ bố rồi.

Hai ông không nói câu nào nữa. Thế là mọi người ồn ào đẩy lưng nhau ra về.

Ông Văn thở dài:

- Đứa trẻ sinh ra phải có bố mẹ. Cái con cam cứ ngây dại thế này, bận này rồi bận khác, lại bận khác nữa, hỏng hết trật tự xã hội, ông thấy thế nào?

- Ông nói phải. Nhưng mà kẻ gian chỉ đi mò đêm nó biết đứa nào vào đứa nào, nhà ấy làm gì có đèn đóm.

- Nó đã ăn hơi nhau, không thấy cũng biết.

- Có thấy đâu nào!

Đến lượt ông chủ tịch văn xã thở thượt một cái. Nhưng rồi ông reo to.

- A! Ngoài đường cái Tây có bộ đội làm đường. Bọn ấy cũng hay la cà vào đây, khi mua gà quế, khi leo bờ bụi quơ ra láo nháo. Chuyên môn đủ đởn với các ả trong xóm. Ta ra ngoài ấy...

- Hôm trước họ đã vào chào địa phương để thu quân đi rồi mà...

- Chiều qua hãy thấy còn người.

Không phải bộ đội, mà đây là một đơn vị làm đường của ty giao thông tỉnh, đến gia cố cái cầu xi măng đường liên huyện bị bom mới chữa lại năm ngoái mà đã xộc xệch. Họ làm lán ở ngay ven đường. Đúng, công việc xong đã rút quân, chỉ còn lại mấy người với cái xe ba gác. Ngày mai thu dọn nốt, rồi đi.

Hai ông dẫn mẹ con nhà Mái ra chỗ bên cầu từ sáng sớm, tưởng người ta đã biết mà chuẩn trước cả! Một dãy lều dờ tiêu bạt, chỉ còn lỏng chỏng mấy chiếc cọc tre mới nhổ đương bó dờ cạnh chiếc xe bò chất ngổn ngang củi đuốc, hòm khóa và những bu gà. Có bốn người trong một lều chưa hạ. Một miếng ni lông và mấy mẫu gỗ kê quanh làm ghế ngồi. Những mảnh lá chuối lót thành cái mẹt đầy tú ụ lòng, gan, tiết, cổ hũ lợn vừa vớt ở nồi nước xuýt ra thái, khói nóng nghi ngút bốc che lấp cả cái can nhựa đựng rượu trắng to tổ bố, để đến vài lít. Bốn người thành một mâm đương ngất ngưỡng trong khi bên bếp nồi cơm mới tra gạo, nước sôi thành lỗ ùng ục.

- Ơ kìa hai cụ chủ tịch, chúng con kính chào hai cụ, lại cả mẹ con nhà cái cam! Chúng con vô phép hai cụ, hay là... vào cả đây, vào đây. Đi sớm ra ngõ mà gặp cửa rơi được là gặp may suốt phiên chợ đấy, các cụ ạ. Chúng con định đánh chén xong thì đẩy xe đi, thế này là ra ngõ gặp giai, gặp những hai cụ già. Hơ... hơ... Hôm rồi mới lên trụ sở, các cụ ủy ban đã cho túy lúy tạm biệt, hay quá, cái thịt cày cấy hay hơn. Nào mời cụ, mời hai cụ... Rượu với lòng lợn sáng sớm là ngon chí tử đấy ạ.

- Chúng tôi có công tác...

- Công tác cục tác thì hãy vào mâm đã. Không nài được các cụ thì chúng con sai cả ngày, đen cả tháng. Chẳng mấy khi. Bát đĩa đã sẵn, cả chục người nữa cũng vừa. Ờ lúc này tớ đã bảo dọn mâm thừa đĩa, thì thế nào cũng có khách, vậy y như rằng...

Hai ông đành ngồi vào.

- Mẹ con nhà mày nữa. Không hãì đâu, các cụ vào trước, vận đồ vào trước rồi, đàn bà vào sau áo xám cũng thành áo nhiễu điều. Nào, nào. À mà nó cầm lại điếc, nghe thế đếch nào được.

Một anh khôn lỏi đứng dậy hai tay xóc nách, luồn quàng cả vào vú về người ta. Cô Mái cứ rúm tréo khoeo, trẹo cong người lên. Cả lũ cười rầm rầm như xe qua cầu. Sau rốt mẹ con nhà Mái cùng ngồi yên được ở chỗ đầu nôi.

Kể ra, hai ông chức việc cũng là những bọm rượu. Ở trong làng, bánh mắt đã cất chén thì chỉ con lợn vừa ngả, bung ra mâm lòng lợn tiết canh nóng sốt đã trước là cái thứ nhất.

- Có việc liên quan đến các đồng chí...

- Trong xóm mới mất trộm á?

- Không, việc khác.

- Hai cụ cứ vừa xơi, vừa uống, vừa truyền đạt chỉ thị nghị quyết, chúng con xin nghe hết, thi hành hết. Rước cụ... Rước cụ... nhắm rượu và bàn việc khoái lăm. Chẳng mấy khi khách đến chơi nhà... à... à...

- Nói ngay công tác thì sống sót quá, nhưng mà cái việc phải thế. Cho phép nhé, xin lỗi nói nhé. Nghe đây này...

- Rõ!

- Đồng chí nào đã làm cho cái con cầm này bụng to thế kia thì nhận đi.

Cả bốn người toan cười om lên, nhưng chẳng ai bảo ai mà đã kìm lại được, bởi bỗng nhiên cũng lại nhận ra không phải chuyện cười, dẫu đã vật cạn lưng can rượu.

- Các đồng chí trông, khệ nệ rồi, đến ba bốn tháng rồi.

- Báo cáo cụ, đội chúng con chỉ mới về làm ở chỗ đầu cầu này được hai tháng mười một ngày, sổ báo cơm anh nuôi ghi đích xác, mà cụ bảo nó có chửa đã bốn tháng, thì...

Ông Văn chống chế:

- Con này chửa trâu, bụng bằng cái đó mẹ thế kia, nhưng chỉ độ hai tháng thôi.

- Bẩm thưa tại sao cụ biết ạ?

Ông Văn nói dẫn lên, lấy khí thế trước câu hỏi vặn hóc búa.

- Pháp luật ta bảo vệ thiếu nhi. Có đẻ phải có nuôi, mà trách nhiệm đầu tiên có như cái thằng bố.

- Bẩm cụ, con...

- Anh à? Anh ngủ với nó à?

- Không, không. Con chỉ định thưa rằng bẩm cụ nói đúng lắm.

- Thế anh nào, đồng chí nào thành khẩn...

Ai cũng lắc đầu “Không ạ, không ạ”. Có người chắp hai tay lom khom cung kính quì vái như diễn kịch trên sân khấu: Lạy hai tòa quan lớn, đền giời soi xét, con không dám ạ.

Ông phó chủ tịch nhăn mặt, không bằng lòng những trêu chọc nghịch ngợm như thế lúc này. Ông lập nghiêm vào việc:

- Vậy cho nó nhận mặt từng đồng chí...

Thế là cả bốn người bật lên như bốn thằng rồ. Cái mặt đỏ phừng, chân đứng vòng kiềng tay múa uốn lượn hát nghêu ngao quanh mâm rượu: “A... tình bằng cái trống cơm... là cái trống... cái... ai ơi! Ai ơi! Tình bằng là... khen ai khéo khéo... ừ hự... ừ hự... nên duyên...” Ông văn xã rồi cả mặt, không phải vì vài chén rượu vào rồi, tuy vậy ông không chịu nhụt, ông vẫn nhớ công việc rành rẽ lắm. Ông cũng đứng phắt, túm ngực áo từng người, kéo đến trước mặt cái Mái, chỉ trỏ quát: “Có phải mày ngủ với nó không?” Mái tùm tùm cười lắc đầu. Anh chàng nọ: Không, không, tình bằng không... đấy đấy... Mày có ngủ với nó không? Không, không... tình bằng không, tôi đâu dám... í a...

Chẳng ai nhận ngủ với Mái, mà cái Mái cũng chỉ lắc đầu. Mỗi tay, mỗi chân, mỗi miệng, lại ngồi cả xuống. Đã bớt ồn ào rồi, nhưng có người đi chợ sớm từ đằng xa, tưởng đám đánh nhau dưới này, tất tả chạy xuống xem. Chỉ thấy trong lều đám người nhồm nhoàm mời nhau trò chuyện ăn uống.

- Rước cụ. Răng cụ còn ác lắm, nhá cái cổ hũ này thì tuyệt trần đời. Cụ Bành Tổ này cũng thế, cắn đứt cả lưỡi người chứ đừng nói lưỡi lợn, miếng nọng sừn sực nhai sượng tai đấy ạ.

Chúng con cứ mong được nghấp nghé tuổi các cụ cũng còn khướt cò bợ. Xin cụ lại tiếp tục thông báo nghị quyết...

- Không rờn đâu. Vậy là kết quả không ai mắc khuyết điểm. Có nghĩa là các đảng ấy không phải thẳng vô trách nhiệm. Tôi đề nghị các đồng chí báo cáo lên ban chỉ huy xem những người đã đến ở đây hai tháng qua có ai hủ hóa với con bé tàn tật nghèo nhất làng. (Có mặt rượu nào nói to: Nghèo nhất loài người ấy chứ lý). Nếu có thì về giải quyết ngay, không sợ chúng tôi phiền hà, mà chỉ là người đi nhận trách nhiệm.

- Vâng ạ. Rước cụ, rước hai cụ cạ chén...

Rồi một người nói:

- Nếu không ai nhận thì khi nào cô này đẻ, xin hai cụ gọi một câu cho chúng con đem đứa bé về làm con nuôi đơn vị.

- Không được, cái gì cũng cụ thể. Đơn vị và cả tập thể nữa, không phải là cụ thể.

Từ nãy, mẹ con Mái mãi miết và cơm gấp cái ăn. Nồi cơm vừa chín, Mái bắc ra, xới tự nhiên. Xung quanh múa hát, tiếng bé tiếng to không biết. Bây giờ, tạm no rồi. Mái ngơ ngơ nhìn lên. Và bây giờ ông Văn mới nhìn đến mẹ con nhà nó. Ông Văn nói như giữa cuộc họp:

- Mọi người nghe đây, thế là, điểm một, mới hỏi các đồng chí ấy điểm một.

- Hỏi nữa ạ?

- Giờ sang điểm hai, cho hai bên đều có ý kiến, thế mới công minh, dân chủ.

- Thế là thế nào, hả các cụ? Rồi cả ruột, muốn ọ ra đây này... Ông chủ tịch văn xã sức nhớ ra, ông đón lời ông Văn và ông thao thao:

- Không, tôi không quên, mà tôi còn chuẩn bị. Mấy lý chẳng mấy khi được anh em thết, ăn cho xong cái đã chứ. Vừa ăn vừa giải quyết chuyện khó nhọc này nghen cổ lắm, đã bảo mà. Lúc này mới kiểm tra bình thường, bây giờ đến kiểm tra chéo, bình thường rồi chéo, chéo rồi lại bình thường, rà đi rà lại có thể mới tòi ra sự thật. (Có người nói đế: Tòi ra trẻ con thì có). Tức là thế này, mời anh đứng lên, ấy ấy, đừng đừng vội. Gọi đến ai người ấy mới được làm nhiệm vụ. Cái Mái sẽ đến trước mặt nhận diện từng anh một, nó mà gật anh nào tức là anh ấy có vấn đề. Cái gật lắc của nó là chuẩn, nó cầm lại điếc mà, hội nghị thông cảm.

Chuyện tưởng khó như cái tối ở trụ sở, bọn trai làng lý sự một lúc rồi mới miễn cưỡng đứng dậy. Đây hóa ra dễ ợt, nhanh tức khắc, nhanh ghê.

Một anh nhảy phắt ra.

- Xin thí điểm đây, mà phải toàn diện kia.

Con ma men cất giọng lè nhè:

- Cô ấy không nghe không nói được thì phải cho cô ấy nắn xem tôi có cái của sinh ra tội nợ ấy hay không đã, tôi xin vạch ra ngay, toàn diện là thế.

Ông chủ tịch và ông Văn phải hò hét khó nhọc một lúc mới cản được bởi cả ba người đã lồm cồm đứng lên “nhất trí” được kiểm tra toàn diện ngay. Ông Văn ý tứ mềm mại, không nổi lửa như ông chủ tịch, mọi người mới yên yên, đầu gối dấy. Ông thông thả chỉ tay vào ai thì con phải giớ ấy mới nhìn rồi trầm ngâm. Mâm vẫn đầy, rượu còn cả góc can, ông Văn làm việc đứng đắn lại khéo khôi hài, đôi chốc ông nói “Còn thức nhắm nhiều lắm, các đồng chí ạ. Nó mà gật ai thì người ấy phải bỏ dở bữa chén đấy, phải về trụ sở...”

Ai cũng nghe ra thế, dậm hoảng, cúi đầu vào mâm, rồi sờ tay lên ngực xem quả tim đập rồi lại hiếng mắt ra. Trong nháy mắt, ông Văn trở cho Mái từng người. Cơm rượu cũng phải chững lại, cho đến khi cái Mái từ từ lắc đầu mới lại tộp một ngụm khua đĩa chọn miếng cổ hũ, nhai gấu gấu.

Xong cả lượt rồi, một người ngược cặp mắt vắn đỏ trở ra, giơ nắm tay dứ vào mặt ông Văn reo to:

- A ha ha! Hai lão này... A ha ha! Còn hai lão này, hai lão này cũng có...

Mấy người, cất giọng khề khà, lại để chèo:

- Hai lão này thì làm sao...

- Có sao thì có “giăng” chứ sao. Các lão cũng đầy đủ, toàn diện như chúng ông đây. Buộc tội Thị Kính cho nhau à? Bắt cái con cầm này ra nhận mặt hai ông kỉnh, tìm la đồ cho trâu không được, phải khám hai cụ thể mới là công minh... cho cái con cầm.

- Hay! Hay! Hai cụ bo khỏe như trâu, răng một đấu, nhai cầm cặp thể kia...

Ông văn xã và ông Văn chưa kịp phân bua thế nào, mấy người đã cười hê hê đến xốc hai cụ lên. Rồi lại dặt cái Mái ra. Cái Mái bỗng nghiêm mặt, không tươi như lúc này. Mái quay lại đám người đương múa tay, nghiêng ngả hát ê a. Mái đến trước mặt ông Văn. Mái chăm chăm nhìn ông Văn. Mái ràn rụa nước mắt. Mái cũng nhìn thấy hai hàng nước mắt trong hốc mắt thâm

quăng của ông lão. Lúc đầu, có người còn tưởng hơi rượu bốc và cái cười làm chảy nước mắt.

Mọi người im bật, không múa may như hóa dại nữa. Ông Văn cứ ngậy mặt rồi ngồi rụi xuống, nhưng giọt nước mắt rơi cả vào hốc miệng. Cái Mái đứng đấy. “Con ời! Có phải con đấy không? Có phải con đấy không...”

Xế trưa, mới trở vào làng được. Ông văn xã say khướt, còn ngất ngư quay đầu lại lảm nhảm dặn với ai không biết... báo cáo... chỉ huy... xem thằng nào... Rồi ông lão chúi xuống ruộng như cây chuối tiêu đổ. Cái Mái chạy tới, vất vả mới vực được ông dậy rồi công ông đi, hai chân ông dài thông, quết đất. Thằng Gà, tay cầm cái mũ cối của ông, tay kia dắt ông bước lập cập theo, nước mắt ông Văn vẫn lã chã.

Lần ấy, cái Mái sinh con gái. Khoảng năm sau, đúng như lời ông Văn bói hờ, cái Mái lại chữa đẻ nữa. Cho đến khi, người viết chuyện này đến ở làng ít lâu - công tác xây dựng hợp tác xã, thì cái Mái đã thành người đàn bà nạ dòng được cả thảy sáu mặt con trai, con gái mà vẫn mù mịt, chẳng ai biết cái thằng bố chúng nó là ai. Lũ lĩ, đàn đồng mẹ con chui rúc ở cái lều tựa vào lũy tre. Các cụ bảo thế là cái máu người đàn bà mẫn đẻ. Thật xót xa, lại gần, lại lạ. Biết sao nói đây, nói ra thì buồn, nhưng quả là như thế, mới nhìn thấy mẹ con nhà Mái lại cảm tưởng như ngày còn nhỏ được chơi vườn Bách Thảo, đến chỗ nuôi hươu nai, con hươu mẹ nằm trong bóng cây, những hươu con nháy nhót, nhớn nhơ xung quanh mẹ giữa bãi cỏ xanh rờn. Hai ba đứa trẻ dưới bờ nước lấm như vùi, đùa chí chöhe. Chúng nó đang be bờ bắt con sắn sắt, con tép. Trong lều thì đứa bò, đứa chị ằm ru em ời ời. Mẹ câm, các con càng khỏe nói! Mẹ chúng nó ngồi như pho tượng bột mộc đương chẻ tre đan sọt. Những chiếc sọt thưa nan, công ty xuất khẩu rau quả ngoài thành phố về đặt làm. Lâu nay làng được nghề phụ đan sọt, làm chổi, cả trẻ em cũng kiếm miếng được.

Không biết xưa kia ra sao, bây giờ trông Mái vẫn còn đôi chút dịu dàng. Manh áo ngắn rách tướp, hai cánh tay trần trắng trẻo. Ở cái tuổi đã luống của tôi, con người như thế vẫn còn ròn rã chán, đêm hôm có ngủ nhờ, cũng sờ soạn đụng chạm được. Cái khổ cực một đời người có mờ mờ ẩn đằng sau, bởi Mái ngược mắt, đuôi con mắt đã rạn chân chim, nhưng ánh cười mĩm vẫn tươi. Ôi, ngữ này thì còn đẻ nữa, chẳng phải thầy tướng cũng biết, còn là sòn sòn.

Ngay năm ấy, Mái lại đẻ nữa thật - lạy trời, không phải nó đã đêm hôm với người cầm bút này. Nó đẻ con gái, ở cữ mới được mười ngày thì bị ốm. Cả tháng nằm ổ, mặt bôi nghệ vàng ửng, búng rứ.

Một hôm, ông Văn đến nói với chủ tịch văn xã.

- Cái Mái không dậy được, chẳng cơm cháo gì.

Ông chủ tịch chặc lưỡi, cười gằn hỏi lại:

- Hay nó lại ghen?

Hỏi lấy lệ thế thôi, ông cũng chẳng biết nó mới đẻ. Mấy năm nay, không còn hơi sức như ngày trước, chăm chú thông tin sốt dẻo thấy bụng nó khang khác, lại đi mời người đến dọa dẫm tra hỏi, nói gương đạo lý. Thế mà cũng chưa bao giờ lôi ra được đứa đã ăn nằm với nó, mà nó thì lắc đầu, ông cũng chán.

- Không phải nó ốm ghen.

- Nó ốm gì?

- Ốm đói thôi. Dạo này ngoài công ty hoãn đợt lấy sọt, chẳng lần ra cái ăn. Cả lũ đói vêu...

- Mặc xác nó!

- Ông với tôi xưa nay vẫn nghĩ cái đứa đáng thương, phải không?

- Nhưng làm thế nào? Thôi, thôi...

- Tôi đến bàn với ông đây. Tôi định ra ở với mẹ con nhà nó. Tôi có sào vườn, sức làm được. Có thể họa may mới ngăn chặn được thằng nào mất dạy. Tôi... tôi...

- Ồi, ông nghĩ thế á?

- Tôi không nghĩ ngợi gì đâu. Nhưng mà cứ như ma ám ông ạ. Có khi nào, có khi nào... nó là con tôi... ông trông cái mặt nó, cái tóc nó, cái dáng nó... Con gái tôi mà trời để làm người đến bây giờ thì cũng trạc này.

Hai ông trân trân nhìn nhau đến lỗ mắt như chưa bao giờ trông thấy nhau. Cuộc đời chìm nổi của những người có tuổi bao nhiêu đau đớn khổ ải, đọng cả ở đấy. Hai ông già nắm vai nhau, nước mắt rùng rùng.

Ngày ngày, ông Văn đem ngô, đem gạo ra cho cái Mái. Ông ngồi ăn cơm với mẹ con Mái. Tự dưng, ông Văn ăn được có lưng cơm, kém mọi khi. Có lẽ trẻ đùa cười quá; mỗi hôm, ông phải đánh dẹp chúng nó ông mới lại ăn được. Nhưng mà ông vui. Đến khi trời trở mát, ông Văn vớt tre và song mây rồi vào dỡ cái nhà ông trong làng ra. Lúc ấy Mái mới thật tin ông Văn ra làm nhà ở đây với nó - con cảm tin một mình. Mái nhìn ông, nước mắt ứa chan hòa. Ông Văn phải ngoảnh mặt đi.

Người làng hỏi nhau:

- Lão Văn ở với cái Mái a?

Rồi cười ran.

- Ông lão động cốn đã lâu rồi.

- Vậy là thằng ngoài cầu đường nói đúng. Cái Mái trông mặt ông dê cụ, nó sượng quá, nó khóc, thế thôi chứ gì!

- Vậy mà úp cá, tìm chim mãi, chim ở trong đũng quần lão chứ đâu.

Câu chuyện ông Văn ăn ở cái Mái đã thành chuyện mọi cửa, ở dưới bến, trong bữa cơm và chợ hôm, chợ mai, người ta truyền tai nhau. Không biết thực tế thế nào.

Ông Văn đem trồng cây cau liên phòng ngay trước cửa. Giống cau lùn này mần quả. Chỉ ít lâu đã buộc túm được cái tàu lá cho nước mưa chảy vào vại, hứng nước uống trời cho. Ngoảnh đi ngoảnh lại, đến tối trăng sáng đã ngan ngát mùi hoa cau. Thế nào mà đêm hôm ấy ông Văn mất ngủ vì mùi hoa cau. Hôm sau ông Văn đào cây cau lên, ông Văn vác cây cau tươi vào đặt nằm ngang chôn xuống cái hố giữa đồng, như chôn người chết. Không ai hiểu ra thế nào. Chỉ trông

cái lưng trần lợm khộm lê lết khiêng cây cau, nước mắt lẫn với mồ hôi, rỏ giọt.

Nào ai còn nhớ nông nổi nguồn cơn cái sớm hôm ấy, ông Văn cũng xác con gái ông về trong xóm trước tiên. Ông đặt nó bên gốc cây cau trước nhà - đương mùa hoa cau thơm dưng dưng thế này. Bỗng nhiên ngửi thấy mùi hoa cau, mùi hương đậm đưa ma. Con dơi bắt muỗi bay qua, như con chim gáy cườm xanh chết trong lồng, hồn chim lạc đâu từ dạo ấy bây giờ mới bay về. Cái Mái ngồi đương bẻ nan đan sọt, bóng nó lung lay trên vách theo ánh ngọn đèn dầu hỏa. “Con ơi! Con đã về ngồi đấy ư?”

1993

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>